

Tác Giả và Tác Phẩm

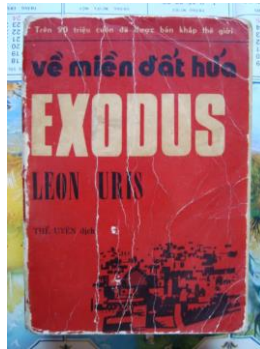
Thế Uyên (II)

Tiểu sử

Sinh ngày 16.3.1935 tại Yên Phụ, Hà Nội.
Mất ngày 11.6.2013 tại Bothell, Washington, Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Những hạt cát, Mười ngày phép của một người lính
Về miền đất hứa (Exodus)



Mục Lục

Người bác – 2

Thế Uyên, Thái Độ và những kỷ niệm rời - Nguyễn Tường Giang - 17
Trại Cẩm Giàng trong ý tưởng – 22

Phụ đính I:

Tình ca ranh giới sống/chết - Cánh chim sè trong vườn
Những căn nhà của tôi – Ngoài hành lang – Vẫn tháng ngày qua

Phụ đính II:

Những mối tình thế kỷ
Nàng Tố của Vũ Hoàng Chương
Thiên tình sử của thi sĩ Vũ Hoàng Chương

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Người bác

Đôi khi, sau buổi chiều ôm một tấm ván bơi lang thang khắp hồ Tây tìm củ ấu nước, tôi ngồi nghỉ trên bờ cừ kể cho mẹ tôi cuộc phiêu lưu trong nước vừa qua, bà ngừng giặt áo, nói với giọng giản dị: “Các bác ngày xưa bằng tuổi mày, đâu có nghịch đến thế!”. Giọng của bà không có gì là trách móc nhưng tôi cũng giật dỗi nhảy tùm xuống hồ, và chỉ lên khi trông thấy ba tôi xuất hiện trên đường làng Yên Phụ.

Đôi khi những ngày ngày-xưa được mẹ tôi nhắc đến qua những hình ảnh làm tôi thích thú nghe hơn: “Cây liễu này chú Sáu trồng khi mới tới ở đây. Du cùng tuổi với nó đấy”. Tôi nhìn cây cổ thụ thân nâu sần sùi nứt nẻ cành mềm rũ xuống mặt nước, cảm thấy một hãnh diện, một liên đới thân mật mơ hồ. Có sáng mùa đông, tôi lục tủ sách mang truyện ra, leo lên ngồi cạnh mẹ tôi đang khâu vá. Mẹ tôi nhìn qua cửa kính, vẻ mặt buồn, tôi nhìn bà, tiếng thuyền chài gõ trên nan tre qua cửa kính lọt vào phòng. “Chắc những ngày này bên Vân Nam có tuyết. Chẳng biết các bác có áo ấm không...”. Tôi vứt sách, nằm gối đầu lên đùi bà. Mẹ tôi mỗi lần nhắc tới các bác, giọng bao giờ cũng mang một nỗi buồn lo lắng làm tôi nghĩ đến những hiệp sĩ lâm nguy trong những truyện cổ tích. “Du cũng thích tuyết, bao giờ các bác về, mẹ nhớ cho Du đi theo...”. Mẹ tôi cười, sang dĩ vãng khác: “Mùa lạnh hồi trước, những ngày như thế này, các bác các chú thế nào cũng về đây, đốt lò than để ngay giữa phòng, uống rượu với mực nướng, ngắm hồ và cây liễu”. Tôi ngồi dậy dí mũi vào cửa kính lạnh, tò mò nhìn cây liễu trĩu lá, không hiểu nó có gì lạ để các bác phải ngồi ngắm.

Mùa hè, tôi và Lam suốt ngày bơi thuyền, lội dưới nước hái củ ấu, tìm hoa sen. Buổi chiều, ba tôi ở toà báo về, ba bố con vác cần ra câu cá cho mẹ tôi nấu canh buổi chiều. Mùa đông, hai đứa chạy trên những con đường lát ạch đỏ, vác gậy săn thằn lằn, leo cây đa cổ thụ để tưởng tượng mình đang làm thuyền trưởng trên tàu đi thám hiểm Bắc cực. Những khi thời tiết quá lạnh, bọn tôi ngoài giờ học, cạy tủ sách lớn lục đọc trộm những cuốn tiểu thuyết ba tôi chưa cho phép cầm tới. Vụ vi phạm này đến tai ba tôi, không biết hai ông bà quyết định ra sao, chỉ biết hậu quả là thỉnh thoảng tôi dắt hai đứa lên Hà Nội, đến toà báo, - thế giới thần tiên của tôi và Lam. Hai anh em đứng hàng giờ nhìn máy in chạy, táy máy lấy chữ xếp tên mình cho tới khi ba mẹ tôi từ phòng các bác xuống, dẫn bọn tôi ra Thủy Tạ. Hai ông bà ngồi uống rượu nóng pha chanh, hai anh em sốt ruột ngồi trước đĩa lạc: chồng tiểu thuyết ba tôi trao cho Lam ôm từ lúc rời toà báo đang nằm trên bàn chờ đợi. Tôi dùng thìa vớt những miếng chanh nóng, bỏ vào miệng ngậm, luôn luôn giục mẹ uống mau hết rượu. Sau đó gia đình tới một hiệu sách quen. Lam đặt chồng tiểu thuyết trên quầy, lúi húi biên những số tiền dài trên một tờ giấy. Tôi để mặc Lam, chạy đi chạy lại ngắm những tập *Truyện bá*, *Tuổi thơ*, những tập sách Pháp in hình Bạch Tuyết có đôi mắt to cắn quả táo đỏ bự. Khi Lam và chủ hiệu đã cộng xong những con số, hai anh em bắt đầu chọn sách. Ba tôi mang một số sách của Nhà xuất bản Đời Nay đến để bọn tôi đổi lấy những truyện nhi đồng. Tôi xếp một chồng cao trước mặt, mở trang đầu, truyện nào bắt đầu bằng hai chữ “Ngày xưa...” mới chọn. Khi trở về làng, trời lạnh cóng, tôi nhìn thấy từ xa ánh điện lọt qua cửa sổ nhà, lòng đầy háo hức. Số truyện này đủ cho hai anh em bận bịu một vài tuần mùa đông khỏi chọc phá các em hay chui vào bụi săn thằn lằn. Đến khi số truyện nhi đồng đọc hết, khi Lam bắt đầu cạy tủ sách lớn tìm *Hồn bướm mơ tiên*, là mẹ tôi sửa soạn quần áo dẫn hai anh em tới toà báo. Bà lại lên gác gặp các bác, tôi và Lam lại đứng ngắm máy in. Lại những miếng chanh tắm rượu nóng bỏng, hiệu sách và ban đêm trở về, mong ngóng từ xa ánh đèn cửa sổ nhà.

Ba mẹ tôi có một quan niệm đặc biệt về giáo dục con cái: không có một kiểm chế nào. Ba tôi làm quản lý báo *Phong hoá*, *Đời Nay* và Nhà xuất bản *Đời Nay*, suốt ngày ở toà soạn. Còn mẹ tôi, ngay từ lúc Lam chưa tới mười tuổi, đều coi hai con trai như đã lớn. Thỉnh thoảng, Lam được mẹ tôi sai về thăm bà nội ở làng Bằng Hà Đông.

Chỉ có một chiếc xe đạp nên chỉ có một mình Lam được đi. Tôi ngơ ngẩn ngồi trên cây đa đầu làng, đợi Lam về. Chiếc xe đạp sau một chuyến đi xa, lúc về bao giờ cũng mang đầy những món quà đồng quê. Tôi nhận thấy mỗi lần Lam đi như vậy, mẹ tôi có vẻ bồn chồn lo lắng. Bà ngồi khâu trên bục gạch dưới bụi tre, chờ đợi. Tuy thế không bao giờ bà tìm cách cản bọn tôi trong một cuộc phiêu lưu dài ngắn mà óc tưởng tượng trẻ thơ của tôi và Lam có thể nghĩ ra được. Có lần hai anh em mượn canoé của nhà thuyền gần nhà, chèo sang thăm gia đình bác Long ở biệt thự làng Thụy Khê bên kia bờ hồ. Biệt thự bỏ không, chắc đã hết hạn thuê, tôi và Lam trở về không được. Sóng to và gió ngược chiều. Những cánh tay còn non của hai đứa không đủ sức chèo về, phải nằm lại đó tới chiều, ba tôi cùng bác cai thuyền sang kiểm. Gần tắt nắng mới về đến nhà. Từ giữa hồ, tôi đã thấy mẹ như một vệt trắng bất động dưới gốc cây liễu. Mắt bà đỏ hoe nhưng không nói gì cả, ôm tôi, - lúc đó mệt nhoài, vào nhà. Bà đã tưởng bọn tôi chìm thuyền ở đâu rồi. Sợ bị ba mắng, tuy ông cũng chẳng nói gì, bọn tôi chừa đi chơi xa được ba hôm. Đến hôm thứ tư, Lam mua hai súng cao-su, rủ tôi mượn thuyền đánh cá hàng xóm đi săn ven hồ, mẹ tôi lại cho đi.

Các bác các chú, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam... chưa hề xuất hiện suốt thời thơ ấu của hai anh em trong làng nhỏ tứ bề nước bao quanh này. Các người đó, chỉ như những hình ảnh tương tự các nhân vật thần thoại. Các bác “làm báo”, viết văn, “làm cách mạng”... Những danh từ ấy chưa có nghĩa gì cả đối với tâm hồn còn đơn sơ của tôi. Trong thời kỳ tản cư sau 1946, gia đình tôi luôn luôn di chuyển. Mẹ tôi cất nghĩa: “Tại các bác chống ông Hồ”. Tôi và Lam cũng không hiểu rõ gì hơn, chỉ thấy phục các chú và bác như phục các anh hùng trong truyện. Có vậy thôi, vì tới khi trưởng thành, hai anh em mới thực sự tiếp xúc và biết mặt những người bác thần thoại ấy – những người dám chống các “ông Tây” dám chống “bác Hồ”, những người làm thơ văn dưới gốc liễu và ngắm tuyết rơi bên Tàu.

Tới năm 1945, 1946, tôi mới bắt đầu trông thấy các bác các chú. Khoảng thời gian này ba tôi ít khi về nhà, hai ba ngày liền không rời toà báo. Lam và tôi không yêu bố nên không khó chịu. Đôi khi Lam có hỏi, mẹ tôi trả lời vắn tắt: “Ba bận làm việc với các bác”. Tuy nhận xét còn non nớt, nhưng tôi cũng nhận thấy dân làng giành cho gia đình tôi nhiều kính nể hơn mức thường. Tôi khoái trí vì leo vào vườn ông lý ăn trộm ổi không bị chủ thả chó ra đuổi, mượn thuyền đi chơi hồ dễ dàng. Một buổi sáng, tôi và Lam đang leo lên nóc nhà treo cờ đỏ sao vàng lớn kèm theo một chuỗi nhỏ cờ các quốc gia đồng minh, mẹ tôi gọi: “Về giúp mẹ, chiều nay bác Tam đến ăn cơm”. Tôi và Lam chờ đợi cả buổi trưa ở đầu làng người bác “làm cách mạng bên Tàu” mới về.

Khi bác ngồi trong ghế uống trà ngắm hồ, tôi ôm cột nhà ngắm bác. Dưới cái nhìn trẻ thơ hồi ấy, người bác cao lớn mắt sáng không làm tôi thất vọng so với hình ảnh vắn tưởng tượng. Tôi chỉ tiếc một điều sao mũi bác đỏ quá. Hiệp sĩ anh hùng tôi đọc trong truyện không ai có mũi đỏ bao giờ. Tôi đưa ý nghĩ ấy ra lời nói. Cả nhà cười và bác cất nghĩa lý do tại sao mũi lại đỏ. Tôi không nhớ rõ những cất nghĩa, chỉ nhớ hình ảnh bác ngồi trong ghế, ánh mắt nét mặt tươi sáng nhìn hồ Tây chiều hôm ấy. Cách một thời gian, một buổi chiều lạnh, gia đình tôi đi uống rượu rồi lang thang trên các vỉa hè Hà Nội. Một đoàn xe dừng lại trước một toà nhà lớn ngay chỗ gia đình tôi sắp đi qua. Bác Tam bước xuống, trông thấy chúng tôi. Bác lại gần bắt tay ba tôi, nói vài câu. Tôi đứng sững nhìn người bác cao lớn mặc áo blouson da đen bóng loáng. “Bác làm Bộ trưởng.” Trong ý thức trẻ con, tôi chỉ biết bác không kém gì bác Hồ tụi nhi đồng ca tụng hằng ngày. Còn ngoài ra, tôi không hiểu gì hơn. Đó là lần chót tôi gặp bác trong tuổi ấu thơ. Gần sáu năm sau, tôi mới gặp lại con người phiêu bạt ấy.

Vài tuần hay vài tháng sau, tôi không nhớ – đối với tuổi thơ thời gian chưa có nghĩa gì cả, chú Bách về thăm. Trong các bác các chú, chỉ có Chú Bách, em trai út mẹ tôi, là chúng tôi biết rõ

nhất. Chú từng về ở với gia đình tôi mỗi vụ hè. Đêm chú học đèn đèn sáng. Nhiều lần tôi cương quyết thức cho tới khi tắt đèn. Nhưng mắt tôi bao giờ cũng sụp xuống rất nhanh, chưa lần nào đợi được để biết chú thức đến mấy giờ. “Chú học thuốc”, mẹ tôi nói vậy. Lũ chúng tôi, Lam, tôi, Lan và Liên rất yêu chú. Chú hay dẫn bọn cháu đi chơi xa, kể chuyện ma cho nghe. Những chuyện ma đại loại: “Ngày xưa có một con ma lưới dài 17km, chân dài 90km...” Tôi và Lam đã lớn không thích thú, nhưng Lam bao giờ cũng đứng bám vào thành ghế, nhìn chú, mắt tròn xoe nghĩ đến con ma “có lưới dài 17km” của ông chú trẻ tuổi. Chiều chiều, chú tổ chức chơi cá ngựa. Chú, Lam, Liên và tôi mỗi người một chuồng. Liên bé nhất, ngựa bao giờ cũng về bét, và bao giờ thấy thế cũng khóc nên chú đặt giải thưởng: về nhất ba hào, về nhì một hào, về bét hai hào. Giải thưởng kỳ cục như vậy có lý do: Lam và tôi bao giờ cũng tranh giải nhất và chú thì chỉ thích đá ngựa của tôi và Lam. Mỗi lần xúc xác ra số phải đá ngựa Liên, chưa cầm quân, Liên đã rưng rưng nước mắt nên chú đặt thêm lệ: “Ai đá ngựa Liên phải bồi thường một hào!”. Bàn cá ngựa với những luật lệ kỳ khôi ấy làm bốn chú cháu say mê suốt những chiều hè.

Hết hè, chú lên Hà Nội học tiếp. Thịnh thoảng nhớ quá, Lam dắt tôi và Liên lên chơi. Đến chú là một phiêu lưu nhỏ. Có khi leo cầu thang, Liên đứng đầu với một con rùa to bụng đang thò đầu ra nhìn Liên ngạc nhiên. Lần sau đến, thêm ba con rùa nhỏ xíu. Chú bảo: “Con rùa lớn đẻ ra đấy”. Chú vẫn vui tính, nhưng thôi không kể chuyện con ma “có lưới dài 17km” cho nghe nữa và cũng không đưa bọn tôi đi chơi phố. Chắc chú thấy lũ cháu không hấp dẫn bằng những cô gái chúng tôi gọi bằng chị mà mỗi lần tới, lại thấy một chị khác. Bẵng đi một thời gian lâu, đến hôm nay chú mới trở về làng trong một không khí, tuy còn ít tuổi tôi cũng nhận thấy, nhiều đe dọa. Chú đi với hai người hộ vệ. Khi thọc tay vào túi áo blouson để tìm kẹo, tôi lòi ra toàn đạn súng lục. Chú đưa tôi và Lam coi súng, tặng mỗi đứa một viên kẹo đặc biệt đó. Không biết chú nói gì, mẹ tôi im lặng nghe, vẻ mặt buồn bã. Khi chú về, Lam và tôi tiễn chú đến đầu làng, không thể ngờ có lẽ đó là lần chót chúng tôi gặp chú trên đời.

Chiến tranh Việt – Pháp bùng nổ, ít lâu sau, gia đình chúng tôi tản cư về vùng Hà Đông. Ba mẹ tôi không hề nhắc, và cũng cấm chúng tôi nhắc tới các bác các chú, và luôn luôn thay đổi chỗ ở. Một lần, mới đến một làng ít lâu, Lam, Liên và tôi được mời vào ban nhạc của huyện. Đêm liên hoan đang vui, bọn tôi vừa ca xong một bản, thì xướng ngôn viên giới thiệu màn hài kịch “Nguyễn Trường Tam ăn cắp hai triệu”. Tôi chưa có ý nghĩ nào, Lam đã lôi cả hai đứa về. Và ngày hôm sau gia đình gồng gánh đi làng khác.

Sau khi hồi cư, một buổi trưa ở Hải Phòng, nơi ba tôi đang làm việc, tôi nhận được thư Lam từ Hà Nội gửi về, báo tin bác Long đã chết ở trấn Thạch Long, Quảng Châu. Trong những bác chú, bác Long là người trước sau tôi chưa bao giờ gặp. Nhưng ba mẹ tôi luôn luôn nhắc tới, nhắc tới nhiều hơn bác Tam nữa. Do đó tôi hấp tấp leo cầu thang đánh thức mẹ tôi dậy: “Bác Long đã chết bên Tàu”. Mẹ tôi òa lên khóc. Ba tôi tỉnh dậy cầm thư đọc. Và ba tôi ngồi trên giường, tay cầm tờ thư, nước mắt giàn giụa. Tôi đã có lần thấy mẹ khóc, nhưng mắt chỉ đỏ chứ không như lần này. Còn ba tôi, thì chưa bao giờ. Trước cảnh ấy tôi sợ sệt bỏ xuống nhà. Hình ảnh ấy ám ảnh tôi, cho tới bây giờ, tôi còn có thể nhớ lại được cả một khoảng nắng chiếu vào tờ thư trên tay ba tôi. Lớn hơn, tôi mới biết rõ trường hợp chết của bác: ông đi họp về một mình, tàu đang chạy, ông gục xuống chết vì bệnh tim. Trường tàu đưa xá xuống ga Thanh Long để đó. Ngày hôm sau chú Bách mới tới được nhận xác và chôn ngay tại đó. Lúc ấy vào mùa đông, tuyết rơi phủ miền Nam Trung Hoa.

Tôi nhớ ba tôi có nói với mẹ tôi: Anh Long chết, chắc anh Tam sẽ bỏ chính trị. Lời dự đoán đúng vì một hai năm sau, bác Tam trở về nước và tuyên bố từ bỏ chính trị. Tôi gặp lại bác một lần khi rủ Th., anh họ đi bơi ngoài sông Nhị giữa mùa nước lớn. Khi trở về phố hàng Bè, vừa leo lên gác, bác gái đã la: “Thằng Du lại rủ thằng Th. đi bơi sông phải không?”. Bọn tôi chúi vùi phù sa còn bám đở trên mặt nhưng không ích gì. Bác Tam gái cùng gia đình ngồi trên xe hóng

mắt đã thấy bọn tôi chui từ lòng sông lên, mệt nhoài. Không biết bác Tam gái nói gì, chắc là kết tội tôi... “Cái thằng quý sứ ấy, cứ lôi thằng Th. đi suốt ngày, có phen chết cả hai”. Bác trai vào phòng, lúc ấy tôi đã 15 tuổi, đủ óc nhận xét để nhận thấy tuy ông nhìn tôi không nói gì, nhưng ánh mắt không có chút thiện cảm nào với đứa cháu “quý sứ nhất họ”.

Cuốn năm 1954, gia đình di cư vào Nam, bác Tam đã lên Đà Lạt và tôi bắt đầu vào tuổi trưởng thành. Tôi bắt đầu tìm hiểu các bác các chú qua ba mẹ tôi và qua sách vở. Lúc ấy tôi mới biết chú Sáu, người trồng cây liều cổ thụ là nhà văn Thạch Lam, bác Long là Hoàng Đạo, bác Tam là Nhất Linh. Cũng đã lớn lắm tôi mới biết các bác các chú là anh em ruột của mẹ chứ không phải của ba tôi, sở dĩ xưng hô như vậy là vì ở nhà đã gọi bố mẹ là cậu mợ và ba tôi là người chót của dòng họ Cát làng Vân đình. Và cũng chỉ trên hai mươi, tôi mới bắt đầu thích thú khi biết ngoài dòng máu họ Nguyễn Tường, tôi còn thuộc một dòng họ Cát miền xa xôi nào đó. Niềm thích thú này làm ba tôi hãnh diện nhưng vì những lý do khác về sau, đi sâu vào quá khứ, tôi mới hiểu nguyên nhân.

Càng lớn dần, tôi càng hiểu rõ các bác các chú hơn. Tôi biết bác Tam là Bộ trưởng Ngoại giao đầu tiên trong chính phủ đầu tiên của Việt Nam sau Pháp thuộc, bác Long là Bộ trưởng Kinh tế trong chính phủ thứ hai, chú Bách phụ trách trong phong trào Thanh niên Ngũ xã chống Việt Minh năm 45, 46. Tôi cũng biết các bác làm báo *Phong hoá* lúc đầu ra sao, gặp những trở ngại gì, vai trò của ba tôi, của bà tôi.

Về con người công cộng, tôi biết bằng những tài liệu lịch sử và văn học (không bao giờ tôi thấy Nhất Linh nhắc tới quá khứ về bất cứ phương diện nào). Còn con người thực, con người khi sống với chính mình, với người thân của các bác chú, tôi biết qua mẹ tôi trong những buổi uống trà, những đêm canh bánh chưng ngày Tết, hay qua những sự việc giản dị hằng ngày. Giọng kể êm đềm của bà gợi lên những quá khứ kỳ ảo, khó khăn của những ngày ngày-xưa, những ngày bà còn là một cô gái bé sống giữa bốn ông anh và hai em trai ở phố huyện Cẩm Giàng nằm ven đường thiết lộ Hà Nội – Hải Phòng. Tôi lắng nghe những dĩ vãng ấy dần dần với năm tháng. Những kỷ niệm, những truyện xưa trở lại cách khoảng nhau hỗn độn mơ hồ làm tôi đôi khi muốn hồi tưởng, muốn tạo một mạch lạc, tôi vẫn gặp những khoảng trống chỉ dĩ vãng sâu kín của mẹ tôi lấp được.

Gia đình mẹ tôi xưa nghèo, và trở thành khốn quẫn sau khi ông mất bên Lào. Theo mẹ tôi, ông là một kẻ sĩ thanh bình, đứng đắn, đứng mực. Cái chí bất khuất và thái độ can đảm tinh thần với cuộc đời của các con sau này có lẽ thừa hưởng của người mẹ. Bà buôn bán tần tảo nuôi bầy con ở cái phố huyện buồn thiu, cái không gian sau này xuất hiện tràn đầy trong tác phẩm của Thạch Lam. Các anh em trai đi học, mẹ tôi là con gái độc nhất nên ở nhà thay mẹ lo việc nội trợ. Một người con gái giữa sáu người anh em trai, sự kiện này cất nghĩa thái độ chịu đựng, khoan dung tài tình của mẹ tôi sau này đối với Lam và tôi, nhất là tôi, đứa tinh nghịch, hay gây rắc rối từ nhỏ.

Mẹ tôi bảo tính nết các bác các chú lúc nhỏ ra sao, lớn vẫn thế. Chú Thạch Lam mơ mộng, tế nhị, đa cảm, thì thưở nhỏ đã thế. Bác T. anh cả, bác C. anh thứ hai đứng đắn đứng mực, lúc lớn và tới giờ vẫn giữ đúng cái đứng đắn đứng mực của những người thanh bình trong xã hội như ông ngày trước. Mẹ tôi thân với bác Tam hơn cả. Khi mẹ tôi ngồi già vùi vùi, bác thường đến làm giúp, rồi lấy cơm trộn vào vùi vùi trong cối ăn luôn. Không biết tại bác giúp mẹ tôi, thấy vùi vùi thơm trộn cơm ăn luôn hay là tại ý riêng, nhưng mỗi khi lấy vùi vùi khỏi cối, mẹ tôi để lại một ít, lấy cơm nóng đổ vào cho bác. Lối ăn cơm này đã tạo cho bác cái biệt hiệu “Tam cối”. Bác mang biệt hiệu này cho tới khi lên Hà Nội học.

Bà tôi nhất định cho các con đi học, học thật cao. Kể cả mẹ tôi nữa nếu không cần người săn

sóc các anh em trai thay bà. Bà tôi đi cân gạo. Nhân vật và Nhị mẹ Trinh và cả không gian miền quê trong tiểu thuyết *Ngày mới* của Thạch Lam đều xuất nguyên từ thời này. Có lúc buôn bán khó khăn, bà tôi vẫn nhất định cho các con tiếp tục học nên đã phải chịu nhiều vất vả nguy hiểm. Lúc đó, người Pháp giữ độc quyền bán thuốc phiện cho dân. Thuốc phiện bán chính thức này cũng như rượu Văn Điển, không được ngon nên người dân nấu lấy bán cạnh tranh. Dĩ nhiên cơ quan thuế Đoan hoạt động tìm bắt những kẻ đã dám “cạnh tranh bất chính” với chính quyền bảo hộ, trong số đó, vào một vài tháng, có bà tôi. Bà tôi lao vào nghề với mục đích kiếm nhiều lãi cho các con ăn học, nhưng các con lại coi đó như là một trò chơi kỳ thú, một hành động chống lại các “ông Tây”. Những kinh nghiệm đầu tiên chống Pháp có lẽ bắt đầu có vào thời gian này!

Nấu thuốc phiện, dụng cụ không phải là dễ giấu. Do đó một hệ thống báo động được tổ chức chu đáo. Con đường hương lộ dẫn tới phố huyện Cẩm Giàng, thiết lộ mỗi khi tàu hoả đến đều được các bác thay phiên canh chừng mỗi khi bà tôi làm. Nhưng có một lần, tàu hoả đỗ ở ga vào phiên canh của Thạch Lam. Chủ đứng ở sân ga ngó một lượt, không thấy Tây Đoan xuống, thì la chú yên trí lên đầu đoàn xe, nằm dài ra ngắm đầu tàu. Trong khi Tây Đoan xuống phía bên kia đoàn tàu từ từ theo đường tiến vào bờ vây, Thạch Lam còn ngăn ngừa các cơ phận của đầu máy. Tuy vậy mọi sự vẫn ổn thoả vì hệ thống “ngăn chặn địch” được tổ chức chu đáo. Bác Tam xông ra hỏi tíu tit người Tây Đoan, trong khi bác C., anh thứ hai trong gia đình, bê tang vật chạy ra vườn giấu vào bụi tre. Kết quả phái đoàn quan thuế thất bại ra về, nhưng bà tôi cũng chấm dứt công cuộc buôn bán nguy hiểm này, trở về đi cân gạo. Dĩ nhiên vẫn nghèo và các con vẫn cứ tiếp tục đi học. Thời kỳ vất vả này cũng như không gian phố huyện miền trung du cùng các dân cư, về sau xuất hiện đầy đủ trong các truyện ngắn dài của các bác, nhất là trong những tác phẩm của Thạch Lam. Khi đã hồi cư, trở về Cẩm Giàng, tôi còn được mẹ tôi chỉ cho biết đây là nhà bác Lê, một bà cụ hay mua rượu của hai chị em Liên trong một truyện ngắn... Khung cảnh cũ không thay đổi là bao. Đứng bờ sông, chỗ bến Tiên, cũng thoáng tò mò muốn qua bên kia sông như Thạch Lam ngày trước để gặp một cô gái da trắng hồng trong một ngôi nhà tranh nào đó.

Trong thời kỳ nghèo khổ ấy, một tối hè nóng bức, bà tôi nói: “Sau này có tiền sẽ làm một cái nhà ở tí ngoài cánh đồng kia để hứng gió một mình!”. Nỗi bức tức này dễ hiểu vì những người trong phố huyện mong gia đình bà tôi sẽ suy sụp hẳn, các con phải trở về làm nông phu như các con cái họ. Sự cố gắng vượt lên làm họ ghen ghét khó chịu. Nhưng hai anh trai lớn lần lượt đi dạy học xa, kẻ Thái Bình, người Phú Thọ lấy tiền giúp mẹ và các em học tiếp. Rồi hai em trai đỗ, đi làm để hai anh dễ dàng học nữa. Cứ luân phiên làm việc và học như vậy. Sau cùng, chú Sáu vừa đỗ bằng tuyệt đối với Trung học phổ thông bây giờ, thấy các anh học cao hơn quá, bức mình nói với mà tôi mời ông lý trưởng một chầu rượu để đổi tên, đổi khai sinh tăng thêm tuổi thi nhảy Tú tài và đỗ năm 16 tuổi. Tuy thông minh nhất nhà, nhưng cũng lảng mạn nhất nên chú bỏ, không học cao hơn.

Dần dần nhờ các con lớn đỗ đạt, giúp đỡ và nhờ uy tín gia đình các con học cao, bà tôi giao thiệp dễ dàng hơn, buôn bán khá hơn. Khi vượt khỏi cảnh nghèo, bà tôi thực hiện ngay ước muốn một chiều nóng nực ngày xưa: bà mua ba mẫu ruộng cách xa phố huyện và làm nhà ở đó để “hứng gió một mình”. Dần dần, từ một căn nhà trọ vợ ngoài cánh đồng, với sự trợ giúp của các con, và kiên nhẫn thường nhật, bà tôi đã lập thành một cái trại xinh đẹp mà ai hay sử dụng thiết lộ Hà Nội – Hải Phòng thời tiền chiến cũng biết tới. Trại này đã giữ một vai trò quan trọng trong nếp sinh hoạt thông thường cũng như văn nghệ của Tự Lực Văn Đoàn và tập đoàn Phong hoá Ngày nay, căn trại đã được dùng làm bối cảnh cho một truyện trinh thám của Thế Lữ sau này.

Cái quá khứ nghèo khổ chật vật này, hầu như về sau không ai biết tới. Các nhà phê bình văn

học thường hay cho rằng thái độ của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam đối với dân nghèo cùng đinh là thái độ của kẻ ở trên nhìn xuống, là thái độ của người trưởng giả sung túc đố kỵ thương dân đói khổ. Đó là một ngộ nhận. Các bác các chú thực sự đã sống trong cảnh nghèo khổ thôn quê, và đã vượt lên khỏi là do sức mạnh tinh thần của người mẹ và tinh thần cầu tiến của các con. Nếu muốn cắt nghĩa bằng lý thuyết giai cấp, cũng chỉ có thể nói rằng các bác các chú thuộc giai tầng KẾ SĨ, truyền thống kẻ sĩ của Việt Nam. (Mọi phê phán phân tích của cộng sản và giai cấp tiểu tư sản đều không thể áp dụng cho tầng lớp kẻ sĩ này bởi vì một lý do giản dị: kẻ sĩ không phải là tiểu tư sản như họ gán ghép một cách máy móc theo quan điểm Tây phương).

Ngộ nhận này chính tôi cũng đã có bởi vì từ lúc bắt đầu lớn đôi chút, tôi đã “thấy” bà tôi trong căn trại lớn, “thấy” các bác các chú trong những bộ âu phục, trong những căn nhà ở đủ tiện nghi, trong nhà in toà báo đồ sộ. Và tôi chắc cũng tiếp tục ngộ nhận như vậy mãi nếu không có tiếng nói về dĩ vãng của mẹ tôi. Giọng nói của bà đưa Lam và tôi trở về căn nhà tranh xơ xác phố huyện Cẩm Giàng, trở về những ngày túng thiếu lo tiền học, tiền ăn. Nhờ có bà, hai đứa chúng tôi mới tin chắc tình thương mến, sự liên đới của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam với đồng quê với những người nghèo bị áp bức không phải, và cũng không thể là một sự kẻ trên sung túc nhìn xuống đố kỵ thương (như một bố thí).

Cũng nhiều người khác đã ngộ nhận về cả chủ trương của Tự lực Văn đoàn (trong cuốn văn học sử chính thức dùng trong các lớp trung học) là quá cực đoan với cái cũ, bất cứ cái gì cũ cũng đòi phá huỷ. Sự thực đối với tục lệ cũ, các bác các chú tôi không hề có thái độ cực đoan như vậy. Các ông đã chỉ làm một chọn lựa lại: xét lại tất cả các tục lệ bắt nguồn từ văn hoá cũ, chỉ đả phá những gì thực sự là hủ tục. Không những thế, trên thực tế còn đề cao, còn phục hồi những tục lệ thuần chất dân tộc. Thái độ đã được biểu lộ qua nếp sinh hoạt thường xuyên của căn trại nói trên. Bà tôi, khi các con đã lớn, lập gia đình riêng, lui về ở hẳn quê cũ coi sóc trại, đồng ruộng. Bà thuộc lớp người cũ, rất trọng ngày giỗ ngày tết. Nếu Nhất Linh đả phá cúng tế tại đình làng, thì đối với vấn đề thờ cúng tổ tiên, lại là người chu đáo nhất. Nếu giỗ tạp, để vợ con mang đồ cúng về. Nếu là giỗ cha, ông bà, các bác các chú đều về đủ mặt. Mẹ tôi không nói rõ các bác có lễ trước bàn thờ hay không nhưng nói bà tôi chưa bao giờ trách cứ các con về khía cạnh này. Các ông có tin ở hiện hữu của linh hồn hay không vào quãng chót của đời sống, tôi không được biết.

Nhưng mẹ tôi kể rằng bao giờ bày mâm ngũ quả, mẹ tôi cũng thu xếp bày hai mặt nhiều như nhau. Bày phía trước đầy đủ dễ hiểu vì là lễ thông thường. Còn bày phía sau như phía trước thì lý do “...để cho các bác lấy ăn mà bà không biết”, mẹ tôi nói vậy. Tôi không biết mẹ tôi nói đùa hay thật, nhưng tôi biết chắc một điều: tôi tin các ông coi việc thờ cúng tổ tiên chỉ có một biểu lộ cho lòng biết ơn và nhớ tới những người đã khuất. Còn ngày Tết Nguyên đán, có lẽ là Tự lực Văn đoàn lại ăn Tết với đủ tục lệ hơn ai hết. Ngoài thân thuộc, các ông mời cả ban biên tập *Phong hoá, Ngày nay* về trại. Kể từ 23 tháng chạp (ngày bốn cháu chúng tôi bắt đầu về) tới ngày mùng 3 hoá vàng, quản trị cái trại này là một công việc vất vả nhất cho bà tôi trong năm. Về đồ ăn, bà tôi, các bác gái muốn làm gì thì làm. Các ông chỉ đòi một khoản bắt di bắt dịch: bánh chưng. Dĩ nhiên không phải thích ăn mà thích sự kiện gói bánh và tụ họp quanh nồi bánh sôi sùng sục trong đêm cuối năm. Nếu chỗ mổ heo được bọn trẻ con chúng tôi chiếu cố nhất thì nơi gói bánh chưng tụ họp đông đảo nhất thành phần các ông. Sau này chúng tôi khó tưởng tượng một Thế Lữ hay Xuân Diệu ngồi bên phản gỗ dưới nhà ngang, cạnh những đồng lá dong, những rổ gạo nếp. Nhưng trên thực tế, điều này đã xảy ra.

Lễ giao thừa được cử hành theo đúng tục lệ cổ truyền. Bao nhiêu năm tôi dặn mẹ đánh thức dậy dậy lễ, nhưng trời lạnh và giương ổ rơm êm ấm làm tôi mở mắt không được. Đêm Giao thừa đầu tiên tôi thức dậy được cũng là giao thừa chót ở trại. Sau đó là chiến tranh, cách mạng

và phân tán. Tôi mặc áo lên dày cộp, co ro chạy qua vườn lên nhà trên. Hình ảnh tôi còn nhớ được là toàn thể người lớn mặc quần áo trịnh trọng đứng trên thềm. Bàn thờ đặt ngoài hiên, bà tôi đứng trước cùng mẹ tôi. Nhất Linh cầm đồng hồ coi giờ. Cạnh đó là cái trống lớn và người cầm dùi là ba tôi, - ông đánh trống giao thừa hay có tiếng nên năm nào cũng đảm nhận việc này. Đúng 12 giờ, tiếng trống bắt đầu. Đứa bé là tôi đứng dưới thềm nhìn lên, tâm hồn đầy náo nức. Cây liễu ở sân đình đầy đèn xếp lập loè muôn màu, khói trầm nghi ngút, tiếng pháo nổ kế tiếp hồi trống trên xà mái hiên... Sáng mùng một, lũ chúng tôi bị lôi dậy từ sớm, rửa mặt với nước cây cỏ thơm hắc, quần áo trịnh trọng tập trung lên nhà trên. T.H. với tư cách cháu đích tôn, thay mặt tất cả họ chúc mừng bà tôi.

Giỗ tổ tiên, trọng ban chưng hơn các sơn hào hải vị, lễ giao thừa, chúc thọ bà tôi, tất cả những cái đó không có nghĩa gì hơn là một biểu lộ thái độ chọn lựa đối với những tục lệ, văn hoá cổ truyền. Các ông đã giữ lại cái cần giữ và đáng giữ. Sau này lớn lên, tôi và Lam bàn lại, mới biết tới giá trị của sự chọn lựa ấy. Gần đây, sau khi ba tôi chết rồi, Lam và tôi đồng ý là sau cuộc chiến tranh này, khi được giải ngũ, hai đứa sẽ chung tiền mua một khoảng đồi nhỏ ở Đà Lạt, làm nhà tranh, mời mẹ tôi lên ở lập "trại Cẩm Giàng" mới. Chúng tôi mỗi đứa một nơi, nhưng ngày giỗ, nhất là ngày Tết, toàn thể sẽ tập trung về đó. Sẽ tiếp tục canh bánh chưng, lễ Giao thừa, và các con chúng tôi sẽ có đứa nửa đêm trừ tịch cố mở mắt ngái ngủ chạy lên ngó bàn thờ khói hương, bịt tai nghe tiếng pháo. Bây giờ bà tôi, ba tôi, phần lớn các bác đã chết, chúng tôi hiểu rõ hơn bao giờ hết rằng chính trại Cẩm Giàng, với tất cả nền nếp sinh hoạt của nó, đã mang lại cho chúng tôi những khái niệm đầu tiên về gia đình, gia tộc, và từ đó phát khởi lòng yêu dân tộc và đất nước.

Ở tuổi trên dưới hai mươi, tôi là một anh chàng mới lớn, hăng hái hết chỗ nói với tất cả những gì thuộc địa hạt lý tưởng của đời sống, và cũng vụng về hết chỗ nói trong xử thế hằng ngày. Không khí truy lục tại Sài Gòn, lòng hăng hái với lý tưởng của tuổi trẻ và ý thích muốn trở thành những người như các bác, dần dần đưa tôi đến những hoạt động chính trị đảng phái. Đảng phái tôi gia nhập dĩ nhiên chỉ có thể là Việt Nam Quốc dân Đảng. Tôi cùng B., một anh họ, tới nói với Nhất Linh. Ông giới thiệu chúng tôi tới giáo sư N.T.V. và T.B.S. Dưới sự chứng kiến của hai người này, tôi và B. làm lễ tuyên thệ. Nhưng ngay khi nhìn khẩu súng lục nhỏ han rỉ đặt trước di ảnh Nguyễn Thái Học và lá cờ sao trắng, tôi đã cảm thấy Việt Quốc không phải là môi trường hoạt động thích hợp với cá tính và lý tưởng riêng. Tuy thế tôi cũng đã hoạt động, sinh hoạt với Việt Quốc một thời gian với tất cả hăng hái của tuổi trẻ.

Những người chung quanh thường có thành kiến: các bác là những cách mạng gia, vậy chắc chắn khuyến khích dẫn dắt tất cả con cháu đi vào hoạt động cách mạng. Sự thực Nhất Linh trước sau không hề khuyến các con cháu lớn, dù lớp này đông trên hai mươi kẻ, đi vào cách mạng. Ông thường chỉ khuyên: "Lo học đi đã!". Đối với tôi, B. và sau này thêm con trai Hoàng Đạo, vì thấy quá hăng hái, ông mới giới thiệu với Việt Quốc. Giới thiệu một cách bình thản như giới thiệu một bác sĩ quen chữa giỏi hay một nơi trọ tốt tại Đà Lạt. Khi tôi rời bỏ Việt Quốc, ông cũng không nói gì. Có thể nói suốt thời gian từ 1954 tới khi chết, chưa bao giờ Nhất Linh nói chuyện nhiều với tôi. Đối với B., Tường Hùng và Lam, ông không có thái độ tách biệt ấy. Hình như ông coi tôi như một đứa cháu ngoại khổ, có những tư tưởng cư xử hành động ông không thể chịu nổi, hiểu nổi. Có thể nói trong các cháu lớn thân cận, tôi là đứa Nhất Linh không ưa nhất.

Cũng nhiều người ngộ nhận cho rằng Nhất Linh hoạt động cách mạng liên tục cho tới khi chết. Đó là ngộ nhận lớn nhất về con người ông. Khi đỗ xong cử nhân khoa học ở Pháp về, Nhất Linh chỉ chủ trương làm một cách mạng văn hoá trước đã. Tất cả nỗ lực trong thời kỳ 1930-1940 đều thu lại trong khuôn khổ này. Hoạt động cách mạng tới sau, có thể nói ngoài ý định nguyên thủy. Lối nhập thế của ông làm tôi liên tưởng đến một kẻ sĩ văn võ toàn tài, thấy thế

nước nghiêng một nửa, dân tình cực khổ, không đành lòng nên phải vác gươm lên ngựa diệt tà khử bạo. Theo lời ba mẹ tôi, Nhất Linh không đi sâu vào cách mạng, và nhất là chính trị nếu không có Hoàng Đạo. Ba tôi nói rằng các anh em đồng chí trọng Nguyễn Tường Tam nhưng mến Nguyễn Tường Long hơn.

Chính Nguyễn Tường Long mới là người có tài quy tụ người, khuyến khích, giữ vững tinh thần đồng chí những lúc hiểm nghèo. Đặc biệt là Hoàng Đạo mãi về sau mới gia nhập đảng phái. Theo lời ba tôi, Nhất Linh đứng với Hoàng Đạo ở gần cầu tiêu của toà báo, và Nhất Linh nói: “Chú gia nhập chứ?”. Hoàng Đạo gật đầu. “Chú tuyên thệ đi...”. Hoàng Đạo giơ tay tuyên thệ trước một vài người thân. Không nghi lễ, không đăng ký, không bàn thờ toàn quốc. Cũng theo ba tôi, Hoàng Đạo mới thực là linh hồn của đảng. Nhất Linh, với những khả năng đặc biệt của một thủ lĩnh, chỉ là người chỉ huy tổng quát đôi khi quá cứng rắn. Bao nhiêu mưu lược, kế hoạch phần lớn phát xuất từ Hoàng Đạo. Một thứ Khổng Minh đối với Lưu Bị. Vì thế khi nhận được tin Hoàng Đạo chết, ba mẹ tôi nhất định tin rằng: “Anh Tam sẽ từ bỏ chính trị... Lời giải thích của ba mẹ tôi có thể đúng, có thể sai, nhưng thực tế đã chứng tỏ ông bà không lầm. Năm 1950, Nhất Linh rời Hồng Kông về Hà Nội, tuyên bố từ bỏ chính trị. Và ông đã từ bỏ thật tới gần 10 năm.

Sau này suy nghĩ lại quá khứ, tôi cho rằng lối giải thích của ba mẹ tôi chỉ đúng một phần. Thực ra bản chất Nhất Linh là bản chất kẻ sĩ Nguyễn Công Trứ, với lối nhập thế của một hiệp sĩ thời trung cổ Tây phương, chỉ cho phép ông làm cách mạng và chỉ có thể là nhà cách mạng thôi. Khi gia nhập trực tiếp chính trị, ông có Hoàng Đạo lo cho phần mưu lược, thủ đoạn chính trị, nhưng thâm tâm vẫn ghê sợ chính trị. Cái chết của Hoàng Đạo, người em thân nhất, cũng là bạn văn, đồng chí, người phụ tá mật thiết, chỉ là một cái cớ để Nhất Linh rút ra khỏi mọi hoạt động cách mạng lúc đó đã mang nhiều tính chất bản thủ của chính trị. Mẹ tôi có thuật lại đã có lần Hoàng Đạo, Nhất Linh đã họp cùng các lãnh tụ lưu vong khác, trong đó có cả ông Nhu ông Diệm tại Hồng Kông. Mẹ tôi, nhất là ba tôi, còn luôn luôn tin rằng nếu Hoàng Đạo không chết năm 1947, chưa chắc Bảo Đại đã thành bù nhìn cho Pháp, và sau này chưa chắc hai anh em ông Diệm đã nắm được chính quyền tại Việt Nam. Dĩ nhiên đó chỉ là một giả thuyết cho quá khứ, nhưng một giả thuyết có tính cách khuyến khích nâng đỡ lũ cháu chúng tôi trong thời kỳ khó khăn nhất dưới thời Nhu - Diệm.

Suốt thời kỳ hoạt động với Việt Quốc, tôi chỉ nói chuyện chính trị với Nhất Linh một lần, - lần đầu và cũng là lần chót. Các đảng phái lúc đó phân tán, N.T.V. trao cho tôi nhiệm vụ lên Đà Lạt nói với Nhất Linh “hạ sơn”, trước hết để củng cố và thống nhất Việt Quốc, sau để tiến tới một liên hiệp các đảng phái quốc gia đối lập với chế độ Diệm đang bắt đầu tiến sâu vào độc tài. Đà Lạt là một thành phố đẹp, tôi nghe nói tới từ nhỏ nhưng chưa có dịp đến. Bởi vậy tôi thích thú lên đường, náo nức nh ìn cảnh rừng núi, còn thâm tâm tôi không hề tin tưởng là tôi có thể nói cho Nhất Linh nghe bất cứ điều gì, chứ đừng nói tới việc triệu thỉnh ông “hạ sơn”. Năm đó Đà Lạt còn nằm trong tình trạng của một thành phố mới ra khỏi chiến tranh, người ít, cỏ mọc lan trên bờ hè, những cây tùng ven hồ còn tự do cho gốc rễ lan xuống bờ nước. Không khí mát lạnh, chiếc xe ngựa cọc cạch leo dốc đồi, quán cà-phê Tùng nhỏ, sương mù lên sớm, ánh đèn mờ ảo, tất cả làm tâm hồn chìm đắm nên đêm khuya trở về cùng T., con trai thứ Nhất Linh, leo cầu thang tối đen, tôi quyết định chỉ thi hành “sứ mệnh” vào sáng hôm sau. Nhưng cửa phòng Nhất Linh còn đang mở, T. bảo tôi: “Du cần phải nói gì, vào nói luôn đi. Sáng mai chắc cậu tôi đi chơi sớm lắm”.

Căn phòng tối, ánh điện nhiều đường hắt vào yếu, tôi chỉ trông thấy đốm lửa đỏ đầu điều thuốc Nhất Linh hút dở. Tôi nói một mạch tất cả những điều N.T.V. dặn, rồi ngồi im. Nhất Linh trả lời giản dị: “Cháu về nói với các anh là bác đã suy nghĩ kỹ rồi... Cháu đã nói những điều các anh dặn rồi, bây giờ ở lại Đà Lạt vài hôm chơi cho vui”. Tất cả buổi hội kiến của “thuyết khách” và

nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam chỉ có vậy. Chiều hôm sau, đứng ngoài bao lơn nhìn ӯo đường, T. chỉ một cây thông cổ thụ phía bên kia đường: “Cậu tôi thích cây thông này nhất, có khi ngồi ngắm hàng giờ. Bảo nó có một vẻ đẹp tuyệt hảo”. Tôi tò mò ngắm nghía. Vỏ cây nâu sần sùi, cành gãy vươn lên cao trong vẻ cổ sơ giản dị của một bức tranh thủy mặc. Bầu trời chiều không nắng, không gió, lá cành đứng im như một khối chìm lắng từ dĩ vãng lại. Tôi nhìn cây thông rồi nhìn Nhất Linh ngồi trên ghế xích-đũ bao lơn bên cạnh, và tôi liên tưởng đến một thời kỳ hoang đường có những đạo sĩ ngồi đánh cờ ven núi và những dòng suối như phát nguồn từ đỉnh non cao.

Những năm về sau, vì môn học và nghề nghiệp, tôi phải tham khảo sách vở tại thư viện. Qua tài liệu, nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long bắt đầu trở thành những nhân vật có công nghệ rõ rệt. Toàn bộ báo *Phong hoá*, *Ngày nay* làm tôi hiểu dĩ vãng, một thứ dĩ vãng thời bình có khiêu vũ, có hát quan họ, có hội làng Lim và cũng là dĩ vãng nhiều hoạt động cách mạng. Vào thời kỳ này tôi mới đọc hết sách của Tự Lực Văn Đoàn. Những cuốn *Gánh hàng hoa*, *Nửa chừng xuân*, *Hồn bướm mơ tiên* từng làm tôi say mê buổi thiếu thời, bây giờ đọc lại thấy nhạt nhẽo, vai đoạn kỳ dị vì quá cổ kính hoặc quá ngây thơ. Những cuốn nổi tiếng thời trước như *Đoạn tuyệt* bây giờ xa lạ như một mái tóc đuôi gà. Những cuốn lúc mới ra đời bị thờ ơ như *Bướm trắng* lại có giá trị hơn.

Điều quan trọng tôi nhận thấy là Thạch Lam viết hay hơn cả trong Tự Lực Văn Đoàn. Tôi có nói nhận xét này với mẹ tôi và tôi chũng hũng khi nghe bà trả lời: “Bác Tam cũng nói thế từ lâu. Bác thường nói chính chú Sáu mới là nhà văn có tài nhất của Tự Lực Văn Đoàn dù sách in ra bán ế nhất!”. Và Thạch Lam cũng là người lười viết nhất trong tất cả, luôn luôn trễ hẹn đưa bài cho các toà báo. Một lần Nhất Linh tức, xuống căn nhà có cây liễu ở hồ Tây, thấy Thạch Lam ngồi trầm ngâm ngắm hồ. Hỏi: “Chú sao không viết?”. Đáp: “Chưa thể viết được!”. Nhất Linh tức giận bỏ về và quyết định cúp nguyệt cấp của Thạch Lam cho tới khi có bài. Thạch Lam tức, lại càng không cầm đến bút. Xích mích giữa hai anh em ngày càng trầm trọng, sau cùng mẹ tôi phải triệu thỉnh bà tôi ở trại lên mới dàn hoà nổi.

Tìm hiểu quá khứ văn nghệ của Nhất Linh, Hoàng Đạo tương đối dễ dàng. Tôi vất vả hơn khi tìm hiểu sự nghiệp chính trị và phải tìm mượn những cuốn sách ngoại ngữ không có bán ở Việt Nam. Càng hiểu rõ quá khứ, tôi càng thấy lòng kính trọng dành cho Nhất Linh gia tăng. Tôi bắt đầu thấy hãnh diện là cháu những người đó, và từ đấy đi tới tìm ở Nhất Linh hình dáng con người lý tưởng thích hợp cho tôi. Cũng trong thời kỳ này, tâm hồn thể xác tôi bị lôi cuốn vào nếp sống đô thị như trăm ngàn thanh niên khác cùng lứa. Đôi khi mệt mỏi ngồi trước chũng sách, tôi mơ màng nghĩ tới những điều sẽ làm sau này khi đã thành tài. Còn trên thực tế, tôi không làm một cái gì hơn là tán gái, yêu, học, dạy học, chơi gái và lang thang. Một buổi chiều, tôi nhận được thư T. gửi từ Đà Lạt xuống: “Du có nhớ Đà Lạt, lên chơi gấp. Cậu tôi đang chơi phong lan. Ông vào rừng kiếm lan suốt ngày. Những cuộc phiêu lưu ngắn, hẳn thích thú cho Du”.

Đọc thư, tôi ngạc nhiên. Hình ảnh chớt của tôi về Đà Lạt và Nhất Linh là bầu trời mưa ướt sũng, sương mù bao kín thung lũng, những ánh đèn mờ, tiếng sáo của T. buổi chiều trong biệt thự nằm khuất trên sườn đèo Prenn, và Nhất Linh nét mặt mỗi mệt, đầu ồm thường xuyên, hầu như không ăn uống gì hơn một bát mì sũng mỗi bữa và ngồi trầm ngâm như một bức tượng trên ghế... Bởi thế tôi khó tưởng tượng một Nhất Linh vượt rừng đi tìm lan. Và ngay cả việc chơi thứ hoa hiếm này cũng làm tôi khó hiểu. Tôi không ngạc nhiên khi biết ông ngồi ngoài sân ảm cơm trộn vũng trong cối, theo gánh hát vẽ phũng kiếm tiền học, học mỹ thuật trước khi học khoa học, ở Pháp về đi đến đâu cũng chê người Việt ở bản, và khi ở Trung Hoa về, đi đến đâu cũng khen người Việt sạch sẽ... Nhưng tôi thực sự ngạc nhiên khi nghĩ tới hình ảnh người hùng Nguyễn Tường Tam ngồi vun xới chậu lan như một ông đồ già hay một ả sĩ thời xưa.

Nhưng trên cư vượt đèo Blao, một cây thông trơ trọi làm tôi nhớ lại cây thông cổ thụ Nhất Linh từng ngồi ngắm hàng giờ, và từ lúc đó tôi bắt đầu chấp nhận được hình ảnh một Nhất Linh chơi lan nhưng không thể ngờ tới thái độ của ông với loài hoa rừng này, - một thái độ đam mê kỳ dị.

Tôi xách va-li tới đèo Prenn vào buổi chiều. Ngồi hút thuốc đầu tiên với T. tôi ngắm những cây phong lan cành lá khác nhau dính trên các thân cây, vách tường. “Phong lan có hoa cậu tôi để trong vườn và trong phòng khách...”. Tôi từ nhỏ tới giờ chỉ biết phong lan qua vài truyện ngắn lãng mạn của Khái Hưng và Nhất Linh. Khi bước chân vào phòng khác, tôi không thất vọng vì trong thực tế, phong lan đẹp hơn trong truyện đã tả. T. dẫn tôi đến từng loại: “Nhất điểm hồng, nhất điểm hoàng, thứ này gọi là Phi điệp vì hoa đỏ như phượng lại chuyên môn ở trên những cành cao nhất... Cành cây khô mềm như liễu có những nụ xám xỉ này là Phi hạc. Khó tìm lắm vì lúc chụm hoa, trông lẫn với cành khô. Nhưng khi nở, rồi Du sẽ biết. Cậu tôi dự đoán mai sẽ nở...”.

Buổi chiều, ngồi trên thành cửa sổ trên lầu ngắm sương mù bốc từ thung lũng lên, tôi nghe thấy tiếng hắc tiêu từ phòng khách phía dưới âm điệu buồn điệp khúc bản “Je vais à ton mariage”. “Cậu tôi thổi cho lan nghe đấy...”. Tôi ngồi ngó ngẩn nghe âm thanh buồn như bắt nguồn từ một quá khứ nhiều đau đớn chán nản. Đêm khuya đi uống cà-phê về, từ phía ngoài đường lộ, tôi đã ngửi thấy một mùi hương phảng phất. T. cắt nghĩa: “Hương mặc lan đấy. Thứ lan hoa đen như mực cậu tôi tìm thấy ở các hốc đá ven thác. Hoa xấu xí nhưng mùi hoa ban đêm toả xa vô cùng...”. Tôi đi vào giấc ngủ đêm đó như một đứa trẻ lạc lõng vào một thế giới khác lạ, thế giới những vị tiên còn chung sống với người trần.

Đêm thức khuya, nấn chối mắt tôi mới thức dậy. Đang lười biếng kéo chăn lên tận cằm nằm ngắm những trái thông khô ướt sương dưới nắng, T. lên gọi tôi: “Xuống xem Phi hạc... Cậu tôi đoán đúng. Nở hết sáng nay”. Căn phòng khách chan hoà ánh nắng từ vách kính lớn vào. Nhất Linh ngồi trên ghế giữa hoa nói với tôi như với một người vẫn sống thường trực bên nhau: “Cháu uống bia không?”. Nước bia làm tôi tỉnh ngủ, trên cao mây quang làm nắng tươi hẳn lên, tôi nhìn thấy cạnh ông, cành cây khô xám chiều hôm trước đã như có những con bướm cánh tím trong bám vào. Một thứ tím trong vắt, dịu như một giấc mơ đẹp không nhớ rõ. Tôi ngồi đó rất lâu, cạnh hoa, tâm hồn trống trải dần, chỉ còn niềm băng khuâng và rung động nhẹ nhàng. Tôi bắt đầu biết yêu hoa như người xưa.

Thời kỳ này tôi như tách biệt với không gian thường sinh hoạt “dưới kia”. Tôi say mê những phút sau khi mở to mắt, héch mũi tìm xuất xứ một mùi hương lẫn khuất, ngẩng đầu nhìn ngọn cây đến sái cổ, tôi đứng đầu thật bất ngờ với chùm hoa ngay ngang mặt, tưởng như hoa mới hiện ra để đáp lại công tìm kiếm. Cái không khí huyền ảo này đã tạo ra tình yêu của tôi với Vương, một thiếu nữ có loại nhan sắc bình thường tôi không ưa. Nhưng tôi nhìn thấy nàng lần đầu ở ven suối Đa-mê với nụ cười trẻ thơ trong màu áo vàng nở ra trong khoảng nắng chiều, như một loài hoa hiếm. Tình yêu này bắt nguồn từ không gian huyền ảo của hoa rừng, của tiếng sáo, sương mù, nắng chiều nên tôi không ngạc nhiên khi thấy tan vỡ một năm sau trong bụi và nóng của Sài Gòn.

Tôi cũng không tiếc hận gì cả. Điều tất nhiên là phải như thế. Bây giờ, mỗi khi hồi tưởng thời kỳ này, tôi thường luyến tiếc vì đó là khoảng thời gian độc nhất trên đời tôi sống với phần tâm hồn mơ mộng và trong sáng nhất. Và tôi không khỏi muốn nói cảm ơn Nhất Linh, người bác không những đã mang cả cuộc đời phác họa cho tôi một mẫu người lý tưởng mà còn làm tôi hiểu một phần nào nghệ thuật sống thuần túy nhất, cao sạch nhất của con người Á Đông.

Một buổi chiều đi học về, Lam ngáp pipe ngồi ngoài cửa, vui vẻ báo tin: “Bác sắp về Sài Gòn, ra báo”. Cả hai chúng tôi đều ngạc nhiên về quyết định này. Ông rời bỏ Đà Lạt, rời bỏ những lan rừng tinh khiết xuống gia nhập cái thế giới đầy bụi của chúng tôi, hẳn phải do một cơ nào quan trọng. Ông suy luận phân tích của lớp trẻ hoạt động quá trớn nên cứ tìm những nguyên do rắc rối. Có lẽ Nhất Linh bỏ núi bỏ lan chỉ vì một lý do thật giản dị: ông không thể ngồi yên, bất động trước thời thế nữa. Tình hình lúc đó thật khó thở, do đó, dù có nhiều nhân vật của Thông tin hết sức giúp đỡ, bác tôi không sao xin được giấy phép một tạp chí. Sau cùng, ông đành chọn ra giai phẩm không định kỳ, làm xong số nào, đưa kiểm duyệt như một tiểu thuyết xin xuất bản. Làm văn nghệ báo chí kiểu này thực vất vả. Nhất Linh đặt toà soạn luôn ở căn phòng nhỏ xíu nằm phía sau biệt thự của người anh cả. Ăn, ngủ, làm việc, họp nhân viên biên tập đều tại đó. Và lối làm việc lần này khác hẳn với thời *Phong hoá, Ngày nay*. Trước kia ông là người đứng đầu, vạch đường lối, coi tổng quát, còn bài vở cũng rõ rệt. Với giai phẩm *Văn hoá ngày nay*, ông bao thầu tất cả mọi công việc, từ vẽ bìa, trình bày, trả lời thư độc giả cho tới sửa bản in thử. Ông làm *Văn hoá ngày nay* y như ông chơi lan vậy. Không muốn ai cáng đáng hộ việc gì dù lớp cháu chúng tôi đã lớn.

Nếu Nhất Linh không bao giờ để ý tới việc khuyến khích con cháu làm cách mạng, thì về văn nghệ, trái lại ông rất chú trọng. Năm 1953, Lam bắt đầu viết nhiều, thắc mắc không biết có đủ văn tài để đi vào văn nghệ hay không, nên gửi một truyện ngắn cho Nhất Linh (lúc đó ở Sài Gòn) đọc và yêu cầu: “Nếu bác thấy cháu có tài hãy khuyến khích. Còn nếu không, xin bác nói thẳng để cháu đi đường khác. Xin bác đừng khuyến khích kiểu “có mầm, nên cố gắng!”. Một tuần sau khi truyện gửi đi, Lam nhận được một bức điện tín của Nhất Linh, tôi còn nhớ nguyên văn: “Viết được lắm. Bác nhắc lại: chắc chắn viết được”. Sau Tết năm đó, Lam nhận được một bản viết tay trong đó Nhất Linh tuyên bố Đỗ Đức Thu gia nhập Tự Lực Văn Đoàn và Lam, Tường Hùng, Nguyễn Thị Vinh là nhân viên dự bị. Bản này Nhất Linh chép làm năm bản, một giữ lại, bốn gửi cho đương sự. Hầu hết mọi người không biết tới bản văn này nên đã ngạc nhiên khi thấy những sách của Đỗ Đức Thu thời tiền chiến, khi Phượng Giang tái bản đều ghi: Đỗ Đức Thu trong Tự Lực Văn đoàn. Sự kiện này đã gây khó khăn và thắc mắc cho các nhà biên khảo văn học những năm về sau vì thủ tục gia nhập Tự Lực Văn Đoàn phức tạp và có nhiều điều kiện, và quyết định của mình Nhất Linh – người đứng đầu Văn Đoàn, không đủ để chính thức hoá. Dĩ nhiên Nhất Linh cũng đã nghĩ đến điều đó vì trong bản văn ông có ghi: vì nhiều người đã chết, nhiều người còn ở ngoài kia, nên sự gia nhập của Đỗ Đức Thu, cũng như trường hợp Duy Lam, Tường Hùng, Nguyễn Thị Vinh sẽ được hợp thức hoá theo đúng thủ tục của Văn Đoàn khi nào thuận tiện.

Khi họp ban biên tập trong căn phòng bé xíu đó trước khi phát hành *Văn hoá ngày nay* số 1, Nhất Linh dự đoán sẽ bán được năm ngàn số. Lam lạc quan hơn, đưa con số tám ngàn. Tất cả đều đoán sai. Tám ngàn là con số bán hết trong mấy ngày đầu, sau đó phải in đi in lại nhiều lần. Tôi lúc đó không biết viết văn là cái gì nên không có mặt trong buổi họp ấy để đưa một con số lớn hơn của Lam, vì dù sao đã đi dạy học rồi, tôi biết uy tín Nhất Linh tăng như thế nào trong quần chúng học sinh sinh viên kể từ khi chương trình Việt được áp dụng trong miền Nam từ đệ thất tới đệ nhất. Với mười lăm ngàn số báo bán được trung bình cho mỗi tập, tài chính tờ báo dĩ nhiên không gây bận tâm nào.

Trái lại, có những phê bình chỉ trích kỳ cục làm Nhất Linh bực mình không ít. Thí dụ một ký giả nào đó trên một nhật báo (hay tuần báo in khổ như nhật báo, tôi không nhớ rõ), “phê bình văn nghệ” đại khái như sau: “Nhất Linh bịa nhiều refoulement! Nhân vật cô Mùi mới mười hai tuổi mà đã muốn được hôn!”. Sau đó ký giả mặt sát thậm tệ. Riêng chúng tôi, căn cứ kinh nghiệm các em gái chị gái và nhất là các bạn gái, biết chắc rằng con gái mười hai tuổi muốn được một chàng trai mình bắt đầu yêu hôn không phải là sự kiện lạ lùng. Cũng ký giả đó, căn cứ vào một đoạn văn khác tả nhân vật cậu Ấm mũi dính dầu lau súng, lừa hôn vợ để dầu dính sang mũi

vợ, kết luận là: Nhất Linh không biết hôn, chưa hôn môi ai bao giờ vì hôn môi mũi không bao giờ chạm nhau! Đọc bài báo đó, lũ cháu chúng tôi vừa tức cười vừa buồn cười vì thấy chính ký giả đó có lẽ mới là người chưa hôn bao giờ, đi xem chiếu bóng thấy các tài tử hôn không chạm mũi nên vội vã kết luận. Còn bọn chúng tôi mới lớn, bạn gái nhiều, đều biết rằng chỉ tài tử ciné điều luyện trong nghệ thuật biểu diễn yêu đương, mới có thể “chính xác” trong khi hôn. Còn thông thường, vừa vụng về vừa xúc động, chúng tôi hôn nhằm lên mũi người yêu là chuyện rất thường, và hai mũi chạm nhau không phải là hiếm. Những phê bình loại này chỉ làm Nhất Linh bực mình thôi.

Nhưng có một thứ phê bình làm ông suy nghĩ: “Nhất Linh không nên làm báo văn nghệ nữa. Nhất Linh đã có một địa vị lớn trong văn học sử, bây giờ làm *Văn hoá ngày nay* dở hơn *Phong hoá, Ngày nay* trước, chỉ thêm mất uy tín!”. Luận cứ này được rất nhiều người tán đồng, kể cả con cháu trong họ. Có thể nói chỉ còn Lam và tôi là tán đồng sự trở lại hoạt động văn nghệ của ông. Hai đứa cho rằng thái độ đó của ông đáng kính phục vì làm người không phải là tạo cho mình một danh vọng chức phận, để rồi yên trí thụ hưởng, gồi lên cái danh cái phận đó như một cái gối êm ái cho quãng chót của đời sống. Có thể nói thứ can đảm hào hùng ấy của Nhất Linh làm hai đứa cháu ngoại chúng tôi phục hơn cả trong những đức tính của ông.

Tuy phục, nhưng chính trong thời kỳ này, hai đứa, về phương diện bài vở, lại chê trách người bác hơn cả. Cả hai đứa đều không chịu nổi những bài khảo luận linh tinh, những bức thư Nhất Linh viết trả lời độc giả. Đọc loạt bài này đôi khi thấy cũ kỹ và lảm cẩm. Về văn, tuy vẫn phục nghệ thuật phân tích tâm lý, nghệ thuật trình bày nhân vật, nhưng tôi đã cảm thấy Nhất Linh không còn là nhà văn của thế hệ trẻ. Trường giang tiểu thuyết *Xóm cầu Mối* có những nhân vật đặt trong một không gian thật xa cách. Đọc, như thấy đi vào một dĩ vãng, trong khi những người trẻ đang mang một tâm trạng không khí lo âu khác, với cuộc đời đang ở trước mặt đòi hỏi phải chọn một thái độ thích ứng. Nhất Linh, với những tác phẩm sau không mang lại, không đáp lại một chút nào những khát vọng của thế hệ chúng tôi – thế hệ “nói sự thật bị coi như mạ lị, quân tử bị coi như gàn dở, anh hùng bị coi như ngu đần”.

Về sau, nhóm Sáng Tạo có làm âm ỉ (làm âm ỉ, chứ không phải là phê bình) về Nhất Linh “tiền chiến”, Lam và tôi không đồng ý với họ về cái thái độ bắt đầu xây dựng văn nghiệp bằng cách phủ nhận tất cả quá khứ, nhưng hai đứa đồng ý với họ ở điểm: nhà văn Nhất Linh không còn là nhà văn của thế hệ trẻ hiện đại. Và điều đó cũng không quan trọng (ít nhất riêng cho Nhất Linh và văn học sử) vì không phải lúc nào thời nào cũng phải đáp ứng tâm trạng của thế hệ trẻ mới được là văn hào. Riêng hai đứa chúng tôi tán phục Nhất Linh tiền chiến và chấp nhận Nhất Linh hậu chiến. Có Nhất Linh, như một dĩ vãng đẹp, như một căn bản, chúng tôi vững tâm hơn đi vào tương lai.

Sau khi *Văn hoá ngày nay* số 8 phát hành, Nhất Linh tuyên bố với người thân: “Thôi, không làm nữa!”. Quyết định này đột ngột, y như trước đó mấy tháng, ông bỏ lan, bỏ Đà Lạt xuống Sài Gòn làm báo. Bạn bè xúm lại can. Nể người thân, ông chịu để Tường Hùng và Lam tiếp tục. Ra tiếp hai số, ông cương quyết kết liễu *Văn hoá ngày nay*. “Nó đã làm xong nhiệm vụ!”, ông giải thích vậy. Đình chỉ hoạt động văn nghệ, ông vẫn tiếp tục ở Sài Gòn, không lên Đà Lạt “tu tiên” như lũ cháu tưởng, và ông bắt đầu vào một thời kỳ đau ốm (đau dạ dày) và suy nhược thần kinh. Thình thoảng ông lên cơn loạn trí, đứng trong nhà đường Lý Thái Tổ, móc giấy tờ trong ví đưa cho mọi người, miệng nói lảm nhảm: “Lấy hết đi. Xin các ông lấy hết đi! Đừng áp chế tôi tội nghiệp!”. Các người thân hết sức lo lắng. Chỉ riêng mẹ tôi, sau một lần chứng kiến cơn loạn thần kinh, về nói riêng với tôi và Lam: “Bác điên khôn ghê! Chỉ thấy bác đưa, vứt giấy tờ lảm cẩm. Chẳng thấy bác vứt tiền ra bao giờ cho mẹ con mình nhật tiêu!”. Nhận xét bí mật này của mẹ tôi làm hai anh em đâm nghi ngờ “sự loạn trí của Nhất Linh”. Nhất là tôi, vì được mẹ tôi kể lại những thủ đoạn chống Pháp của ông thời trước: hoá trang làm ăn mày, ông già, người say

rượu, mê thổi kèn để che giấu hoạt động cách mạng. Hoàng Đạo còn bị bắt giam, chớ Nhất Linh, suốt đời tranh đấu, chưa bao giờ để đối thủ bắt được. Pháp, sau đó Cộng sản, đều bó tay. Hơn nữa, chúng tôi để ý thấy mỗi lần nhắc tới chính quyền, ông không còn dùng câu: “Cái gì mục nát thì tự nó nó đổ!” (Câu ông thường hay dùng trước kia mỗi khi bị mời xuống núi). Căn cứ và sự kiện mơ hồ như vậy, chúng tôi bắt đầu chờ đợi...

Trong thời kỳ này, Lam và tôi hay suy xét tìm hiểu về con người của Nguyễn Tường Tam. Căn cứ vào hoạt động cũ, tác phẩm và con người hàng tiếp xúc, chúng tôi đi đến kết luận: “Bác chỉ làm cách mạng, không thể làm chính trị”. Chế độ Nhu – Diệm đang vững vàng, nhưng không thể tồn tại lâu. Theo ý riêng của lũ cháu, sau Ngô Đình Diệm, vai trò lãnh đạo quốc gia sẽ là của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam vì không ai đủ uy tín hơn. Lam nhiều lần đặt giả thuyết: “Nếu bác làm Tổng thống, mọi sự sẽ ra sao?”. Các con cháu có người đã hỏi thẳng, Nhất Linh không đáp. Điều độc nhất ông nói ra về vấn đề này, có lẽ vồn vện có một câu nói với gia đình: “Nếu làm Tổng thống, tất cả gia đình sẽ ở ngoài dinh. Cấm không ai được vào. Khi nào nhớ gia đình, sẽ về thăm”. Sau mỗi lần bàn tới giả thuyết “Tổng thống Nguyễn Tường Tam”, chúng tôi thường đi đến kết luận nhiều lo ngại vì cho rằng với cá tính Nhất Linh, những người phụ tá giỏi đã chết, Nguyễn Tường Tam không thể làm một Tổng thống giỏi. Trên thực tế và trong lịch sử, chỉ có nhà văn Nhất Linh và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam chứ không có Thủ tướng hay Tổng thống Nguyễn Tường Tam để lũ cháu chúng tôi có dịp biết rõ những lo ngại đó đúng hay sai.

Đêm 11-11-1960, binh chủng nhảy dù đảo chính. Lam và tôi lên chợ An Đông tìm gặp Nhất Linh. “Việc này chắc có bác quá!” Lam đoán vậy. Trên căn gác nhìn xuống chợ, Nhất Linh quần áo chỉnh tề, sắp sửa cùng B. ra đi. B. nói: “Tiếp xúc lại các nhân sĩ để củng cố và hoạch định đường lối chung của Mặt trận”. Tuần trước lên thăm, Nhất Linh là một ông già đau ốm đầy vẻ suy tàn. Sáng hôm nay, ông mắt sáng quắc, cử động linh hoạt và nụ cười luôn luôn có trên môi. Tôi ngạc nhiên không thể ngờ khi lao đầu vào hoạt động quý tộc, ông bác cao tuổi này lại có được vẻ mạnh mẽ và sáng suốt như vậy. B. nói: “Đã chuẩn bị từ lâu vụ này, nhưng bên chính trị chỉ được biết trước có 24 giờ. Lý do bên quân sự đột nhiên làm gấp vì mục Nhu sắp đi ngoại quốc”. Khi B. bảo tôi: “Du sang gặp anh N.T.V. đi. Đang cần Du đó”, Lam ngỡ ý cũng đi cùng, Nhất Linh im lặng có vẻ không bằng lòng. Sau này ông nói với Lam: “Phải biết tiết kiệm người. Đừng bao giờ lao đầu tất cả vào một vụ. Thua thì kẹt hết”.

Tôi từ bỏ Việt Quốc đã lâu nhưng lúc đó không thể từ chối lời mời của B. Tại một trường tư bên Khánh Hội, ban chấp hành đặc biệt đang hoạt động dưới sự điều hành của N.T.V. Sau khi dự một buổi họp, Lam và tôi đều thất vọng vì mọi nhược điểm của các đảng quốc gia đều có đủ nơi đây. Tôi và Lam cố gắng làm việc với tất cả mọi khả năng dù cả hai đứa cũng chẳng có bao nhiêu kinh nghiệm về hoạt động cách mạng bạo động. Toàn chạy theo tình hình, không sao tạo được thế chủ động. Ngày hôm sau, quân ủng hộ ông Diệm Nhu tiến vào thành phố, buổi trưa, N.T.V., B., Lam và tôi ra chợ ăn cơm, nghe đài phát thanh bắt đầu mạt sát phe đảo chánh và dĩ nhiên suy tôn Ngô Tổng thống. Tôi đi bộ về, ngừng lại trước thành Cộng hoà, chứng kiến tiểu đoàn dù rút ra, trao trả thành cho Lữ đoàn Phòng vệ Tổng thống phủ. Toán quân được giải thoát, cởi trần tròng trục, cầm súng chạy, la hét vang trời: “Hoan hô Ngô Tổng thống, cứu tinh dân tộc”. Đoàn nhảy dù tập trung trên xe ngoài đường, từ sĩ quan đến lính nét mặt rầu rĩ. Có lẽ đây là lần đầu tiên binh chủng kiêu hùng này ném mùi thảm bại.

Hai ngày sau ở Câu lạc bộ Văn hoá, tôi được người cho biết đảng viên Cần Lao và phong trào Cách mạng Quốc gia đang định lợi dụng tình thế lộn xộn, cho người tìm giết Nhất Linh. Tôi đến tìm ông đang ở nhà bà ngoại. Trong căn phòng nhỏ giữa nhà, ánh sáng của ngọn đèn dầu chiếu sáng bà tôi và Nhất Linh đang ngồi trên chiếu trải dưới đất. Tôi báo tin, ông làm lì rớt thêm bia vào một ly, đưa tôi: “Cháu đến đây có ai theo không?”. Tôi trả lời: “Không có ai. Cháu

đi cẩn thận, ngay quanh nhà cũng chưa có ai canh chừng cả”. Tôi châm thuốc hút, căn phòng im lặng đến độ tưởng như nghe được tiếng khói bay. Bà tôi, mặc cà-sa nâu, nét mặt gần như bình thản. Không biết đó là hiệu quả những năm tu hành, hay là bà tôi quá quen với những đứa con trai suốt đời làm cách mạng, tổ chức bí mật, thất bại và trốn tránh. “Bác cho cháu theo bác. Cháu khá nhanh nhẹn, có thể giúp ích khi cần...”. Nhất Linh im lặng hút thuốc. Tôi chờ đợi đợi. Ông đẩy ly bia về phía tôi: “Cháu uống hết đi rồi về. Cháu lo cho các bạn cháu đi. Còn bác, bác đã có cách”. Tôi uống hết bia, hút hết điếu thuốc, chào bà, chào bác rồi tới tìm Thi và bắt đầu sống một thời kỳ lẩn trốn như một con chuột thành phố. Có lẽ quá mệt mỏi vì lối sống này, tôi tới nhờ cha Cras, một thầy dạy và cũng là người thứ hai sau Nhất Linh, tôi kính mến trong đời, giúp cho vượt biên giới. Nhưng khi tới sát biên giới, tôi lại trở về. Có lẽ tôi bị ám ảnh bởi sự kiện Nhất Linh sau khi rời bỏ chính trị năm 1950, có qua Paris ở với con cả một thời gian, nhưng chỉ một thời gian ngắn thôi. Ông không thể ở lại, vì ông là một người dụ ngôn đích thực, sinh ra, sống và tranh đấu ở miền đất này, để rồi sẽ chết cũng tại đó.

Sau một thế gian im lặng, Nhất Linh tung ra một bộ tiểu thuyết gồm ba cuốn viết trong thời gian ẩn trốn. Dĩ nhiên là chúng tôi vội vã tìm đọc, và cũng thất vọng nhanh chóng. Bộ *Dòng sông Thanh Thủy* diễn tả cuộc đời làm cách mạng của một người mang vóc dáng Nhất Linh, nhưng không diễn đạt được. Nhân vật Ngọc thật xa cách với nhân vật chúng tôi kỳ vọng phải có. Lam cắt nghĩa: “Bác sẽ không thể viết được nữa. Quá khứ dày đặc đã đè bẹp tâm hồn bác rồi...”. Tuy không hiểu rõ Lam định nói gì, nhưng nghe câu đó tự dưng tôi có cảm tưởng Nhất Linh sắp đi đến quãng chót của đời mình. Khi ông về căn gác trông xuống chợ An Đông, tôi hay đến thăm hơn xưa. Nhiều khi tôi tới, cúi chào, ông gật đầu rồi im lặng, tôi lục một cuốn sách ngồi đọc cho tới lúc muốn về. Vào thời kỳ này, tương đối ông có vẻ cảm tình với tôi hơn. Có lần gần ngày thi, chưa có tiền nộp lệ phí, ông bỏ tiền vào một cuốn sách, kín đáo đưa cho. Nhưng giữa hai bác cháu bao giờ cũng có một ngăn cách khó xác định. Một buổi sáng, cửa đóng kín che nắng, tiếng ồn ào của chợ họp phía dưới vang lên, tôi nhìn người bác già, thấy như đã thuộc vào dĩ vãng hay một thế giới khác. Cũng trong khoảng thời gian này, bà ngoại tôi mất. Lúc biết tin, bác đang đau, nhờ người vục tới, ngồi bên xác mẹ rồi trở về. Cái chết này, tôi tin đã làm ông chìm sâu hơn trong đau buồn. Từ lúc các con lập gia đình riêng, bà tôi thân và yêu Nhất Linh hơn cả. Và dù người già khó tính ghê gớm, trong các con, không kể mẹ tôi là gái, Nhất Linh cũng là người chịu đựng những trái tính của mẹ già tài hơn cả. Trên bàn thờ chính của họ Nguyễn Tường, còn để một bức minh họa bà tôi do Nhất Linh vẽ bằng bút chì, nét thật nhỏ và mờ.

Tôi đi dạy học xa, rồi bị động viên nên lâu lâu mới tới chợ An Đông một lần. Thường thường hai bác cháu cũng chẳng nhiều lời hơn. Có khi buổi viếng thăm thu gọn lại trong hai cái chào: khi tới và khi về. Một buổi sáng thứ sáu, tôi rời Sài Gòn đi đơn vị. Chiều thứ bảy đọc báo có tin Nguyễn Tường Tam sẽ bị đưa ra toà vào sáng thứ hai 7-7, ngày Song thất của Diệm, người tôi như căng ra vì chờ đợi một biến cố: không một quốc gia nào đưa một con người như Nhất Linh ra toà mà không xảy ra một biến cố nào. Tôi hình dung, tưởng tượng tới thái độ Nhất Linh sẽ có: ông sẽ im lặng hoàn toàn trước tất cả mọi câu hỏi, lời kết tội? Ông sẽ chỉ nói một câu nhận hết trách nhiệm cho các đồng chí cùng bị xử? Ông sẽ rút vào bóng tối, sẽ vượt biên giới? Tôi nghĩ tới đủ các giả thuyết, nhưng tôi không thể ngờ ông đã chọn cái chết phản kháng như vậy. Một người bạn nghe đài B.B.C. báo tin cho tôi biết. Ngồi bất động trong một quán tới trưa, tôi ra bưu điện gửi điện tín cho Thi: “Mai đi P.K. Em đưa đám bác hộ anh”. Rồi lang thang trong thị trấn tới khuya, chỉ trở về phòng trọ đủ thời giờ thu xếp quân trang. Đi chuyến xe đầu lên cao nguyên.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam chết, dĩ nhiên không thể đơn giản. Những nhân vật quan trọng trong chính quyền ủa tới, theo chỉ thị của ông Nhu, ép buộc đe dọa tang gia phải mai táng gấp. Lam ở Đà Lạt về và cùng Thi, luôn luôn có mặt ở căn nhà chợ An Đông cùng các con lo đổi

phó. Quyết định đầu tiên là đợi chủ nhật mới đưa đám, viện cớ con cả còn ở Pháp chưa về kịp, sự thực chỉ cốt để thực hiện cho tới mức chót ý muốn sau cùng của Nhất Linh: một phản kháng kiêu hùng và bi thảm. Mật vụ bỗ vây kín dòng họ và chính tang gia sau cùng cũng không còn phân biệt được đâu là người đến viếng, đâu là mật vụ nữa. Chính sách của ông Nhu dùng khủng bố để đàn áp nên những người đến viếng gồm đàn bà nhiều hơn đàn ông, - đàn ông ở nhà tránh bắt bớ để còn "làm một cái gì cho cái chết của Nhất Linh khỏi trở thành vô ích", một đồng chí lão thành một đảng kỳ cựu nói vậy. Chính quyền từ chối không cho mang quan tài đến chùa làm lễ cầu siêu, bắt đám tang phải đi theo một giờ nhất định và lộ trình nhất định. Tang gia dùng tiếng khóc cổ truyền của đàn bà Việt Nam làm lợi khí. Lan và Thi, ngoài việc dịch những câu phúng viếng, dịch cả ý nghĩa những tiếng khóc kể lể của các bà trong dòng họ cho thông tin viên, gây những xúc động cần thiết tại ngoại quốc.

Sau cùng chính quyền chịu để đám tang ghé chùa Xá Lợi làm lễ cầu siêu nhưng không được mang quan tài vào. Ông Nhu đã nhượng bộ dù đã bực tức nói với các thuộc viên: "Hắn sống có đi lễ chùa bao giờ, bây giờ đòi cầu siêu!". Đáng tiếc các thuộc viên này không đủ can đảm nói cho ông Nhu biết người thân sinh ra Nhất Linh đã là một cụ sự sau những năm tu hành cả quãng chót của cuộc đời, và dù chẳng mấy khi đến chùa, Nhất Linh chưa bao giờ tỏ vẻ coi thường bàn thờ Phật có thường trực trong nhà. Rồi đám tang cũng cử hành với sự hộ tống đầy đủ của Mật vụ và Cảnh sát chiến đấu. Chỉ có một vòng hoa đi đầu. Ảnh Nguyễn Thái Học, một người cháu mang đi trước, bức hình chụp lại chân dung Nhất Linh do Nguyễn Gia Trí vẽ, một người cháu cầm đi kế tiếp. Một đảng viên Việt Quốc, có nhiệm vụ mang đảng kỳ tới huyệt, sợ Mật vụ tịch thu, nên trao cho Thi mang hộ. Lá cờ sao trắng, lá cờ tôi đã rời bỏ bốn năm về trước, tôi không thể ngờ có ngày chính Thi lại là người mang tới huyệt, phủ lên quan tài người đã khuất. Thi đã làm đúng lời dặn, nàng đã thay tôi kẹt ở một ngọn đồi cỏ, đưa người bác kiêu hùng đến nơi yên nghỉ cuối cùng.

Một tháng sau, tôi xin được phép về Sài Gòn. Tôi cùng Thi xuống nghĩa trang Giác Minh thăm mộ bà tôi, ba tôi và người bác. Tàn hương ra về, tôi gặp Lam. Hai đứa nhìn nhau, mặt Lam sứt lại, răn cắn chặt lấy chiếc pipe. "Đã đến lúc phải làm một cái gì!". "Đã đến lúc phải làm một cái gì!"... câu nói ám ảnh các con cháu, và tới cả những người, khi Nhất Linh còn sống, không đồng ý hoàn toàn với cả đời sống của ông. Chiều 26 tháng 10, Lam từ Đà Lạt về và tôi từ Pleiku gặp nhau tại Sài Gòn. Ngồi trong khu vườn mía um tùm của mẹ tôi, Lam bàn về cuộc đảo chính đang chuẩn bị. Mật vụ bỗ vây khắp nơi xiết chặt đến nỗi cả tôi lẫn Lam đều đồng ý: "Trong một tuần nữa không đảo chính, họ cho mình vào tù hết". Chiều 28, an ninh cá nhân mỏng manh đến độ Lam quyết định: "Thôi, Du đi đi. Bác dặn phải tiết kiệm nhân lực. Để mình anh ở lại. Có thua, đến lượt Du lần sau".

Sáng sớm hôm sau, tôi lên đường trở về đơn vị, suốt ngày quanh quẩn quanh chiếc máy phát thanh. Hai ngày sau đảo chính, tôi nằm ôm máy phát thanh cho tới sáng. Bởi vì nếu lần này thất bại, hẳn trong nghĩa trang Giác Minh sẽ thêm mộ Lam. Và không hẳn chỉ thêm một mộ mà thôi. Đảo chính thành công và một cách mạng thành hình.

Khi con thứ Nhất Linh bước vào phòng họp ở Tổng Tham mưu, Trung tướng Dương Văn Minh yêu cầu toàn thể Hội đồng Quân nhân Cách mạng đứng mặc niệm một phút nhà văn Nhất Linh và cách mạng gia Nguyễn Tường Tam.

Và cuộc cách mạng chấm dứt sau phút ấy. Sau đó, chính trị bắt đầu, thứ chính trị mà chính người được mặc niệm đã bao lần chối bỏ trong đời.

Thế Uyên, Thái Độ và những kỷ niệm rời Nguyễn Tường Giang (con trai Thạch Lam)



Thế Uyên – Nguyễn Tường Giang
(ảnh DC – Maryland 1997)

Tôi đang coi chương trình thể thao trên truyền hình thì Phương Lan, con gái đầu của Duy Lam. gọi tới : chú Giang ơi, chú Dũng mất rồi. Nghe giọng rất xúc động của cháu, tôi an ủi : chú Dũng cũng đau đã lâu rồi, nằm như cây cỏ. chú mất đi cũng là điều tốt cho chú và gia đình, nhất là cô Thúy. Tôi hỏi về giờ Thế Uyên mất. “ Chú Dũng mất lúc 05 giờ chiều giờ bên Seattle, Di vừa báo tin cho cháu”. Tôi nói với Oanh : ông Dũng mất rồi, cũng là một đời người. Vợ tôi không nói gì, chỉ nắm lấy tay tôi, bóp khẽ.

Đó là buổi chiều một ngày trong một tháng gần cuối năm 1965. Tôi vừa ăn cơm xong thì Thế Uyên tới, dựng chiếc xe gắn máy cũ ở gốc cây sung trước nhà. Thế Uyên chào mẹ tôi, hỏi thăm sức khỏe bà. Thế Uyên mặc bộ đồ trận bộ binh đã bạc màu, da ngăm đen, gầy và cao. "Tôi có chuyện cần nói với Giang. "

Tôi hơi ngạc nhiên vì tôi chỉ gặp Thế Uyên vào những dịp giỗ tết. Thế Uyên hoạt động văn hóa đã lâu, đã có truyện ngắn xuất bản, một số truyện tôi rất thích. Tôi đang học y khoa, đã có một thời gian hoạt động chống chính quyền, như biểu tình chống chế độ Ngô Đình Diệm trước 1963, chống Hiến Pháp Vũng Tàu thời tướng Nguyễn Khánh, tham gia vài cuộc biểu tình chống quân đội đàn áp tôn giáo mới đây, nhưng chỉ là những hành động bắt nguồn từ tuổi trẻ hăng say, không xu hướng chính trị. Sau vài lời thăm hỏi và bàn về tình hình chính trị , Thế Uyên đề nghị hợp tác trong việc thành lập nhóm văn hóa Thái Độ, với mục tiêu dùng văn hóa để cải tạo xã hội như thời Tự Lực Văn Đoàn, không Cộng sản và không Tư bản, lấy tinh thần Quốc gia làm căn bản và Xã hội chủ nghĩa để thực thi công bằng xã hội, mô hình như các nước xã hội Bắc Âu.

Lúc đó quân đội Mỹ đã công khai hiện diện ở Việt nam, đem theo những sinh hoạt ngoại vi làm bất mãn những người tuổi trẻ, và chiến tranh bắt đầu tăng cường độ, tin tức đã rất phổ biến ở Sài gòn. Những xáo trộn chính trị và tôn giáo mới được giải quyết bởi nhóm cầm quyền quân nhân, ở tuổi 23 đầy nhiệt huyết, tôi không ngần ngại tham gia làm việc với Thế Uyên, một người anh họ tôi đã biết từ hồi còn nhỏ, giữa hai gia đình nghèo nhất họ, gia đình tôi và gia đình Thế Uyên.

Một buổi tối đã hẹn trước, tôi đến nhà Thế Uyên cho buổi họp đầu tiên của nhóm Thái Độ. Ở đó đã có mặt những thành viên ban đầu của nhóm, đa số là họ hàng quen biết như Nguyễn Tường Thạch, Nguyễn Tường Thiết, Nguyễn Tường Đăng, Nguyễn Đông Ngạc (em rể Thế Uyên). Chỉ có hai người tôi chưa gặp bao giờ là thi sĩ Chu Vương Miện và Trần Kỳ, hai người Thế Uyên

quen biết ở vùng Cao Nguyên, và Trần Kỳ được giới thiệu là một nhân viên cũ của nha Thượng vụ (sau 1975 Trần Kỳ hiện nguyên hình là thiếu tá Việt cộng, được cài vào để theo dõi Thái Độ).

Chúng tôi ngồi vòng tròn chung quanh một cái bàn gỗ thông, đóng giản dị và thấp. Có trà và bánh đậu xanh, rất thịnh hành cho các buổi họp mặt thời đó. Thế Uyên trình bày mục tiêu và lý do thành lập nhóm văn hóa Thái Độ và thủ tục trở thành thành viên của nhóm. Lần lượt mỗi người tự nói tên và thấp một ngọn nến nhỏ cắm lên bàn, với ý nghĩa :”Thà thấp một ngọn nến nhỏ còn hơn ngồi nguyên rửa bóng tối”. Chúng tôi bàn đến phương thức in tờ báo bằng ronéo, các chủ đề sẽ thực hiện, phân công bài vở, phương thức phổ biến và nhất là tài chính vì tất cả các thành viên hoặc chưa làm việc hoặc có công việc với đồng lương tượng trưng, thuộc diện nghèo. Thiết và Thạch được giao công tác phỏng vấn các nhân sĩ, các nhà cách mạng như Phan Khắc Sửu, Phan Quang Đán, Trần Văn Tuyên... vì có nhiều điều kiện thuận tiện và đường dây liên lạc, do là con của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Tôi và Trần Kỳ, sau thêm Nguyễn Đông Ngạc được giao đi phỏng vấn các nhân vật tôn giáo : các thượng tọa Thích Trí Quang, Thích Thiện Minh, Thích Đức Nhuận, Thích Hộ Giác, các linh mục Chân Tín, Tự Do, Nguyễn Ngọc Lan, Trương Bá Cần và Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình, đa số là những nhân vật có khuynh hướng thiên tả và chống chính quyền quân nhân.

Báo được in bởi nỗ lực của các thành viên, chia phiên quay ronéo trong những điều kiện tồi tệ, mái tôn bằng chát, không gian chật hẹp, thực phẩm và nước uống thiếu thốn và nhất là vì điều kiện kinh tế và an ninh, phải di chuyển nhiều địa điểm khác nhau. Việc phân phối và phổ biến báo, vì là báo chui, bất hợp pháp nên rất khó khăn. Ngoài những số báo phổ biến cho thân hữu, với sự đóng góp tùy hỉ, thường là với tinh thần cổ võ và giúp đỡ, báo còn được bày bán kín đáo ở phía trong nhà sách Khai Trí và một quầy báo ở góc đường Lê Lợi và Pasteur, quầy báo nổi tiếng về các sách bị cấm bán (kiểm duyệt) và các báo không có giấy phép. Ở quán báo này tôi hay gặp một đồng nghiệp (sau này) và là một sinh viên tranh đấu là bác sĩ/nhà văn Ngô Thế Vinh, tôi giới thiệu báo Thái Độ và có những liên lạc khá mật thiết giữa Thái Độ và Ngô Thế Vinh, sau này Nhóm Thái Độ in cuốn Vòng Đai Xanh của Ngô Thế Vinh, một cuốn sách không làm vui lòng chính quyền. Tờ báo Thái Độ bắt đầu được biết nhiều trong giới sinh viên, học sinh và giáo chức có tâm huyết thời đó, cùng thời với một số tạp chí cùng khuynh hướng khác như Hành Trình, Đất Nước.

Nhóm Thái Độ bắt đầu mở rộng vòng hoạt động bằng cách kết nạp thêm các thành viên. Trần Triệu Luật và Nguyễn Trọng Văn là hai thành viên mới, có lẽ do Thế Uyên kết nạp vì liên hệ giáo chức (Trần Triệu Luật dạy học ở Võ Trường Toản cùng Thế Uyên) và liên hệ văn hoá , Nguyễn Trọng Văn viết nhiều bài phê bình và lý luận văn học. Vào thời điểm có phong trào đòi hỏi dạy tiếng Việt ở các trường đại học , chống ảnh hưởng văn hóa Tây phương, mà tôi là một thành viên ở trường y khoa, tôi và Thế Uyên đi tiếp xúc và kết nạp hai thành viên của phong trào là giáo sư Nguyễn Tử Quý mới ở Mỹ về và giáo sư /nhà biên khảo sử địa Nguyễn Huy. Sau đó có thêm giáo sư triết Nguyễn Tử Lộc , em ruột Nguyễn Tử Quý, cũng trở thành thành viên của nhóm. Thái Lăng từ Đà Lạt gửi về tập truyện ngắn Sương Mù Xám, có khuynh hướng phù hợp với chủ trương của nhóm. Nguyễn Đông Ngạc được gửi lên Đà Lạt để kết nạp hợp tác, đồng thời có thêm thân hữu như Nguyễn Quang Tuyền, Trần Hữu Lục, đều là nhà văn, nhà giáo.

Với sự tham dự của nhiều thành viên mới, các buổi họp trở nên sôi động hơn, nhiều cuộc tranh cãi được mở rộng trên địa bàn lý thuyết và hành động, giữa chủ nghĩa Quốc Gia do Nguyễn Huy trình bày trên căn bản lịch sử và tiến triển trên thế giới, Xã hội chủ nghĩa theo Cộng sản như một mệnh đề bất biến, bất khả kháng theo Trần Triệu Luật và Nguyễn Trọng Văn, và Cách mạng xã hội không Cộng Sản như Thế Uyên và những thành viên đầu tiên chủ trương. Cái gì phải đến sẽ đến, trong một buổi tranh luận gay go và không có thể thỏa hiệp, Nguyễn Tường Đăng có nói, nửa đùa nửa thật, nếu tin vào Cộng sản thì chỉ có một con đường là vào bưng mà chiến đấu. Trần Triệu Luật và Nguyễn Trọng Văn rút lui khỏi nhóm, hoạt động với một tổ chức sinh viên thiên tả. Sau đó, Trần Triệu Luật vào bưng và chết vì bom B52.

Nhóm văn hóa Thái Độ vẫn tiếp tục hoạt động, nhưng càng ngày càng bế tắc, một phần là chính phủ bắt đầu dòm ngó đến những hoạt động văn hóa phản chiến, một phần là các sinh hoạt bị xâm nhập bởi những người bên kia, như trường hợp một thành viên mới là nhà thơ Phan Trước Viên ở Đà Nẵng, bị bắt và phát hiện là đảng viên Cộng sản đã bảy năm, do nhà văn Duy Lam khi muốn can thiệp dùm cho Thế Uyên và nhóm Thái Độ báo tin. Nhóm Thái Độ, cũng như các nhóm Quốc Gia anh hùng mã thượng khác, vẫn góp tiền, mua gạo giúp đỡ gia đình Phan Trước Viên. Phan Trước Viên sau đó tự tử chết sau khi được tha.

Tình hình đất nước ngọt ngào vì chính phủ quân nhân Nguyễn Cao Kỳ và sự tham dự càng ngày càng nhiều của quân đội Mỹ. Dân chúng nghèo khổ trong khi sự xa hoa do người Mỹ và các giới chức liên hệ được phô bày lộ liễu. Phía Cộng Sản mở nhiều cuộc tấn công hơn và đã có nhiều tổn thất về phía Việt Nam Cộng Hòa được thông tin về thành phố. Thế Uyên từ lâu đã tập hợp được nhiều sĩ quan cấp úy và cấp tá, dự trữ lực lượng để ủng hộ một tướng lãnh có tài và có lòng, có thể thực hiện một cuộc cách mạng kiểu Nasser ở Ai Cập hay Park Chung Hee ở Đại Hàn. Các tướng Nguyễn Chánh Thi hay Nguyễn Cao Kỳ không được coi là người có tài đối với cả nhóm. Mặc dù không ưa những người Cộng Sản, đa số vẫn mơ tưởng tới những lãnh tụ và chuyên viên cách mạng như Fidel Castro và Che Guevera. Malcom X và Martin Luther King Jr. cũng là những tên tuổi ảnh hưởng đến suy nghĩ của nhiều người yêu nước, muốn tìm một lối thoát tốt đẹp cho miền Nam.

Phong trào phản chiến bắt đầu có ảnh hưởng mạnh với những sách được truyền tay như Hoa Sen Trong Biển Lửa của Thượng tọa Thích Nhất Hạnh hay Fire In The Lake của Frances FitzGerald, cùng với cao trào nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn, Tôn Thất Lập, Miên Đức Thắng và Bob Dylan hay Joan Baez ở Mỹ. Một số lớn thơ của các nhà thơ trẻ đều mang chất liệu chống chiến tranh như Trần Quang Long, Thái Luân, Đỗ Nghê, Nguyễn Tường Giang, Phùng Kim Chú, Phan Lạc Giang Đông... Thái Độ cho ấn hành một tập thơ với chủ đề chiến tranh và ước vọng hòa bình với thơ của Nguyễn Đông Ngạc, Chu Vương Miện, Nguyễn Tường Giang, Phùng Kim Chú, Phan Lạc Giang Đông, Chu Trâm Nguyên Minh...

Chính quyền đã bắt đầu thắt chặt an ninh báo chí, Thái Độ in ronéo phải tạm ngưng. Thế Uyên nhờ một đường dây quen biết qua Duy Lam, vận động xin được giấy phép in tạp chí Thái Độ công khai, chúng tôi gọi là Thái Độ Xám, nhưng chỉ được một hai số cũng bị cất giấy phép. Đồng thời với sự bế tắc và không có đường hướng phát triển tương lai cho nhóm, cộng với tình hình leo thang chiến tranh của đất nước, những tranh cãi nội bộ xảy ra nhiều hơn về phương thức hành động và nhất là sự thiếu uyển chuyển trong cư xử cũng như thảo luận của Thế Uyên, một số thành viên như Nguyễn Huy, Nguyễn Tử Quý, Nguyễn Tử Lộc bớt tham dự và sau cùng rút khỏi nhóm. Một lý do khác là tất cả các buổi họp đều có mặt của Nguyễn Thúy Sơn, vợ Thế Uyên, trước đó không tham dự vào những tranh cãi của các thành viên, nhưng sau này hay cho những ý kiến bênh vực Thế Uyên khi bị tấn công. Đối với đa số chúng tôi có liên hệ họ hàng nên không thấy có vấn đề gì và cũng muốn tỏ ra tôn trọng ý kiến phụ nữ, nhưng với một số thành viên khác thì chướng mắt và không nghiêm chỉnh. Nguyễn Huy, một lần được hỏi ý kiến và quyết định một vấn đề đang bàn cãi, đã nửa đùa nửa thật : “để tôi về nhà hỏi ý kiến vợ tôi đã”.

Cuộc tấn công Tết Mậu Thân xảy ra, Thế Uyên bị gọi trở lại quân đội và làm giảng viên cho chương trình Quân Sự Học Đường, các thành viên khác hoặc bị gọi vào trường sĩ quan Thủ Đức hoặc thay đổi công việc, chỉ còn nhà giáo Nguyễn Đông Ngạc, nhà văn Thái Lăng, Trần Kỳ và tôi còn liên lạc thường xuyên với Thế Uyên. Nhóm quân nhân của Thế Uyên vẫn còn giữ tổ chức, văn hóa bị xếp lại, Thế Uyên quay sang viết sách giáo khoa và dịch sách để bù vào thiếu thốn tài chánh cho gia đình. Những thành viên cũ không còn lại bao nhiêu, dự tính vận động kết nạp thêm các thành viên mới gặp nhiều khó khăn, một phần do hậu quả của trận chiến Tết Mậu Thân, một phần là sự cứng rắn, thiếu tế nhị trong giao tiếp của Thế Uyên. Tôi và Nguyễn Đông Ngạc đã có lần nói với Thế Uyên : ông nên lui vào bóng tối, chỉ để chúng tôi liên lạc và vận động. Dĩ nhiên Thế Uyên không đồng ý và tuyên bố giải tán Thái Độ. Dù sao, tôi, Ngạc, Lăng,

Trần Kỳ và mấy người trong gia đình vẫn liên lạc và sinh hoạt đều đặn với Thế Uyên, nhưng trong tinh thần bằng hữu và đồng chí cũ. Nguyễn Đông Ngạc bỏ nhiều thì giờ in sách, lập nhà xuất bản Sóng, thành công khi xuất bản Chuyện Tình (dịch Love Story của Erich Segal), Hồi Ký Gia Đình Nguyễn Tường của Nguyễn Thị Thế (em gái của Nhất Linh, Hoàng Đạo, chị của Thạch Lam và cũng là mẹ của Duy Lam và Thế Uyên) và cuốn Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta (đầy đủ tiểu sử và quan niệm viết văn của 45 tác giả miền Nam). Nguyễn Tường Thiết vẽ tranh coi nhà xuất bản Phượng Giang của nhà văn Nhất Linh. Thái Lãng vẽ tranh và trông coi nhà in. Trần Kỳ đi dạy học tư thục. Tôi cùng một số bạn bè xuất bản Tập San Văn Chương, một tạp chí thuần túy văn chương và nghệ thuật, đồng thời thành lập nhà xuất bản Thạch Ngũ.

*

Cách đây hai năm tôi bay qua Seattle cùng Nguyễn Tường Thiết đến dự kỷ niệm năm mươi năm ngày cưới của vợ chồng Thế Uyên, không ngờ đó là lần cuối cùng tôi gặp Thế Uyên. Vẫn như thói quen mỗi lần chúng tôi gặp nhau là nhắc đến chuyện ngày xưa, những kỷ niệm cùng các bạn bè, kể sống người chết, mỗi người lưu lạc một phương. Thế Uyên hồi này đã thôi viết, lâu lâu con trai lại đưa đến một sòng bài trong khu đặc quyền của người Da đỏ để kéo (bấm) máy. Vẫn là Thế Uyên, khi nói đến thú vui này luôn luôn xác quyết: các ông hiền lành quá, không biết chơi bài có nhiều cái rất thú vị, nhất là nhìn thấy những cầu vồng, chim bay hiện ra trên mây, như một bức tranh. Tôi, Thiết và mấy người bạn chỉ cười. Chúng tôi vẫn biết Thế Uyên có tính rất chủ quan, khi biết hoặc thường thức một bản nhạc, ăn một món ăn ngon tại một tiệm ăn nào đó, đọc một cuốn sách hay xem một phim mới được chiếu... Thế Uyên luôn luôn nghĩ mình là người đầu tiên hay độc nhất khám phá ra và rất hãnh diện vì sự hiểu biết này. Có lẽ đó là một tính thơ ngây đáng yêu của Thế Uyên và làm cho Thế Uyên luôn yêu đời và đầy tự tin. Đối với chúng tôi đã quá quen thuộc nên không để ý, nhưng tôi đã nhiều lần nghe bạn bè nói gần nói xa, phê phán về bản tính đó. Nhất là một tính đặc thù khác của Thế Uyên là tính ca tụng vợ, Thi/Thúy Sơn, không những trong giao thiệp xã giao mà còn rất nhiều trong văn chương. Một nhà bình bút một lần ngồi ăn với tôi, cười nói: ông nói ông Thế Uyên nhà ông bót ca tụng vợ đi cho anh em nhờ. Tôi cười: ông để ý làm chi, ai mà không coi vợ mình là đẹp nhất. Cái tính này cũng làm một số bạn bè thân rời bỏ Thế Uyên vì Thế Uyên nghĩ ai cũng để ý và mê vợ mình. Nhưng đối với tôi, vợ chồng Thế Uyên đúng là một cặp uyên ương, theo nghĩa đúng nhất, hai người không thể thiếu nhau. Bây giờ nhìn Thế Uyên và vợ cùng con cháu họp mặt đầy đủ, tôi thấy Thế Uyên là một người hạnh phúc. Thế Uyên và vợ cùng nhau thổi tắt những ngọn nến cắm trên bánh cưới kỷ niệm, cái bánh cưới mà trước đây 50 năm, khi hai người thành vợ chồng đã không có. Một cháu gái lớn đọc một bài thơ bằng tiếng Anh tặng ông nội, một cháu gái khác hát một bài hát mừng kỷ niệm ngày cưới. Thế Uyên ngồi đó, trên chiếc xe lăn, hồn nhiên thưởng thức chiếc bánh ngọt, trông ngây thơ như một đứa trẻ. Thế Uyên càng về già, người mập ra và dáng dấp giống hết mẹ, tôi tưởng như nhìn lại hình ảnh của bà cô tôi, như mới ngày nào đây. Hình ảnh của mẹ và vợ luôn luôn đầy ắp trong văn chương Thế Uyên, hai nhân vật nữ ảnh hưởng sâu xa đến cuộc đời của Thế Uyên.

Tôi quen biết Thế Uyên đã bao lâu, có lẽ gần cả cuộc đời của tôi. Khi gia đình tôi ở hậu phương được bà nội cho người đón về, bà nội gửi gia đình tôi tá túc ở nhà bà cô tôi, mẹ Thế Uyên, ở Hải Phòng rồi Hà Nội. Nhưng hồi đó tôi còn nhỏ quá và ham chơi cùng em trai của Thế Uyên, cùng tuổi tôi, nên không có một kỷ niệm nào đáng nhớ. Tôi chỉ nhớ một lần Thế Uyên được bố sai đi mua bánh mì baguette mang về, được bố cho một phần bánh mì với bơ Bretel, Thế Uyên bẻ cho tôi một miếng nhỏ và đó là lần đầu tiên tôi được thưởng thức món ăn tây phương. Gia đình tôi và gia đình Thế Uyên là hai gia đình nghèo nhất họ, và vì thế chúng tôi là học sinh và sinh viên nghèo kinh niên. Nhưng với Thế Uyên thì cái nghèo đã đeo đuổi suốt cuộc đời. Tôi còn nhớ thời kỳ gia đình Thế Uyên ở một căn nhà xây tự túc rất thô sơ trên phần đất hoang nhỏ thuộc cư xá công binh, căn nhà nhỏ đến độ ai cũng nhìn thấy nhau và đi lại phải cẩn thận tránh né, căn nhà Duy Lam mô tả trong Gia Đình Tôi, luôn luôn trong tình trạng “tu tiên” (không đủ

thức ăn). Một buổi tối đến thăm gia đình bà cô, gặp Thế Uyên cho coi một truyện ngắn tôi không nhớ tên, ký với bút hiệu Vi Lao. Tôi hỏi Thế Uyên Vi Lao nghĩa là gì. Thế Uyên nói là lấy từ hai câu thơ của Lý Bạch: “Xử thế nhược đại mộng, Hồ vi lao kỳ sinh”. Không ngờ hai câu thơ đó lại vận vào tính tình của tôi và không có một chút ảnh hưởng nào trong đời sống của Thế Uyên, một người rất năng nổ trong mọi công việc, ham hoạt động và phiêu lưu.

Thế Uyên lang bạt kỳ hồ, khi lập gia đình tôi cũng không được biết. Sau khi lấy vợ và có con, đã ở trong quân đội và hành nghề giáo chức, Thế Uyên cũng không thoát khỏi cảnh nghèo. Tôi đã không ít lần phải dọn nhà giúp cho Thế Uyên vì toàn là nhà thuê, và nhà nào cũng chỉ như một căn lều, ở sâu trong các hẻm lao động, mùa mưa lụt lội phải xắn quần men theo những bờ đất quen mới vào thăm Thế Uyên được. Căn nhà tương đối tốt đẹp nhất là căn nhà thuê trong cư xá sĩ quan Chí Hòa, nơi có một thời tôi cũng là láng giềng, và cũng là căn nhà tôi đến ăn giỗ cùng Nguyễn Đông Ngạc khoảng một tháng trước ngày 30 tháng tư 1975. Tuy nghèo, sống trong tình trạng thường trực thiếu thốn, vay mượn thường xuyên mỗi tháng, thậm chí có khi phải qua nhà Chu Việt vay gạo ăn, nhưng Thế Uyên lại là người hào phóng với bạn bè. Những khi có một số tiền đặc biệt như tiền bản quyền sách dịch, sách giáo khoa, hoặc đầu tháng lãnh lương, Thế Uyên lại vội vàng rủ tôi hoặc Nguyễn Đông Ngạc hay một vài bạn bè khác đi uống cà phê hoặc uống bia. Nơi chúng tôi thường xuyên đến là quán Lú, quán Hàm Gió, quán Đa La. Chúng tôi đã thử cần sa trong khi nghe nhạc Phạm Duy, Trịnh Công Sơn ở quán Lú, xem và nghe Đức Huy, Tuấn Ngọc trình diễn nhạc của Simon và Garfunkel ở Hàm Gió, và nhiều khi tiêu thụ cả một hai két bia, nghe nhạc trẻ của ban Phượng Hoàng cùng Elvis Phương ở quán Đa La. Tôi cũng đã nhiều lần nghe bạn bè than phiền về tính thiếu sòng phẳng của Thế Uyên, nhưng tôi không nghĩ đó là bản tính của Thế Uyên, có thể là vì lúc đó có những nhu cầu thiết yếu, và Thế Uyên luôn nghĩ trong hoàn cảnh như thế, bạn bè phải thông cảm lẫn nhau. Thế Uyên là người có tài trong văn chương, có lòng với đất nước, nhưng không được thời thế đãi ngộ. Cũng như rất nhiều nhà văn của miền Nam và những người có tâm huyết tranh đấu cho một quê hương tốt đẹp trước 1975. Sau khi miền Nam sụp đổ, Thế Uyên cũng như một số nhà văn, nhà giáo, quân nhân khác bị đưa đi học tập cải tạo.

Tôi vừa đi dự lễ cầu siêu cho Thế Uyên, do các cháu con của Duy Lam tổ chức ở Tu Viện Vạn Hạnh vùng Centreville, Virginia. Sau khi ngồi nghe tụng kinh và lễ cầu siêu hơn một giờ đồng hồ, hai chân đau như, lúc đứng dậy phải vịn vai mấy đứa cháu, mới thấy mình đã già. Ngồi ăn bữa cơm chay cúng dường, tôi cùng Duy Lam, Chu Việt, Nguyễn Tường Đăng lại quanh quẩn nhắc đến những kỷ niệm với Thế Uyên và Thái Độ. Duy Lam khoe là đã viết một bài 25 trang gửi cho Da Màu về những kỷ niệm với Thế Uyên và cho biết đó chỉ là một phần nhỏ những điều Duy Lam muốn và sẽ viết về Thế Uyên. Nguyễn Tường Đăng nhắc lại những bạn bè sinh hoạt ngày xưa, luôn nhắc tới mấy câu thơ của Phan Trúơc Viên: “Này là hận thù này là tình thương cao ngất, cao hơn nóc hầm của mẹ tránh bom, cao hơn cây đa hồi chưa tróc gốc, cao hơn đình làng có đôi tổ chim”. Có thể đó là những dấu ấn khi Nguyễn Tường Đăng cùng tôi tản cư ở một làng quê heo hút vùng Nhã Nam, Yên Thế. Chu Việt thì đã hơi ngễnh ngãng, nhắc lại những kỷ niệm khi đi xin giấy quay ronéo cho Thái Độ do một người bạn ở nha quân nhu cung cấp và dịch Les Centurions của Jean Lartéguy cho Thái Độ Xám. Thời đó nhà của Chu Việt tương đối khang trang và khá rộng rãi nên thường được Thái Độ mượn cho những sinh hoạt văn hóa ngoại vi. Những ngày Phạm Duy mang đàn đến hát và Tạ Tỵ ngồi vỗ tay trên đùi luôn miệng : hay thật, hay thật. Những buổi ngâm thơ của nhóm, tiệc trà bánh ngọt tiếp bạn bè thân hữu ủng hộ Thái Độ. Buổi tổ chức nghe Miên Đức Thắng hát nhạc của chính tác giả, nhưng bản nhạc rất nặng về tình tự quê hương, chiến tranh tàn phá và ước vọng hòa bình.

Bây giờ đã gần 50 năm qua rồi. Duy Lam báo tin là sắp triển lãm tranh tại một câu lạc bộ văn hóa Mỹ địa phương, triển lãm đầu tiên của một họa sĩ Á châu. Tôi nhìn Duy Lam và nhớ đến Thế Uyên. Hai anh em đều có một sức sống mãnh liệt, sáng tác và hoạt động không ngừng

ngiht, đầy những ảo tưởng về hào quang văn hóa và chính trị và đầy lòng kiêu hãnh về những thành quả của mình. Tôi tự hỏi có phải là do tính di truyền của mẹ, em ruột của Nhất Linh, Hoàng Đạo và chị của Thạch Lam và Nguyễn Tường Bách. Tháng trước khi đi dự đám tang của chú tôi, nhà văn nhà cách mạng Nguyễn Tường Bách, tôi cũng rất hồ thẹn khi được nhắc lại chú tôi di cư đến Mỹ khi đã 72 tuổi, nhưng ông đã rất hăng say viết sách, hoạt động chính trị và để lại những dấu ấn sâu đậm cho cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại. Một sự trùng hợp thú vị là cả chú Nguyễn Tường Bách và cháu Thế Uyên đều từ bỏ Quốc Dân Đảng và chủ trương “ Cách Mệnh Xã Hội” theo mô hình các nước Bắc Âu*. Một người sống bên Trung Quốc, một người sống ở miền Nam Việt Nam, không thư từ liên lạc, cách nhau 16 năm đều có những suy nghĩ giống hệt nhau và cùng thất bại. Phải chăng Cách Mạng Xã Hội Không Cộng Sản chỉ là một ảo tưởng của những người lãng mạn và cả hai đều là những người lãng mạn cuối cùng của thế hệ Tự Lực Văn Đoàn.

Còn tôi, không biết là vì tính di truyền từ người cha mất sớm hay vì trí nhớ đã in đậm dấu hai câu thơ của Lý Bạch:” Xử thế nhược đại mộng, Hồ vi lao kỳ sinh” mà Thế Uyên đọc cho nghe khi còn trẻ, để cho đến bây giờ, ở tuổi trên bảy mươi, vẫn cảm thấy đời mình là một khoảng không.

01 tháng 7 năm 2013.

(*) Tháng 3. 1949 chúng tôi thoát ly Quốc Dân Đảng và thành lập nhóm “ Cách Mệnh Xã Hội” với chủ trương chống chuyên chính vô sản và tư bản bóc lột; thực hiện một chế độ “xã hội chủ nghĩa”nhưng không độc tài theo lối Bắc Âu. Tờ báo Cách Mệnh Xã Hội ra được vài số rồi ngưng xuất bản.(Lâm Lễ Trinh: Mạn Đàm Với Bác Sĩ Nguyễn Tường Bách). Vào những năm chót 60 và đầu 70, ở Sài Gòn xuất hiện một nhóm văn hoá lấy tên là THÁI ĐỘ... Mục đích là để tiến tới thực hiện một cuộc cách mạng không cộng sản, theo một khuôn mẫu tương tự các nước xã hội Bắc Âu như Na-uy, Thụy-điển... Chúng tôi tin tưởng rằng chỉ có phương sách thực hiện cuộc cách mạng xã hội (không cộng sản) mới thắng được Cộng sản. Đối với chúng tôi, tiếp tục chiến tranh hiện nay chỉ có ý nghĩa nếu cuộc chiến này (với sự trợ giúp của quân đội Mỹ) là một ngăn bờ, một cầm cự để những người quốc gia có đủ thì giờ làm cách mạng. (Thế Uyên: Nhóm Thái Độ; Những Người Lãng Mạn Cuối Cùng.)

Trại Cẩm Giàng trong ý tưởng



Lối vào Trại Cẩm giàng xưa / Ảnh Diễn Đàn Forum

Nhiều người đã cho rằng trại Cẩm-giàng là cái nôi chính của Tự Lực Văn Đoàn.

Hà nội có hai ga xe lửa, ga chính là ga Hàng Cỏ khá đồ sộ có nhiều tuyến đường đi khắp nơi, gia đình tôi ít dùng. Mỗi lần về quê ngoại, gia đình tôi thường dùng ga phụ nhỏ hơn là ga Đầu Cầu, tên gọi như vậy vì nhà ga nằm ngay đầu cầu Long biên băng qua sông Hồng đến cảng Hải phòng cách đó đúng 105 km, và cũng băng qua trước cổng trại quê ngoại của bọn tôi là trại Cẩm giàng. Gọi là "băng qua" e không đúng sự thực vì mỗi khi xe lửa chạy qua, là xì khói, hơi nước và bụi than cháy đổ ngay vào mũi lũ trẻ bọn tôi đang đứng khá sát đường sắt, "xem có sao không". Cũng may là tất cả đều được "bà mẹ" (theo tin tưởng cổ truyền, bà mẹ là nàng tiên tốt chuyên lo cho con nít) chăm lo cho nên không sao cả.

Xe lửa thường đông và sàn đầy rác, nhất là thứ nước quét trần đỏ như máu do các bà nhỏ ra dơ dáy chẳng kém gì nước thuốc lá do các vị cao bồi Viễn Tây nhỏ sai ống nhỏ, tung tóe ra sàn quán rượu ngày xưa. Bởi thế lên được toa xe là hai anh em, tôi và anh Duy Lam, dù chiều cao còn lùn xùn, thường lên ra đầu toa ngồi trên bực lên xuống cho dễ ngắm cảnh và nhảy lên nhảy xuống khi xe ngừng ở nhiều ga. Quen như thế rồi nên khi theo dân Hà nội di tản về miền quê tránh bom Mỹ ném quân Nhật rơi "lạc trúng đầu" mình, tàu hỏa đông đến nỗi không còn chỗ đặt chân (hiểu theo nghĩa đen). Nhưng khi xe lửa chuyển bánh, anh Lam hô tôi: Nhảy lên bám đi, tôi cũng xẩy đại vào chùm người đang bám lúc lỉu ở bậc lên xuống, chỉ níu được một tay lên thanh sắt và một chân lên bậc gỗ. Cứ như thế tôi tòn teng một nửa người trong không gian qua cầu Long biên, nhìn xuống, chưa bao giờ thấy sông "gần" mình đến như thế. Đến mỗi ga, người tị nạn lại xuống một ít nên đến ga trước ga Cẩm giàng, tôi đã kiếm được chỗ đặt đủ hai chân lên tàu. Khi tàu ngừng ở ga Cẩm giàng, mẹ tôi cười vui khi nhận ra hai đứa bám tàu bọn tôi, không trách cứ vì sinh trong một gia đình có nhiều anh lớn chuyên làm việc gia đình qua mặt Quan Thuế, các anh cách mạng chống Pháp, chống Cộng sản... bà quen với mọi hoàn cảnh hiểm nguy rồi.

Bọn tôi đợi đến khi tàu tiếp tục chạy đi Hải dương, chia hành lý nặng cho người làm ở Trại mang hộ, mấy mẹ con mới dắt díu nhau đi bộ về, trên con đường mòn sát đường sắt chắc chỉ đủ rộng cho một xe hơi (cho đến khi Trại bị san bằng, tôi chưa thấy một xe hơi nào chạy trên đường này, giàu hay nghèo cũng đều đi bộ.) Lam nhảy lên một đường ray. giơ hai tay giữ thăng bằng trên đường sắt. Tôi không bắt chước ngay vì còn mỗi mệt đã đeo tàu: từ nhỏ tôi vẫn yếu ớt về thể xác, nhạy cảm về tinh thần, hơn là ông anh chỉ hơn có hai tuổi. Sự chênh lệch này đến bây giờ cũng thế, ở miền tây bắc nước Mỹ tôi đã chống gậy và xe lăn vì một *massive stroke*, ông anh tôi nhờ tập yoga từ trong các trại cải tạo tập trung, vẫn thỉnh thoảng trồng cây chuối cho bọn bè con cháu coi chơi.

Được một cái quãng đường này không dài lắm, chưa chi đã đến cổng trại và đây là một cái cổng hẳn hoi, không nhớ kiến trúc sư nào đã vẽ kiểu hộ bà ngoại tôi: hai cột cao hai bên rộng đủ hai xe hơi đi lọt, phía trên là hai then ngang kiểu Nhật hay một giàn gỗ kiểu Pháp tôi không nhớ vì lúc nào hầu như cũng phủ kín hoa lá ti-gôn, thứ hoa màu hồng nhạt quyến rũ nhưng ngất xuống không dùng được vào việc gì vì hoa quá nhỏ. Cô em họ con đầu Thạch Lam, thường xuyên có mặt ở Trại, cất nghĩa cho tôi như vậy. Hai cánh cổng lớn thường xuyên khóa bằng vòng xích khá lớn kể như không mở bao giờ, it ra trong ký ức một chú bé con dưới 10 tuổi là tôi hồi đó. Bọn tôi ra vào một cổng nhỏ ngay cạnh bụi tre đặng ngà vàng óng ả, dưới dàn hoa ti-gôn. Và đến khi Thạch Lam chết vì lao ở "nhà cây liễu" làng Yên phụ Hà nội, bà ngoại tôi đón mẹ góa con cô của ông về Trại, cho ở căn nhà gạch mới xây hai phòng ở góc trại sát mặt đường phía nhà ga, thì bọn tôi đi lối này, gần hơn và hợp với lũ trẻ cháu bà hơn.

Sau cổng gỗ hoa ti-gôn và bụi tre vàng, là lối đi chính dẫn vào phía trong, lát gạch đỏ hai bên trồng hoa tóc tiên, không phải thứ tóc tiên leo lá lẩn tẩn hoa nhỏ đỏ chói, mà là thứ tóc tiên đất lá dài rậm rạp hoa hồng nhạt nhô cao nên rần thường đến ở và lột xác, cô em họ cất nghĩa vậy, và để chứng minh, nàng vạch cụm tóc tiên cho tôi thấy một thứ vỏ màu trắng trông dễ nể như xác con *alien* trong bộ phim sci-fi Mỹ - do đó mỗi khi ngồi khu này, tôi thường xoay xở cho lưng cách một quãng luống tóc tiên. Hai bên lối đi tóc tiên, bà tôi trồng mấy luống hoa hồng nhiều màu. Lối đi gạch đỏ bỗng nhiên quẹo trái tới một bụi cây hoa tròn xoe như mâm xôi trước khi lại quẹo phải tới một ngã ba: cứ đi thẳng sẽ tới tòa nhà chính của trại, nhà bằng gạch trên một một thềm cao nhiều bậc dẫn lên hàng hiên hai bên bày hai con voi bằng sứ: chỗ ngồi thích thú của tôi. Và cũng là chỗ bà tôi đặt bộ chỉ huy trại...

Bên phải là một nhà dọc kiểu Anh sáng, thẳng góc với tòa nhà chính lợp tranh dày cộp, vách bằng bùn trộn trấu quét vôi trắng trên thềm đất cao, trông nổi bật hẳn lên trong khung cảnh thường ít màu của đồng bằng miền bắc. Một hàng hiên khá rộng bao kín tòa nhà này, có thể coi là nhà khách của trại, chia làm ba phòng. Phòng đầu tiên hướng về cổng trại là phòng khách đích danh với một bộ bàn ghế mây tre to tướng: nơi tụ họp của các bác chú và Tự lực Văn

đoàn nói chung cùng thân hữu của họ, để uống trà (nhiều nhất) uống cà phê và nhậu nhẹt đôi khi (thời kỳ này khu Tự lực ít nhậu nhẹt so với lớp văn nhân bên ngoài và hậu chiến, và đôi khi có uống thật say thì dẫn đầu lại là... bố tôi (buồn thay, tại sao sẽ kể sau) rồi mới đến Thạch Lam, Đinh Hùng, Thế Lữ... Dĩ nhiên khu nhà khách những khi đó là *off-limit* cho trẻ con và chú bé con là tôi có tò mò lắm, cũng chỉ đến ngồi trên trạc cây sấu vườn trước nhìn vào và không hiểu gì cả về "thế giới người lớn" ồn ào kia. Tôi nhớ mang máng là ít có "bóng hồng vào ra" những hội họp đó vì bà ngoại tôi từng trải và nghiêm túc đứng chống một tay lên hông oai phong lẫm lẫm trên thềm cao nhà chính ngay kia. Sau này đi tu cạo đầu mặc đồ nâu sồng, bà mới bỏ dáng điệu con nhà võ - bà là con gái một võ quan miền Quảng nam được bổ nhiệm tới huyện Cẩm giàng này. Bố bà phụ tá cho một quan văn cùng quê nên sau này hai bên gả con nhau, tạo ra một chi Nguyễn-tường mới trụ tại miền Bắc, sinh sôi nảy nở ra một lô con cháu ở nội địa và ngoại quốc sau này.

Bên kia con đường dẫn vào nhà chính và thẳng góc với nhà khách là "nhà ngang" ba gian, dĩ nhiên không khang trang và mỹ thuật như nhà khách vì là nơi ở của người làm và lũ cháu đông đảo trong dịp giỗ và tết - bà tôi cho dọn mọi đồ đạc ra ngoài, trải một lớp rơm dày và sạch trên trải chiếu, mỗi gian một gia đình và cấm lũ cháu không được vào trước khi trời tối vì lũ cháu thành phố thường chui xuống dưới chiếu nghịch phá tan tành ổ rơm. Chính ở nơi này tôi lần đầu tiên khám phá ra sự tái sinh màu nhiệm của cây cỏ: trong túi tôi có lẫn ít hạt thóc vì nhẩy vào sân phơi thóc, mẹ tôi bắt vớt đi. Tôi dốc túi vào rãnh trước cửa nhà và quên đi cho đến sáng hôm chót thời gian cư trú Cẩm giàng, tôi ngạc nhiên và mê say sự mơn mớn của những cây thóc non mới mọc, đến độ vớt ít cây từ bùn rãnh nước, nâng niu trên xe lửa mang về Hà nội.

Con đường xi măng chia nhà khách ở bên phải, nhìn từ cổng vào, bên trái là một sân cỏ, sân bà tôi trồng một thứ cỏ thấp, thường bị dẫm nát bởi các cầu thủ tí hon tranh nhau đá một thứ tròn tròn nào đó - trong thời đệ nhị thế chiến không nhập cảng được những trái banh thứ thật. Có buổi sáng được phát xôi ăn sáng trên bãi cỏ, một ông anh họ phát minh sáng kiến vo tròn nắm xôi lại dùng làm bi bắn chơi với nhau. Khi người lớn trông thấy hét lên, một cậu vội phi tang hòn bi bằng cách đưa ngay lên miệng ăn nhồm nhoàm, tôi thì khá hơn: phủi bớt đất và cỏ rồi mới bắt đầu ăn.... Sát thềm tòa nhà chính, bà tôi mới đầu trồng một cây trúc đào lá thuôn cứng hoa màu hồng đào rực rỡ, sau vì nghe nói lá trúc đào rất độc, sợ lũ cháu cái gì cũng nhấm cũng ăn thử, bà cho chặt đi, thay thế bằng một cây liễu rũ rất quen thuộc cho chi thứ 5 Nguyễn thị Thế (mẹ của Duy Lam và Thế-Uyên) và chi thứ sáu Thạch Lam.

Bên trái tòa nhà chính là sân phơi thóc lát gạch đỏ vuông vức có bày một máy quạt lúa có trục quay tay khá nặng, làm bằng gỗ là chính. Gần đó là một đồng hình chóp nhọn mời gọi, tôi lập tức nhẩy lên chơi trước khi chị Sập, người làm, kêu lên can đừng vì đó là một đồng phân đang ủ cho hoai: phọt, phọt! cả hai chân tôi đã ngập trong phân... Chị Sập vội giơ hai tay dang rộng bế tôi lên, cứu nguy. Dĩ nhiên sau đó phải tốn hơi nhiều công sức tẩy ướ, mới đưa tôi về tình trạng có thể chạy chơi được và điều đầu tiên là loan báo các bạn đồng lứa về cái "bẫy nguy hiểm" trong sân. Không ngại mùi hôi, lũ trẻ xúm xít coi chị Sập đang dùng bùn trát lại cho nguyên vẹn hình chóp.

Bà tôi đuổi ma như thế nào: Chị Sập không những chỉ là bạn cứu nguy tôi trong trường hợp vừa kể, mà còn là người hay công, bế tôi đi coi chèo ở trên huyện hay đâu đó. Các cô người làm trẻ, không cứ của trại Cẩm giàng mà còn của bố mẹ tôi, hay bế hay công tôi đi coi hát chèo vọng cổ... ở các nơi hơi xa. Tôi coi mà có hiểu gì đâu, chỉ thấy chiêng trống um xùm trong tiếng hét tiếng khóc - lớn lên tôi mới phỏng đoán các cô "mượn" tôi làm một thứ *baby-sitter*, *escort*... cho các cô đỡ bị con trai chòng ghẹo.

Lần đó không hiểu sao bà chỉ gọi mẹ tôi về trại gấp đến nỗi phải đi chuyến tàu chiều, về đến nơi đã tối đen, không phải là tối thường mà là tối đen xì đen ngòm. Phòng ngủ của bà ngoại chỉ có

một đèn dầu nhỏ soi lờ mờ chiếc giường trải nệm trắng. Bà ngồi trên giường và lũ con cháu xúm xít trên chung quanh: lũ chúng tôi không chịu về ngay phòng ngủ như thường lệ. Bà sắp kể chuyện ma, mà lại là ma đang viếng nhà bà, làm sao ngủ! Lần này không có mục chân co lên giường vì sợ, chúng tôi vẫn phải ngồi trên sàn đá hoa vì lệnh cấm không được leo lên làm bẩn tấm drap trắng vẫn duy trì, thậm chí sờ một cái cũng không được. Bằng một giọng lúc bổng lúc trầm, bà kể không biết có một bầy ma ở đâu lạc lõng đến quấy phá hàng đêm không cho bà ngủ, cứ chạy đuổi nhau trên trần âm âm. Bà đã hai lần nhờ anh người làm to khỏe leo lên thang, mở miếng vuông dẫn lên trên trần, soi đèn pin tứ tung, nhưng không thấy gì. Im vắng được một lát, rồi khi anh Dự người làm xuống nhà dưới đi ngủ, mọi sự lại âm âm. Gọi chị Sập lên ngồi canh, vô ích, lũ ma này coi bộ không sợ đàn bà con gái... Sau cùng bà phải gọi một ông thầy bói nổi tiếng trong vùng tới xem, và đúng như một tục ngữ: *bói ra ma, quét nhà ra rác*, ông thầy phán: đúng là có một lũ ma đói *homeless* mới đến cư ngụ căn nhà này, phải mời *thầy pháp* đến thôi. Mời thì mời, để thôi... Ngày mai sẽ lập đàn cúng kiếng cho thầy pháp trở tài bắt quỷ đuổi ma.

Không biết có phải sợ thầy không đủ cao tay, mà quỷ sống ra bắt nạt người sống, bà cho gọi mẹ tôi về gấp. Mẹ tôi vốn cứng bóng vía có tiếng. Bà không gọi các chú các bác vì sợ các con trai cười cho, còn mẹ tôi là con gái, kể gì... Theo truyền thống, chuyện ma quái thầy bói thầy pháp... vẫn là chuyện của đàn bà con trẻ.

Tôi không nhớ nổi các chi tiết cụ thể, chỉ biết mọi sự được tổ chức tại căn phòng đối đầu với phòng khách của các ông, đèn nền sáng chưng chuông trống âm ỉ, như vậy chưa đủ thầy pháp còn có thể giơ lên cao một trống nhỏ, đánh nhịp điệu đuổi quỷ, chắc thế, nghe không vui như tiếng trống giao thừa của bố tôi đánh trên thềm hiên cao. Ông thầy mặc áo the đen, tay giơ bắt quyết, miệng đọc những lời không biết tiếng mã tà ma ní chi đó, thỉnh thoảng lại bắt quyết trên đầu con đồng là chị Sập, đầu phủ kín một làn the đỏ, trông cũng bí mật lắm. Đến một lúc nào đó chị bắt đầu quay đầu, trước nhẹ nhẹ sau nhanh dần. Mọi người chung quanh xì xào: đồng nhập rồi, đồng nhập rồi! Không khí nghiêm trọng: đã bắt được ma nhập vào chị Sập rồi, từ đó ông thầy pháp đọc thần chú không ai hiểu, chị Sập trả lời ú ớ u ơ... cũng không ai hiểu nốt, cả hai cứ như thế cho đến khi con đồng thẳng, miếng the đỏ phủ được bỏ đi, và chị Sập được bồi dưỡng giải lao.

Sau đêm thầy pháp điều đình với ma như thế, về sau không thấy bà tôi than phiền gì nữa về chuyện ma quỷ trên trần nhà nữa. Đừng ai hỏi tôi tại sao vì tôi không biết, thật thế. Trước khi Pasteur dùng kính hiển vi thô sơ nhìn thấy nhiều vi trùng lớn nhỏ bơi lội thoải mái trong một giọt nước, không ai ngờ là có. Mắt chúng ta không trông thấy một sự vật gì, đừng vội khẳng định là không có... Bên cạnh tòa nhà chính là một sân gạch, bên cạnh có một cây xương rồng to bự, vào mùa hoa nở màu vàng sậm thơm lừng cả khu vực. Người lớn bảo những loài rắn độc rất mê mùi hoa cây này, lại gần phải coi chừng. Tôi dón dến lại gần, chỉ thấy những chú thằn lằn xanh lè xông ra, ngóc đầu lên nhìn tôi đe dọa. Thế cũng dễ sợ rồi cho chú bé là tôi. Ở đầu sân gạch là một cây mít quả lúc lỉu bám vào thân cây, thân chính có cột một tàu cau khô dẫn nước mưa chảy vào một chum nước. Lần nào về trại, tôi cũng ghé thăm chum nước mưa này, ngắm mấy chú cung quăng bơi lội tứ tung, dù thế người lớn vẫn khẳng định là nước sạch uống được. Có lẽ hồi nhỏ Nhất Linh cũng đã nghiêng đầu nhiều lần trên một chum nước như thế, thả vài hạt muối trắng vào, coi chúng tan biến như chưa bao giờ có - như đời một con người trên mặt tinh cầu trái đất này.

Bà tôi xây một bếp đứng có thể đun một lúc nhiều nồi, kê một cái phản gỗ lớn để các bà ngồi làm cỗ. Phần nửa phía sau nhà chính là một bể lớn tích trữ nước mưa đủ dùng quanh năm, mở về phía trong nhà bếp cho an toàn người lấy nước về mùa mưa. Đi qua nhà bếp, một sân nhỏ, là đến hàng rào dâm bụt ngăn với vườn sau, là nơi làm việc của anh lực điền Dự, trụ sở chính là căn nhà tranh chừa cối và chày giã gạo. Đối với trẻ con thành phố, đây là một cơ quan hấp

dẫn, tôi đã có lần quanh quẩn cả buổi tại đây, coi anh Dự đập chày xuống hố trước khi co chân lên cho chày bổ xuống cối gạo một tiếng rõ to, chị Sập qui bên cối, xúc gạo lên. Cứ như thế đều đều. Đôi khi anh Dự chuyển sang một hoạt động hào hứng hơn, như "ăn ong" chẳng hạn. Đây là công tác đàn ông nguy hiểm nên bọn trẻ và chị Sập chỉ được đứng trong nhà giã gạo, ngoài tầm tấn công của đàn ong. Anh Dự làm một bó đuốc to quấn thêm rẻ để tạo ra nhiều khói hơn, cời trần làn da nâu xỉ (tôi chưa có cơ hội thấy anh mặc áo), đốt đuốc leo lên một cây cau. Ong vàng bay ra bao lấy kẻ tấn công, anh Dự quơ đuốc xua ong. Sau cùng anh gỡ được tổ ong, tụt xuống mang vào cho "nàng" và lũ tôi coi. Anh mở toang tổ ong cho thấy mật chảy ứa ra, từng dĩa ong non trắng lúc nhúc. Anh ra về không quan tâm tới "nàng", chị Sập bây giờ phải gọi là nàng thôi - bất cứ phụ nữ nào đang yêu hay đang được yêu, đều phải gọi là "nàng" hết, bất kể tuổi tác xấu đẹp, đang quẹt vôi lên những chỗ ong chích.

Anh Dự mời bọn trẻ nếm thử mật ong vườn nhà, một vài ngón tay giơ ra, không có ngón nào của tôi, đến chiều anh Dự làm món ong non chiên giòn mời mọi người ăn thử, trong những bàn tay nhô nhón một con ăn thử và khen "cũng giòn đấy", cũng vẫn không có tay nào của tôi: tôi không bao ăn bao uống như nhiều người. Những món như ba ba, mồi chửa nuốt tươi, cày bọ cạp nướng, chuột ướp ngũ vị hương, rượu trộn máu đuôi rắn độc... tôi đều không biết ăn dù vào lúc đói dài người, đói kinh niên mãn tính trong các trại cải tạo tập trung của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Một chuyến về trại Cẩm giàng sau này, tôi chỉ thấy một con chó vận thay cho con Mực ra đón sửa nhặng xỉ và những người làm mới. Bà tôi cho biết anh Dự lấy chị Sập (có lẽ tên đúng là Thập, tôi nói ngọng thành Sập chẳng), đôi trẻ xin về quê đẻ con, sau đó không trở lại làm nữa. Tan biến mất tích vào cái đồng bằng nhân mãn thường xuyên nghèo và đói từ ngàn đời. Nhưng hai người đó được lấy nhau và sinh con đẻ cái, là một truyện tình có hậu hẳn hoi, và như thế "cũng tốt thôi"...Miêu tả trại Cẩm giàng như thế, là quên một "nhân vật" quan trọng, là cái ao dài cách nhà khách một khoảng vườn nhiều hoa, nhiều nhất là hồng, sồi, ngâu. Ao người ta thường tròn, ao bà đào dài sát bờ tre, lấy nhiều đất làm các nền nhà nên chứa được nhiều nước tắm giặt, và bơi tùm tùm cho lũ cháu. Một lối đi lát gạch, từ giữa nhà khách ra bờ ao có làm các bậc gạch cho dễ lên xuống, và chính lối đi này đã dụ một cô bé con Nhất Linh chập chững đi theo và rớt tòm xuống, chết ở ao nhà. Lâu lắm rồi, tôi chỉ nghe kể lại. Tháng 1 năm 1955, đứng trên bậc thềm toa xe lửa đưa tôi vào Nam, kẻ cuối cùng của một giòng họ đồng đảo di cư vào Nam, khi qua vùng Trại Cẩm giàng, tôi cố nhìn kỹ nhưng không thấy trại năm xưa đâu hết. Chiến tranh, cách mạng đủ loại đã quét hết, nhà cửa cũng như cây cối. Đứng nghiêng hẳn người ra khỏi toa xe, cố nhìn, tôi chỉ thoáng thấy vết tích duy nhất là cái ao dài. Còn lại bao nhiêu trở thành ruộng hết.

Xưa kia, lâu lắm rồi, có một bà góa trẻ và nghèo nhưng quyết tâm nuôi đàn con ăn và học cho thành tài. Và không những thành tài về học vấn mà còn thành danh về văn học nữa: những Nhất Linh, Hoàng Đạo, Nguyễn thị Thế, Thạch Lam, Tường Bách là con của bà, những Tường Hùng, Nguyễn tường Thiết, Nguyễn tường Giang, Duy Lam, Thế Uyên, Đặng Thơ Thơ là những cháu nội và ngoại của bà. Khi còn nghèo phải thức khuya dậy sớm kiếm tiền nuôi các con, bà có một lời nguyện: khi nào có đủ tiền sẽ mua đất làm nhà tí ngoài xa để không ai chắn gió đồng nội của mình. Quả thực bà đã thực hiện được giấc mộng ấy, nhưng rồi bây giờ, lúc này đây, gió đồng nội lại vì vụ thổi trên phần ruộng đất xưa là trại Cẩm giàng của bà. Ruộng đất lại trở thành ruộng đất như xưa.

Seattle, tháng 7, 08

Phụ đính I :

Tình ca ranh giới sống - chết

Cuối năm mùa mưa năm ngoái, tôi và Thi trở về Đà Lạt thăm mẹ sau một thời gian xa cách. Chiếc xe ca của hãng hàng không thả hai đứa xuống ga xe là vào buổi trưa, trời có nắng, thành phố miền núi này vẫn quen thuộc, êm ái vỗ về. Và như thói quen thiết lập kể từ khi nhà ga thành phố biến thành trạm đi đến cho đường hàng không, hai đứa sang hàng phở ngay kế bên, ăn bát phở trong không khí lạnh đã lâu lắm mới được hưởng. Tôi không vội vã đi đâu, về đâu cả. Một người bạn văn tôi mới in xong một tập truyện có nói sẽ xách một cái jeep tới đón tại nơi này – cả anh lẫn xe đều không thấy đâu. Nhưng tôi không có ý chờ đợi, cả anh bạn ấy hay bất cứ ai. Thành phố này là nơi yên nghỉ của tôi, không gian thích hợp để tôi thu mình vào: làm nhà văn viết văn là mở rộng mình ra với thiên hạ, tổ chức tranh đấu này nọ là một cách thức mang thân mình ra đánh một trò chơi lớn với cuộc đời, còn là mở rộng mình ra hơn nữa. Ngoài trời, nắng vẫn đẹp và trong trên lớp đá lát đường, bên trong tôi đã uống cạn ly cà phê, không ngon gì nhưng thích thú. Một chuyến đến vừa ý, như hai đứa tôi dự trù sẽ sống ở thành phố này: không chương trình thăm viếng bất cứ thác nào, không tiết mục họ hàng thân thuộc, và một người bạn thân hiếm có ở nơi này, thì trưa mai sáng ngày kia sẽ gặp, vào lúc nào chẳng được. Cứ từ từ, tùy hứng mà buông thả mình vào những con đường cỏ mọc cao hai bên; những cây thông nâu, không khí lạnh. Con người tôi sẽ thu dần lại được, giản dị như thế.

Bởi vậy, tôi quả thật không vui khi biết nhà văn có cuốn sách mới xuất bản kia dự trù một buổi sinh hoạt tại hiệu sách Nhân Văn để “ra mắt” cuốn sách của anh với bạn bè nơi này. Và dĩ nhiên là tôi bắt buộc phải có mặt, ít nhất với tư cách của người xuất bản... Mà lúc này, tôi đang muốn tôi không là cái gì hết ngoài tôi. *Làm nhà văn, làm xuất bản, làm lính, làm người tranh đấu* lảng quăng hay nghiêm chỉnh, làm cái gì đó cũng là một hoàn cảnh nó làm đông đặc, sống tôi lại trong một vóc dáng nào đó, vai trò nào đó – những người chung quanh tôi đòi hỏi, xã hội của con người đòi hỏi và tôi phải đáp ứng tối thiểu, nếu không muốn bị thiên hạ tưởng tôi là đến lúc cần lên an dưỡng ở dưỡng trí viện. Tôi không thể khước từ lời mời tham dự phiên họp văn nghệ ấy của người bạn, và điều đó có nghĩa là tôi phải *làm nhà văn*. Nhưng có một buổi tối thôi, thì cũng được. Tôi còn dư thời gian để chẳng là cái gì khác ngoài một đôi trai gái lang thang trên các con đường dốc, lê la các quán ăn, quán cà phê xứ này.

Vì thời gian gấp rút – hình như người bạn sắp phải đi công tác xa thì phải – hai đứa tôi ngồi luôn trên xe jeep trong khi anh bạn đi mời bạn bè tham dự buổi sinh hoạt. Xe chạy tới địa điểm này địa điểm kia, anh bạn cứ vào mời, còn tôi cứ đứng dựa vào mũi xe hút thuốc ngắm cảnh chung quanh: tôi chưa hề biết rõ thành phố này bao giờ và góc cạnh nào của nó, dù chỉ một cây hoa cánh bướm mọc lẻ loi cạnh một bức tường vôi, cũng làm tôi thích thú. Vào một lúc nào đó, anh bạn nói với tôi: “Bây giờ đi mời vợ chồng Lê Uyên Phương, cặp đó hát hay lắm!”. Tôi nghe một cách lơ đãng bởi vì đã từng tham dự quá nhiều buổi văn nghệ ở tỉnh xa, cái tên xinh xắn Lê Uyên Phương không làm tôi nghĩ tới điều gì khác hơn là một đôi vợ chồng trẻ, chồng làm giáo sư hay quân nhân cấp úy phục vụ ở tiểu khu, vợ là một nữ sinh Bùi Thị Xuân hay Đồng Khánh. Cả hai cùng hay hát khi còn đi học và bây giờ còn hát tài tử cho bạn bè nghe trong những dịp họp mặt. Đại khái không là gì khác hơn một giọng ca ngoan, hơi rụt rè với thoáng hồng trên má. Tôi đã nghĩ như thế trước khi xe ngừng ven một con đường nhỏ dẫn lên Viện Đại học, trước căn nhà của đôi vợ chồng sau này được gọi tên ngộ nghĩnh là Lê Uyên và Phương, một căn nhà gỗ làm theo kiểu thông dụng khá dễ thương ở miền núi này với vài ba cây mận rải rác trên sân đất đỏ. Hai vợ chồng đã về Sài Gòn và buổi sinh hoạt buổi tối đã diễn ra như tôi nghĩ: một bầu không khí hơi quá nghiêm chỉnh để có thể gọi là vui và tôi cũng ráng *làm* cho xong vai trò người xuất bản trong những giọng ca ngoan, hơi rụt rè của người nữ sinh

Bùi Thị Xuân. Xong phần tối thiểu, tôi kéo Thi, hai em gái và T. Lãng, mượn luôn chiếc xe jeep của người bạn lái đi lang thang. Định đi ăn bánh cuốn nhưng chưa ai đói, Lãng kéo luôn tới một quán mới mở ở đường HD do chính đương sự lãnh phần trang trí. Trời hơi mưa bên ngoài, trong căn phòng dài nhạc ồn ào, tôi nhấp nhấp một ly rượu pha, nghe một cô ca sĩ mà bọn tôi thường gọi đùa là cố Hủy Thế hát bài “lắc lư con tàu đi” và những bài tình ca khác nữa, những cung điệu quen thuộc, ổn cố.

“Những bản tình ca, những cung điệu quen thuộc, ổn cố...”, tiện câu văn thì tôi viết như vậy thôi. Thực ra, chỉ có những bản tình ca của mỗi thời kỳ, những cung điệu quen thuộc cho từng cá nhân. Những bản tình ca của người trên tôi một thế hệ hay hơn có thể là *Trương Chi*, *Thiên thai* của Văn Cao, *Biệt ly* hay *Tạ tử*, nhưng chắc khó mà có thể là tình ca cho người cùng lứa cho tôi, dù nghe vẫn thấy đó là những bản nhạc hay. Chìm đắm trong khói thuốc, men rượu, tôi lắng nghe các lời ca điệu nhạc, tôi nghĩ rằng có lẽ tình ca bây giờ là tình ca Trịnh Công Sơn, Phạm Duy, Từ Công Phụng, Vũ Thành An... Và tôi tưởng rằng những người làm nhạc ấy có lẽ đã khai triển và đưa ra âm thanh tình yêu của thế hệ hiện chiến một cách gần đầy đủ – trừ một thứ tình yêu nào đó.

Đó là thứ tình yêu của những người tiếp giáp với cái chết, thường trực ở ranh giới của sự sống và sự chết. Với cuộc chiến tranh này, bao nhiêu người đã và còn đang ở vị trí ranh giới – người ta yêu nhau trong an bình và ổn cố, hẳn không thể giống thứ yêu nhau khi người đàn ông biết rằng sáng mai khi mặt trời lại mọc, mình sẽ trở lại chiến trường. Nghĩa là vào vị trí ranh giới đó. Còn người đàn bà, khỏi cần viết nhiều cũng có thể biết một buồng thả hiến dâng với tương lai vững chắc khác hẳn một dâng hiến cho người tình rời mình vào lúc bình minh có thể là rời vĩnh viễn. Làm nhà văn, tôi đã dùng chữ và giấy diễn tả nhiều lần thứ tình yêu trong vị trí ranh giới ấy, nhưng chỉ là những diễn tả bằng ký hiệu, cách bức... Thơ đỡ cách bức hơn, nhưng chỉ đỡ hơn thôi. Chỉ có âm nhạc, qua các âm thanh sắp xếp, mới chuyển được tình cảm đi trực tiếp hơn. Thế mà đã từng nghe hầu hết các tình ca hiện đại, tôi không thấy tình ca nào diễn tả thứ tình yêu ranh giới sống chết ấy – trừ một vài bài vài đoạn trong nhạc của Trịnh Công Sơn làm tôi thấy thấp thoáng ít nhiều...

Tôi không ngạc nhiên về tình trạng này. Phải lâm vào, phải ở trong hoàn cảnh ranh giới, ít nhất trong một thời gian với toàn thể tâm hồn thể xác mình, mới biết được ý thức được – giai đoạn đầu tiên và cũng là tối cần cho sự diễn tả trình bày về sau. Những người làm tình ca bây giờ, những Vũ Thành An, Từ Công Phụng và cả đến Trịnh Công Sơn, chưa có ai sống qua một khoảng đời mình trong vị trí bấp bênh sống chết ấy. Làm sao mà đưa vào âm thanh, vào tình ca.

Cũng vì suy nghĩ như thế nên ít lâu sau, một buổi tối trong Hàm Gió, một quán cà phê tôi và Thi hay lui tới, tôi chú ý tới vợ chồng Lê Uyên Phương ngồi ở cuối quán khi người bạn nan y không biết sống chết thế nào, và như thế từ nhiều năm rồi. Nhưng chú ý vậy thôi, không nhiều lắm và buổi trình diễn đầu tiên của hai vợ chồng đó, cũng tại quán này, tôi và Thi đã quên đi không tới... Một thời gian sau, một buổi tối người bạn chủ quán để lại tape nhạc ghi lại vài bài của Lê Uyên Phương trong buổi trình diễn ấy.

Ngay từ những đoạn âm thanh đầu tiên cất lên, chẳng biết là bài nào, tôi đã ngạc nhiên và xúc động. Những tình tự chất liệu nguyên, hoang sơ như một đám cỏ tranh trên đồi, những xúc động nguyên thủy của nam nữ, tất cả qua một giọng ca của một người nữ như còn run rẩy trong cơn làm tình và tê dại toàn thân trong đau đớn vì tình yêu đã bay đi. Và thích thú hơn, hình như tôi đã nghe thấy cảm thấy thứ tình yêu ranh giới sống chết ấy.

Khi Lê Uyên và Phương trình diễn trước công chúng hỗn tạp Sài Gòn lần đầu ở Queen Bee, dĩ nhiên tôi và Thi tới – dù cả hai đứa đều ít ưa thích các phòng trà loại này. Uống cạn chai bia đầu tiên, tôi chán ngán nghe những bản nhạc quá nhàm chán, diễn tả bởi những ca sĩ chuyên nghiệp, có điều luyện nhưng hát như máy. Ngay cả khi Khánh Ly xuất hiện hát ba bài liên tiếp; tôi cũng

không thấy thú vị gì hơn – nàng du ca đi chân không mà hát đã đi vào quá khứ, chỉ còn nàng ca sĩ Khánh Ly, rất nghiêm chỉnh và trịnh trọng từ y phục tới các thế trình diễn. Tôi quả chưa đủ già để thích cô Khánh Ly mới này...

Tối đó, tôi và Thi đã lắng nghe Lê Uyên và Phương và nhiều khi hai đứa đã xúc động ghi nhận khi thấy có người đã qua nhạc và lời ca trình bày được thứ tình yêu ranh giới mà hai đứa đã từng phải trải qua. Quả thực Phương đã đưa ra một thứ tình ca mới tôi chưa từng thấy trong âm nhạc Việt Nam bao giờ.

Đây không phải là thứ tình ca *như* mọi người, *cho* mọi người. Đó là tình ca *của* hai người, tình yêu thật đặc thù của một người nam và một người nữ yêu nhau, không phải như bất cứ người nam vô danh người nữ vô danh nào khác, mà của *một* người nam và *một* người nữ. Một thứ tình duyên tạm bợ vì cái chết chắc chắn bay bổng trên cao đe dọa – khi nào đám mây đen đó chụp xuống? Một sự phơi bày tình yêu riêng tư trần trụi nhất, không một e thẹn nào. Và cũng không phải thứ tình yêu trình bày phiến diện, nghĩa là chỉ nói chỉ diễn tả những trạng thái tâm hồn, xúc động tình cảm của yêu đương. Đây là thứ tình yêu đủ, tình yêu tròn, trọn vẹn, nghĩa là sự rung động của xác thịt, của thân xác được đưa lên, nâng lên đúng vị trí của nó trong cuộc đời của con người. Trong *Vũng lầy của chúng ta*, Phương đã không làm gì khác hơn là ghi lại, diễn tả cuộc làm tình của hai người với tất cả giai đoạn chính của nó.

*theo em xuống phố trưa mai
đang còn nhúc nhích mỗi đôi vai
theo em bước xuống cơn đau
bên ngoài nắng đã lên mau*

Đó là giai đoạn chót của cuộc làm tình, người đàn ông rã rời nhưng không được yên nghỉ vì nắng đã lên, hai người phải trở về với cuộc đời thường nhật sau khi đã hiến dâng cho nhau, đam mê nhau với tất cả con người mình:

*cho nhau hết cả mê say
cho nhau hết cả chua cay
cho nhau chết hết thơ ngây
trên cánh môi say
trên những cánh tay...*

Sự trở về của người nam và người nữ sau đó dĩ nhiên chỉ có thể là “...*bước về tình buồn*”. Nhưng trưa nay, tối nay, ngày mai, hai người lại hoà thân xác vào nhau, xông vào nhau để tìm một sự trở thành MỘT NGƯỜI. *Lưỡng nghi* cố tìm đường trở thành *Thái cực*, nhưng đó là một sự thất bại biết trước. Âm và Dương, như trong biểu tượng mà Đông phương đã trình bày, chuyển động xoay tròn xoắn vào nhau, nhưng không bao giờ hoà vào nhau được – bởi vì có đạt được như thế chẳng, thì sẽ là ngưng mọi chuyển động, là thái cực hiểu theo nghĩa phương Đông, là cái chết, là chấm dứt sự sống. Nhưng mỗi lần có thêm một đôi lứa yêu nhau trên thế gian, dù cả hai cùng đạt tới khoái lạc cực điểm cùng một giây, cả hai có cố mở mắt thật lớn để nhìn vào nhau, thì đúng vào giây đó, chỉ còn cách MỘT NGƯỜI tưởng như một khoảng rất nhỏ nữa thôi, hai người liền bùng lên tan biến, tan biến cả hai: tôi không còn hiện hữu và người tôi yêu cũng không còn hiện hữu. Để rồi sau đó chỉ còn là “...*tình buồn chồng chất lê thê*”. Nhưng cuộc hành trình thất bại từ trước khi khởi hành ấy lại phải bắt đầu lại – trừ phi đã hết yêu nhau. Và như vậy thì:

*ta sống trong vũng lầy, một ngày vùi dần
còn vùi sâu, còn vùi sâu
trong ngao ngán không dứt cơn ê chề...*

Cuộc đời của đôi lứa nam nữ như một thứ “đam mê vô ích” ấy vẫn tiếp tục mãi mãi dưới ánh sáng mặt trời, cho tới vĩnh viễn. Tôi hiểu Phương, tôi hiểu tâm trạng ấy: cái chết đang đe dọa và người yêu thì còn kia. Phản ứng của người nam trong hoàn cảnh ấy là muốn tìm qua sự hiện hữu của người phối ngẫu kia sự trường tồn, sự sống của chính mình. Tôi nghĩ và hiểu như thế vì đã hơn một lần, tôi ôm người yêu trong tay, nhìn qua khung cửa nhìn chân trời đã hừng sáng mà lo ngại bởi vì nắng mà lên đã cao, tôi sẽ theo quân vào rừng. Có thể hiểu như thế là hiểu sai chăng, nhưng điều đó không quan trọng bởi vì nghe nhạc, thường là nghe chính quá khứ và bằng quá khứ của chính mình.

Một điều đặc biệt nữa tôi nhận thấy ở tình ca Lê Uyên Phương: đó là sự vắng bóng của sự ồn cổ và tin tưởng. Nghe tình ca của những người khác, từ Phạm Duy cho tới Trịnh Công Sơn, tôi thấy có sự tin tưởng ở tình yêu như một yếu tố chắc chắn có đấy, một thực thể ồn cổ. Có thể buồn, nhớ thương, đau đớn, khắc khoải, nhưng tình yêu là có. Đến Phương, tình yêu chỉ còn là những khoảnh khắc nào đó nhất định.

*hãy ngồi xuống đây hôn nhau lần này
hãy ngồi xuống đây cho nhau lần này
hãy ngồi xuống đây chia tay lần này*

Hôn nhau, hiến dâng cho nhau một lần này, chính là chia tay nhau thêm một lần. Thật giản dị và cũng là sự thật. Hai thân thể, hai tâm hồn cố hoà vào nhau nhưng để rồi lại thất bại, hai thân xác rời rời buông nhau và hai tâm hồn rời xa, mỗi người trở lại với nỗi cô đơn làm người của chính mình. Nếu có điều nào an ủi cho con người khi biết yêu, đó là sự cô đơn cùng nhau với nhau.

Tình yêu đến đây quả đang đi đến chặng chót của cuộc hành trình của nó. Trong cuộc chiến kéo dài, trong một xã hội đang tan rã đến giai đoạn chót, người trẻ tuổi chỉ còn tin được vào tình yêu của chính mình. Phạm Duy còn tin, Từ Công Phụng, Vũ Thành An, Trịnh Công Sơn còn tin. Đến Phương, tin tưởng chẳng còn bao nhiêu, hoạ chăng là những khoảnh khắc, thế thôi. Nhưng có là *khoảnh khắc* thì vẫn còn là có. Và chính là vì khoảnh khắc, nên lại cần lao vào hồi hải. Những đôi lứa yêu đương bây giờ, không còn biết làm gì hơn là rủ rê nhau “*Hãy ngồi xuống đây*”. Để làm gì? Sung sướng thay các cụ chúng ta. Các cụ khi còn trẻ có *rủ nhau ngồi xuống đây* thì thường cùng là để ngắm trăng sao, thề non hẹn biển và nếu có đi xa hơn chỉ là một sự “lôi cuốn ngoài ý muốn của các đương sự”. Còn bây giờ:

*hãy ngồi xuống đây
như loài thú hoang yêu nhau ngoài đồng
dưới nắng ban mai phô thân trần truồng kiếp sống hoang sơ...
hãy ngồi xuống đây vai kề sát vai cho da thịt này đốt cháy thương đau cho cơn buồn này
rốt nóng truy hoan cho thiên đường này...*

Thật cả là một lời hô hào yêu đương. Thật dữ dội, thật ngây thơ và cũng thật tội nghiệp. Đêm vừa qua, sinh nhật của Thi, hai đứa khá muộn mới tới Hàm Gió và tới chai bia thứ ba, tôi ngừng lên mới thấy ở vị trí mà trong các gia đình cổ kính mới một thế hệ trước đây còn treo hoành phi trịnh trọng, chủ quản đã cho treo một bức hoành phi như tục lệ, duy chỉ có điều khác là bên trong không đề chữ

Hán mà chỉ để có mỗi một chữ LOVE. Tôi vừa buồn cười vừa thấy thương.

Lý do vì tôi đoán biết người đề xướng ra bức “hoành phi” này có lẽ muốn đề tiêu ngữ đang phổ thông của sinh viên Hoa Kỳ: *Make love not war*. Nhưng sợ đề như vậy là bị ghép vào tội “phản chiến” chẳng... Dám ra Tòa án Mặt trận và 5 năm cấm cố như người làm nhạc trẻ Miền Đức Thắng.

Đêm vào khuya hơn nữa, tôi chợt nghĩ tới hai hình ảnh, hai hoạt cảnh mà tôi tham dự cả hai trong thời gian gần đây. Hoạt cảnh thứ nhất: từng đoàn sinh viên lao mình trong đám hơi cay, la hét tranh đấu, một cô bé nữ sinh Gia Long quần áo trắng đơn sơ, mắt còn trong veo bị ba bốn cảnh sát đã chiến tùm lầy ném lên xe jeep, xe rú còi inh hỏi phóng đi như bay, nhưng tôi còn trông thấy, qua hai chân dạng và chiếc dùi cui lủng lẳng của người cảnh sát cô bé đó đang đưa vạt áo lên lau nước mắt. Hoạt cảnh hai: những người con trai con gái mặc quần áo hippy, sang trọng, đông đảo quay quần nhảy soul với nhau, vui chơi một cách ngây thơ và cố tình không biết đến chiến tranh đủ loại đang diễn ra không xa, ngoài kia... Từ hai hoạt cảnh ấy, tôi chợt nghĩ tới một điều: những người trẻ lao mình trong đám hơi cay kia là những người sung sướng hơn, bởi vì họ còn tin tưởng ở một cái gì khác hơn là thứ tin tưởng của những người trẻ lao mình trong điệu soul kia. Bởi vì ở cuối cuộc hành trình của những lớp người sau, chẳng còn gì hơn là những *khoảnh khắc* như tôi đã nói, những khoảnh khắc của Lê Uyên Phương, những khoảnh khắc mỗi ngày sẽ một khó kiếm khi tuổi trẻ qua dần, những khoảnh khắc có thể nói là không thể kiếm nổi cho những người nào không sao yêu được ai, hay bất cứ cái gì.

Cánh chim sẻ trong vườn

Thế là tôi lại trở về đây, thành phố miền núi này. Tôi đứng trên đỉnh dốc dẫn xuống đèo Prenn phía dưới kia, con đường nhựa sạch bong chạy ngoằn ngoèo khuất dần sau các hàng thông lá vẫn xanh rì rào, vỏ vẫn nâu vân vân từng đường nhỏ. Mười lăm năm về trước tôi đã từng đứng nơi đây đón gió núi lạnh lạnh, lang thang quanh những luống hoa cánh bướm tím trắng mấp máy, tâm hồn phơi phới mở rộng với cuộc đời, với tất cả. Hồi ấy tôi hai mươi tuổi, mới hai mươi tuổi. Cái gì cũng đẹp, cái gì cũng là ẩn hiện một tương lai. Cánh hoa rung thì như một đôi môi mềm tươi của một người lý tưởng sẽ đến, con đường lên cao xuống thấp khuất sau hàng thông như dẫn tới một tương lai bất tận, và mây trôi trên trời như trôi tới những nước xa lạ tôi sẽ có ngày đặt chân tới.

Bây giờ tôi lại đứng nơi đây, vẫn con đường trải dài chạy xuống đèo, vẫn thông xanh nâu, những bông hoa cánh bướm vẫn lung linh, tóc tôi không còn xanh nữa nhưng chưa hề một sợi tóc bạc, chân tôi vẫn đủ dai, tay tôi vẫn đủ mạnh, mắt tôi vẫn còn nhìn về tương lai... Nhưng vẫn có một cái gì đã đổi thay đâu đây, một nỗi buồn tiềm ẩn dai dẳng trong tâm hồn, lẫn khuất như một giấc mơ buồn không sao nhớ được. Có phải tại vì tôi đã già rồi chẳng.

Nhưng thế nào là già? Mười lăm năm, biết bao tháng ngày qua, tôi đã làm đủ việc tôi ước mơ. Có việc hoàn toàn như ý, có điều không. Tôi đã đi học đại học, đã xuống đường, đã xuất ngoại, đã đấu tranh cách mạng, đã đi lính, đã viết văn, đã hoạt động văn hoá, đã yêu với tất cả nhiệt tình của lãng mạn và đam mê cuồng nhiệt của nhục thể... Cuộc đời kể như đã ưu đãi tôi và tôi cũng biết điều để không đòi hỏi hơn thế. Cho tôi đi lại từ đầu, tôi cũng không chắc là mình sẽ đi khác con đường đã chọn lựa. Nhưng...

Tôi đi trở lại con đường dẫn về hồ, đêm còn xa mới tới nhưng trời đã hết nắng từ bao giờ. Không gian đìu hiu trong lạnh giá với một tiếng động cơ xe ba bánh rồ ga lên dốc ở một nơi xa. Tôi sợ nhất những buổi trưa như thế này của Đà Lạt: trời không nắng không gió, không gian cứ hiu hắt và thời gian như bất động. Con người cứ như chảy mềm ra, tiêu tan. Tiêu tan vào đâu, đi đâu? Một người

bạn thân cư ngụ ở thành phố này đã có lần kêu lên: những buổi chiều như thế này, tôi không còn cảm thấy tôi sống nữa...

Tôi kéo cao cổ áo blouson, bước ra hiên ngoài của thủy tạ, gọi một chai bia thật lạnh, châm điếu thuốc đen. Mặt hồ phẳng lặng và tôi chỉ có một mình. Và tôi bằng lòng với tình trạng ấy cho tới khi uống hết chai bia thứ ba và bóng tối đang chậm rãi lan trên mặt nước. Các tiếng ồn ào của bè bạn, của tập thể từ một nơi nào vắng vắng trong quá khứ. Những thảo luận, những đôi co, những đêm không ngủ, những giọt mồ hôi gắt sức những ngày nào như xuất hiện theo men rượu bọt bốc lên. Vì có gì tôi trở về đây một chiều cuối năm Âm lịch trong cô đơn. Những người bạn đồng chí đồng hành của tôi đâu cả và lý tưởng xây dựng một xã hội mới cho miền Nam đang ở nơi nào...

Vị bia chai thứ tư hình như đắng hơn mức thường hay tại tôi đang cay đắng, tôi không biết nữa. Nhưng liệu tôi không có quyền cay đắng hay sao? Trong biết bao năm, tôi đã nhiệt tình làm việc, thanh liêm thanh bạch đến mức độ nổi tiếng là gàn, đã đọc thư đến mờ cả mắt trong khuya và mồ hôi khó nhọc thì thôi khỏi cần phải tính phải đếm đến nữa. Để rồi đến một ngày nào đó bạn bè dần dần rời bỏ và tôi chột chơ vợ giữa đô thị đông đảo đầy rác bụi dưới đồng bằng nắng chói dưới kia, không tiền bạc và không có đến cả một mái nhà trú mưa che nắng. Còn lý tưởng đột nhiên vọt lên cao, ra xa tầm tay với... Hơn nữa làm sao mà nói tới lý tưởng khi tôi nghèo đến mức chưa bao giờ có tiền ăn dự trữ quá mười lăm ngày trong một thời gian kéo dài.

Tôi nâng ly bia lên uống mà mỉm cười. Tôi cười tôi và cười tất cả. Tôi cười vì nhớ lại mới gần đây thôi, để giải quyết sinh kế – hay để giải quyết cái gì nữa nào đâu có biết – tôi đã rủ một người bạn thân lang bạt có tiếng xin đi làm lính đánh thuê nước người. Tôi chiến đấu bằng súng đạn khá giỏi và dù muốn hay không tôi vẫn còn là lính. Làm lính thường, tôi đói rách. Tại sao lại không thể làm mercenaire lương nhiều. Đảng nào cũng thứ ngân sách chiến tranh ấy của ngoại bang ấy đài thọ lương bổng. Mang danh chiến sĩ hay lính đánh thuê da vàng nào có khác chi. Chẳng qua một danh từ và một số lương chênh nhau bên mười bên một và tôi khá thực tiễn để hiểu rằng những nhà thầu chiến tranh Việt Nam đã ăn chặn ra sao. Bớt trung gian, loại cặp rảnh đi, đâu phải là điều đáng để ân hận. Tôi đã lôi đôi giày vải đi rừng đi bùn ra ngắm nghía kiểm soát lại: đại đội lính đánh thuê da vàng sẽ đặt dưới quyền tôi ấy đang hành quân ở một tỉnh bên kia biên cương có rất nhiều sinh lầy và đất lún. Nếu giờ này tôi không lêu bêu vác M16 xua quân mà đi mà bắn thì chỉ vì một lý do ngoài ý muốn. Cấp chỉ huy sẽ mượn tôi đã cho biết theo chỉ thị mới nhất phát xuất từ bên kia đại dương thì *No more Vietnamese!*

No more Vietnamese! Thôi không tuyển người Việt Nam nữa, nhiều người Việt Nam quá rồi! Tôi cùng người bạn đã phá lên cười rồi kéo nhau đi uống bia mừng cho hoàng hôn. Hoàng hôn của nhiều thứ, hoàng hôn của chiến tranh Đông Dương, hoàng hôn của một đế quốc mạnh nhất thế giới và hoàng hôn của nhiều thứ nữa – nhưng chắc chắn không phải là hoàng hôn của bạo lực trên phần đất của miền Đông Nam châu Á này.

Một vài tuần sau, trong khu vườn hoang tàn của thành Nội cạnh nền nhà đổ nát vì chiến cuộc Mậu Thân, giữa những con đom đóm bay lập lờ, những người bạn xưa đã ở trong tập thể của tôi đã căn vặn hỏi tại sao tôi lại nghĩ đến việc đi làm lê dương da vàng như thế. Phí anh quá! Sao anh không đi với chính quyền, không làm compromis! Sao anh không ra ứng cử làm dân biểu, ngay ở cố đô này anh cũng có thể đắc cử! Sao anh không để chị ấy đi làm sở Mỹ giúp đỡ! v.v.

Tôi đã mất khá nhiều thời gian trong đêm để trình bày, để bênh vực chọn lựa đã có của tôi. Trước hết, làm sao chính quyền lại có thể cho những người như tôi gia nhập. Họ, cực hữu và tôi thì tả khuynh. Họ muốn duy trì hiện trạng như thế này, tôi muốn đổi mới, xây dựng một xã hội mới. Còn làm compromis, liệu tôi đánh lừa thế nào được những TỰTB, ANQĐ, TNCSSQ, CIA, CID... Không phải là bà già kẻ cắp gặp nhau nữa mà chỉ còn là một thứ đệ đơn xin làm gia nhân cho cả bà già lẫn

kể cấp. Và tôi, tôi không thể làm gia nhân. Cứ cho rằng có thể làm gia nhân đi nữa, để chờ thời cơ, để đợi thuận tiện, để mượn phương tiện mà xây dựng tập thể riêng. Rất khó. Ngay là tôi đi, hai năm trong quyền bính – quyền hành và quyền lợi – đi xe Mercedes, ở nhà máy lạnh, ăn ngon ăn nhiều, tiền rủng rập đầy vòng tay ôm, liệu tôi còn là tôi nữa không. Một khi da tôi đã hồng hào lên chứ không đen đui như bây giờ, một khi bụng tôi đã phệ ra nặng nề, dám tôi sẽ nhìn một cơn mưa thôi đã thấy ngại ra ngoài sương gió ngoài kia. Biến tính của người cách mạng, tôi biết nó thế nào lắm. Còn ra làm dân biểu, những kẻ mệnh danh là đại diện dân ấy, họ ở đâu mà ra, làm những ma-nớp gì mà thành... Còn cho vợ, cho Thi của tôi đi làm sở Mỹ, tôi đã có lần nghĩ đến nhưng rồi gạt bỏ giải pháp này. Nếu trong gia đình có cần một người đi làm bồi bếp hay làm sở ngoại kiều, đó là tôi, người đàn ông trong gia đình – thế mới là hợp lý.

Nhưng dĩ nhiên là tôi không đi làm sở Mỹ được và cũng chẳng thể đi buôn, làm áp phe. Vừa không vốn vừa nhiều ma giáo quá. Vậy sao tôi lại không dùng ngay nghề tay trái của tôi là nghề lính chiến. Người ta đã huấn luyện tôi làm chiến binh từ bao năm, tại sao lại không dùng khả năng ấy và dùng trực tiếp. Đàng nào cũng đánh cho đánh mượn luôn! Mà đi ra ngoài biên cương làm lê-dương-vàng như thế có một cái gì hào hùng và đẹp – dù là đẹp trong tuyệt vọng và hào hùng trong vô vọng. Chí lớn trong thiên hạ đã không đủ tài đủ đức mà làm, thì là làm lê dương vàng còn hơn cài bút lên tai, xoa tay vào nhau mà xin đi theo giai cấp mới.

Bóng tối đã tràn ngập không gian, chỉ còn bầu trời và mặt nước là sáng, tôi gọi thêm chai bia nữa, chai thứ mấy? Tôi kéo cổ áo lên cao hơn nữa để ngăn gió đêm lạnh từ tứ phía và tôi mỉm cười khi nhớ lại tất cả những luận cứ của chán nản và phẫn uất, kiểu một hiệp sĩ thời xưa, một samouria lâm thế bĩ. Hiệp sĩ? Có người đã phê bình về tôi như thế trong một buổi họp đông người cấp lãnh đạo của một hệ phái Việt Quốc đang dự trù mời tôi làm một thứ quân sư. Tôi đã mất bao đêm ngày suy nghĩ mới viết xong một kế hoạch “chỉnh đảng cứu quốc” và hội đồng lãnh đạo gồm chín trung ủy đã biểu quyết sau khi nghe thuyết trình: bảy phiếu chống hai phiếu thuận. Người trung ủy thứ hai ủng hộ dự án của tôi đã tới quán cà phê cho biết kết quả và phê bình một câu: Anh hiệp sĩ quá, làm sao anh em họ chấp nhận được. Đêm khuya hôm đó tôi đã ngồi đọc lại từng hàng kế hoạch để xem chỗ nào viển mơ, lý tưởng quá hay không để rồi sau cùng nhận ra người trung ủy bạn tôi kia đã có lý. Cả một kế hoạch dài hạn và thực tiễn như thế mà không có một chương nào hứa hẹn mang lại quyền lợi thiết thực cho bản thân bất cứ ai. Chỉ toàn những nỗ lực tiến tới một quốc gia tốt đẹp hơn, khá xa vời trong tương lai... Trong thời buổi này của miền Nam, trong nền chính trị hiện tại, thế là “hiệp sĩ” quá thật.

Tôi châm một điếu thuốc mới và thoáng thấy nước hồ như đổi chỗ cho bầu trời. Tôi bắt đầu ngà ngà say. Người xưa phương Đông có nói rằng: Rượu uống ngà ngà say mới thú. Tôi gọi thêm chai nữa, chai nữa và khi rời quán trở về nhà mẹ qua những con đường lên cao xuống thấp, tôi hai tay đút túi quần, đầu cúi xuống là khói thuốc lá từ miệng bay lên, hiểu rằng mình thất bại là phải. Lỗi tại tôi cả. Tài sơ trí thiên đức mọn gan mềm mà cứ đòi làm những chuyện kinh thiên động địa, cánh chim sẽ chỉ nên bay trong vườn nhà và ngoài cánh đồng lúa lại cứ tưởng là cánh chim đại bàng chim hồng chim hộc trên bầu trời cao.

Những căn nhà của tôi

Dĩ nhiên ai chẳng sống dưới mái một căn nhà: nhà của những người sinh ra mình. Những đứa con ăn uống nô đùa học hành và lớn lên trong căn nhà của bố mẹ, không bao giờ đặt vấn đề “căn nhà của tôi”. Chỉ khi nào đã yêu một người nữ, chọn lựa nàng làm vợ, nghĩa là “người nữ của riêng tôi” ít nhất là trong cuộc đời này, vấn đề căn-nhà-của-mình, căn nhà của hai đứa, mới xuất hiện. Và kể từ đó, dù căn nhà của bố mẹ có là lâu đài đồ sộ, biệt thự hàng chục phòng, đứa con trai và người nữ

của hắn, cũng chẳng còn bao giờ cảm thấy đó là nhà mình nữa. Họ phải kiếm, phải tạo lập một căn nhà mới, sang trọng hay nghèo hèn không quan trọng, nhưng là của đôi lứa và những đứa con sẽ sinh ra từ đôi lứa mà thôi. Thế rồi khi thời gian đã qua nhiều, các đứa con của đôi vợ chồng lớn lên, yêu đương, lấy vợ lấy chồng, chúng sẽ lại đặt vấn đề căn nhà như bố mẹ xưa kia đã đặt. Chu trình cứ như thế tái diễn, mãi mãi khi nào còn lứa đôi vợ chồng.

Và dĩ nhiên tôi cũng không thoát khỏi chu trình ấy khi tôi yêu và chọn Thi làm người nữ của tôi, cho riêng tôi – dù tôi bị bố mẹ họ hàng xếp loại đứa con lãng tử, nghĩa là thoảng một cái đã đi đâu mất rồi và sống ở nơi nào cũng được... Lúc ấy tôi đang thuê chung một căn nhà với một bạn đồng nghiệp trong nghề giáo ở một tỉnh cao nguyên. Để cho Thi có thể lên thăm và sống chung với nhau vài ngày mỗi tháng, tôi vội vàng đi kiếm một căn nhà riêng: đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy cần phải có căn nhà. Và căn nhà đầu tiên ấy rất khiêm tốn, chỉ là một buồng xép vách gỗ mái tôn nằm giữa một khu vườn cà phê, nép sát một cây mít lớn. Căn buồng trước được dùng chứa đồ cũ, và có lẽ có lúc được dùng làm bếp nữa, bản thân u tối đến nỗi tôi đứng tần ngần giữa buồng không biết làm thế nào cho nó đủ sạch kịp thời để đón Thi. Sau cùng, tôi đã chọn giải pháp ít vất vả nhất: mua giấy dầu về đóng kín luôn bốn vách. Và dù có dùng phương cách này, tôi cũng mất khá nhiều thì giờ. Cứ đi dạy về là vác búa vác đinh ra đóng hết tờ này sang tờ khác – trời đang vào mùa lạnh mà lấm lức mồ hôi thấm ra ướt áo. Một con chim trống, một con thú đực đang nhặt từng cọng rơm, tha từng mảnh lá, cành khô làm ổ cho con mái...

Nhưng hai đứa cũng chẳng có dịp để sống với nhau nhiều trong căn nhà hoàn toàn không tiện nghi nhưng cũng hoàn toàn thần tiên ấy. Một buổi trưa, có tiếng gõ cửa mạnh, một người cảnh binh đã bước vào đưa lệnh gọi nhập ngũ, và ngày phải trình diện quá cận, tôi không sao gọi Thi lên kịp để cùng nhau nằm trong chăn quấn tròn như cái kén, lắng nghe những trái mít non thỉnh thoảng rụng như sấm trên mái tôn, phá tung nền âm thanh ào ào của gió lạnh đan kết từng đợt ngắn bên ngoài.

Suốt thời gian ở quân trường, Thi rời viện Đại học Đà Lạt trở về nhà bố mẹ ở Sài Gòn để vào thăm tôi mỗi chiều thứ bảy và ngày chủ nhật trong vòng kềm gai để rồi phát khóc lên vì ngỡ ngàng khi thấy chung quanh những đôi lứa ôm nhau dưới ánh nắng mặt trời. Tứ bề bốc lửa. Và dĩ nhiên dù nàng có khóc, tôi cũng cứ vẫn hôn, không kém phần tàn bạo, bởi vì tôi đang chán nản tuyệt vọng, và cũng vì tôi yêu nàng dữ dội, tôi đang khám phá ra tình yêu... Thời kỳ được về phép, không có phòng riêng, hai đứa lang thang ở hết khách sạn này đến khách kia trong đô thị hay có khi sống suốt đêm ngoài đường phố, ba giờ sáng vào quán mở khuya nhất, ăn cháo nóng nhìn xuống các con đường sắt bắt đầu loang loáng ướt sương, để rồi tới năm giờ chuyển sang quán ăn mở cửa sớm nhất, uống ly cà phê đầu tiên của một ngày... Chính vì sự thiếu một căn nhà để yêu nhau như thế nên khi được tin Thi sẽ lên thăm tôi ở đơn vị mới đáo nhậm ở một ngọn đồi Pleiku, tôi nhất quyết tạo dựng một căn nhà.

Về phía sườn đồi gần hàng rào kềm gai, có một căn nhà tranh vách đất xiêu vẹo đổ nát, xưa kia do một sĩ quan làm ra cho vợ, bây giờ đơn vị dùng làm kho chứa đồ phế thải. Nhưng thượng sĩ già mang lính tạp dịch xuống dọn dẹp, căng pon-cho ngăn mưa nhỏ qua mái tranh xác xơ, xếp các vỏ thùng cho các phần vách lờ. Quá bận quân vụ, khi tôi phóng chiếc xe đầy bùn ra tới thị trấn, Thi đã phải lội mưa về Quân trấn đội. Và trời cứ thế mưa tầm tã suốt trong lộ trình về tới túp lều tranh. Trong khuya, khi hai đứa chìm dần vào trong giấc ngủ, mưa lớn đến nỗi nước từ trên cao chảy xuống reo như suối quanh nệm cỏ, tưởng như sẽ đưa tất cả trời theo xuống lưng nhỏ phía dưới. Chính trong nhà tranh sườn đồi này, Thi bắt đầu học làm vợ: nàng đốt hết ba tờ báo hàng ngày và tăng cường một nửa hộp xăng bột lửa của tôi mới nhóm xong bếp lửa thổi nồi cơm đầu tiên trên đời. Khói xanh bốc lên thật cao và mặc dù gió mạnh, đứng, đứng trên bộ chỉ huy tôi đã phải vội vàng chạy xuống xem có phải nhà cháy hay không...

Từ đó trở đi, Thi sống cuộc đời như đuôi cánh diều: tôi đổi đến đâu nàng theo tới đó để mỗi tháng

có thể sống được với nhau vài ngày. Nàng đã đến với tôi ở một căn nhà tôn nằm trên một đồi khác, rời quốc lộ phải đi bộ bằng qua một dòng suối, leo hai lần đồi mới tới. Căn nhà mái tôn thủng lỗ chỗ, đêm trời quang nhìn lên như thấy ngàn sao và gió thổi mạnh và lạnh đến nỗi tôi phải quấn hai chăn len lín thành một cái kén cho Thi chui vào ngủ qua đêm. Một căn nhà như thế mà cứ điễm trường còn gây khó để đến nỗi tôi phải tìm thuê ngoài thị trấn một nhà tôn vách gỗ nằm ở nơi nhiều bụi đến nỗi một lần vào buổi trưa nóng, thức giấc sau ân ái, dưới nắng chiều chiếu vào, tôi thấy bụi đã phủ trên da ngực nàng một lớp phấn hồng óng ả.

Nàng cũng theo tôi xuống miền duyên hải nóng cháy khô cả cỏ có những ngôi nhà nằm trên cát trắng và bãi biển vắng bóng chân người. Và căn nhà nhỏ nhất tôi đã mang lại cho nàng là chiếc hầm đào trong tiền đồn, trên căng pon-cho ngăn mưa và thỉnh thoảng địch phóng lựu đạn nội hoá vào có trái không nổ nghe như trái mít khô rụng năm nào trên cao nguyên. Còn căn nhà đơn sơ nhất tôi mang lại cho nàng hẳn là các lá cây xao xác trên chiếc võng giữa đồng hoang liêu.

Lang thang mãi rồi cũng được đổi về Sài Gòn và cũng phải rất lâu sau đó đôi lứa lêu bêu này mới có được nhà riêng: đó là căn nhà của mẹ tôi để lại, một căn nhà dĩ nhiên là vẫn mái tôn vách gỗ, nằm nhờ trên phần đất của cư xá Công binh – binh chủng xưa kia ba tôi làm việc khi còn sống. So với những “căn nhà” tôi và Thi đã trải qua từ khi lấy nhau, thì căn nhà của mẹ dù đơn sơ mộc mạc, vẫn là nơi trú ngụ thích thú. Mùa mưa nước ngập mênh mông thì lội nước đi chơi, nhà quá hờ lá vàng rơi đầy nhà càng đẹp. Trong khoảng thời gian ở căn nhà này quân lực Hoa Kỳ bắt đầu đổ bộ vào Việt Nam. Tính thích nghiên cứu về quân sự, nhất là quân sử hiện đại, tôi biết khá rõ tất cả những gì sẽ xảy ra cho xã hội Việt Nam một khi quân lực giàu có nhất thế giới tới cư ngụ: kinh nghiệm của Âu châu, của Nhật và của nhiều quốc gia nữa.

Tôi biết rằng người lính Mỹ không có hiếp gái địa phương, dù là gái quốc gia thù nghịch cũ như Đức, Nhật, nhưng họ bỏ tiền mua. Họ không chiếm nhà cửa đất cát của ai cả, họ chỉ trả tiền cao để thuê hay mua. Họ không dùng võ lực bắt ai hầu hạ hết, họ chỉ chi tiền ra trả công bồi bấp cùng các dịch vụ tương tự thật hậu. Trong các danh tác quốc tế, đầy rẫy những tình tiết loại này. Và tôi cũng biết rõ rằng đây là dịp ngàn năm một thuở để làm giàu...

Lúc ấy tôi mới chỉ là nhà văn mới viết và hành động thực sự chỉ mới khởi đầu. Bởi thế tôi băn khoăn giữa hai con đường: một là đợi ngày giải ngũ không còn xa, tôi sẽ đi ra Vũng Tàu, Cam Ranh hay Chu Lai, thâu giặt ủi hay bất cứ dịch vụ thông thường nào cho quân đội Hoa Kỳ, kiếm dăm bảy triệu đã. Có phương tiện tài chính vững, làm gì cũng dễ. Hơn nữa tôi đã từng cay đắng nhận thấy nhiều khi đa số dư luận bây giờ không thêm để ý tới xuất xứ đồng tiền sạch hay bẩn, miễn là có tiền và chi tiền đúng cách, là được. Lý trí tôi tính toán như thế thật đúng và thực tế. Nhưng không sao nghe được tiếng nói của lý trí tôi. Từ phần sâu xa nhất của tâm hồn tôi, một tiếng nói của tình tự cất lên ngăn cản. Hơn nữa, người mà tôi kính mến như một người lý tưởng là Nhất Linh vừa nằm xuống không bao lâu... Chẳng làm được anh hùng hào kiệt vẫy vùng trong bốn cõi thì thôi, ít nhất cũng không thêm làm triệu phú và chánh khách bằng cách làm bồi bấp cho thiên hạ! Tôi gạt tiếng-nói-thực-tiến sang một bên, lao ngay vào công việc đã bàn tính cùng một số bạn bè dù trong túi bao giờ tôi cũng có một số tiền nhiều đến nỗi ai khó tính đến đâu cũng đành phải gọi là hàn sĩ. Đối với những quyết định loại này, người vợ có tác động lớn, nhưng Thi không bao giờ đòi hỏi một cái gì khác hơn là tình yêu của tôi. Tình yêu đó, nàng đã có. Nàng nhờ nhờ thoải mái trong căn nhà gỗ chơi rờn cùng con, vui vẻ như không ngồi sau chiếc xe gắn máy cũ đến nỗi có cho không Ba Tàu làm xe chở bánh tui cũng không ai thêm nhận. Và khi bạn bè kéo đến đầy nhà bàn cãi, quay máy, giấy xếp từng lớp chiếm hết diện tích, nàng ôm con thu mình ngủ như mẹ con mèo xứ quê ở một góc giường...

Người Hoa Kỳ đến Sài Gòn mỗi ngày một đông và đúng như tôi tiên liệu, họ bỏ những ngân khoản khổng lồ ra xây cao ốc, chi những khoảng gấp mười lần giá thường để thuê nhà tư gia. Những sĩ

quan có nhà ngoài phố dĩ nhiên không bỏ lỡ dịp có tiền một cách lương thiện và dễ dàng như vậy. Do hiện tượng dồn toa, người Việt cứ lùi dần, lùi từ biệt thự xuống nhà trệt, từ tầng trên xuống tầng dưới từ nhà ngoài vào nhà xép để lấy chỗ làm *House for rent*. Khu tôi đang ở trước chỉ là cư xá dành cho hạ sĩ quan và nhân viên dân chính nay được nâng lên hàng cư xá sĩ quan. Tôi cũng là sĩ quan nhưng xuất xứ bộ binh nên bị tổng cổ đi một cách nhanh chóng nhất mà quân đội có thể nghĩ ra được: phải rời nhà trả đất đúng hạn kỳ nếu không tôi sẽ bị An ninh tới hốt và nhà bị bulldozer tới ủi.

Lúc đó Thái Độ đang quay số thứ hai. Mất nhà, tôi cùng Thi không có chỗ trú mưa nắng đã đành, anh em còn mất luôn cả chỗ làm việc nữa. Tiền sang nhà dĩ nhiên là không có rồi. Đang ngồi cả đám chung quanh mấy ly cà phê giữa những chồng giấy còn lem mực cao ngất mà lo lắng thì một người bạn gái của Thi can thiệp, cho mượn một cái nhà đủ tiện nghi bên kia cầu Mống. Thế là cả bọn chia nhau, kẻ đi mượn xe nhà binh, kẻ kiếm tài xế, hẹn nhau một sáng Chủ nhật tập trung dọn nhà. Trao việc kê dọn tổ chức nhà mới cho bạn bè, tôi theo chuyến xe chót trở về nhà cũ, trao nhà cho người mua vật liệu sẽ có sau khi rời nhà. Mồ hôi thấm ướt hết bộ quân phục, tôi không khỏi thoáng thấy buồn bã. Nhà của mẹ tôi đồ mồ hôi ra làm, xin từng thanh gỗ, từng bao xi măng, từng cân đinh... Ba thằng con trai của mẹ không biết sau này có làm vương làm tướng gì không chưa biết, còn bây giờ, giữ mỗi căn nhà tôn vách gỗ song thưa nằm trên vũng lầy này cho mẹ mà còn không xong...

Công việc tiến hành hăng hái, mọi người tin tưởng ở tương lai. Căn gác nhỏ đặt máy ronéo vang tiếng máy chạy, tiếng người cười, bàn chuyện chính trị, văn hoá, cách mạng tới khuya. Nhưng tất nhiên mọi sự không thể tốt đẹp như thế mãi được. Trước hết là một sáng đẹp trời, chiếc xe gắn máy của tôi, con chiến mã già như bạn bè thường gọi đùa, đã gãy trục trước gục xuống, ném tôi lộn đúng một vòng ngoạn mục xuống dốc. Tập san Thái Độ bắt đầu bị tịch thu từ Huế đến Sài Gòn, tôi đã phải nhiều lần đến trình diện các cơ quan an ninh và nhà bị chủ nhân xin lại. Lòng tốt của người bạn như thế là nhiều rồi trong thời buổi bao nhiêu tác đất tác vàng bấy nhiêu này. Lại đi kiếm nhà ở phen nữa. Lần này phải đi dọc theo đường LVD cho tới khi gặp một bãi rác thật to, men theo bãi là một con đường đất nhỏ băng qua một vũng nước ngập, con đường cứ mưa hơi to là biến mất tích và các bạn bè mỗi lần đến là làm một cuộc phiêu lưu nhỏ: phải dùng cái móc dẫu để đoán đường nằm ở đâu, đoán sai là cả người lẫn xe xuống bùn. Nhà không điện không nước. Những ngọn đèn dầu hơi lớn toả hơi nóng đến nỗi hôm nào trời bức muốn quay ronéo phải cởi trần. Còn những hôm mưa gió tứ bề, có người bạn đã phải mượn cái nón Thi vẫn đội đi chợ mới có thể quay xong phần giấy của mình. Chính trong căn nhà thế kỷ 18 này, tôi đã tiếp những người phóng viên ngoại quốc đầu tiên. Và khi một nhật báo Nhật hỏi xem liệu cách mạng xã hội có thực hiện được ở miền Nam không, tôi đã trả lời ngay thẳng là rất ít hy vọng. Người già không phải chiến đấu lại được hưởng nhiều lợi lộc của chiến tranh, họ chống lại mọi cải cách để giữ đặc quyền. Chỉ còn những người trẻ. Nhưng họ mỗi ngày một hao hụt trong cuộc chiến chống Cộng ngoài tiền tuyến và vào tù mỗi ngày một nhiều ở hậu phương... Người Nhật đã hỏi thêm một câu: Như vậy tại sao các anh còn đi vào con đường đó?... Cũng từ căn nhà này đã phát sinh ra huyền thoại tôi là người "khó gặp" nhất nước vì muốn tới kiếm, khách phải đi học bơi trước đã! Đã có lần có người của một hệ thống truyền hình Pháp đã bỏ hẹn không tới chỉ vì người trung gian đã dặn dò: Ai không biết lội, hãy mang theo phao cấp cứu, SVP!

Câu hỏi của những người ký giả Nhật đặt ra cũng là câu hỏi xuất hiện trong đầu đa số bạn bè tôi trong thời kỳ này. Hai năm hơn làm việc vất vả không dẫn đi đến đâu cả. Những kẻ chưa kịp làm anh hùng đã bắt đầu thấm mệt. Các phân hoá, chán nản nảy sinh và tôi còn xa mới đủ tài đủ đức để hoá giải... Theo một tục lệ đặt ra từ đầu, ai đến tham gia đều mang theo một ngọn nến nhỏ. Nến đó sẽ được thắp lên trong im lặng, gắn vào mặt bàn trong phòng không ánh sáng. Những người khác hiện diện cắm nến của mình lên theo. Ý nghĩa của buổi góp nến này thực giản dị: chúng tôi ý thức được mình chưa làm gì hơn, chẳng làm được gì hơn là góp một nến nhỏ soi cho sáng mặt nhau để

ngồi với nhau trong bóng đêm – trong niềm hy vọng một ngày kia những ngọn lửa nhỏ yếu sẽ tạo thành đám lửa rực trời. Và chưa chi những ngọn lửa nhỏ nhoi ấy bắt đầu thấp thoáng tắt dần.

Đến khi tôi và Thi bị chủ nhà đuổi một cách tàn nhẫn ra khỏi căn nhà thế kỷ 18, tôi không còn quá sáu người bạn lợi lộc đến khênh bộ đồ đạc, máy, sách vở ra khỏi vũng lầy. Mà khênh đi đâu? Tôi không còn chỗ mà về. Đồ đạc, sách vở phân tán gửi mỗi nơi một ít, còn tôi và Thi cùng đưa nhỏ nhất đi thuê một căn buồng kiểu nhà trọ tư nhân trong một cư xá của công an. Một căn buồng ban ngày cũng chẳng bao giờ thấy ánh sáng mặt trời. Đến bữa cơm, hai đứa đèo nhau ôm con về ăn bên gia đình nhà vợ. Vợ chồng chủ nhà đều thuộc loại dữ dằn, đánh nhau chửi nhau và các con dao cứ được rút ra xoành xoạch. Tôi bật ngọn đèn lên, đóng cửa phòng lại, căn phòng rộng đến nỗi chỉ chứa được một giường và một bàn hai ghế, bắt đầu làm lại từ đầu, trong cô đơn. Một buổi trưa ngồi uống cà phê ở một quán Tàu nhìn ra ngã ba nhiều xe phun khói xanh lờ mờ, tôi chợt thấy cay đắng. Khi mới lớn, tôi đã cứ tưởng rằng người đứng ra làm việc đấu tranh, chỉ cần tận tụy làm việc ngày đêm và giữ cho mình thanh bạch là đủ... Đó là một ước tính sai lầm vì đó chỉ đúng cho thời xưa. Trong cuộc chiến bây giờ, cần thêm nhiều yếu tố chính trị và tài chính và tôi thì hoàn toàn không có cả hai điều kiện này. Tôi đã không chịu lao mình vào cuộc đua làm giàu quanh người Hoa Kỳ và tôi đã không làm một ma nớp chính trị nào. Để tới lúc này, tiền không, địa vị không, còn bạn bè thì rời xa... Nhưng cay đắng thì cay đắng vậy thôi. Khi lao vào cuộc đấu lần thứ hai, tôi không hề thay đổi nguyên tắc ở đời – bởi vì dù thất bại lần nữa cũng không sao, tôi còn quá trẻ.

Các ngọn nến từ tứ phương xuất hiện tụ hội, một tờ đặc san ra đời và một nhà xuất bản hình thành. Đến Noel năm ấy, trong căn buồng nhỏ thuê ở một nơi khác sạch sẽ hơn và bớt vẻ ác mộng hơn, tôi và Thi đã cử hành một đêm Giáng sinh vui vẻ. Các con đã được đón về chung sống, quây quần quanh một cây thông giả nhỏ xíu nhưng bày sau một cái bệ che to bụi. Còn Thi, nàng pha rượu vang đỏ với các loại trái cây để tôi ngồi uống thật khuya trong những điệu thánh ca từ các phương rất xa vang lên từ chiếc máy thu thanh, nhìn ngắm đứa con nhỏ nhất mới biết đi giờ hai bàn tay hồng mấp ú lên chờ vờn bắt quả bóng đỏ lấp lánh kim tuyến thả từ trên trần xuống.

Lần này tôi cùng các bạn làm việc có thể nói là hối hả vì ý thức rằng với tình hình này, khe hở của thời cuộc dành cho những người muốn đổi mới xã hội sẽ sắp bị bít kín. Sau đó sẽ chỉ còn có thể ngồi im chờ đợi các người ngoài quyết định vận mệnh cho mình. Chuyến tàu của lịch sử đã hạ còi vào ga... Lỡ lần này nữa thì biết đến bao giờ, và người Việt đã nổi tiếng vì đã lỡ chuyến tàu này quá nhiều lần: 1945, 1954, 1963. Nhưng vẫn không kịp. Hàng hoá xa xỉ tiện nghi và đồng tiền Hoa Kỳ đã tràn ngập xứ này, chìm tất cả trong một cơn mê sảng hưởng thụ chưa từng có. Tiếng nói của những người như tôi không còn được nghe nữa, tiếng nhạc từ TV từ xe gắn máy Nhật từ Toyota đã che lấp tất cả. Tiếng súng thảm khốc, tiếng chuông chùa cũng chẳng còn vượt được bức hàng rào âm thanh ấy. Nhưng vì cẩn thận, thiên hạ vẫn cứ áp dụng các biện pháp dẹp bỏ những thành phần cấp tiến và tả khuynh. Tờ đặc san bị đình bản ngay và các guồng máy an ninh ghê khiếp chuyển vận. Gỡ cho mình và bạn bè khỏi trở thành thân chủ của các guồng cọp ngoài hải đảo là cả một vấn đề lớn, làm tôi không còn chú ý đến rằng tôi đã phải dọn nhà thêm tới hai lần nữa, rút về một ngõ hẻm trong xóm lao động gần trường Đua.

Khi ra khỏi cơn gió lốc, chưa kịp thở, lại bị đòi nhà. Và vì chưa bao giờ nghèo đến thế nên tôi giải quyết vấn đề bằng cách để Thi mang con lên ở với mẹ tôi trên Đà Lạt nghỉ hè. Còn tôi ở lại, hoàn toàn một mình một lần nữa, mặc bộ quân phục trận xắn tay áo lên khênh đồ đạc sang gửi bên nhà vợ chồng đứa em gái thứ nhất. Còn tôi, tôi cũng sang ở nhờ nốt nơi căn buồng nhỏ nằm mãi tí phía sau.

Xưa kia đó là sân sau cỏ mọc dùng để phơi quần áo. Nhà thơ Nguyễn Đông Ngạc cũng lâm cảnh không nhà, điều đình với em gái thứ nhất của tôi để xây lên một căn buồng nhỏ nhìn ra một hẻm nhỏ. Và căn buồng này đã được dùng làm nơi hội họp cho anh em trong nhiều năm: các ngọn nến

đều đã được thắp lên và tắt đi trong không gian hẹp đó. Những Trần Triệu Luật, Phan Trước Viên, Miên Đức Thắng, Phạm Duy đã tới ngồi dưới đất, dựa vào tường mà thảo luận, cãi luận, đọc thơ hay hát... Từ khi Nguyễn Đông Ngạc dọn đi, vợ chồng em gái tôi sử dụng căn buồng làm nơi làm hầm cát chống hoả tiễn cùng chứa tất cả các đồ phế thải, vừa cửa sổ độc nhất đã mở ra một đồng rác cao gần che lấp bầu trời.

Mồ hôi chảy ra thấm đến ướt tóc tôi mới dọn quang được một góc kê cái bàn và chiếc giường. Ngồi lên ghé, duỗi thẳng chân đạp vào thành hầm cát, tôi uống một ly nước lạnh chầm một miếng thuốc rồi làm một cuộc kiểm điểm. Tiền vẫn không, địa vị cũng không, anh em rời xa... Kiểm điểm cụ thể hơn, chiếc bàn có hai ghế đang ngồi là của mẹ tôi, chiếc giường gỗ kê kia là của mẹ Nhất Linh để lại, hai giá sách gỗ cũng là của mẹ... Tôi chẳng có gì là của tôi. Tôi phá lên cười một mình khi nghĩ rằng tôi có thể thách cả Huỳnh Tấn Phát lẫn Nguyễn Hữu Thọ, Lê Duẩn lẫn Trường Chinh so của xem ai vô sản hơn.

Tài sơ trí thiên không đủ để làm người cách mạng thì làm văn hoá vậy. Tôi bắt đầu lại từ đầu lần nữa, từ giải quyết sinh kế gia đình, kiếm một căn nhà, viết một loại sách, dịch mấy cuốn thật dày. Vất vả hơn bao giờ hết, tôi ra đi từ sáng sớm, trưa ăn cơm đĩa rồi đi dạy học, tới nhà in sửa bài, tôi uống ly cà phê với bạn bè, khuya về để đèn sáng cầm bút lên... Tôi dự tính sẽ kể cho Thi nghe tất cả những điều ấy, kể cả một đêm lên cơn sốt rét nặng chỉ vì cố gắng làm cho xong mẫu bia để đưa nhà in sáng mai, và khi nằm xuống chìm ngập vào cơn mê sáng, tôi hình như trông thấy nhiều người bạn đã chết ngồi la liệt hút thuốc cười nói như ngày nào... Nhưng buổi trưa nóng, khi bước chân vào phòng thiếu ánh sáng, Thi quỳ lên gối hai tay lên đón như một bông huệ vươn về ánh sáng mặt trời, tôi quên hết những gì định kể bởi vì chợt khám phá ra rằng tôi chưa bao giờ thiếu nhà. Vách hầm cát đen đui, vách tường xám xỉ, đồ đạc cũ hỏng xếp cao lên tận trần đột nhiên tan biến... Tôi hiểu rằng nơi nào có người nữ yêu đương, nơi đó sẽ là căn nhà của tôi.

Ngoài hành lang

Thi mở cửa sổ, gió lạnh từ những dãy núi xa ùa vào làm giật tóc về phía sau. Thi thấy lạnh nhưng không muốn mặc thêm áo, nàng muốn đày đọa thân thể để cảm thấy rõ hơn nỗi đau khổ đương ẩn nấp trong người. Căn nhà đứng trên đỉnh đồi cao trơ trọi không một hàng cây, trông xuống một con đường đầy đá trắng nhỏ chạy xuống thung lũng Belle-Vue. Nhà thờ Đức Bà buồn bã nằm giữa vùng cao cỏ úa. Thi tì tay trên thành cửa sổ lơ đãng ngắm cây tùng cần cỏi nghiêng về một bên dưới làn gió thổi như bão mơ hồ nghe thấy tiếng gió đập cửa sổ từ căn buồng phía sau như có người gõ cửa. Nỗi vui sướng chiều qua khi đi gần Di về nhà qua những sườn đồi vắng đầy sao lấp lánh trên cao đã biến mất như một bông hoa nở bên một khe tường đổ nát gần nhà. Thi cúi xuống, nước mắt đã bắt đầu lăn nhẹ trên má, thấm dần trên làn gạch khô. Thi cố giữ nhưng không biết làm sao ngăn được. Đã có lần thấy nàng khóc, Di đã cười buồn bã nói: “Em cho anh yêu em như thế chưa đủ phải không? Anh biết làm thế nào, anh không thể đem cho em những gì anh không có, trừ khi anh giả dối thì không kể. Đừng đòi mặt trăng, em...” Thi có đòi mặt trăng đâu. Thi chỉ muốn Di yêu một mình nàng và yêu mãi mãi. Buổi đêm trước khi lên Đà Lạt, một câu nói của Di đã làm nàng thức khóc gần đến sáng. Di đã thản nhiên dặn: “Em có thể gặp trên đó một cô bạn gái cũ của anh. Anh không còn yêu nữa nhưng nếu gặp, em hãy để anh nói chuyện vài câu. Anh không thể tàn nhẫn được đâu, dù sao cô ta còn yêu anh...” Thi gục đầu vào thành cửa sổ, tóc ướt nước mắt đầm vào một bên má. Nàng cố nghĩ đến một người con gái xa lạ giờ này cũng đương đau khổ và có lẽ cũng đương khóc như nàng.

Bóng Di hiện ra ở con đường dưới chân đồi, tóc gió thổi tung lên, miếng thuốc lá ngậm lệch về một bên. Chiếc áo ngoài kiểu người leo núi màu đen trắng vắt lên vai. Người chàng đi hơi

ngiên về phía trước để gió thổi mạnh giữ áo đừng rơi. Hình dáng người đàn ông cô đơn đi trên sườn đồi vắng bao giờ cũng mang lại cho nàng một nỗi buồn êm dịu. Đột nhiên Thi có cảm tưởng càng tới gần Di càng xa nàng. Có lẽ Di sẽ đi qua cửa sổ, dừng lại vài phút rồi lại tiếp tục đi để nàng ở lại trơ vơ trong một căn nhà gió đập các cánh cửa như có hồn người chết muốn tràn vào. Thi lại khóc, nước mắt đọng lại thành từng giọt ở tóc, rơi thấm ướt vai.

Thi xuống gác, đứng tựa lên thành cầu thang lạnh lẽo cũ kỹ có khoảng nắng mờ nhạt nhẽo. Di mở cửa bước vào cùng với tiếng gió thổi. Thấy Thi khóc Di không ngạc nhiên, mắt chàng hình như thắm hấn xuống, Di lắng lặng lên bậc thang, dừng lại trước mặt Thi, khẽ kéo nàng lại gần.

Hai người đứng im lặng ôm nhau rất lâu, nghe gió chạy ngoài hiên. Thi thấy nỗi buồn từ từ tiêu tan. Nàng yêu Di biết bao. Gần Di, Thi cảm thấy những nỗi khó khăn đau khổ ngoài đời dừng lại sau lưng người đàn ông. Sau đó chỉ còn êm dịu và yên ổn. Nếu được gần Di mãi, nếu Di hỏi nàng làm vợ, nàng sẽ quên được quá khứ đầy những người con gái xa lạ của Di, nàng sẽ để Di tự do đi với những người đàn bà khác miễn là khi chiều đến, Di trở về gần nàng, ôm nàng như thế này.

Di đưa tay lên gạt giọt nước mắt đọng ở khoé mắt Thi, hỏi rất nhỏ:

- Em hết buồn chưa?

Thi khe khẽ gật đầu nhưng nụ cười không tin của Di làm nàng mỉm cười theo. Di đưa Thi vào phòng khách có rất nhiều cửa kính nhìn sang nghĩa địa phía đồi bên kia. Thi thấy sung sướng ở một nơi nào rất thắm kín và xa lạ từ từ lan rộng trong tâm hồn. Nàng cất tiếng hát nhỏ nhỏ. Âm thanh yếu ớt đầy ấm áp yêu thương làm đôi mắt Di sáng rực. Di đứng dậy lại gần ghé Thi. Nàng ngồi im cười khe khẽ:

- Anh đừng xa ra. Anh quên em giới thiệu với chủ nhân ở đây anh là anh họ em à! Anh họ gì mà...

Thi vùng dậy tránh cánh tay người đàn ông bắt đầu khép lại quanh người. Di cười chế giễu:

- Mới có thể đã sợ. Anh chưa hôn Thi bây giờ đâu. Thi quên quyết định của anh là sẽ chỉ ôm hôn Thi khi nào có chuông nhà thờ cử hành lễ nửa đêm... A, mà Thi có biết nốt ruồi ở trên mặt các cô dùng để làm gì không?

Thi lại gần Di, nhưng thận trọng đứng sau một chiếc ghế.

- Không...

- Để đánh dấu chỗ các ông phải hôn khi...

Thi đỏ mặt:

- Anh chỉ được nói bậy. Nghe anh nói lắm khi em sợ...

- Thực không? Sao lúc ở cầu thang em không sợ. Anh chưa thấy cô nào ôm chặt người yêu bằng em...

Thi ngượng nóng bừng cả người. Lối nói chuyện của Di thật kinh khủng nhưng quyến rũ một cách kỳ lạ. Gần Di, Thi luôn luôn bị Di lôi cuốn vào những chuyện khi bình thường mới thoáng

nghĩ tới nàng đã vội gạt đi. Di có thể nói tới vấn đề yếu đuối của các cô trong những ngày đặc biệt của tháng một cách dễ dàng và tự nhiên như bàn tới ý nghĩa các loài hoa. Sau những lúc như thế, Thi thường cảm thấy trong tình yêu còn có một thế giới mới mẻ lạ lùng quyến rũ đáng sợ mà nàng chưa từng bước chân vào.

Thi lắng chuyện:

- Anh uống trà không? Nhà có nước sôi sẵn.

Thi vội vã đứng dậy đóng lại cánh cửa vừa bị gió thổi tung ra:

- Ở trong nhà ấm ghê. Nhiều khi em chỉ quấn một cái khăn quàng không thôi cũng đủ ấm...

- Thế à? Hôm nào Thi mặc cái kiểu chỉ có mỗi một chiếc khăn quàng không, Thi nhớ cho anh đến xem.

Thi ngơ ngác nhưng ánh mắt sáng lên một cách chế giễu của Di nhìn lướt trên thân thể làm nàng chột hiểu:

- Anh nói khiếp quá! Anh chỉ được cái nói bậy là không ai bằng...

Phượng mở cửa phòng bước vào, tóc vừa gội xong buộc cao lên phía sau, mặc phong phanh một chiếc áo sơ-mi vạt buộc chéo ra phía trước. Nàng giơ chiếc áo lên lại phía Di:

- Anh mặc giúp em mau không em chết rét bây giờ. Thế mà chị Thi dám bảo... tẩm không lạnh.

Di hơi nghiêng mình giúp Phượng xỏ tay vào áo. Mắt chàng dừng lại hơi lâu trên phần ngực để hở. Thoáng trong một giây Thi nhận thấy trong mắt Di hình như có một ý nghĩ gì ẩn nấp. Di quay lại mặt thản nhiên:

- Bây giờ các cô định đi chơi đâu! Anh đề nghị về rủ anh Thạc rồi bọn mình ra hồ đi *pédalo*.

Phượng vui vẻ gạt đầu nhưng chột nhớ ra điều gì, nét mặt nàng trở lại nghiêm trang:

- Đừng rủ anh Thạc làm gì. Anh Thạc vụng chết đi! Cởi giúp em cái áo len cũng không biết cách. Nhờ lấy trộm hoa trong vườn, anh ấy kêu "sợ chủ họ biết".

- Anh ấy vụng nhưng thành thực...

- Chị lúc nào cũng bệnh. Sao chị không yêu anh ấy có phải tiện... cho em không?

Dáng điệu tức giận của Phượng làm Thi ngạc nhiên. Thi tiến đến gần em gái:

- Phượng nói gì kỳ lạ thế? Chị đâu...

Phượng đỏ mặt nói to:

- Chị chẳng cần đóng kịch làm gì nữa. Chị tưởng em không biết sao. Chị thấy em lẻ loi trên này chị gán anh Thạc cho em để em đỡ buồn chứ gì? Em không cần đâu, anh chị đi đâu cứ đi, mặc em. Em có thân em lo!

Đột nhiên Phượng quay lại phía Di:

- Anh ác lắm! Anh tưởng anh giới thiệu anh Thạc cho em là anh nhân đạo lắm sao! Anh cứ kệ em, em chịu khổ một mình được...

Phượng bỏ chạy lên gác, chiếc khăn quàng lụa vàng tươi rớt trên sàn gạch. Thi ngạc nhiên đến ngạt thở, nàng nhìn về phía cầu thang rồi lại nhìn Di dò hỏi. Di tránh không gặp ánh mắt Thi, chàng nhìn qua làn kính cửa, ngắm những cây thông già cỗi dưới trời.

- Anh Di! Có phải Phượng cũng yêu...

Di gật đầu, tiến lại gần, cầm lấy tay người yêu:

- Thi như con bướm bay lượn trên cao, chẳng bao giờ để ý những điều xảy ra dưới cỏ... Như thế cũng hay!

Di cúi xuống hôn lên lòng bàn tay Thi:

- Thi đừng để ý làm gì. Phượng hãy còn bé hay yêu vẫn vợ... Đừng khóc Thi! Anh chỉ yêu một mình em, tin ở anh đi. Về tình yêu, từ lúc gặp nhau, có bao giờ anh nói dối em điều gì đâu. Lên thay quần áo, ra hồ với anh. Chiều nay cứ để Phượng ở nhà, khóc một chút hết buồn ngay!

Di ngừng đạp, chiếc xe theo nhịp sóng lắc lư trên mặt hồ đen thẫm loáng thoáng nắng lách qua những rặng thông. Di cởi áo ngoài đắp lên người con gái. Thi ngả đầu ra phía sau, tựa lên cánh tay Di. Nàng im lặng giữ vị trí đó rất lâu. Từ chiều, Thi cảm thấy những phút sống gần Di thật ngắn ngủi và mong manh. Thi quay lại đưa tay xoay mặt Di về phía nàng:

- Phượng yêu anh từ bao giờ?

- Em đừng dùng chữ "yêu"! Phượng chỉ có cảm tình nhiều với anh thôi. Các cô mới lớn thường bao giờ cũng hay có cảm tình với người yêu của chị mình. Thi đừng để ý tới làm gì. Phượng về Sài Gòn gặp người khác đâu sẽ vào đấy cả.

- Em muốn hỏi điều khác, em muốn biết anh đối với Phượng... như thế nào.

Di nâng tóc Thi, ngậm vào miệng, cười chế giễu.

- Em mà nghi anh thì em nguy rồi. Anh cũng chưa hiểu tại sao em hỏi câu ấy, em biết thừa hiểu từ lâu là anh chỉ mến thích Phượng vì Phượng vui vẻ nghịch ngợm, lúc nào cũng nói lép bép...

Một chiếc *pédalo* đi lại gần, hai người đàn ông ngồi trên liếc nhìn Thi rồi thì thầm. Thi định ngồi thẳng dậy nhưng Di giữ lại.

- Em điên hay sao! Kệ họ! Em để ý tới những kẻ cả đời chỉ trông thấy nhau một lần làm gì?

Gió lạnh lách qua một sườn đồi vụt thổi mạnh làm tung tà áo Thi. Di cúi xuống, khẽ nâng một chân Thi lên, quấn tà áo quanh đùi nàng. Thi rùng mình. Nàng nhớ lại ánh mắt kỳ dị của Di hồi chiều khi nhìn ngực Phượng. Từ ngày yêu nhau, chưa bao giờ Di tìm cách hôn nàng tuy đã nhiều dịp thuận tiện. Thái độ đó làm Thi băn khoăn nhất là từ lần nghe Di nói với Thạc: "Một tình yêu hoàn toàn phải bao gồm cả tinh thần lẫn thể xác. Yêu tinh thần chỉ là vấn đề giai đoạn." Một lần khác, tình cờ trông thấy đèo sau xe một cô gái mặc áo bó sát, mặt đầy phấn, Di đã trả

lời khi nàng hỏi. “Anh tưởng em hiểu đàn ông hơn chứ? Đàn ông có đời sống tình dục mạnh lắm, thường rất cần thân thể người đàn bà. Có thể gái mãi dâm mới còn đất sống...”

Đột nhiên, một câu hỏi thoát ra khỏi miệng, Thi muốn giữ lại nhưng không nổi:

- Tại sao anh chưa hôn em...

Di cười khe khẽ. Thi chưa bao giờ thấy gương mặt đến thế, nàng gục đầu vào ngực Di không dám ngừng lên.

- Em quên anh đã tuyên bố sẽ hôn em vào đêm Giáng sinh à? Anh nói trước anh sẽ chỉ buông em ra khi nào hết hơi chuông đầu. À mà em có lặn giỏi không đấy?

- Thường thôi, sao anh...?

- Để biết xem em nhịn thở có lâu không?

- Anh im đi! Anh thật kinh khủng! Anh không nói chuyện khác được sao?

- Tại em đấy chứ! Em không hỏi anh đâu có nói...

Thi im lặng áp má vào ngực Di, mùi thuốc lá cay cay hơi hắc từ áo người đàn ông toát ra thật quyến rũ. Một ý nghĩ điên cuồng từ từ hiện rõ trong tâm hồn: Hay là nàng cho Di tất cả. Nhưng nghĩ tới lúc phải để cho đôi mắt to và sáng của Di nhìn khắp thân hình, Thi rùng mình lùi xa người đàn ông. Nhưng ý định đó ám ảnh nàng. Nếu Di đòi, nàng có đủ sức từ chối không? Mà như thế có lẽ hơn, có thể từ lúc đó Di sẽ thuộc về riêng nàng. Di sẽ không tìm tới những người con gái môi đỏ mặt đầy phấn và nhất là Di sẽ không nhìn ngực Phượng như lúc ban chiều.

- Đưa em về đi, sắp tối rồi. Em thấy lạnh.

Di kéo chiếc áo phủ lên ngực Thi, im lặng đạp xe. Tiếng nước động trong bóng chiều lơ mơ thoáng sương mù.

Thạc kéo cà-vạt xuống cho đỡ vướng cổ. Chàng từ xưa vẫn ghét quần áo trịnh trọng. Lúc tối, theo lời khuyên của Di: “Ai chẳng biết anh ghét “lên khung”, khó chịu với “miếng vải may quần thừa” ở cổ, nhưng anh đang tán Phượng, Phượng lại thích ăn mặc chỉnh tề. Anh chẳng thấy có lần Phượng kê cả lối ăn mặc bữa bãi của tôi sao?” Thạc nhận Di có lý nhưng vẫn cãi: “Anh bữa bãi như vậy được, tại sao tôi không?” Nói xong Thạc vội vã sang phòng bên thay quần áo. Chàng đoán biết câu trả lời của Di sẽ là: “Thi đã yêu tôi, quần áo chỉ là cái phụ.” Đó là một sự thực hiển nhiên nhưng Thạc vẫn ghét nghe mọi người nhắc tới. Có lẽ chàng còn một hy vọng nhỏ sẽ chiếm được tình yêu của Thi một ngày nào đó. Thạc khó chịu cởi mạnh quần áo: “Mình thực là điên cuồng. Chỉ mơ hão huyền.” Thạc mở tủ chọn bộ quần áo đẹp nhất, thận trọng mặc vào người.

Nhớ lại thái độ trịnh trọng đó Thạc thấy chua chát. Từ lúc đến đón hai chị em đi lễ, thái độ của Phượng thật khó chịu. Mọi khi, Phượng còn trả lời những câu hỏi của chàng dù trả lời rất ngắn. Nhưng tối nay thái độ lạnh nhạt quá độ đến mức coi thường sự có mặt của chàng làm chàng tức giận đến xấu hổ. Phượng đi cạnh, giả vờ như không nghe thấy Thạc nói. Mắt Phượng luôn luôn nhìn bóng Di và Thi đi sát nhau phía trước. Mỗi khi Thi nghiêng đầu sát vào Di để nói, môi Phượng mím lại, hơi quay mặt đi như một đứa trẻ sắp bị tiêm thuốc, nhiều lúc Thạc bực dọc muốn kêu lên bảo thẳng Phượng:

“Phượng khổ, tôi cũng khổ. Tại sao Phượng không tử tế với tôi. Dù biết sẽ chẳng đi tới đâu nhưng cũng còn hơn thế này...” Nói ra được như thế, Thạc tin chắc sẽ dễ chịu lắm. Đến một chỗ rẽ, Thạc toan bỏ về nhưng lại thôi vì nhớ lời Di dặn trước khi đến nhà Thi: “Đêm nay, anh chịu khó giữ Phượng gần anh cho tôi nhờ. Bọn tôi tối nay có nhiều việc phải làm mà chỉ có thể hai người yêu nhau mới biết được. Nếu Phượng cứ đi sát làm “bối cảnh” không công như mọi lần thì thật rắc rối.” Tưởng tượng nếu chàng bỏ về sáng mai Di sẽ nhìn với con mắt bảo đảm: “Có mỗi một việc thế mà không làm được còn đòi tán ai.”, Thạc thấy khó chịu. Thà chàng đi suốt đêm cạnh cô gái câm như ốc sên này còn hơn để Di nhìn chàng với con mắt ấy.

Quán cà-phê đông kín người ngồi uống đợi tới giờ đi lễ. Di chọn cái ghế dài sát tường ngồi cùng với Thi, Thạc và Phượng ngồi ngoài mỗi người một cái ghế riêng rẽ. Phượng cởi áo khoác ngoài, nhìn Thạc nhắc, giọng khó chịu:

- Anh Thạc! giúp em...

Thạc luống cuống đứng dậy. Tay chàng lóng ngóng vung về như một đứa trẻ mới tập viết lần đầu. Thoáng nhìn thấy Thi đưa mắt nhìn Di cười, Thạc thấy cơn giận ở đâu ủa tới. Chàng có thể chịu được thái độ kẻ cả của Di, thái độ lạnh nhạt đến khinh thường của Phượng, nhưng ánh mắt chế giễu của Thi làm Thạc muốn điên lên đập phá tất cả rồi muốn ra sao thì ra. Nhưng thói quen chịu đựng vẫn lấn át được cơn giận, Thạc chỉ to tiếng gọi một chai la-de lớn rót ra ly uống thẳng một hơi cho đến cạn rồi xô ghế đứng dậy:

- Tôi xin lỗi... tất cả. Nhức đầu quá không đi dự lễ được, có lẽ phải về đi ngủ ngay!

Phượng lạnh lùng chào đáp lễ, cúi xuống tiếp tục sưởi tay trên nắp phin cà-phê. Thi đưa mắt nhìn Di dò hỏi. Di hơi cười khế gật đầu.

- Anh can thiệp đi không hỏng cả bây giờ!

- Hỏng cái gì mới được chứ?

Di cúi đầu sát tai Thi thì thầm:

- Anh Thạc giận, anh Thạc về, anh cũng vẫn sẽ hôn em như đã định trước...

- Em không đùa đâu. Anh bảo Phượng đi, ai lại để anh Thạc bỏ về như thế bao giờ. Tội anh ấy!

- Thi bảo anh làm gì bây giờ!

- Anh bảo Phượng ấy. Mấy hôm nay cư xử như người điên, không coi anh Thạc ra gì cả.

Thi ngừng nói vì tự dưng thấy nét mặt Di trở thành nghiêm trang hơi buồn bã:

- Thi muốn nhờ anh máng Phượng, bắt Phượng cư xử niềm nở hơn với anh Thạc vì Thi biết anh nói Phượng sẽ nghe và không giận chứ gì?

Di ngồi im suy nghĩ, chàng thấy mọi người như sống trong một giấc mơ dài, chỉ có một mình chàng tỉnh. Tình yêu của Phượng đối với người yêu của chị mình, tình yêu tuyệt vọng của Thạc đối với Thi, sự tủi nhục của Thạc trước thái độ khinh thường ghê lạnh của Phượng và cả nỗi băn khoăn lo sợ sẽ có ngày mất chàng của Thi, tất cả như phơi bày rõ rệt mà có lẽ chỉ một

mình chàng hiểu. Di cúi đầu thối mạnh khói thuốc lá xuống bàn. Dù sao chàng cũng là người độc nhất có thể đưa một người tạm thời ra khỏi một tình trạng bế tắc hiện tại. Di giờ đồng hồ ra xem: còn một tiếng nữa mới tới giờ hành lễ. Di tự nhủ: “Bắt đầu từ Phượng trước, sau đó sẽ giải quyết tới Thạc.” Di mỉm cười chua chát, chàng tự dưng cảm thấy có thể mang lại sung sướng cho mọi người chung quanh dù chỉ là một vui sướng tạm thời, thoáng qua. Còn Thi, có lẽ về Sài Gòn vài tháng nữa, ảnh Thi sẽ để vào ngăn dành cho “những cô đã tán được nhưng đã quên”. Tưởng tượng đến đôi mắt của Thi đắm nước, Di thấy tim chàng hơi thất lại. Cảm giác này đã tới với Di một lần khi Mai - một người chàng đã có thời kỳ yêu say mê - báo tin lấy chồng.

Thi khẽ đặt tay lên đùi Di:

- Hình như anh đang nghĩ tới một chuyện gì buồn? Kể cho em nghe được không?
- Được nhưng để chốc nữa ra nhà thờ...

Di tiếp tục suy nghĩ. Có lẽ chàng tàn ác quá đối với mọi người. Di nhớ lại những lúc cố ý lợi dụng tình yêu của Thạc để làm khổ Thạc, những khi đã cố ý gián tiếp làm cho Phượng yêu chàng. Tất cả những hành động đó, Di buồn bã kết luận, có lẽ chỉ để thỏa mãn tự ái đã bị Mai xúc phạm. Chàng có quyền làm như thế không? Di buột miệng:

- Mình ác thực!

Hai người con gái ngơ ngác:

- Anh bảo ai ác?
- Phượng chứ ai?
- Em làm gì mà anh bảo em ác!
- Phượng tưởng anh Thạc nhức đầu thật à, Phượng có thấy ai nhức đầu lại đi uống rượu không? Mấy ngày gần đây Phượng cư xử tệ quá. Lúc nào Phượng cũng tỏ ra khinh thường anh ấy. Hồi, Phượng không thêm trả lời...
- Em biết làm thế nào? Anh Thạc nói chuyện chán không thể tưởng tượng được. Đã thế mà không mấy khi nói, em cứ phải nói hoài, mệt quá!

Thi nói xen vào:

- Phượng chẳng ý tứ gì cả! Anh Thạc có cảm tình nhiều với Phượng, săn sóc chiều ý Phượng như thế mà còn chưa hiểu sao? Phượng quên những lúc anh Thạc trèo cây rơi cả kính, chảy cả máu tay chỉ cốt để lấy hộ Phượng bông lan? Phượng không có cảm tình thì cũng phải cư xử dịu dàng hơn chứ? Ai lại để cho anh ấy buồn bỏ về nhà ngồi một mình như thế.

Phượng ngồi im, mân mê chén cà-phê đã nguội lạnh.

- Bây giờ về nhà anh Thạc rồi mới ra nhà thờ có kịp không?
- Chắc chắn kịp, nhưng các cô có đủ sức đi bộ không? Giờ này khó tìm được xe ở khu nhà anh Thạc.

Phượng quả quyết đứng dậy. Ba người lẳng lặng đi xuống những con đường tối đen. Đèn ngói sao thấp ở cửa các ngôi nhà tỏa ra một ánh sáng lờ mờ ấm áp. Thi nắm lấy tay Di:

- Anh kể cho em nghe đi.

- Kể chuyện gì?

- Chuyện đã làm cho anh buồn ban nãy trong quán.

Di thấy hơi buồn, một thứ buồn phảng phất không biết bắt nguồn từ đâu thường đến ám ảnh tâm hồn chàng.

- Hồi hai mươi tuổi, anh có yêu một cô say mê. Anh theo đuổi cô ta rất lâu, có lẽ tới hai năm.

- Nhưng cô ta không yêu lại và đi lấy chồng?

- Lấy một người bạn anh. Hiện giờ hai người sống ở miền Trung. Bây giờ, giả thử chồng cô ta có chết đi, chắc anh cũng không nói lại tình cũ. Điều làm anh đau khổ hồi đó không phải ở chỗ nàng đi lấy người khác. Có một lần anh tới ngồi trong phòng tới khuya không chịu về, nàng tức giận nói rất nhiều nhưng có một câu làm anh không bao giờ quên được: “Những thứ người kỳ quặc như anh ai mà yêu được. Nếu chia đàn ông ra làm ba loại thì anh vào loại cuối cùng.” Lúc ấy, anh không để ý, cho tại nàng bực mình nên mới tàn tệ như vậy. Sau đêm đó một thời gian anh gặp một cô khác rất đẹp, anh theo đuổi nhưng không được. Anh lại tìm một cô khác và số phận anh cũng như hai lần trước. Anh đau khổ vì thất bại thì ít, đau khổ vì câu nói của nàng trước kia thì nhiều. Hồi đó anh đã cho rằng có lẽ không một người con gái nào yêu nổi anh đúng như lời nàng đã tiên đoán. Nhiều khi anh buồn tới muốn khóc. Để xa lánh Sài Gòn anh xin làm giáo sư ở một tỉnh nhỏ. Trong hai năm liền, vì nghề nghiệp bắt buộc, anh bắt đầu hiểu rõ tâm lý mọi người, nhất là đàn bà, hơn trước.

Anh hiểu tại sao anh đã thất bại. Có lẽ trước đó anh vụng về như anh Thạc bây giờ, chưa biết chừng còn hơn nữa. Đồng thời anh cũng khám phá ra rằng trong tình yêu, thành thực thôi chưa đủ, điều quan trọng trong việc chinh phục các cô là phải biết nói những câu rất thối nhưng cũng rất cần để các cô vui lòng, phải làm những việc thật vô nghĩa và giả dối. Hiểu như thế, dĩ nhiên là từ đó anh thành công nhiều. Nhưng cũng từ đó anh không yêu được ai thành thực. Mỗi người, anh chỉ yêu được độ sáu tháng là nhiều, sau đó anh gạt họ ra không thương tiếc. Có lần một cô ngồi gục mặt xuống bàn khóc tới ba giờ sáng, anh vẫn đứng đưng. Ngày hôm sau anh lại bắt đầu tán cô khác. Cứ như thế...

Di dừng lại, chầm thuốc lá, ánh lửa lập loè chiếu sáng khuôn mặt người thiếu nữ đứng bên. Di ngạc nhiên thấy má Thi đầm nước mắt. Ngọn lửa tắt đi, ánh đèn ngói sao treo trên cửa một biệt thự trên sườn đồi mờ nhạt trên mặt đường. Thi nhìn mắt Di rất lâu, im lặng khóc. Đột nhiên nàng vùng ôm chặt lấy Di, gục đầu vào ngực người đàn ông.

Phượng ngồi trên một tảng đá lớn ngoài cổng nhà Thạc đợi Thi và Di đến.

- Em chưa gọi cửa. Nhà tắt đèn tối om...

Ba người vào hàng hiên, cúi đầu tránh những cành mận đầy hoa trắng mới nở. Di ghé mắt sát kính nhìn vào: căn phòng khách im lặng và tối đen, một đóm lửa đỏ của đèn thuốc lá mờ tỏ. Di quay lại thì thào:

- Anh Thạc chưa ngủ đâu. Anh ấy đang ngồi hút thuốc một mình trong phòng. Anh gọi nhé?

Phượng giơ tay ngăn lại:

- Đừng, anh để em. Em biết cách mở lấy cái cửa này.

Phượng quỳ xuống đất, khẽ lách ngón tay qua khe cửa, nâng nhẹ cái chốt. Tà áo màu vàng tươi theo gió thổi bay nhẹ nhàng như chiếc lá khô bị cuốn trong gió lốc. Phượng mở cửa bước vào, nàng khoa tay tỏ ý mời mọi người đợi ở ngoài.

Đèn trong phòng bật sáng. Thạc mở rộng cánh cửa nét mặt đầy vui sướng:

- Mời hai ông bà vào trong này. Đứng ngoài ấy lạnh chết.

Phượng ngồi co hai chân lên ghế bành, ngả đầu về phía sau, đôi giày để lộn lóc dưới chân. Thạc kéo ghế:

- Thi ngồi đây. Đợi tôi thay quần áo, xong ngay bây giờ. Di cho tôi mượn cái áo len núi đen trắng nhé. Có trà nóng ở ấm, mọi người cứ tự tiện, tôi xuống ngay bây giờ.

Trông Thạc vui sướng vội vã lên gác, ba người đưa mắt nhìn nhau rồi mỉm cười.

- Phượng làm thế nào để anh Thạc hết buồn nhanh thế?

- Em chẳng làm gì hết. Lúc thấy em lù lù vào anh Thạc hỏi: "Ai đấy? Di đấy à?" Giọng anh ấy run run, chắc tưởng em là hồ ly tinh không biết chừng. Em hỏi xem hết nhức đầu chưa, nếu đỡ đưa em đi lễ nhà thờ vì đi với anh vui lắm...

Thi cười:

- Chỉ có thế thôi à?

- Chỉ có thế thôi! Chị tưởng em còn làm gì nữa. Anh Thạc đâu có phải là...

Phượng im bật, bối rối cho chân xuống xỏ vào giày. Im lặng trở lại căn phòng lạnh cho tới khi Thạc xuống.

Di ngồi trên ghế:

- Thạc đưa Phượng đi trước nhé. Tôi hơi mệt sẽ ra sau. Hết buổi lễ anh đưa Phượng về hộ. Đừng đợi bọn tôi.

Phượng ngần ngừ, đưa mắt nhìn chị dò hỏi rồi lảng lạng ra khỏi nhà. Tiếng gió lướt dài bên ngoài đồi núi phảng phất trong không gian. Thi cúi đầu nhìn bàn tay đặt trên thành ghế. Nàng không dám ngừng lên. Trực giác báo cho nàng biết một điều gì quan trọng và ghê gớm sắp xảy ra. Thi cố gắng ngừng đầu lên nhìn Di hay ít nhất cũng nói một câu nào nhưng không sao được. Chân tay nàng, cả người nàng hình như là một sức mạnh vô hình làm cho tê liệt. Có lẽ Di đang nhìn thân hình nàng, nhìn ngực nàng như hôm nào đã nhìn Phượng. Tiếng nói của Di cất lên:

- Thi nghĩ sao nếu bây giờ anh biến Thi thành đàn bà...

Thi úp mặt vào cánh tay im lặng, nàng biết trả lời sao bây giờ. Tâm hồn nàng chỉ còn là một mơ tư tưởng hỗn độn mờ mịt đến quái dị.

- Thi muốn phản kháng anh thì phải kêu lên trên gác mới nghe thấy. Dưới nhà hiện giờ chỉ có anh và Thi... Thi không bằng lòng thì kêu lên đi. Sao im lặng thế Thi.

- Tại Thi yêu anh quá phải không?

Câu nói vẫn có vẻ bông đùa chế giễu như mọi khi, nhưng giọng trầm hẳn xuống và nghiêm trang làm Thi có cảm tưởng lần này Di sẽ làm theo lời nói. Thi cố ngừng đầu lên nhìn Di nhưng sức mạnh vô hình vẫn đè nặng lên nàng. Hình ảnh chụp bức tượng hai người khỏa thân ngồi hôn nhau của một nhà điêu khắc Tây phương hiện rõ dần trong tâm hồn. Di và nàng sẽ cũng như thế sao. Một nỗi sợ hãi như từ một vực thẳm vô biên tối đen xâm chiếm Thi làm người nàng run lên. Thi vùng ngồi thẳng dậy:

- Đừng anh... đừng. Em sợ lắm!

Di mỉm cười. Mặt chàng ẩn hiện một nỗi buồn xa lạ làm Thi đau đớn. Di đứng dậy cầm chiếc áo len khoác lên vai người con gái, nói rất nhỏ và dịu dàng:

- Anh xin lỗi đã làm em sợ... Chúng ta đi thì vừa. Sắp tới nửa đêm rồi.

Gió chạy dài theo vách tường nhà thờ làm Thi thấy lạnh. Nàng dựa lưng vào vách tường, ánh sáng từ trong nhà thờ qua làn kính cửa sổ nhiều màu trên cao tỏa xuống mặt hai người. Hồi chuông cử hành lễ nửa đêm đã hết từ lâu, âm hưởng chỉ còn phảng phất. Từ lúc ra khỏi nhà, Di vòng tay ôm ngang người, dìu nàng đi nhưng không nói một câu nào. Có lần Thi đã cố hỏi nhưng Di chỉ cười, hôn lên tóc không trả lời. Mỗi khi ánh đèn ngoài đường chiếu sáng, Thi nhận thấy nỗi buồn vẫn chưa rời Di. Thi gọi khẽ:

- Anh Di! Nói cho em biết tại sao anh buồn đi, có phải tại em từ chối...

Di cúi xuống hôn lên trán Thi:

- Cô bé đừng nghĩ bậy, anh có buồn đâu. Có lẽ tại chính Thi buồn nên tưởng tượng anh cũng vậy.

Thi đột nhiên cảm thấy Di trở nên xa lạ hẳn. Hình như có một cái gì đẹp đẽ lắm đã chết giữa hai người. Thi thấy đau đớn và xé thân hình đến muốn kêu lên. Thi hối hận đã từ chối Di. Tại sao nàng lại tiếc làm gì, sao nàng lại sợ. Bây giờ nàng hiểu Di. Vết thương cũ do câu nói độc ác của người con gái gây ra chưa bao giờ liền hẳn. Trong tận đáy tâm hồn Di, ở một chỗ sâu kín lúc nào có lẽ cũng còn một tiếng nói thì thầm: "Kỳ quặc như anh ai mà yêu được..." Di cần một tình yêu, một người yêu chàng say mê đến cùng cực. Có lẽ chỉ một tình yêu như thế mới làm im tiếng thì thầm kia mãi mãi. Di đâu có cần tấm thân nhỏ bé của nàng. Điều mà Di mong ước nhưng không dám thú nhận là một người con gái yêu chàng đến độ mang sự trong trắng của thân thể làm tặng vật biểu lộ tình yêu. Vậy mà nàng đã từ chối Di. Tưởng tượng đến chốc nữa, khi đã đưa nàng về nhà, Di trở về một mình đi xuống con đường dốc tối đen để nàng lại căn nhà gió đập cửa sổ đêm ngày, nước mắt Thi ràn rụa. Nếu một mai Di hết yêu nàng, nàng sẽ đau khổ nhưng không trách Di được. Từ bao năm Di đi tìm một tình yêu qua thân hình của nhiều người đàn bà, Thi có thể mang lại được điều Di mong muốn nhưng nàng đã từ chối. Thi

tuyệt vọng ghi chặt thân hình Di như một người đắm tàu trên đại dương giữ chiếc phao cuối cùng dù biết rằng ngày mai sẽ chết đói khát.

Thi mơ hồ thấy Di đỡ nàng ngồi xuống thềm gạch dẫn vào cửa sau nhà thờ. Chàng ngồi xuống bực dưới, gục đầu vào lòng Thi, hai cánh tay ôm chặt thân hình nàng. Những giọt nước mắt lăn nhanh trên má Thi rơi thấm ướt tóc người đàn ông. Di ngồi dậy, nâng mặt Thi lên nhìn vào mắt rất lâu rồi từ từ cúi xuống hôn nàng đầy bao dung và hiểu biết. Tiếng hát trong nhà thờ thoát ra lên cao như lẫn với các vì sao. Thi thấy nỗi buồn khổ tuyệt vọng nhẹ dần; hình như tiếng đàn cùng những câu thánh ca đã mang bớt một phần đau khổ tỏa xuống những thung lũng vắng người chỉ để lại mình nàng gần Di. Thi thì thào:

- Anh còn yêu em không anh Di?

Di cười, mắt mở to, từ từ cúi xuống. Trước khi nhắm mắt lại, Thi nhận thấy nỗi buồn xa lạ thường ẩn hiện trên mặt Di không còn nữa. Sau đó Thi không phân biệt được tiếng gió với tiếng hát, bầu trời đầy sao với những thung lũng lấp lánh ánh đèn.

Vẫn tháng ngày qua

Đà Lạt có những con đường thật vắng vào bất cứ thời khắc nào trong ngày và mùa nào trong năm. Mặt nhựa không hạt bụi lấm tẩm những trái thông khô nâu và hai bên bờ nhiều khi những cọng lá thông rơi từ bao ngày tháng đã tạo thành một lớp thảm mỏng kỳ lạ, bao giờ cũng như mời người bỏ giày đi chân không lên trên, chạy loạng quạng như thuở ấu thời. Tôi đang đi vào những con đường như thế trong những khoảnh khắc cuối cùng của một ngày. Trong sân nhà, nồi bánh chưng đã được kê ra và đang sôi sùng sục. Nhưng tôi chưa muốn về nhà. Đã từ lâu, tôi vẫn dự trù đến ngày này, sẽ mời những bạn bè đồng hành lên đây, đốt lửa thật to, ngồi quanh nồi bánh của mẹ mà thức thâu đêm. Bây giờ, lửa đã cháy to rồi nhưng chút nữa, khi đêm đến chỉ có một bạn văn mới quen đến. Những người khác đã tản mát đi hết, người lo tranh cử, người lo kiếm tiền làm giàu, người tiêu phí những năng lực sau cùng của tuổi trẻ vào canh bài lá bạc thâu đêm, người đi theo các đảng phái chính trị có các lãnh tụ thực tế và khôn ngoan... Còn những người khác, những người còn hướng về đỉnh núi xanh mơ ước hứa hẹn phương xa, một vài người đã chết, đa số còn lại đang cầm súng chiến đấu nơi biên cương hay trong đầm lầy.

Chăn nệm đã trải đầy ngoài sân, bao quanh đám lửa hừng hực dưới nồi bánh. Tiếng hạt dưa cắn tí tách, trẻ con chỉ còn để hờ khuôn mặt và hai bàn tay trắng hồng chạy chơi hò reo trong sân. Một chai rượu mạnh mở nút từ lâu và đã vơi một phần. Tôi gác hai cành thông tươi vào than hồng, thả những miếng khô nai vào nướng. Mùi thịt rừng bốc lên thơm ngát. Được mẻ nào, mọi người giành nhau, xuyết xoa truyền tay những miếng thịt cháy nóng. Tôi liệng những trái thông khô vào giữa than hồng, nhắm nháp ly rượu, theo dõi sự tan thành tro trắng của các trái thông ấy, mỗi mệ. Mỗi năm, tôi chỉ được nghỉ ngơi hưu chiến với cuộc đời trong những ngày cuối năm trong căn nhà gỗ này của mẹ. Tôi hãy để cho tôi mệ, mệ hết sức mình đi. Có sương mù đang từ từ dâng lên từ thung lũng phía dưới. Đêm nay chắc không lạnh lắm.

Mọi người đã rút vào nhà, vào trong chăn ấm. Gió đã lạnh nhiều và đêm đã quá khuya. Quanh nồi bánh, trên những chăn chiếu chưa thu dọn còn bừa bãi bánh trái vỏ hạt dưa. Một miếng mứt ngô sen dưa con nhỏ gặm dở dang vớt lẫn lóc giữa chén trà, cạnh chiếc giầy len bé bỏng bỏ không. Quanh bếp lửa ngoài trời, chỉ còn mẹ tôi và câu chuyện lại tiếp tục. Và như bao lần, mẹ tôi không hỏi gì về những thành hay bại của đứa con trong những năm qua. Đối với bà, dòng đời vẫn tiếp tục. Chiến tranh, chết, bạo động, nghèo khổ áp bức là nắm sẵn trong cuộc đời của con người. Không có gì để nói, để ngạc

nhiên nữa. Đối với bà, cuộc đời kết hợp và kế tục bằng sinh hoạt của các đứa con. Nhất là những đứa cháu nội ngoại đang tiếp tục xuất hiện mỗi ngày một đông đảo thêm. Trong bà chứa chất một quan niệm về đời sống khôn ngoan ngàn đời của Đông phương, những lý luận sắc bén nhất của tôi cũng chỉ là những trò chơi của trí óc mà thôi. Mỗi năm bà lo tụ họp tối đa con cháu quanh mình, đốt lên một đám lửa hồng dưới nồi bánh chưng cổ xưa. Tôi thành hay tôi bại, điều đó có nghĩa gì.

Bà đã ngủ thiếp đi cạnh đồng lửa, mái tóc bạc chập chờn dưới ánh lửa. Tôi đánh thức bà dậy, mời vào đi ngủ. Mẹ tôi đã già rồi, không còn đủ sức canh bánh chưng đến sáng như bao năm nữa. Bà dặn tôi cứ hai tiếng đổ nước vào nồi thêm một lần và vào đánh thức bà dậy lúc sáu giờ sáng để vớt bánh. Tôi để đồng hồ tựa vào một khúc củi thông to để dễ nhìn cho rõ, rót một ly rượu đầy để sẵn trong tầm tay, kê hai ba chiếc gối rồi kéo chăn lên tận cằm nhìn lên trời. Sương mù thật đặc che khuất các vì sao và bầu trời. Tôi như bồng bênh trong khoảng không. Thấy mình như bé hẳn lại. Mà tại sao lại không thấy vậy nhỉ, lần này rời căn nhà của mẹ xuống đồng bằng, tôi phải bắt đầu lại từ đầu tất cả. Từ việc kiếm một ngôi nhà ở đến kiếm cách sinh nhai, từ đầu, cái gì cũng phải làm lại từ đầu. Nghĩ đã thấy thắm một như người lính đang thụ huấn trong quân trường đã chạy hết được đoạn đường chiến binh, tưởng được lần ra nghỉ nhưng lại được lệnh chạy lại, từ đầu...

Tôi thiếp ngủ trong trạng thái bồng bênh vì sương mù và vì men rượu. Một tiếng chó cắn hoang làm tôi chột tỉnh, tiếng nước reo trong nồi bánh đã khô khan. Tung chăn ngồi dậy, tôi cầm ly rượu để sẵn uống cạn. Gió thổi vèo vèo lạnh buốt và sương mù đâu mà nhiều mà đặc quánh, trấn áp ngọn lửa đến tàn lụi. Tôi với cành thông tươi dài làm gậy cời than, cời lại bếp lửa cho bùng sáng. Dùng một khăn lót tay, tôi mở nắp nồi bánh, hơi nước ào toả ra ngùn ngụt, dày đặc đến nỗi như lẫn với sương mù chung quanh không còn nhìn thấy gì nữa. Không gian như hừng hực bốc nóng. Tôi đổ thêm nước vào nồi, tiếng sùng sục êm ái đã cất lên tiếp tục. Thò chiếc gậy dài vào lòng bếp kéo bớt than đỏ ra, bỗng dưng tôi cảm thấy có một cái gì thay đổi trong tôi. Châm một điếu thuốc lá mới, tôi nhìn quanh núi đồi. Đồi núi chơ vơ, thung lũng tối đen, chỉ còn có mình tôi trơ trọi trước đám lửa. Cho bao lâu nữa, tôi không biết và cũng không cần thiết phải biết.

Phía chân trời đã bắt đầu hừng trắng nhạt khi mẹ tôi ra sân mang theo một bộ đồ trà với ấm nước sôi còn phì khói. Tôi ngồi thu lu trong chăn thò cái đầu mái tóc ướt đẫm sương sớm ra, nhắm nháp ly trà nóng bỏng. Bầu trời đã ửng hồng cả một phía bên kia thung lũng, pha màu nhạt ảm vào những giọt sương trắng trong đọng trên các cành mạn khảnh khiu.

Phụ đính II:

Những mối tình thế kỷ Cao My Nhân

Cách đây mấy năm, có một vị chủ báo ở tận miền Đông Hoa Kỳ, điện thoại hỏi thăm tôi vài chuyện, vì biết tôi thực sự quen biết với mấy nhân vật, mà cuộc đời của các nhân vật ấy, có đôi chút mơ hồ, để vô tình đi vào huyền thoại, khiến tha nhân cũng mặc nhiên... công nhận tính cách kỷ niệm phong phú, băng khuâng... bởi nhà văn, nhà thơ tên tuổi, là người của đại chúng, tha nhân mến mộ ai thì tìm hiểu vậy thôi.

Điện thoại rằng:

- Tôi biết bà quen với gia đình 2 nhà thơ Đinh Hùng và Vũ Hoàng Chương, vậy bà có nghe câu: "Tố của Hoàng ơi, Tố của ai? Thế thì Tố là ai, Theo thơ Vũ Hoàng Chương kể chuyện đó đã lâu lắm rồi, nhưng tôi (vị chủ báo) vừa nhận được bài viết của một nhà văn Saigon trước 1975, nói là Tố đó có di cư vào Nam năm 1954, và ngụ tại cư xá Bắc Hải có nên đăng không?

- Bạn (vị chủ báo là phụ nữ) đăng hay không là quyền của bạn, còn tôi thì chỉ biết như vậy, cứ mỗi năm đến ngày 12-6 dương lịch, tôi thường đùa chị Thục Oanh, phu nhân thi sĩ Vũ Hoàng Chương, cũng đã quá cố ít năm nay, rằng: "Tố của Hoàng Ai" đâu rồi?

Cụ bà Vũ, lúc tôi trò chuyện, khoảng thời gian vài ba chục năm trước, nếu còn tại thế là đã quanh số trên, dưới 90 trẻ hơn cũng không thể nhỏ ngang cổ thi sĩ Đinh Hùng, vì thi sĩ Đinh Hùng sinh năm 1920, năm nay ở tuổi 91 ông đã mất gần nửa thế kỷ nay, lại là em của cụ Thục Oanh.

- Tố bây giờ cũng thành cụ rồi, có liên lạc đâu mà biết, xưa lắm rồi, ông ấy thích làm thơ thì cứ làm, ông (thi sĩ Vũ Hoàng Chương) còn có bài ca tụng con bé đầm ở bên Tây, hồi đi họp Văn Bút trước 1975 nữa cơ mà, ôi dào, thơ thì cứ Thơ, Đòi thì cứ đòi, dinh dáng gì mà sợ.

- Sợ gì đâu, em hỏi cho biết thôi mà.

Mới đây, cụ thi sĩ Hà Thượng Nhân cũng mới mãn phần ở tuổi 91 trên cao nguyên San Jose, trời thu muộn màng, ẩm ướt hơi sương, các văn nghệ sĩ thường tới, lui hiên thơ giá rét, lại có dịp làm thơ tán thán, tình tiết kỷ niệm nhớ nhung, lại được phô bày trên báo giấy, báo mạng, gia đình thì đã chu toàn lễ nghĩa tang ma, còn lại bạn thơ với mây bay, gió thổi, băng khuâng. Nhà thơ Hà Huyền Chi từ tiểu bang Tây Bắc Hoa Kỳ trong bài phúng điệu thi lão Hà Thượng Nhân, với tất cả tấm lòng của Nhà Thơ đối với Nhà Thơ:
Thơ không nuôi nổi nhà thơ

...

Nhà thơ về với hư không
Còn trên mặt báo vài dòng tiếc thương...
(Hà Huyền Chi)

Vâng, quả là vậy, nếu chỉ sống với Thơ thôi thì không biết làm sao...tồn tại được, vì thơ không nuôi nổi nhà thơ, nếu ở Hoa Kỳ không có các khoản tiền đãi ngộ tuổi Già, Bệnh và vv...khác, thì chẳng biết có quý vị nào Vịn Thơ mà đứng dậy nổi, nhưng lạ quá chẳng những quý vị làm Thơ, đã đứng là Vịn Thơ đứng dậy, rồi còn khoác áo tâm tư tình cảm cho Thơ mình, thơ người để làm nên huyền thoại, chúng ta, loài người, khác muôn loài khác, là đã sống cho ta, mà còn sống cho người nữa.

Sau khi cụ thi sĩ Hà Thượng Nhân mơ màng về cõi vĩnh hằng thực sự rồi, những ngón tay thơ của bốn phương hồ hải thi sĩ khác đang còn hiện diện ở Chốn Bụi Hồng này, nhìn nhau buồn bã, đếm gió, đếm mây, 91 lần khuê phòng tuyết giá, một vị lão thành lặng lẽ ngồi vào ghế computer, biên thảo đôi dòng nhắn gửi người thơ thừa trăng tròn của thì mới quá vắng Hà Thượng Nhân, không dám gọi Nàng Thơ, vì nàng thơ ấy cũng đã lên cụ cữu thập. Người thơ trăng tròn xưa là một bậc nữ lưu danh gia vọng tộc song tiểu thư sính thơ ca nên đã ghép tên thật của nữ sĩ Hoàng Bích Dư, cùng tên thật của cố thi sĩ Hà Thượng Nhân là Hoàng Sĩ Trinh thành đôi thi khách Song Hoàng (vì cùng họ Hoàng), đồng thời tiểu thư con quan triều Huế còn ký vài bút hiệu khác như Bích Hoàng, Tương Đàm.

Chỉ 24 giờ đồng hồ sau, nữ sĩ Tương Đàm hay Bích Hoàng đã nhờ lưới điện chuyển qua vị lão thành (cũng là thi sĩ Đường Thi) nêu trên bài thơ phân ưu trước tin thi lão Hà Thượng Nhân từ biệt bạn thơ gần, xa khắp cõi.

Bài thơ phân ưu thi sĩ Hà Thượng Nhân của nữ sĩ Hoàng Bích Dư tức Bích Hoàng, Tương Đàm, hiện nay được quý vị văn nhân, thi sĩ ở San Jose hết sức ngợi ca với 2 lý do xác đáng:

Thứ nhất là một bài thơ chia buồn ý tình trọn vẹn nhất, ngôn từ đầy đủ tính chất lễ nghĩa, tình thơ không quá đà lãng mạn, xưng hô không lệch lạc nhân cách mà vì cả hai cụ thi sĩ kể ở, người đi đều đã tròn vẹn tình cảm, gia đạo, địa vị xã hội vv...mặc dầu kỷ niệm xưa vẫn trân quý.

Thứ hai là một mối tình thơ có chiều dài năm tháng, đậm đà, mà không dẫn tới điều tặc trách, xem như mối tình thế kỷ.

Tôi vốn hoàn toàn i tờ về computer, chẳng biết cái mạng lưới điện nó mang hình thức, nội dung thế nào-Được bạn hữu thân tình in từ net ra những bài bản cảm thấy không thể thiếu, tất nhiên là những tuyệt phẩm Kiều Hai Sắc Hoa Ti Gôn của TTKH, nay thơ cũ Tiếng Khóc Đêm Tân Hôn của Trương Đàm Nữ Sĩ viết năm 1943, và bài phân ưu thi sĩ Hà Thượng Nhân quá cố 11-10-2010 của bà thật ...tuyệt tác. "Tiếng Khóc Đêm Tân Hôn " là 10 bài thơ thất ngôn bất cú, nữ sĩ Trương Đàm viết gửi nhà thơ Hà Thượng Nhân từ thời tiền chiến(1943), thời điểm của khá nhiều huyền thoại Hà Thành Thanh Lịch xa xưa, nào là Trống Mái, Tuyết Hồng Lệ Sủ vv...nếu như Trống Mái cho là chuyện hư cấu diễn tả thiếu nữ thành thị, cứ nhất định thích anh chàng ở làng chài lưới ven biển khơi, chỉ vì anh ta to lớn, vạm vỡ như thần trùng bão táp, thì Tuyết Hồng Lệ Sủ lại là chuyện thật.

Tiểu thư Hà Nội Tuyết Hồng chính là chị gái thứ 2 của Nữ sĩ Thục Oanh phu nhân thi sĩ Vũ Hoàng Chương, tức là chị nhà thơ Đinh Hùng, được cụ cố họ Đinh đã từng làm tham sứ ngoại giao Việt Nam đầu thế kỷ thứ 20 ở Phi Luật Tân, cho nên tờ khai sinh của nữ sĩ Đinh Thục Oanh ghi nơi sinh là Philippine, thế thì Đinh lão bá quyết định gả tiểu thư Tuyết Hồng cho bậc nam nhi trẻ trung, tuấn tú Võ An Đạm (em cu Võ An Ninh), thật môn đăng hộ đối. Nhưng ngày hôm sau đám cưới, cô dâu Tuyết Hồng sẽ về với chú rể Võ An Đạm, thì ngày trước, tiểu thư Tuyết Hồng đã gieo mình xuống Hồ Tây, thiên tình sử đầy lệ này, tôi vẫn nghĩ là cũng ở trong bảng phong thần dân gian ngoài Bắc.

Nào ngờ, đầu năm 1984, chị Thục Oanh rủ tôi từ Úc Viên theo đường Nguyễn Minh Chiếu tới nhà cụ Võ An Đạm, vốn cũng là một nam tài tử không chuyên thời trước 1975 ở Saigon, sau khi thăm viếng, 2 chị em ra về, chị tâm sự với tôi:
Lẽ ra bà Tuyết Hồng là chị của mình, làm vợ ông ấy (Võ An Đạm) đấy, nhưng bà Tuyết Hồng tự trầm ở Hồ Tây, tạo nên câu chuyện Tuyết Hồng Lệ Sủ, Cao My Nhân có nghe không?
- Có chứ, ai mà ngờ thế, còn cụ bà Võ An Đạm bây giờ thế nào?
- Thì mình vẫn tới lui thăm hỏi sắp đi xuất ngoại rồi, ông bà ấy tử tế lắm.

Rồi thời gian rất ngắn sau, chỉ còn vài ngày nữa 2 cụ Võ An Đạm sẽ lên đường đi Mỹ hay Canada, tôi không nhớ, thì một buổi trưa mùa hạ năm đó, cụ Võ An Đạm đã ngủ quên không dậy nữa-cụ bà phải vô nhà thương, và thân nhân tạm dấu chuyện cụ Võ mất sau vẫn tiễn cụ bà ra sân bay xuất ngoại, đồng thời vẫn quản cụ Võ An Đạm ở chùa Đại Giác, rồi một người cháu họ lo tang ma cho cụ.

Những thư mục Tiếng Khóc Đêm Tân Hôn, Tuyết Hồng Lệ Sủ vv... là những tình tiết truyện, kiểu: Áo Ngươi Trinh Nữ, Đám Cưới Ma... vv... thực đấy mà hư cũng đấy -Chuyện đời đơn giản đã chẳng giản đơn, thì chuyện Thơ Tình Thơ lại càng huyền hoặc. Nếu cuộc đời, không có huyền thoại thì văn chương giảm đi phần nào ý nghĩa phong phú, thơ ca giảm đi điều mơ mộng, mỹ miều.

Hawthorne 2-10-2011

Nàng Tố của Vũ Hoàng Chương Thế Uyên

Vũ Hoàng Chương

(1916-1976)

“Tố của Hoàng ơi Tố của Hoàng”

(thơ Vũ Hoàng Chương)

Đáng lẽ là một lời vào đề, xin thay bằng một thắc mắc: chính người viết không biết nên định thể loại cho bài này như thế nào. Kể về các lớp quá khứ chồng chất lên nhau không theo thứ tự thời gian, thường là ký — hồi ký, thuật sự, tự thuật... Ký nào cũng bao hàm sự kiện tác giả tôn trọng sự thật tối đa có thể được. Bài này không đạt được điều ấy vì người viết kể lại khá nhiều những gì được nghe từ một bà mẹ kể lại cho cô con gái là vợ của người viết, cô gái nghe xong bèn suy diễn đôi ba điều trước khi kể lại cho chồng, chưa kể óc tưởng tượng, chủ quan của người viết tự động điền khuyết, tìm hiểu hoặc tô điểm thêm những chỗ khuyết trong bức tranh của quá khứ ráp nối. Như vậy giống truyện quá, nhưng vẫn không là truyện bình thường, vì nhiều nhân vật mang tên giả, lại là có thực ngoài đời. Hay là gọi luôn là truyện (chuyện) ký chẳng... Thôi, xin để vấn đề đó lại cho các chuyên gia văn học. Bây giờ vào đề thôi.

Nàng Tố là ai

Ngày xưa, chuyện xảy ra từ đầu thế kỷ 20, nhưng thế tạm đủ để gọi là ngày xưa được rồi, bởi vì một hai thế hệ bây giờ qua đi, là kể như lâu rồi, không như thời gian chậm rì rì của các cụ... Vậy thì trong cõi tạm là ngày xưa ấy có một ông cự phú làm giàu nhờ buôn bán thóc lúa vùng châu thổ sông Hồng, ở trong một dinh cơ đường Bến Thóc thành phố Nam Định. Ông lấy nhiều vợ vì Việt Nam thời đó theo chế độ đa thê, bà vợ đầu sinh ba cô con gái, cô út nổi tiếng xinh đẹp nhất thành phố, sau này trở thành nàng Tố của Vũ Hoàng Chương. Nói về các nàng đẹp là dư thừa, vì xấu xí, thiếu nhan sắc không gây được sóng gió hào hứng ở đâu, cho ai cả — trừ những trường hợp hãn hữu như Chung Vô Diệm.

Ở cùng đường Bến Thóc có một chàng bạch diện thư sinh — tôi không dùng sáo ngữ đâu vì chàng này có bộ mặt trắng thật sự, trắng đến nỗi như có thêm sắc xanh lơ — tên là Vũ Hoàng Chương con một ông tri huyện, gia tư cũng khá, vào loại bậc trung. Tôi không bịa chút nào về cái “bạch diện” của chàng ấy đâu vì đã từng là học trò môn Văn lớp đệ nhị (lớp 11) của nhà giáo Vũ Hoàng Chương. Bản thân người viết cũng là một nhà giáo dạy Văn xuyên nhiều chế độ, nhưng khả năng tả người thì loàng xoàng thôi, nên nhường mực tả ông thầy thi sĩ không giống ai này cho nhà văn Song Thao, cũng từng là học trò cũ của Vũ Hoàng Chương:

Áo sơ mi màu mỡ gà. Quần nâu với hai đường li thẳng tắp. Giày da nâu bóng loáng, mũ phớt màu nâu nhạt. Và một chiếc cà vạt màu nâu hồng có điểm những nụ hoa nhỏ xíu màu hồng nhạt. Màu sắc từ trên xuống dưới ăn khớp với nhau một cách rất nghệ thuật. Như một bức họa. Chưa hết. Một chiếc kẹp cà vạt mạ vàng cùng với cặp nút măng sét làm cho bộ quần áo thêm phần “vương giả”. Không phải chỉ trong buổi học “ra mắt” học sinh thầy Chương của chúng tôi mới diện như vậy. Trong suốt năm học, lúc nào thầy cũng chải chuốt một cách lạ thường. Những ngày nóng bức nhất cũng không làm chiếc cà vạt rời khỏi cổ thầy. Những ngày se lạnh chỉ thêm dịp cho thầy đóng nguyên một bộ đồ lớn loại sang.

Người thầy mỏng lét. Bộ ngực lép kẹp được chúng tôi gọi là ngực Omega... Nước da trắng xanh cùng với khuôn mặt gầy gò, ngoài rất nhiều vết nhăn quanh miệng và quanh hai khoé mắt... chúng tôi không tìm thấy ở thầy những dấu hiệu của một người ghiền. Cặp môi không thâm... người không toả ra mùi khét lẹt, dáng điệu không so bại, quần áo không lếch thếch dơ dáy...

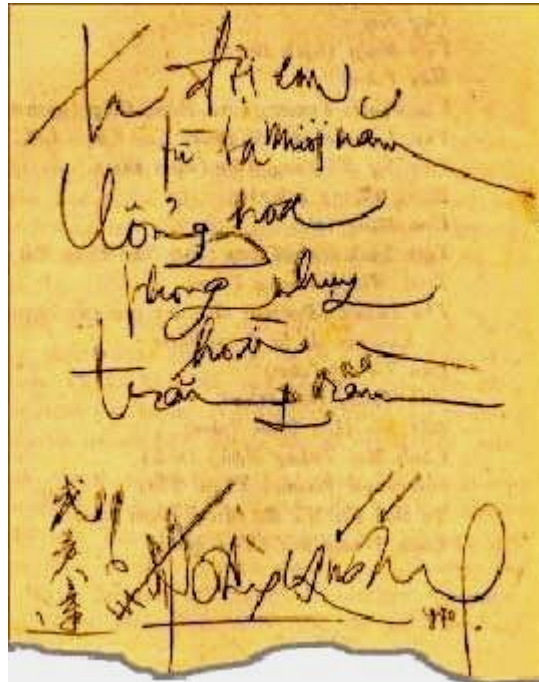
(Song Thao, “Thầy Chương”, *Thế Kỷ 21*, số 213, tháng 1 năm 07, tr. 37)

Chàng thư sinh mặt trắng tả trên đây với nàng Tố xinh đẹp không xa lạ gì với nhau vì, chưa đến nỗi là hàng xóm sát vách, đôi trẻ ở khá gần nhau, và vào cái thời “nam nữ thụ thụ bất thân” (có vị đã dịch là: trai gái trao cái gì cho nhau không được trao liền tay; nhưng đó là chuyện bên Tàu, còn các cụ nam nữ bên ta chạm chân tay nhau một chút trong giao thiệp hàng ngày, không là vấn đề), nàng Tố chàng Vũ thiếu gì dịp nhìn thấy nhau tỏ tường. Khi nàng đến tuổi dậy thì, chàng Vũ cũng lấy

được bằng Tú tài. Thời đó, đầu thế kỷ 20, bằng cấp ấy bảo đảm dư nuôi vợ con thoải mái, kể cả vợ lẽ con thêm. Chàng Vũ liền trầu cau đi hỏi nàng Tố bé con nhưng nhan sắc, cỡ 15, 16 tuổi. Bất ngờ ông bố nàng từ chối. Bà chị S kể lại có lẽ lý do tài chính: ông bố chê nhà trai hơi nghèo.

Thực ra có lẽ ông đang chờ một mai mối được hơn chàng bạch diện thư sinh họ Vũ: đó là con trai dòng họ Trần, một họ lớn nhiều khoa bảng trong tỉnh. Chàng này vừa tốt nghiệp Polytechnique ở Pháp về, ngoại hình khác hẳn chàng Vũ, khoẻ mạnh, nét mặt rất đàn ông. Vũ mạnh dẽ bao nhiêu, Trần vạm vỡ khoẻ mạnh bấy nhiêu. Khỏi phải nói thêm cũng biết ông bố thuận gả cô con gái cưng cho họ Trần. Đoàn xe rước dâu đông tới 30 xe hơi, theo tiêu chuẩn hồi đó, là “thứ nhất Bắc kỳ, thứ nhì Đông dương”. Đoàn xe để lại trên vỉa hè đầu đó xác pháo tươi hồng và vài chàng thất tình vì người đẹp đã đi lấy chồng, trong đó có chàng Vũ. Nhưng khác với mọi chàng, chàng Vũ biết làm thơ từ nhỏ, bây giờ sự thất tình, như một chất xúc tác kỳ diệu, làm chàng trở thành một thi sĩ lớn của Việt Nam.

Dĩ nhiên đề tài quan trọng nhất thời kỳ đầu là mối thất tình vì nàng Tố. Ông than ông tiếc ông gọi tên nàng ầm ầm náo nhiệt trong thơ, thí dụ như trong bài “Tháng sáu mười hai”. Mười hai tháng sáu là ngày nàng lên xe hoa về nhà chồng, *“Tố của Hoàng ơi Tố của Hoàng, Tố của Hoàng nay Tố của ai...”* Cần chú giải ngay là Tố không phải là tên thực của nàng, nữ danh của nàng bắt đầu cũng bằng chữ T nên chàng Vũ phóng tác ra tên Tố, tha hồ réo gọi, khỏi lo bị kiện hay ông chồng to khoẻ đến gõ cửa nhà hỏi thăm sức khoẻ... Cứ việc than thở: *“Ta đợi em từ ba mươi năm, Uổng hoa phong nhụy hoài trắng rằm...”*



Chàng họ Trần (tên tạm gọi là Tú) và nàng (cứ kêu bằng tên văn chương là Tố, để khỏi làm phiền lòng con cháu ở quốc nội hay hải ngoại) đã mở đầu cuộc sống chung tốt đẹp. Chàng tuy đỗ kỹ sư nhưng về một ngành chưa phát triển ở Việt Nam, nên chàng xuất chính và nhờ có căn bản quân sự trong học trình trước kia, chàng được người Pháp tin dùng, được bổ nhiệm, lúc làm quan châu vùng thượng du, lúc làm tỉnh trưởng Hải Dương, có lúc làm Phó Thủ Hiến Bắc Việt. Hoạn lộ có thể nói là hanh thông và cô bé con xinh đẹp mười bảy tuổi xuất xứ Bến Thóc Nam Định cứ thế làm phu nhân liên tục. Trong khi đó chàng Vũ thất tình sâu đậm, bỏ cả học Đại học Hà Nội, gia nhập ngành Hoá xa, xin một nhiệm sở xa nhất phía bắc là Lào Cay. Là thi sĩ thất tình, ở nơi biên giới ấy chàng làm

rất nhiều thơ về nàng Tố và nỗi niềm thất tình của mình, những bài thơ đưa chàng đến chỗ danh tiếng. Nhưng phiên một nỗi nơi biên cương ấy nằm trên một trục lộ chuyển thuốc phiện từ Tam giác vàng vào Đông dương thuộc Pháp, chưa kể nguồn sản xuất từ ngàn xưa trên các cao nguyên lớn nhỏ của Bắc Việt. Và hồi đó không hề có lệnh cấm hút thuốc phiện ở Việt Nam. Nằm cạnh ngọn đèn dầu lạc hít làn khói xanh vào phổi, nghe thân thể nhẹ dần như đi mây về gió, thi hứng vùn vùn dâng lên tràn đầy. Một người thường còn dễ nghiện thuốc phiện, nữa là thi sĩ thất tình Vũ Hoàng Chương, chưa kể một side effect khá hấp dẫn khác, là thuốc phiện làm trì hoãn việc xuất tinh trong thời kỳ mới hút.

Vậy Vũ Hoàng Chương trở thành người nghiện lúc nào không hay. Không như hít, chích cocaine hiện nay khoảng 5 năm là chết, nghiện thuốc phiện chỉ gầy đi dần dần, sợ nước sợ tắm, quần áo dơ dáy hôi hám... nằm nhiều quá một bên nên lâu dần dễ bẹp một bên tai nên dễ có biệt danh “dân làng bẹp”. Bởi thế những người nghiện có nghề nghiệp ngoài xã hội, khi ra ngoài thường thay quần áo mới, đẹp... đúng như nhà văn Song Thao đã miêu tả tác phong của “thầy Chương”. Sau một thời kỳ nghiện ngập bệ rạc, trở về Hà Nội, gặp lại bà S. chị của nàng Tố, Vũ Hoàng Chương than: “Thân tôi ra thế này, tại Tố hết!” Nghe kể lại, cô cháu sau này thành vợ người viết, đã “hứ” một tiếng phản đối: “Đàn ông nghiện ngập là tại chính họ, đừng có đổ tại đàn bà!”

Ở bên ta các cụ xưa thường có câu “miệng đàn bà con trẻ lắm lúc cũng thiêng”. Ở bên Tàu chưa lâu lắm có một ông Lỗ Tấn nào đó có viết cả một bài văn đả kích cái thói đổ tại đàn bà về chính trị của các vị tiên hiền tiên liệt, bên Tàu tất nhiên. Nhà Hạ nhà Thương Chu mất, tại các nàng Muội Hỉ, Đát Kỷ, Bao Tự... Rồi các nàng Tây Thi, Dương Quý Phi, các bà hậu này hậu nọ, Lữ Hậu, Vũ Hậu, Từ Hi Thái Hậu... thành tích cũng khá lắm. Theo Lỗ Tấn, một triều đại một vương triều khi đã suy, phạm nhiều sai lầm đối nội đối ngoại, nên mới sập tiệm, lại không muốn nhận lỗi, không chịu tự phê, hậu duệ mới kiếm một nữ nhân mà đổ tại...

Vũ Hoàng Chương đã thành danh, cuộc đời của ông, các thi phẩm, các vở kịch đã viết, đã đóng hay dàn dựng, đều thuộc văn học, được các nhà biên khảo tìm hiểu và ghi chú. Người viết bài này trở lại cuộc đời khiêm tốn nàng Tố.

Mặc dù lấy chồng giàu có bằng cấp quan chức, cuộc sống thắm kín của hai vợ chồng cũng có trục trặc, như những cặp vợ chồng khác và hơn các cặp vợ chồng khác. Không biết ông chồng Trần tạm gọi tên là Tú ấy có tính bạo dâm hay không, một lần bà chị S. dẫn con gái lại thăm, cô em Tố vạch cho coi một vết thương do đầu thuốc lá cháy đồ dĩa vào... Chưa hết, còn chuyện con cái. Không biết thời kỳ làm quan ở thượng du, ông Tú Trần có lợi dụng quyền lực áp bức, gây ân oán giang hồ với con gái địa phương hay không, mà bà vợ trẻ cứ đêm trước nằm mơ thấy người đàn bà xoã tóc giành con với mình, thì đêm sau đứa con mới sinh chết. Cứ như thế tới bốn đứa con đầu. Riêng đứa thứ tư, Tố kể với chị là “em giằng co với con mẹ xoã tóc, không cho đụng tới đứa nhỏ. Vậy mà hôm sau bỗng con ngồi xe đò, gặp một tai nạn nhỏ, cả xe không ai làm sao, mỗi con em bỗng trên tay lại va vào thành ghế chết.”

Vụ đánh lộn với người đàn bà xoã tóc trong mơ không cứu kịp được đứa con mới sinh, nhưng kể từ đó Tố tiếp tục sinh con trai con gái bình thường. Sự kiện này gợi nhớ tới phim ma quái *Ring II* vừa trình chiếu khắp thế giới: người mẹ trẻ trong phim quay theo một phim ma Nhật, do tài tử xinh đẹp Naomi Watt đóng, đã phải liều mạng nắm lấy hai tay ma tóc dài, theo nó về tận hang ổ ở đáy giếng để đánh lộn, đập ma xuống giếng rồi đập nắp lại, mới cứu được đứa con đã bị ma nhập.

Nhưng tới đây chưa hết sự tru ẻo của gia đình cô Tố vì đứa con trai đầu gửi gia đình bà S. nuôi hộ cho dễ học, không biết có cảm tình quá mức với cô em họ xinh xắn mới lớn (sau này là vợ người viết) hay không, nhưng cả hai gia đình cùng đồng ý “con ai người đó nuôi”, trả chàng thiếu niên về với bố mẹ. Được ít lâu, sau một buổi cãi lộn với bố, “chàng” tự tử chết. Đọc đến đây không nên ngạc nhiên về sự tru ẻo thụ phù gì mà ghê thế, vì có như thế đã thấm vào đâu với sự tru ẻo, curse, của giòng họ Kennedy. Không biết cụ cố Kennedy khi xưa tạo sự giàu có, có chà đạp, gây đau khổ cho ai không mà sau này các con lãnh đủ lời nguyền tru ẻo. Con trai đầu lái khu trục chiến đấu ở

Normandie (Pháp) chết mất xác trong một phi vụ như nhà văn Pháp Saint-Exupéry. Con thứ hai lái PT bị tàu Nhật húc chìm suýt chết, sau trở thành tổng thống Hoa Kỳ, bị một sát thủ bắn chết trong khi kinh lý Dallas. Người con thứ ba, nguyên bộ trưởng Tư pháp cũng bị giết trong khi tranh cử Tổng thống. Người cuối cùng chở cô bí thư “về đồng quê ăn chè”, không biết ma dẫn lối quỷ đưa đường ra sao mà lao xe xuống sông. May là tay bơi giỏi nên sống sót, để lại người tình dưới đáy sông lạnh. Sau vụ này gia tộc Kennedy quyết định ông út không được ra tranh cử tổng thống nữa, phải sống sót để lo cho thế hệ mới. Dù vậy cũng chưa yên: gần đây người con trai duy nhất của cố tổng thống Kennedy, một dân biểu trẻ tuổi đẹp trai như bố, lái máy bay đưa vợ và người chị về điền trang ven biển ăn cưới cô em họ, máy bay đâm xuống biển chết cả ba. Cô em họ sợ quá cùng hai họ bay sang tận một hòn đảo tí bên Hi-lạp làm đám cưới. Gần đây ông út, đã già, chắc chắn làm thượng nghị sĩ, tuyên bố sẽ ra ứng cử tổng thống kỳ này. Chúng ta ít người mê tín, ít sợ ma quỷ, nhưng cứ chờ xem...

“Tổ của Hoàng” tại miền Nam

Khi đất nước chia đôi và người Pháp rút quân dần, ông Tú Trần rút khỏi hoạn lộ, nhận một chức giám đốc một trường chuyên môn ở Huế, sống cùng vợ con tại đó. Do đó khi tôi vào làm rể gia tộc Nguyễn-huy, dù cô vợ trẻ kể thiếu gì chuyện, huyền thoại về gia đình “cô Tổ” đến nỗi quen thuộc, tôi chỉ thực sự biết mặt chồng cô Tổ khi ông vào Sài Gòn công tác. Thời gian này tôi đã là nhà văn và lính miền Nam nên khi ngồi cạnh ông trong bữa cơm trưa, tôi đã ngạc nhiên thú vị khi biết ông đã đọc khá nhiều văn tôi viết. Ông tán đồng quan niệm sống hùng sống mạnh thời chiến, “làm trai thời loạn mà lui lủi trốn lính giữa chốn ông đi qua bà đi lại, là quê, là xoàng xĩnh...” của tôi. Ông đọc vài câu thơ hùng bằng tiếng Pháp của Victor Hugo, bộc lộ thái độ sống của mình, thích làm công việc vĩ đại, kiểu “Chỉ làm trai” của Nguyễn Công Trứ. Cũng có một chút bất đắc chí đâu đây vì ông cũng có lòng yêu nước như ai, nhưng sinh không đúng thời nên tuổi trẻ, tuổi hành động của ông trôi qua trong phục vụ người Pháp thời chuyển tiếp. Trước khi bắt tay già từ, ông đột nhiên hỏi: “...Cái thằng Vũ Hoàng Chương hiện ra sao?”, tôi khoát tay nhẹ nhàng: “Vẫn dạy học đâu đó...” Chỉ một câu hỏi tôi đoán ông vẫn còn ám ức cái thằng thi sĩ mang vợ mình ra làm đối tượng thất tình ồn cả nước...

Một lần vợ tôi kể con gái đầu lòng của cô chú Tú xinh và sexy, có hai bình sữa bự như thế này này... nàng để tay trước ngực diễn tả. Lời nói của vợ làm tôi tò mò, hơi háo hức nữa, nên lần đi công tác vùng Huế, mượn được xe jeep cũ xì, tôi tà tà tìm nhà cô chú Tú (đến lúc đó tôi vẫn chưa biết mặt cô Tú hay bị chồng đánh, “nàng Tổ của Hoàng”, ra sao). Số tôi vô duyên với gái đẹp xứ Huế vì căn biệt thự kiểu bungalow, thềm khá cao chống lụt thường niên vùng này, hoàn toàn vắng lặng. Tôi tiến vào phòng khách ở chính giữa: tất cả vắng lặng và mọi sự sạch như lau như lý. Tôi lên tiếng một lần nữa, vẫn không ai trả lời. Tôi đợi thêm vài phút rồi ra về. Mặc dù lúc đó đương là công cán ủy viên một Bộ, tôi cũng chẳng dám tiến vào sâu hơn, nhà nhiều gái đương thì xinh đẹp, chưa kể bà mẹ nổi tiếng giai nhân một thời. Nhớ có nữ nhân nào đương thay áo, tôi dễ tình ngay lý gian, bẽ tiếng tằm mấy hồi.

Năm đó quân Mỹ kéo sang khá đông, kéo theo một bầy dân sự tủa đi thuê nhà trong đô thành, để ở (tất nhiên vì đâu có doanh trại như lính) và để hện bò, chứa “vợ for rent”... làm tôi phải vất vả ghé lăm mới thuê được một căn nhà làm thêm cuối dãy trong một cư xá. Hoàn toàn không biết gia đình chú Tú cô Tổ cũng dọn nhà từ ngoài Huế, chú đã về hưu, vào thuê căn nhà gỗ hai tầng ở đầu dãy đằng kia. Hai nhà cách nối nhau bằng một hẻm nhỏ dài. Trong bữa ăn hàn huyên giữa hai gia đình, bây giờ là gia đình cô chú và gia đình nhỏ nhiều con nít của vợ chồng tôi, lần đầu tiên tôi biết mặt thật rõ ràng “cô Tổ của Hoàng”, cô gái của huyền thoại thi ca, cô gái đã khởi hứng bao nhiêu câu thơ tuyệt vời của Vũ Hoàng Chương: *Ta đợi em từ ba mươi năm, Uông hoa phong nhụy hoài trắng rằm... Ôi ta đã làm chi đời ta, Cho lòng tàn tạ, tình băng giá...*

Cô có đôi mắt đẹp, ứng thủy, màu nâu dịu dàng như vợ tôi nhưng khác ở chỗ trong mắt có một nốt ruồi. Hai cô cháu có mắt đẹp và da trắng như nhau nhưng cô mắt buồn và mệt mỏi, làm gái đẹp như

thể trong bao nhiêu năm, lấy phải ông chồng hay ghen, lại có tí máu sa-đích nhập cảng từ Pháp về, hơi một chút là lôi vợ ra đánh đòn, mất vui sao được... Tôi mỉm cười thầm: lấy được vợ đẹp cũng thú nhưng cũng dễ sùng máu ghen khi có một tên thi sĩ lâu lâu lại mang vợ mình ra làm đối tượng than thở này nọ. Tức trào máu được nhưng làm gì được “nó”, chỉ có vợ ở gần tiện chân cho một đá cho hả! Sau đó mất công đổ dành tán tỉnh nhưng làm tình với nhau đạt hơn. Chứng tỏ đã bao nhiêu năm trôi qua, vợ chồng vẫn bền vững, đi đâu về hơi trễ là cô đã lo lắng về bữa cơm của chồng.

Nhìn lên bàn thờ nhà cô chú, tôi nhận thấy có một vật bất thường, là một bức tượng bán thân bằng đồng đen hình một cô gái Thái hay Mường Mán chi đó. Hỏi lai lịch, không ai trả lời, chỉ biết chú có nó lâu lắm rồi, thuyên chuyển đi đâu cũng mang theo và tỏ vẻ quý một cách đặc biệt. Tự bức tượng đồng đen đã mang một vẻ bí mật, óc tưởng tượng của tôi thêm dẹt một sự tích kỳ, thân thể cô gái thiếu số trắng nõn nà bị treo lên xà nhà, miệng thốt ra những lời nguyên rủa không ai hiểu... chú đã từng làm tri châu một miền thượng du Bắc Việt lúc trẻ, cái gì cũng có thể xảy ra trong một lúc say rượu cần, cognac. Ông bố của Hồ Chí Minh, đang làm một chức quan tương đương, cũng có lần say rượu đánh chết tù nhân, bị cách chức lang thang đến chết vùng Hậu giang, bỏ bê gia đình nên cậu Nguyễn Tất Thành không được học nhiều, phải xin làm phụ bếp trên một tàu biển của Pháp để tìm đường tiến thân. Các nịnh thần sau này biến sự kiện phiêu lưu nhỏ của một thiếu niên thành “Bác đi tìm đường cứu nước”. Nhà viết sử Nguyễn Vũ đã công bố bản sao đơn xin học trường Thuộc Địa chính quyền Pháp nhưng bị bác của Nguyễn Tất Thành khi lệnh đênh đầu đó trên biển. Không cần giàu óc tưởng tượng cho lắm cũng thấy, nếu đơn được chấp nhận, Nguyễn Tất Thành ra làm quan như Ngô Đình Diệm, lịch sử Việt Nam cận đại đã không như hiện nay. Có thể ông quan Nguyễn Tất Thành vẫn sẽ làm cách mạng chống Pháp, nhưng chắc không nhập cảng chủ nghĩa Mác Lênin về Đông dương... Cuộc chiến tranh 30 vừa qua có thể tránh khỏi...

Kể những điều loanh quanh trên cho người vợ vui tính nghe, bà ngẫm nghĩ một chút rồi thêm thât: “Dám người đàn bà xoã tóc trong mơ đã hại bốn đứa con của cô Tố là cô gái trong tượng lắm...”

Đôi trẻ

Cô gái đầu lòng của cô Tố dĩ nhiên được ông bố cưng đặc biệt, sự kiện đó cũng là bình thường, nhưng bà chị S., sau này là một cô giáo, chê cái lối cưng con: “Bố gì mà bế bồng con gái lên mà cấn vào chỗ đó...” Tôi đã từng thấy các bà mẹ quê đưa tay nghịch chim con hoặc để đỡ cho nó nín khóc, nhưng bế cấn lên mu con gái bé, tôi đồng ý với bà S. là ít thấy. Cô Tố về sau sinh nhiều con nữa nhưng ông chồng ngấm nghĩa đứa nhỏ, thỉnh thoảng nổi cơn ghen, bảo sao nó giống “thằng này thằng nọ” bạn của chú, và dĩ nhiên cô lại lãnh một trận đòn ghen mới.

Khi cô gái đầu lòng này, tam gọi tên là Nhất, yêu một sinh viên “quyết tử” của phong trào Phật giáo đấu tranh miền Trung, lập tức sóng gió nổi lên trong gia đình, dĩ nhiên vì ông bố không chịu. Ông dọa: “Thằng đó còn chui rào vào gặp con Nhất nữa, sẽ bắn cho bể sọ...” Tôi hỏi Nhất khi cô nàng đến thăm vợ chồng tôi ở Sài Gòn: “Thế cô cậu tính sao?” Nhất cười ngỏn ngoèn: “...thì em chui hàng rào ra, chứ sao! Hai đứa bàn tính bắt chước anh chị ở Sài Gòn, cứ có bầu đại đi, là bố phải cho cưới.”

Mọi sự diễn ra đúng như vậy và đôi trẻ cũng vào Sài Gòn, thuê một căn nhà gỗ giản dị cuối cư xá để bà S. để trông cháu. Như đã kể, Nhất khoẻ mạnh và sexy, còn ông chồng Lực (không phải tên thực) đẹp trai như đa số con trai Huế, và cũng như không ít trai Huế, dưới khuôn mặt khôi ngô, thường chứa đựng một tiềm năng bạo động cam nín, khi bùng ra có thể giết người như không. Lực cũng đương có vấn đề bình thường thôi của lớp trẻ — đi lính hay không đi lính — mang ra bàn cùng tôi. Dĩ nhiên tôi khuyên nên đi lính, lính bộ binh, đỡ mất công chạy chọt về những binh chủng có chữ thọ to tướng, yếu người đi... Tôi nói như đùa: “Chết cũng hơi khó vì đạn tránh người mà, như anh lặn lội ra tiền tuyến cho biết rồi lại trở về nguyên vẹn với vợ, có sao đâu...” Không biết hai vợ chồng Lực tính toán ra sao mà một buổi sáng tôi dẫn vợ đi chơi chợ Bến Thành, gặp Lực mặc đồ sinh viên sĩ quan Cảnh sát của một học viện mới mở, trông diêm dúa, có lẽ đẹp hơn đồ của sinh viên sĩ quan

Thủ đức. Khi ngồi nhâm nhi ly cà phê đá, tôi bàn với vợ: “Đang là sinh viên quyết tử chống chính quyền, nay sắp biến thành ông cảnh sát dã chiến mang lựu đạn khói và dùi cui di dẹp biểu tình, Lực sẽ còn khổ nhiều vì lương tâm mình.”

Tôi có lẽ cần ngừng một chút để tả cho rõ những nhân vật họ hàng sống cùng trong cư xá lộn thỏm giữa thành phố rộng lớn này. Vợ chồng Lực cuối cư xá, ở gần giữa là gia đình đồng con của cậu K., dĩ nhiên là cậu của vợ tôi, một cấp tá quân đội miền Nam, rồi mới đến gia đình cô Tố, đối xứng đầu bên kia dãy nhà là gia đình tôi. Lộ trình đi dạy học, đi chơi của bọn tôi hầu như băng qua nhà cô Tố cũng như cậu K., rất tiện cho việc qua lại khi tang lễ hiếu hỉ và chuyện gossip đủ loại của các bà. Một buổi đi dạy học về, đi xe gắn máy một mình qua nhà cô Tố, thấy cô vẫy tay gọi tôi đứng lại. Cô nói nhỏ nhỏ dù không ai có thể nghe ké: “Anh nhớ bảo cái Thi phải... ăn mặc kín đáo hơn, bớt suồng sã khi sang chơi cậu K. Mợ ấy vừa sang đây than phiền...” Tôi trả lời “Vâng ạ” một cách ngon lành, thấy chút gì ngộ nghĩnh đầu đầu, một bà cô nổi tiếng đẹp một thời lại nhờ tôi “dạy bảo” thêm cho vợ tôi là cô cháu gái xinh đẹp của mình... Vậy thì ta “chấp hành tốt yêu cầu”, vì đôi khi chọc quê cô vợ ngây thơ của mình cũng vui. Vả lại, mới tuần trước đây thôi, mới dừng xe trước hiên nhà, cô người làm đã nhô đầu ra nói: “Cô dặn cậu sang đón cô bên nhà ông K.” Tôi rồ ga sang liền, tìm nhà dưới không thấy, lên lầu tìm phòng để giàn âm thanh Akai khá tốt, và kiểm thấy vợ liền: Nàng đang nằm tình tang trên chiếc nệm lớn để dưới sàn, mặc sẵn quần áo đi ăn tối, một cái mimi-robe màu rượu vang hở cổ hơi rộng, mái tóc dài xoã trên gối. Nàng gác hai chân trắng tròn trịa không vết gợn lên vách tường, tai quàng ống nghe. Tôi quì xuống gỡ ra, dục: “Đi thôi em, chiều rồi.”

Chiều đó tôi đưa vợ tới ăn ở quán nàng thích và chọn những món nàng ưa, và đợi đến khi nàng no bụng (chẳng nên nói những điều khó nghe với đàn bà khi họ đói bụng), tôi kể những điều cô Tố đã nói buổi sáng, và đúng như dự đoán, nàng kêu lên: “Em với cậu K. thân nhau từ nhỏ... Ăn nhằm gì chút...” Nàng đỏ mặt, ngưng nói. Tôi nhắc lại cảnh nàng nằm ghếch chân lên tường nghe nhạc tôi đã thấy tuần trước: “Cậu với cháu lúc nhỏ thôi, bây giờ em lớn rồi”, và tôi dùng một thành ngữ Pháp (hồi nhỏ nàng học trường các soeur): “Le penis n’a pas de conscience” (Dương vật không có lương tâm). Nàng nhăn nhó: “Sao anh nói giống mẹ em thế. Mẹ bảo đến bố mình cũng còn không tin được, nữa là...”

Dòng sông vẫn chảy đều đều ven quán, chiến tranh vẫn diễn tiến ngoài thành phố với nhiều máu và nước mắt, nhưng bọn tôi vẫn ngồi đây nhậu nhẹt trong buổi chiều tắt nắng, bàn đến những tác động cặp đùi trắng mịn có thể gây ra và những linh tinh lang tang về tình yêu và tình dục. Ai đổ máu gục xuống, cứ việc; ai gục đầu vào đùi đàn bà, cứ tự nhiên. Có một nhà văn phương Tây đã nói: “Một thời để yêu, một thời để chết.” Riêng tôi chẳng có chi để thắc mắc đặng đặng lương tâm khi “đêm nằm nghe súng đại bác, nhìn ánh hoả châu xa” bởi vì cách đây chưa lâu gì tôi còn lang thang vùng chiến trận, tiếng đại bắn yểm trợ chiến trường cho bọn tôi, hoả châu tôi ra lệnh lính bắn để soi rừng rậm bãi hoang trước mặt... Một thời để yêu và một thời để chết hẳn hoi, dễ dàng.

“Một thời để chết”

Ngành Cảnh sát coi bộ lên lon hơi nhanh, chẳng mấy lúc Lực đã lên trung úy và thường tránh không giao thiệp với tôi. Nhưng tôi với hai tai lơ đãng nghe biết là về gia cảnh của Lực không mấy vui: Lực không thuận hoà với gia đình bên vợ, nhất là bà mẹ vợ và đứa con trai đầu. Chuyện thường tình thôi. Bởi thế một buổi sáng tôi đang ngồi đánh máy bài văn bỗng nghe tiếng chân dồn dập ngoài đường, tiếng đàn ông vừa khóc vừa gào: “Thằng Lực bắn chết mẹ tôi rồi, bà con ơi...” Kế đó đứa con trai nước mắt nước mũi chan hoà cổ vùng vẫy khỏi tay một đàn ông thoáng trông cũng biết là công an thường phục. Tôi đưa mắt cho viên công an buông người con ra, đi theo đường sự đến nhà Lực và lên thẳng lầu.

Cô Tố nằm ngã ngựa sau chiếc ghế đầu bị đổ, hai mắt nhắm lại như ngủ, một viên đạn nhỏ xuyên gợn gàng qua cổ. Tôi biết là cô đã chết rồi, êm ái, nếu có thể dùng chữ này diễn tả. Không còn điều

gì có thể làm cho cô được nữa, tôi tiến sang phía Lực nằm ngheo đầu tan hoang vào vách gỗ. Tôi cúi xuống Lực hai mắt đã khép nhưng còn ngáp vài cái cuối cùng. Khẩu súng colt rouleau lăn lóc cạnh tay. Tôi quơ vài miếng vải lớn, phủ lên cô Tố, thế là xong điều cuối cùng có thể làm cho cô. Nghe tiếng gắt gỏng phía ngoài, tôi bước ra ngoài hiên gỗ: ngồi bệt xuống sàn ỉ ôi khóc là cô gái út, đưa con đầu, kẻ đã chạy đến nhà tôi báo tin, đang ôm lan can hờ mẹ như một phụ nữ; còn chú, ông chú của bọn tôi vẫn đứng thẳng, vững chãi như thường lệ, đang la đưa con trai đương khóc: “Sois un homme!” (Hãy cư xử như một người đàn ông coi nào!). Nhưng tôi biết đưa con trai không sao có thể nghe lời bố, vì tôi đã đọc đâu đó rằng những ông bố áp chế, đánh đập con nhiều, những đứa trẻ ít hi vọng lớn lên bình thường: hoặc suốt suốt ủy mị, hoặc lạnh lùng tàn nhẫn ít thương xót ai.

Tôi tiến lại phía ông chú già, đưa tay bắt theo kiểu chia buồn giữa đàn ông với nhau: một tay nắm chặt bàn tay, một tay vỗ nhẹ lên cánh tay chú. Không nói một lời nào bởi biết chú sẽ không thích, sois un homme, quoi!... Tôi vào nhà, bước qua xác Lực, chậm rãi xuống cầu thang gỗ khá dốc. Vợ tôi đang ngồi trên ghế cạnh một phụ nữ đứng tuổi, chắc bà con lối xóm đầu đây. Nàng đang nhìn đăm đăm chậu thau nhòm ai đã để ra để hứng những giọt máu từ cổ họng cô Tố trên sàn gác gỗ rở xuống. Không cần nhìn tôi cũng biết nàng đang khóc theo lối của nàng, từng giọt nước mắt tròn lăn trên má xuống. Trong im lặng. Tôi vòng tay ôm kéo nàng đứng dậy ra về: “Về thôi em, trước khi mọi người kéo tới...” Nàng đang nuôi đứa con nhỏ, không nên ở lâu nơi máu me và chết chóc.

Đến hôm đưa đám cô, tôi mặc áo sơ mi trắng và cổ đeo chiếc cà vạt thẫm màu nhất tìm ra được trong tủ áo và đầu cũng chít khăn trắng hàng cháu như Thi, vợ tôi, mặc dù tục lệ không đòi hỏi. Xong đám tang về đến nhà, nàng mới kể: “Vũ Hoàng Chương có đến...” Tôi ngạc nhiên: “Sao anh không thấy?” Nàng nói: “Ông đứng sau một mộ bia khá khuất. Im lặng một mình. Em không chỉ cho anh thấy vì không muốn anh tiến lại chào. Chú sẽ thấy...”

Một lần nữa cô vợ bé nhỏ tỏ ra khôn hơn, tế nhị hơn tôi. Chú mà biết “cái thằng Vũ Hoàng Chương” ám quẻ vợ chồng ông từ bao nhiêu năm, làm ông nghi oan tức giận đánh vợ nhiều lần hồi còn trẻ, bây giờ cũng đến đưa đám nàng Tố của ông sao, chịu gì nổi...

Ngày hôm sau vợ chồng tôi cũng đi đưa đám Lực ở một nghĩa trang khác, gọi là nghĩa tử nghĩa tận. Sau đó không lâu lắm, các biến cố xưa bây giờ khá hỗn độn trong kho trí nhớ dài hạn của tôi, chú cũng mất vì một tai nạn, cố tình hay vô ý, làm chú bị nhiễm trùng đường máu. Tôi nhớ mang máng là tôi trùng giờ dạy học, không đưa đám được, nhưng nhớ rất rõ là sau khi chôn cất, con lớn của chú lại nhà và nói: “Bố dặn là tặng anh chị bức tượng đồng đen vẫn để trên bàn thờ...” Không cần phải hỏi ý kiến nhau, hai vợ chồng tôi cùng khiêm tốn từ chối. Tôi tuổi Hợi, bạn bè hay bảo tôi cảm tình con heo rừng bạ đâu cũng đến cũng húc, nhưng còn lâu mới thích rước về nhà một thứ đồ cổ như thế... Đôi khi ngồi quán cà phê uống bia với nhau, tôi bàn với vợ: “lời nguyện” đi kèm có ở trong bức tượng đồng đen, giả thử là như thế, có chấm dứt với cái chết của chú chăng. ...Tôi không biết vì sau 1975, cũng như nhiều gia đình ở miền Nam, các con cái cô chú phân tán khắp nước Mỹ rộng lớn và trái đất, nói gì thì nói, cũng còn bao la lắm cho con người. Dù họ ở đâu, tôi cũng thành thực chúc lành, bởi vì họ đã lãnh chịu một tuổi thơ thiếu hạnh phúc, nhiều áp bức bạo lực.

Sau đó một thời gian không đo lường được, vợ tôi một chiều nào đó nói các con chú có kể là sau cùng có một ông cụ quần áo tươm tất râu tóc như một người đời xưa, đến xin lại bức tượng đồng đen “đã gửi đây lâu rồi”. Các con của chú đã trao liền.

Chàng Vũ Hoàng Chương

Cùng là những người viết sống cùng thời với nhau nhưng tôi ít thân với Vũ Hoàng Chương vì lý do, như nhà văn Song Thao đã tả rõ, sự chênh lệch giữa hai thế hệ, thế hệ làm thầy và thế hệ làm trò. Trong giới văn nghệ văn học miền Nam, có tục lệ trong giao thiệp hàng ngày không phân biệt tuổi tác, toàn anh với chị, dĩ nhiên khi dùng các nhân vật đại danh tự như thế vẫn có một sự, một âm sắc kính nể người trên tuổi, hoặc một chữ “thưa” mở đầu. Trong một phiên họp của hội Văn Bút miền Nam, Nhất Linh dặn người cháu Duy Lam: “Chúng ta bác cháu ở nhà thôi nghe...” Phần tôi, đang

ngồi “anh anh tôi tôi” với nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh, người con lớn ký giả Duy Sinh chợt về, tôi giơ tay bắt “chào anh, dạo này khoẻ không?”, không một ai hiện diện thấy là chướng.

Vậy thì vào thời gian trước tháng 4, 1975 sự giao thiệp giữa “anh (hay chàng) Vũ Hoàng Chương”, nhà thơ trước lãng mạn sau cổ kính và một nhà văn trẻ (tôi), một viên “đá lán trầm” (nói như T.C. Sơn) của thế hệ chiến tranh, chỉ có thể sơ sài thô, không đến nỗi nhạt như nước lã, nhưng cũng chẳng đậm đà hơn nước lèo. Mãi tới sau 1975, cơn gió đổ chứa toàn nghèo và đói và kết tội phi lý từ phương Bắc thổi tới, mới làm chúng tôi gần nhau, sống chung khoảng khắc trong một trang giấy. Trong một chuyến lên thăm nuôi ở trại cải tạo tập trung trên rừng miền Nam, bà vợ Tú Xương của tôi mang lên một tờ tạp chí *Văn Nghệ* thành phố Hà Nội do thân nhân của nàng, hơi hốt hoảng, mang từ ngoài Bắc vào tặng, kèm câu nói: “Như thế này chắc anh ấy quét trại cải tạo quá...” Các bạn đồng cải tạo với tôi, sau khi đọc xong hai bài trong tạp chí đó, cũng đồng ý, nhất trí mọi sự dám là như vậy. Có ông bạn trẻ trước ở ngành truyền thông còn mở một cuộc phỏng vấn tưởng tượng để cùng cười chơi cho đỡ bi thảm: “Xin cụ cho biết tại sao lại ở lại quét trại vậy?” Cụ vuốt bộ râu dài bằng râu “bác” Hồ, thều thào trả lời: “Anh em được tha về hết lâu rồi, lá rụng nhiều quá nên ‘trên’ bảo tôi quét cho quang vinh...”

Bài thứ nhất trong tạp chí ấy do công thần miền Bắc Chế Lan Viên viết (lâu lắm rồi nên tôi không nhớ tên bài) nhằm mục đích phê phán và hạ bệ văn học miền Nam. Sau phần nói chung, đến phần dẫn chứng, Chế Lan Viên đưa ra bốn người tiêu biểu: Vũ Hoàng Chương, Doãn Quốc Sĩ, Phan Nhật Nam và Thế Uyên. Đủ mặt tiền chiến, hậu chiến và đương chiến, già trẻ lớn bé đều bị kết án không phản động thì đòi truy, đôi khi cả hai, nên “Cách mạng” phải “giúp đỡ” cả nước bằng cách triệt tiêu ngay bệ đỡ tay sai CIA này: con người nhà văn bị tổng giam, tác phẩm bị cấm tàng trữ lưu hành dưới bất cứ hình thức nào, kể cả trong các thư viện. Tất cả cái gì là sách đều bị đốt, xay thành bột giấy. Vụ “phần thư khanh nho” dưới thời Tần Thủy Hoàng không thấm vào đâu.

Doãn Quốc Sĩ. Sau 5 năm bị giam ở Pleiku, ông được tha về để bị bắt lại, tha ra bắt lại nhiều lần, sau cùng mới được tới Mỹ đoàn tụ với con trai ở Houston. Những người thích văn ông và con người chất phác giản dị của ông mới tổ chức một buổi vinh danh sách/con người nhân dịp ông 84 tuổi. Trong bài văn của Chế Lan Viên có đoạn ghép Doãn Quốc Sĩ thêm tội bất hiếu vì bố vợ là Tú Mỡ chết mà Doãn Quốc Sĩ không chịu đến đưa đám. Khi gặp lại nhau ở Sài Gòn, tôi hỏi về kết án này, Doãn Quốc Sĩ cười hồn nhiên: “Tôi đang bị nhốt, ở đó mà đi đâu... Họ thế đấy.”

Phan Nhật Nam. Trong nhiều năm, tôi tưởng nhà văn gắn bó cuộc đời và văn nghiệp mình với binh chủng nhảy dù quân đội miền Nam là người sẽ quét trại cải tạo, nhưng không phải: sau 15 năm anh đã được tha về (người quét trại ở tới 18 năm). Gặp nhau ở Seattle, tôi hỏi: “Anh chỉ là một đại úy, đã làm gì để đến nỗi đảng Cộng Sản hành hạ anh dữ vậy? Trong 15 năm cải tạo (đã dài ghê), anh đã bị kiên giam tới 8 năm, tức là bị nhốt một mình dưới hầm trong thùng Conex trong một nơi riêng biệt, tay chân đều bị còng...” Anh trả lời: “Tại tôi viết văn làm thơ. Bị nhốt cũng làm, nhốt nữa làm nữa.” Tôi thở một cái khá dài: phục tinh thần văn nghệ của ông bạn này quá...

Thế Uyên. Lâu rồi tôi không nhớ nỗi Chế Lan Viên nhà thơ công thần của Đảng đã đàn hặc tôi ra sao, nhưng trong bài báo thứ hai hài tội văn học miền Nam, do Lữ Phương viết, chỉ viết về riêng Thế Uyên, coi như tội phạm tiêu biểu. Tôi còn nhớ được có câu chốt đại khái như sau: “Tiếc thay một nhà văn có tài như thế, chỉ vì làm đường lạc lối nên bị bánh xe lịch sử xô xuống vực thẳm không một đồng đô la dính túi.” Với các bạn cải tạo, tôi thường đưa câu này ra để hi vọng Đảng Cộng Sản sẽ không cử tôi vào chân quét bất trại cải tạo nào từ Hoàng Liên Sơn đến Cà Mau.

Vũ Hoàng Chương là người đầu tiên được nhắc tới trong bài đàn hặc của Chế Lan Viên. Không biết khi hạ bút viết những lời kết án, Chế Lan Viên có biết Vũ Hoàng Chương đã bị bắt nhốt ở Chí Hoà, tuổi cao sức yếu chịu không nổi lao tù nên ban quản lý trại giam cho về chết ở nhà, hay không? Vợ tôi báo tin đó ở ven rừng Katum, tôi ngậm ngùi đôi chút, thế thôi. Phải đợi đến khi được tha về, tôi mới có dịp lên thăm mộ ông ở bên trái tượng Địa Tạng của nghĩa trang Giác Minh, và kể từ đó mỗi

khi trở lại thăm thân nhân ở nghĩa trang này, tôi luôn luôn dành nén hương chót cắm lên mộ Vũ Hoàng Chương. Khi nghĩa trang bị giải tỏa, tro tàn của ông được vợ con mang gửi ở một ngôi chùa nào đó.

Đôi khi chợt thoáng nhớ tới vài câu thơ của ông, tôi thấy chút khô hài đầu đầu, bởi ông bị chết vì những người xuất phát từ Hà Nội, nơi mà trong một phim ảnh thời kỳ ấy xưng tụng là “đỉnh cao trí tuệ nhân loại, trung tâm phẩm giá của loài người”.

Thiên tình sử của thi sĩ Vũ Hoàng Chương Phạm Thị Nhung

Tình yêu là một nguồn thi hứng vô tận của loài người, bất luận ở phương trời nào và ở thời điểm nào. Chẳng thế ông cha chúng ta, từ thưở xa xưa, khi chưa có chữ viết đã biết bày tỏ tình yêu qua những câu ca dao truyền khẩu, tuy đơn sơ nhưng đã vô cùng thơ mộng và thẩm thiết như:

*Một yêu là sự đã liều
Mưa mai cũng chịu,
nắng chiều cũng cam.*

hay:

*Tóc mai sợi vấn sợi dài,
Lấy nhau chẳng đặt,
thương hoài ngàn năm.*

Trong văn chương bác học của chúng ta cũng không thiếu những bài thơ tình diễm tuyệt, như những bài thơ tình của Nguyễn Trãi, Phạm Thái, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Dục Tông, nhưng dù sao phải đợi đến giữa thế kỷ XX, khi phong trào thơ văn lãng mạn ở nước ta bộc phát và lên cao, trong khoảng thời gian 1925-1943, thơ mới chiếm ưu thế trên thi đàn, thơ tình yêu mới thực sự trăm hoa đua nở.

Trong khu rừng của thơ tình yêu buổi ấy, tuy có nhiều kỳ hoa dị thảo nhưng hầu hết được xây dựng trên những mối tình nếu không là hư cấu, mộng ảo, thì cũng chỉ là những mối tình âm thầm kín đáo hay thoáng qua, hay ngắn ngủi, chỉ xuất hiện trong một khoảng thời gian nào đó với dăm bảy bài thơ đã là nhiều.

Trong khi đó, thơ tình yêu của Vũ Hoàng Chương ở một trường hợp khác hẳn. Có thể nói đây là một thiên tình sử bất tuyệt, rất đổi thơ mộng nhưng cũng rất đổi bi thiết với cả ngàn câu thơ.

Vũ Hoàng Chương đã vì hai chữ chung tình mà bi lụy gần hết cả cuộc đời, làm ta nhớ đến Phạm Thái, một tráng sĩ cuối thế kỷ 18, đang mưu đồ phục Lê, diệt Tây Sơn, mà vì mấy năm lận đận trong bể tình (yêu Trương Quỳnh Như bị trắc trở, sau Quỳnh Như tuyệt mệnh) đã làm tiêu ma cả chí khí. “Ồi chí lớn trong thiên hạ không chứa đầy đôi con mắt mỹ nhân” là thế đó.

Thơ của Vũ Hoàng Chương cũng có những nét đặc biệt. Ông theo Tây học, chịu ảnh hưởng thơ văn lãng mạn Pháp là lẽ tự nhiên; nhưng ông còn là còn người có bản ngã nghệ sĩ Á Đông: Ông giỏi Hán văn, và chịu ảnh hưởng giáo dục nghiêm khắc của thân phụ, một nhà nho bảo thủ, đồng thời ông còn chịu ảnh hưởng của thân mẫu, một tiểu thư vốn dòng khuê các, hay chữ và giỏi đàn tranh. Từ đó, Vũ Hoàng Chương mang tâm hồn của một nghệ sĩ đa tình, mẫn cảm, giàu trí tưởng tượng, tính tình thì hiền lành, tình nghĩa thủy chung. Tất cả, vâng tất cả đó đã bồi cho hồn thơ của Vũ Hoàng Chương thêm mặn nồng thẩm thiết.

Ngoài ra, thi sĩ Vũ Hoàng Chương còn có cái tài hoa, cái khả năng thiên phú trong cách dùng chữ, đặt câu, tạo hình, diễn ý và gieo vần điệu, khiến thơ ông đã diễn tả được hết những rung động vi tế nhất trong đời sống nội tâm của con người.

Với con người ấy, với mối tình ấy, với tài năng ấy, Vũ Hoàng Chương đã để lại cho văn học

nước nhà nhiều bài thơ tình trác tuyệt , âu cũng là điều dễ hiểu.

1 – Tổ của Hoàng ơi, Tổ của anh!

Hồi đó, vào năm 1935, Hà Nội tuy sống dưới chế độ bảo hộ của thực dân Pháp nhưng có một bộ mặt rất thanh bình, vui vẻ, trẻ trung. Nhà cầm quyền đang cố tình dung túng các cuộc ăn chơi phóng túng để người ta quên đi biến cố đàn áp tàn bạo vừa qua (1), đồng thời để ru ngủ thanh niên nên các trà đình, tửu điểm, các tiệm nhảy đầm, các nhà hát ả đào (còn gọi là hát cô đầu) và các tiệm hút thuốc phiện (2) mọc lên nhan nhản. Người ta đua nhau ăn diện , nhiều cậu công tử Hà Thành diện đúng mốt Paris, tay sách can đi bên cạnh các cô gái tân thời, pháp phối áo dài Lemur Nguyễn Cát Tường (3). Họ dập dìu, tấp nập ra vào nơi các chợ phiên, các phòng triển lãm tranh ảnh mỹ thuật (do nhóm sinh viên Cao Đăng Mỹ Thuật thực hiện).

Báo chí đang hồi bộc phát vì được chính quyền nâng đỡ (4), đúng năm 1935 lệnh kiểm duyệt còn được bãi bỏ, nhưng không phải để người ta bàn chuyện chính trị mà để làm văn nghệ thuần túy.

Ảnh hưởng tư tưởng tự do và văn học lãng mạn Tây phương đã nhuần thấm trong đời sống tình cảm, tư tưởng và bút pháp của những người viết văn, nên trong thi ca cũng như trong tiểu thuyết, từ nội dung đến hình thức đã rất mới mẻ, phóng túng. Đây cũng là lúc nhóm Tự Lực Văn Đoàn đang chủ trương đẩy mạnh phong trào vui sống với ái tình lãng mạn lý tưởng xinh tươi, thơ mộng. Thơ mới đã chiếm ưu thế trên văn đàn và đang đi vào thời thượng của nó.

Hà Nội thời này quả là một Hà Nội đô hội, tân tiến, thanh lịch, trẻ trung và văn nghệ.

Lúc này Vũ Hoàng Chương vừa 19 tuổi, đang theo học ban Tú Tài Pháp tại Trường Trung Học Albert-Sarraut Hà Nội. Vào một chiều chủ nhật rảnh rỗi, Dương Tuệ, bạn học của Hoàng (trong thi ca Vũ Hoàng Chương thường tự xưng như thế) lại chơi và rủ chàng đi thăm Nguyễn Minh Ngải, bạn chung của hai người, đang làm trợ giáo tại nhà bà Tư, dì của Tuệ, ở Phố Cầu Gỗ. Lần đầu tiên được quen biết gia đình ông bà Tư, Hoàng đã cảm thấy ngay cái không khí cởi mở, thân mật nơi đây mà đã từ lâu chàng thiếu thốn.

Bốn cô cậu học trò của thầy Ngải thật dễ thương, cô bé lớn nhất là Trần Tố Uyên được 14 tuổi, cùng cậu em, kém chị một tuổi, cả hai đang được thầy Ngải luyện thi Bằng Tiểu Học. Ông Tư làm Tham biện nhà giầy thếp, bà Tư có cửa hàng buôn bán riêng; thấy Hoàng vừa là bạn học của cháu mình lại vừa là bạn của thầy giáo bày trẻ nên cũng có ý vị nể và tiếp đón ân cần.

Hoàng đang sống lẻ loi nơi nhà trọ, thuê của người gác vườn Bách Thảo (gần Trường Albert-Sarraut) trong khi gia đình chàng vẫn sống ở Nam Định, quê nhà; thân phụ chàng, ông Vũ Thiện Thuật, từng nhậm chức Tri Huyện, còn mẹ chàng có cửa hàng buôn bán thóc gạo.

Từ mấy năm nay Hoàng đã có cái tâm trạng bất mãn cô đơn, lạc lõng giữa cuộc đời. Ngoài xã hội ư? Dân tộc còn bị nô lệ chưa nhìn thấy lối thoát; trong khi đó, xung quanh chàng người ta đang bon chen ganh đua giành giật những mảnh bằng to, mong chiếm địa vị cao để hưởng vinh hoa phú quý mà người Pháp đã cố tình nhử mồi, mua chuộc. Với bản ngã ưa sầu mộng, nhiều cảm xúc và thiếu óc thực tế như Hoàng, chốn ấy nhất định không phải là nơi chàng đeo đuổi, mà còn cảm thấy quá xa lạ là đằng khác. Còn gia đình ư? Cha chàng là một nhà nho bảo thủ, nghiêm khắc, bấy lâu nay hai cha con đã có mối bất hòa về chuyện hôn nhân của chàng. Ông Tri huyện chỉ muốn sau khi Hoàng học xong sẽ đi hỏi cô con gái một vị quan Bó chánh, bạn thiết của ông cho chàng. Hoàng đã theo Tây học, những tư tưởng tự do cá nhân, giải phóng tình cảm đã nảy mầm, bén rễ trong tim óc của chàng, làm sao chàng có thể nghe lời? Mỗi lần cha con nhắc đến chuyện này, sấm sét lại nổi lên.

Thế là trước sự trống rỗng của một cuộc đời không lý tưởng, trước sự chán chường của hoàn cảnh cá nhân và gia đình, Hoàng trở thành một con người mang tâm trạng bất mãn, cô đơn như một kẻ bị lưu đày, lạc lõng giữa cuộc đời:

Riêng tôi sống cuộc đời vô vị

Khắc nỗi buồn u uẩn từ lâu

.....

*Ôm khối hận gia đình trĩu nặng
Tôi cảm hờn thù ghét hôn nhân.*

*Nhìn đời bằng con mắt bi phẫn như thế, thử hỏi còn sinh thú đâu nữa mà trông tìm, chờ đợi.
Tôi ngao ngán thờ ơ, khinh bỉ
Hết. Không hy vọng, chẳng mong cầu.*

Nhìn đời bằng con mắt bi phẫn như thế, thử hỏi còn sinh thú đâu nữa mà trông tìm, chờ đợi.

Giờ đây, mỗi khi Vũ Hoàng Chương thấy chán đời thì không khí vui vẻ, thân ái của gia đình ông bà Tư lại hiện ra và Hoàng lại muốn đến thăm thầy giáo Ngải... hai lần, ba lần, bốn lần! Rồi trở thành thông lệ. Cô bé Tố hồi này đã đỗ Bằng Tiểu Học, nàng đã rời Trường Ecole des Jeunes Filles Brioux (sau đổi thành Trường Tiểu Học Hàng Cót) để vào Trung Học Sainte Marie. Với sở trường về Anh văn, Hoàng nghiêm nhiên trở thành cố vấn đặc lực cho hai chị em Tố Uyên về môn sinh ngữ này trong những năm đầu bậc trung học, vì thầy Ngải chỉ kèm cho chị em nàng về toán và Pháp văn.

Chủ nhật nào tới chơi, gặp kỳ nhà có hội tổ tôm thì Hoàng lại đến đứng sau lưng bà Tư “gà nước”; chàng thường có những nước bài cao, tỏ ra thông minh, đôi khi bà Tư lại nhường chân cho Hoàng chơi bài thay mình. Chẳng bao lâu Hoàng trở nên người bạn thân của tất cả gia đình. Chàng được giữ lại ăn cơm và khi làm được bài thơ nào đặc ý, chàng vội đem đến khoe rồi đọc cho cả nhà nghe. Có nhiều hôm Hoàng ở lại khá muộn để giảng bài cho chị em Tố. Tình cảm quyến luyến giữa Hoàng và Tố nảy nở một cách tự nhiên quá, hồn nhiên quá nên gia đình Tố chẳng một ai để ý:

*Nhà đông người vui nhộn
Chẳng ai còn nhớ ra
Nơi này anh có mặt
Vì đâu từ bao giờ.*

Mà chính Hoàng cũng không hay. Cho đến một ngày kia, vì bận học, đã lâu Hoàng không lại thăm gia đình ông bà Tư, chàng bỗng cảm thấy nhớ nhung cô bé, con người có cái vẻ em xinh kiều diễm thiên nhiên. Sự ý thức được tình cảm xa nhau mà nhớ nhung này khiến Vũ Hoàng Chương như sực tỉnh, tự bấy lâu nay chàng thường có cái trạng thái tâm hồn lâng lâng, yêu đời, sống nửa mơ nửa thực, và đôi khi còn như lưu luyến một cái gì mà chàng chưa kịp nhận biết, thì nay chàng mới sáng ra, rồi hỏi hệt tự hỏi:

*Chập chờn bến thực hay nguồn mơ
Hay chính băng khuâng là ái tình?*

Đồng thời, chàng khám phá ra lý do vì đâu chàng đã năng lui tới nhà Tố:

*Kèm cho cả nhà học
Đã có thầy giáo riêng.
Anh qua lại khuya sớm
Chỉ vì anh yêu em!*

Hoàng đã tìm được hương vị của cuộc đời, lòng chàng cảm thấy ngây ngất và dâng lên một niềm mơ ước thiết tha là sẽ được cùng ai chung sống trong hạnh phúc lứa đôi:

*Cho đến lúc vì em tôi được
Thấy mùa xuân thoảng vị men say
Tôi khao khát rồi tôi mơ ước
Chén rượu tương lai hạnh phúc đầy.*

Nhưng khi ước muốn chung đôi vừa lóe lên trong tâm trí thì Hoàng ý thức ngay rằng đó quả là điều không nên thực hiện. Tại sao thế? Vì người yêu của chàng còn trong trắng ngây thơ quá:

*Ôi Kiều Thu hồn em trong sạch
Vui sống yêu đời tuổi trẻ thơ
Ham mê chúng bạn mê đèn sách
Không chút mây buồn gợn giấc mơ.
(Kiều Thu là tên chàng đặt cho người yêu)*

Trong khi chàng vẫn chỉ là kẻ lạc lõng giữa cuộc đời với bao nỗi buồn đau tủi hận, làm sao chàng có thể đem lại được hạnh phúc cho người chàng yêu. Thế là ước muốn yêu đương chung đôi vừa nhen nhúm đã vội dẫu kín, chôn chặt tận đáy lòng:

*Vì anh vẫn ước chẳng bao giờ
Em hiểu tình ta nhắc chuyện xưa.
Anh sợ đời anh đây lệ tủi
Không làm vui được em ngây thơ.*

Ngày lại ngày, chàng vẫn êm đềm đi bên cạnh cuộc sống thơ ngây của nàng, song là cái êm đềm trên mặt nước có sóng ngầm:

*Anh vẫn như chiếc bóng
Qua lại bước êm ru
nhưng:*

*Thịt da nào gợn sóng
Vang dội tên Kiều Thu !
và:*

*Kín tiếng nhưng lòng riêng xôn xao
Ai thấy phong ba nơi bể hồn.*

Chúng ta cũng hiểu, theo tâm lý học, khi con người càng cố gắng che dấu tình cảm lộ ra bên ngoài bao nhiêu, thì sự dồn nén lại khiến đời sống tình cảm bên trong càng thêm mãnh liệt bấy nhiêu. Chính vì sự khao khát chung đôi không dám thổ lộ cùng ai nên nó đã lẩn vào trong tiềm thức của Hoàng, rồi một đêm nào đó, nó hiện lên trong giấc mơ để giải tỏa cho nỗi lòng khắc khoải bấy lâu. Chỉ trong mơ, Vũ Hoàng Chương mới sống thực như lòng mình, và chàng đã say sưa giải bày hết chân tình cùng ai:

*Xuân đắm trong mơ một buổi chiều
Bên em anh thấy sóng lòng xiêu
Mê man giải hết tình u ẩn
Trong lúc điên rồ anh quá yêu.*

Em cười chế riễu: “*Anh thường bảo
Ưa kiếp giang hồ sống lẻ loi .
Sao anh nghĩ đến tình duyên sớm
Gạn hỏi chiều nay chuyện lứa đôi*”.

Cũng vì sự khao khát được yêu nên trong thơ Hoàng còn thấy nàng Tố cười cợt nhưng cũng đã cảm động rơi lệ. Đối với Hoàng thế là đủ, chàng đã mãn nguyện, điều gì chàng muốn biết, đã biết. Giọt nước mắt ấy đã tố cáo nàng đã yêu chàng (dù chỉ trong mơ thôi đấy nhé!)

*Hỡi ơi một phút giây huyền ảo
Đủ giệp lòng anh sóng gió yên
Anh sẽ trầm luân ngàn kiếp nhớ
Cho dấu ngày mai em lãng quên.*

Cuộc sống tạm yên phận như thế êm trôi như mơ:
Tháng năm diu diu trôi mơ màng

Nàng Tố vẫn sống yên ấm trong vòng tay thương yêu của gia đình, và Vũ Hoàng Chương vẫn nhận được tình cảm quyến luyến đặc biệt của nàng dành riêng cho chàng:

*Coi chàng hơn bạn thiết
Coi chàng hơn anh trai.*

Cho đến một ngày kia Hoàng chợt nhận thấy cuộc sống của người yêu đã bắt đầu có sự đổi khác:

*Em chẳng còn ham chơi, như trước
Nhịp máu rung trời nước đâu đâu
Có khi ngồi lặng giờ lâu
Vấn vợ nét bút, đường khâu ngại ngừng.
Xiết bao về thẹn thùng e lệ
Trong làn thu cô bé năm xưa.*

Mầm mống báo hiệu của tuổi dậy thì nơi người thiếu nữ thế là đã rõ. Vũ Hoàng Chương dù hiểu rằng con người ta cũng như vạn vật làm sao thoát được luật vô thường, biến dịch của trời đất; thời gian trôi mau, sẽ cuốn phăng đi tuổi xanh thơ mộng của người yêu và nàng sẽ đổi thay:

*Khi bức rèm tuổi xanh mơ mộng
Đã cuốn dần theo thời gian mau chóng
Lòng em thay đổi.*

Nghĩ tới đó, Vũ Hoàng Chương hoảng sợ... Có cái tâm trạng hoảng sợ này cũng vì chàng biết chắc một ngày rất gần thôi, người yêu của chàng sẽ trở thành một thiếu nữ tuyệt sắc, một ước mơ của cuộc đời và nàng sẽ bị cuộc đời lôi cuốn theo:

*Khi cô bé hôm nay
Chưa một ai ca tụng mê say
Đã trở thành trang thiếu nữ
Có phép thu hồn trong sóng thu tình tứ
Khi vẻ phong lưu tuyệt sắc của giai nhân:
Đã điểm nên tranh, đã dệt nên vắn
Đã rung lên muôn lời ca điệu hát.*

Tương lai chưa xảy ra, mà cũng mới chỉ là dự phóng của Hoàng thôi, chàng đã tự đầy ải mình trong nỗi khổ đau của kẻ bị lãng quên:

Khi ấy, khi đời em đầy mộng tưởng
*Như thủy trào dâng biển lớn mênh mông
Đắm đuối trong tương lai,
những giờ vui sẽ hưởng
Không biết em còn nhớ đến tôi không?*

Hoàng không hề có mặc cảm thấp kém, thua sút thiên hạ, không thể với tới được Tố mà đành cam phận con giun đất, hướng vọng về ngôi sao ở tận mãi trên trời cao. Không, chàng học giỏi, thông minh, chính gia đình Tố đã xác nhận điều này. Chàng đang theo học ban Tú tài Pháp ở trường Trung Học Albert Sarraut, chàng đủ sức đỗ, và quả năm sau (1937) chàng đã lấy được bằng Tú Tài Pháp ban toán; chàng cũng dư sức để giật lấy mảnh bằng Cử nhân Luật như ai nếu chàng muốn, để trở thành mẫu người ước mơ của xã hội thời ấy. Nhưng nếu thế Vũ Hoàng Chương đã chẳng còn là thi sĩ Vũ Hoàng Chương của chúng ta nữa .

Hoàng tự biết mình không thể nào trở thành một ông Tri huyện đạo mạo, quyền thế, xét nét dân đen; chàng cũng không thể nào là một Luật sư tài danh danh thếp, hùng biện xoay không thành có, cãi có thành không; chàng không thể là gì gì nữa trong cái xã hội đầy phiền toái này, có nghĩa là chàng sẽ không thể đem lại hạnh phúc cho người chàng yêu. Vì ý thức rõ rệt như

thể nên Vũ Hoàng Chương đã quyết định rời Tố đi xa. Chàng chấp nhận mọi thiệt thòi để người yêu sau này sẽ được hưởng hạnh phúc trong cuộc đời của nàng.

Nhưng vừa rời Tố ra đi Hoàng đã rơi ngay vào cái tâm trạng bơ vơ, trôi giạt thướt nào. Nói khác đi, chàng lại tự đầy ắp mình trong kiếp đau thương của một kẻ đi đầy giữa cuộc đời:

*Tôi lại bơ vơ đường quanh vắng
Chiếc lá khô tàn mặc gió đem.
Ôi một kẻ đi đầy tuyệt vọng
Suốt đời số mệnh chẳng buông tha.*

Chàng chỉ còn biết tự an ủi bằng chút kỷ niệm vang bóng của những ngày đã qua:

*Tôi theo đuổi chút gì vang bóng
Yêu, vui, hồi hộp những ngày qua.*

Rồi chính ý thức đau thương phải xa rời người yêu đã làm hoàng rộn lên lòng thương xót đối với thế nhân, trong đó có người chàng yêu. Thế nhân ngoài kia đang ngập lặn trong thứ hạnh phúc xây dựng trên tài sắc danh lợi những thứ phù du ấy một mai không còn nữa, con người dễ trở nên tệ bạc, bội phản. Đã có bao nhiêu và sẽ còn bao nhiêu nạn nhân của tình đời đen bạc này? Từ sự thương xót đó Hoàng đã tìm ra được niềm vui trong ý nghĩa hy sinh:

*Để gượng sống so dây thi nhạc
Cao dâng lời thắm khúc bi ca
Cho rung động loài người tệ bạc
Cũng vì em, tình của đôi ta.*

Nói rõ hơn, nhà thơ Vũ Hoàng Chương đã tìm được thú đau thương trong sự thiệt thòi thương đau của mình, nói như giáo sư Lê Tuyên trong Chinh Phụ Ngâm Và Tâm Thức Lãng Mạn Của Kẻ Lưu Đày (6): “Có đau thương mới làm sáng được thiên đường của tình yêu”. Quả vậy, vì chính sự thiệt thòi đau thương ấy đã làm tỏ rõ được tình yêu cao thượng của Hoàng, nó sẽ giúp cảm hóa lòng người, làm khơi dậy được tình yêu chung thủy nơi họ. Những điều này đã đem lại cho Hoàng niềm hạnh phúc, tự mãn.

Nhưng đã là tình yêu đích thực thuộc về thế giới thiêng liêng, huyền nhiệm của tâm hồn, và thế giới phức tạp chủ quan của tình cảm con người thì dễ đâu đem những lý luận thuộc về lý trí khách quan mà thuyết phục, mà giải quyết được. Thế nên, tuy dứt khoát bỏ ra đi, xa hẳn người yêu để nàng được yên sống trong thế giới của nàng, Vũ Hoàng Chương vẫn không nguôi được lòng thương nhớ, tưởng vọng; mỗi giờ phút phải xa nàng là mỗi giờ phút khắc khoải, đốn đau:

*Tự nhủ sống là quên, anh vẫn muốn
Đem tháng ngày khâu kín vết chia ly.
Nhưng mỗi phút thời gian đưa thép nhọn
Máu thấm rơi mỗi phút đày tim si.*

Để chống chọi với nỗi nhớ nhung, đau thương của mình, Vũ Hoàng Chương đã tìm quên bằng mọi cách.

Chàng đắm mình trong những cuộc ăn chơi trác táng, hết gái, lại đến thuốc phiện, chàng tự chôn vùi nhân phẩm để mong nàng sẽ khinh rẻ, hắt hủi; tự ái có bị tổn thương va chạm, chàng mới có thể quên được nàng:

*Anh lại muốn đắm mình trong trác táng
Giữa mê ly đầy xác thịt kiêu sa.
Nhưng mỗi lúc đêm tàn trời hừng sáng
Anh khóc mùa trinh bạch sớm tiêu ma.
Và anh cũng muốn thiếu hồn trong lửa đỏ
Lượm tàn tro vang bóng gửi xa đem
Nhưng mỗi lúc buông tay liêu mặc gió
Anh nhớ ngày thơ mộng sống bên em.*

Có ngờ đâu chính những kỷ niệm thơ mộng trong những ngày Hoàng được sống gần gũi bên người chàng yêu đã làm sống dậy tình yêu trinh bạch thuở ban đầu của chàng, và những hình ảnh ngây thơ trong sáng của nàng Tố đã vô tình trở thành chiếc phao cứu nạn, giúp chàng thoát khỏi sự sa lầy trong cuộc sống trụy lạc.

Những thú ăn chơi trác táng đã không thể giúp cho Vũ Hoàng Chương nguôi ngoai được nỗi đau khổ phải xa Tố, chàng bèn tìm quên trong kiếp sống giang hồ.

Nhưng đi đâu? Hết Na Sầm rồi Thanh Hóa, Lạng Sơn, nơi nào chàng cũng chỉ nhìn thấy ngoài trời một màu âm đạm, còn trong lòng thì “nung nấu lòng dưa héo mòn”, chỉ vì:

*Làm sao quên được tình ai
Chàng Lưu còn nẻo Thiên Thai còn tìm.*

Thế là nhà thơ của chúng ta đành xếp giáp tính chuyện quay về:

*Mai anh bỏ kiếp giang hồ lại
Đáy biển vừa rung động mũi kim
Phải gắng theo xong đường chỉ dỏ
Uyen ương liền cánh mãi đôi chim.*

Ý tưởng trở về phen này quyết tìm mọi cách để tiếp tục xây dựng tình yêu cùng Tố, lo thực hiện mộng ước chung đôi với Tố vừa xuất hiện trong tâm trí Vũ Hoàng Chương, thì mâu nhiệm thay tình yêu hạnh phúc nơi chàng liền được hồi sinh. Không chỉ hồn chàng phơi phới mà tất cả vạn vật được phóng nhìn qua con mắt yêu đời của chàng cũng như đổi khác. Chúng không còn là những hiện tượng thiên nhiên vô hồn đơn giản thực hữu nữa, mà đã trở nên sinh động vô cùng, chúng cũng đang ngán ngát một màu yêu:

*Có một mùa thu đẹp chẳng ngờ
Mây chiều giải lụa, sớm giăng tơ,
Nắng thanh bình cũng vàng như bướm
Hoa cũng vàng như nguyệt trẻ thơ.*

Và giờ đây chuỗi ngày hạnh phúc của tình yêu lứa đôi mới thực sự bắt đầu. Đó là năm 1938, lúc này gia đình Tố đã rời phố Cầu Gỗ, dọn nhà về phố Kỳ Đồng (tức Capitaine Bruisseau). Hạnh phúc tràn đầy quá, Vũ Hoàng Chương đã phải thú nhận:

*Bao nhiêu là chuyện thần tiên quá
Nhảy múa thi trong giấc mộng đầu.*

Tình yêu của Vũ Hoàng Chương và Tố Uyển khởi đi từ lòng cảm mến hồn nhiên của tuổi trẻ, do hoàn cảnh thân cận tạo nên đã đành; đây còn là tình yêu thơ mộng, đồng điệu của đôi thanh niên nam nữ tính tình đậm thắm đa cảm, vừa lớn lên, lại theo Tây học, chịu ảnh hưởng tư tưởng tự do, giải phóng tình cảm cá nhân của văn chương Pháp. Nay tình yêu có điều kiện nảy nở, hẳn là một cơ hội tốt để tâm hồn họ rung động và tạo ra biết bao mỹ cảm. Và trong bao nhiêu vốn sống tươi rói của cuộc tình đầu này, Vũ Hoàng Chương đã biết ghi nhận lấy những khoảnh khắc nên thơ nhất để thể hiện thành thi ca. Đây ta hãy nghe nhà thơ kể lại:

Nào những bữa cơm thân mật trong gia đình:

*Những chiều đông rét mướt
Cả nhà ngồi vây quanh
Bàn ăn khói nghi ngút
Bên em vẫn có anh.*

Nào những buổi đón học:

*Em biết anh chờ em ngã ba
Trường Thi, Ngõ Huyện vắng người qua
Đi chung một quãng, chiều tan học
Chẳng nói yêu mà yêu thiết tha.*

Nào những lúc trao thư:

*Em biết anh chờ em ngã tư
Hàng Khay, Hàng Trống để trao thư.
Lời yêu chẳng viết nhưng trong ý
Ta đã cùng chia một động từ.*

Hay những khi hồn dỗi:

*Bài toán khó em hỏi
Trêu cợt anh lắc đầu.
Em hỏi thầy giáo chứ
Anh biết làm toán đâu.
Em giận không cười nữa
Thôi thế anh về đi
Trời! Anh về sao được!*

Thế rồi lại một phen Vũ Hoàng Chương phải ỉ ôi xin lỗi, nhưng cuối cùng thì “giận nhau càng yêu thêm”.

Tình yêu của Hoàng và Tố còn được nuôi dưỡng trong hương vị của văn chương. Thời bấy giờ trên các sách báo, những tiểu thuyết tình lãng mạn thơ mộng như Hồn Bướm Mơ Tiên của Khái Hưng, Đôi Bạn của Nhất Linh... hay những bài thơ tình ảo mộng hay thiết tha, phóng túng của Hàn Mặc Tử, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính, Xuân Diệu... đang là những món ăn tinh thần thời thượng của giới trẻ. Trong thế giới tình cảm riêng của Hoàng và Tố, chàng cũng đang say sưa sáng tác không biết bao nhiêu vần thơ tình thắm thiết để tặng nàng:

*Kiều Thu ơi thơ viết
Trăm nghìn vẫn cho em
Cũng chỉ là tiếng đập
Từ sâu thẳm trái tim.*

Tiếng lòng thành thật bao giờ cũng dễ làm cảm động đối tượng, hơn nữa, Vũ Hoàng Chương còn hiểu rất rõ hiệu lực những dòng thơ tình của chàng đối với người yêu như thế nào:

*Giọng chữ nghe ẩn hiện
Ngọt ngào trên đôi môi
Nồng say như gió biển
Lùa trong nhịp máu trôi.*

Hậu quả tất nhiên đã đến với nàng Tố là:

*Đủ các môn em học
Mỗi bài cả trăm lần.
Nhưng vang dội tim óc
Toàn lời thơ ái ân!*

Cuộc tình ấy còn được tô bồi bởi trí tưởng tượng phong phú của thi sĩ, thế nên nhiều khi từ cuộc sống hiện thực tác giả đã đi vào mộng lúc nào không hay. Thực với mộng quyện lẫn vào nhau, phụ họa, tô điểm cho nhau. Mộng nhờ có thực mà trở nên sinh động, có hồn. Thực cũng cần có mộng để thêm thi vị, nên thơ.

Dù thực hay mộng, ta thấy Vũ Hoàng Chương đã thực sự được sống những giây phút hạnh phúc nhất trong tình yêu lứa đôi của loài người.

Này đây những lúc cùng sánh bước dạo phố:

*Ai biết chiều nay sánh bước
Hàng Ngang, Hàng Trống, Hàng Khay
Cả một trời anh mơ ước
Mở trong tà áo em bay.*

Này đây chuyến đi chơi Hải Dương :

Mau xuống đò thôi kéo mợ trông

*Gió lên, đò nhỏ xiêu chân sóng
Vừa gỡ tay ra, vội nắm tay
Đứng sát vai nhau liền cả bóng
Tình ta ai gỡ nổi từ đây.*

Này đây là chuyến du xuân :

*Theo gió xuân lên đường Ngọc Hà
Néo về tươi nắng trại hàng hoa.
Đến vườn Bách Thảo, anh reo khê:
-Thượng uyển này riêng của chúng ta !*

Đêm hôm ấy ra về, Vũ Hoàng Chương còn cảm thấy hồn mình ngây ngất mãi:

*Đưa em về phố tạm chia tay
Trở lại vườn khuya anh vẫn say.
Trên đỉnh tình yêu hồn chót vót
Tha hồ cọp hú lộng hơi may.*

Tuy vậy giữa hai người, tình yêu vẫn chưa một lần được lên tiếng chính thức, được thú tội, vì nàng còn kiêu kỳ lắm, và chàng thi sĩ của chúng ta cũng đâu có chịu thua:

*Hai bên cùng kiêu kỳ như nhau
E dè như nhau nên nghi ngờ
Không ai cho ai lời yêu đầu
Anh làm vô tình, em gây thơ.*

Nhưng họ đóng vai trò ấy vụng về lắm, rõ là:

*Đôi tim đóng then mà hở hên
Đôi hồn kín bụng mà trống trênh.*

Thật thế, nàng Tố chẳng cần phải viện đến giác quan thứ sáu bén nhạy của người con gái nàng cũng dư biết tiếng lòng của ai, vì cái nhìn “đăm đăm” cùng những hành động sẵn đón và những bài thơ mơ yêu của chàng .

Nhưng còn Vũ Hoàng Chương, chàng có đoán biết được tình ý của người yêu không? Có chứ, bằng nhiều cách lắm, trước hết là chính những cử chỉ hữu tình của nàng đã tự tố cáo tình yêu của nàng dành cho chàng :

*Em đã nao lòng anh mê man
Đuôi mắt, đầu môi tình chứa chan.*

Tình yêu cũng như hương thơm của hoa, dù có dấu dưới hang cùng, hốc thẳm nào, hương thơm của nó vẫn tỏa thoát ra bên ngoài, những kẻ cố tình tìm hoa vẫn có thể dõi theo “dấu hương” mà tìm tới.

Sau nữa là nhờ sự mẫn cảm đặc biệt của nhà thơ, Vũ Hoàng Chương đã khám phá ra tiếng lòng thầm kín của người yêu, qua một vài điệu bộ, hành động và phản ứng của nàng , như: Qua ánh mắt:

*Đường về nhà quanh co thơm ngát
Em nhìn anh chưa nhạt còn mê.*

Qua ánh mắt của người yêu, Hoàng đã hiểu là nàng muốn nói với chàng:

*Đời em chẳng có anh sao được
Lời nói say như một chén thê.*

Qua giọng nói thân thương, nũng nịu của ai kia, Hoàng cũng đã đoán được thâm tình trao gửi của nàng:

*Em nói- Để em cài lại tóc
Mà như trợn vện một đời trao.*

Lại như qua cử chỉ cúi đầu và phản ứng đỏ má:

*Thấy anh đăm đăm nhìn
Cúi đầu em đỏ má.*

Từ đó Hoàng đã nhìn ra tâm ý của người yêu:

*Như hiểu niềm van xin
Như hẹn cho tất cả.*

Còn nữa, Vũ Hoàng Chương còn khám phá ra tình cảm của nàng dành cho chàng bằng lối lý luận rất trữ tình.

Đó là những cử chỉ "làm duyên" :

*Bao nhiêu cử chỉ làm duyên ấy
Đã mách tình em đủ lắm rồi.
- Em đừng chối vô ích
"Làm duyên" là "yêu" rồi !*

Đó là tiếng reo "thích nhỉ":

*Anh bảo em cố học
Rồi mai chung một nghề.
Chapa rừng núi đẹp
Là chỗ ta đi chơi.
Em reo thích nhỉ như vừa được
Sống trước say sưa một quãng đời.
- Cũng đừng chối vô ích
"Thích nhỉ" là "yêu" rồi !*

Đó là sự "hờn dỗi" :

*Một lá thư nhỏ nhắn
Của cô nào không biết
Anh cất trong túi áo
Ngồi bên em đánh rơi
Em vô tình bắt được
Hờn dỗi mấy hôm trời.
Nhưng đâu có phải anh lơ đãng
Anh muốn thử lòng em đấy thôi.
- Càng chối càng vô ích
"Hờn dỗi" là "yêu" rồi !*

Cùng với những khám phá trên, nhà thơ của chúng ta còn đưa ra một lý luận rất lô gích, rất hợp, tình hợp lý để được yên tâm sống trong hạnh phúc tuyệt vời của tình yêu lứa đôi:

*Bao nhiêu năm gần gũi
Bao nhiêu ngày bên nhau.
Anh có phải là sắt
Em có là gỗ đâu.
Nụ cười đuôi mắt say sưa ấy
Đã hẹn yêu anh đến bạc đầu.*

Thế nên Vũ Hoàng Chương đã chấp nhận tình yêu mà không cần nàng phải hứa hẹn, thề thốt gì, và còn cho đấy là sắc thái riêng của một tình yêu êm đẹp tuyệt vời:

*Không cần phải hứa hứa
Không cần nói yêu nhau.
Không yêu mà vẫn là yêu đấy
Êm đẹp làm sao giấc mộng đầu !*

2- Tố của Hoàng ơi hồi nhớ thương!

Thời gian êm trôi cho đến chuỗi ngày Tố Uyên sửa soạn đi thi Trung học. Mỗi chủ nhật thầy giáo Ngải soạn đề thi thử về toán và pháp văn thì Vũ Hoàng Chương cũng tất bật lo soạn đề thi thử về Anh văn cho hai chị em Tố. Nhiều tối ghé chơi, nhưng rồi chàng lại nấn ná ở lại tới khuya để giảng thêm bài cho chị em nàng:

*Mùa thi rồi gương lược
Anh sửa soạn cho em
Ngay từ nửa tháng trước
Ngồi khuya đêm lại đêm.*

...

*Anh ngồi bên học giúp
Cho em mau thuộc bài.*

Không biết lối học thi như thế có làm cho nàng Tố “mau thuộc bài” thật không, nhưng chúng ta biết chắc chắn là nhà thơ của chúng ta rất hạnh phúc :

*Thời gian rút hạnh phúc
Bao nhiêu đêm ngồi kẻ
Bấy nhiêu vòng khăn khít
Buộc đôi hồn si mê.*

Rồi ngày thi tới, những buổi nàng đi thi, dù đã có bác xe đưa đón, Vũ Hoàng Chương vẫn không bao giờ vắng mặt:

*Đưa nhau riu rít đón nhau về
Ngày lại ngày cho tình càng mê.*

Ngày Vũ Hoàng Chương đi xem bảng cho Tố Uyên cũng để lại một kỷ niệm đẹp khó quên trong lòng chàng. Thấy tên nàng đỗ, Vũ Hoàng Chương vui mừng khôn xiết vội phóng xe về nhà người yêu, chàng vừa thấy bà Tư đứng nơi cửa ra vào, dù chưa kịp gác xe vào vỉa hè, chàng đã vội ríu rít báo tin vui — Tố đỗ rồi! -Tố đỗ rồi! Chàng reo to quá đến cả xóm đều nghe thấy. Đó là giữa năm 1939, lúc này Tố Uyên đã được 18 tuổi, đang ở cái tuổi thanh xuân mơn mơn đào tơ của người con gái. Nàng đẹp nổi tiếng, trong tác phẩm “Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đi Qua Đời Tôi” xuất bản tại Mỹ Quốc, 1990, Tạ Tỵ cũng phải công nhận điều này.

Đây cũng là lúc đang có phong trào kén chồng theo quan điểm “phi cao đẳng bất thành phu phụ” của các cô gái gia thế Hà thành. Máy cô bạn học của Tố hầu hết đã nhận trầu cau của các ông Bác sĩ, Luật sư đầu đầy cả rồi. Tố Uyên cũng có nhiều chàng trai danh giá “rấp ranh bán sè”, và bà Tư rất hãnh diện về con gái. Nhưng vì đã có thiện cảm với Vũ Hoàng Chương, bà Tư còn biết nhà thơ yêu con gái mình tha thiết, bà thương nhà thơ hơn nữa ở điểm khi tiếp xúc với họ hàng nội ngoại của ông bà, Vũ Hoàng Chương đều thưa gửi -cô -dì -chú -bác... theo như chị em Tố, như chàng đã là người nhà của gia đình bà. Ngoài ra bà cũng đoán biết phần nào tình ý của con gái nên bà không nề gì nhà thơ vẫn còn lẹ đẹ ở năm thứ nhất trường Luật (Vũ Hoàng Chương chỉ ghi danh rồi đi học phát phơ vài buổi, chàng không thấy hợp nên có học gì đâu mà thi với đỗ!). Bà vẫn có ý tác thành cho đôi trẻ nên vợ nên chồng, vì bà đã dự tính, sau này gả con cho nhà thơ rồi bà sẽ cho “hai đứa” đi Pháp du học.

Riêng Vũ Hoàng Chương, chàng cũng hiểu đã đến lúc phải về thưa chuyện với cha mẹ đem trầu cau đến xin Tố cho mình. Ngờ đâu dông bão đã xảy ra, ông bà Tri huyện đã giận Vũ Hoàng Chương không chịu đi hỏi con gái quan Bó chánh theo ý muốn của ông bà, nên đã thẳng tay gạt bỏ chuyện xin đi cầu hôn của con. Ông bà chê Tố là học trò trẻ con, lại theo Tây học nhặng nhít, không thể về làm dâu một gia đình nề nếp quan cách như gia đình ông bà; còn bà Tư, mẹ của Tố, là dân buôn bán (bà Tư hồi đó đang có cửa hàng xuất nhập cảng giấy) lại quá trẻ (mới có ba mươi tám tuổi), không xứng thông gia!

Bao nhiêu mộng ước đang đến hồi đẹp nhất, cao điểm nhất nay bỗng bị cha mẹ phản đối quyết liệt đã khiến Vũ Hoàng Chương choáng váng, đờn đay; chàng còn vô cùng khổ sở và ngượng ngùng khi nghĩ đến gia đình Tố Uyên, vì chàng biết giải thích ra sao? Biết nói gì bây giờ? Thế là

chàng trốn luôn, không dám bén mảng đến nhà Tố nữa.
Duyên tình thì trắc trở lại không được gặp mặt người yêu, Vũ Hoàng Chương làm sao tránh khỏi buồn khổ. Chàng chỉ còn một cách là cố gắng tìm quên, và chàng đã tìm quên trong những thú say sưa. Chúng ta hãy nghe nhà thơ nói về cái say nhẩy đầm và say rượu xem chàng có thành công hay không?

*Ánh đèn tha thướt
Lưng mềm nảo nuốt dáng tơ
Hàng chân lá lướt
Đê mê hồn gửi cánh tay hò.*

*Âm ba gờn gợn nhỏ
Ánh sáng phai phai dần
Bốn tường gương diên đảo
bóng giai nhân
Lui đôi vai, tiến đôi chân
Riết đôi tay, ngả đôi thân
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió
Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ
Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta.*

*Say đi em, say đi em
Say cho lợi lá ánh đèn
Cho cung bậc ngả nghiêng
diên rò xác thịt
Rượu, rượu nữa, và quên, quên hết!
Ta quá say rồi sắc ngả, màu trôi
Gian phòng không đứng vững
Có ai ghi hư ảnh sát kê môi.*

Những đoạn thơ trong bài “Mời Say” trên được in trong thi tập “Thơ Say”, tác phẩm đầu tay của Vũ Hoàng Chương, xuất bản vào năm 1940 tại Hà Nội, đã cho chúng ta thấy nghệ thuật độc đáo của bài thơ này chính là ở chỗ tác giả như không cố ý làm nghệ thuật, nhà thơ cứ để cho những cảm giác và cảm xúc của mình trào ra thành thơ, lướt trên đầu ngọn bút. Cái tài hoa, cái duyên dáng trong thơ Vũ Hoàng Chương lộ ra rất rõ trong những từ ngữ gợi tả hình ảnh, ánh sáng, màu sắc, âm thanh, cảm giác và cảm xúc; sau nữa là nhạc điệu của bài thơ uyển chuyển, thanh thoát vô cùng, tất cả đã giúp vào việc dẫn khởi đưa tâm hồn người thưởng ngoạn đi vào thế giới chuyễn choáng men say, chập chờn trong vũ điệu “tango” phóng túng (tango de fantaisie) và bông bênh trong tiếng nhạc, mờ ảo trong ánh sáng...

Trở lại với Vũ Hoàng Chương, ta thấy cho đến lúc dù chàng đã say mềm, “say không còn biết chi đời”, đến gần như vô tri, vô giác thế mà trong tiềm thức của nhà thơ, mối sầu vẫn sừng sững như thành, không làm sao sụp đổ :

*Trong men cháy giác quan vừa bén lửa
Say không còn biết chi đời.
Nhưng em ơi đất trời nghiêng ngửa
Mà trước mắt thành sầu chưa sụp đổ
Đất trời nghiêng ngửa
Thành sầu không sụp đổ em ơi!*

Không biết đã từng có ai mượn cách say men, say khói mà quên được sầu không, riêng Vũ Hoàng Chương chàng thấy mình càng say bao nhiêu thì mối sầu lại như càng thấm thía, càng lắng sâu bấy nhiêu:

*Có ai say để quên sầu
Lòng ta lão đảo càng sâu vết buồn.*

Lại nói đến gia đình bà Tư, sau ngày Tố Uyên thi đỗ bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp, gia đình ông bà Tư hơi lầy lẹm vì không thấy Vũ Hoàng Chương lại chơi như trước, thời gian này kéo dài có đến cả nửa năm. Rồi một hôm cô Viên, em họ Vũ Hoàng Chương, đồng thời cũng là bạn của Tố lại chơi, cho biết tự sự. Gia đình bà Tư bị va chạm tự ái nên rất bức mình, và được biết Vũ Hoàng Chương đã bỏ học đi làm phó kiểm soát viên sở Hỏa Xa Đông Dương. Ít lâu sau lại thấy Hoàng thỉnh thoảng ghé thăm, biết Hoàng vẫn níu hy vọng, không muốn cắt đứt. Gia đình Tố tuy giận ông bà Tri Huyện, nhưng nhìn thấy Hoàng thì lại thương nên có ý nấn ná đợi chờ. Trong thời gian này Vũ Hoàng Chương và Tố Uyên tuyệt nhiên không gặp nhau riêng lần nào. Bà Tư đã có lần gọi Vũ Hoàng Chương ra nói chuyện, bà cho biết bà sẵn sàng gả Tố cho chàng, nhưng điều kiện tiên quyết là ông bà Tri huyện phải đến xin hỏi cưới đàng hoàng. Lễ tất nhiên là phải như vậy, vì ảnh hưởng Nho giáo còn nặng nề trong xã hội Việt Nam ta thưở ấy. Thế là vì danh giá gia đình, vì danh giá của Tố, ông bà Tư không thể chấp nhận gả con cho Vũ Hoàng Chương mà không có sự đồng ý của cha mẹ chàng.

Thấm thoát đã gần hai năm trôi qua, không thấy ông bà Tri huyện thăm viếng hay đánh tiếng gì, và những tháng sau cùng Vũ Hoàng Chương cũng bật tằm luôn, ông bà Tư hiểu là chuyện chờ đợi không đi đến đâu, và cũng vì tự ái, ông bà bèn hết lời khuyên giải Tố để nàng hiểu rằng, nàng đã 20 tuổi rồi, đã đứng tuổi rồi, (thời đó con gái 20 tuổi đã cho là già, sắp ế chồng!), nay bao nhiêu người danh giá hỏi không nhận lời đi, đến khi quá lứa lỡ thì lấy ai được nữa! Và Vũ Hoàng Chương chắc cũng chẳng yêu tha thiết gì Tố, nếu không, chàng phải cố gắng học hành để tỏ ra xứng đáng với nàng chứ? Nhất là đã từ lâu Vũ Hoàng Chương chỉ thỉnh thoảng ghé thăm phát phờ chứ không tỏ ra tha thiết thân tình như xưa nữa.

Tố là gái mới lớn, thấy Vũ Hoàng Chương cũng xứng đáng lại yêu mình tha thiết, làm bao nhiêu thơ ca tụng mình, bảo sao nàng không cảm động? Và Tố đã yêu lại Vũ Hoàng Chương, điều đó không thể phủ nhận, nhưng nàng tất nhiên không yêu si mê như chàng đã yêu nàng. Nay thấy chàng hờ hững, cha mẹ chàng lại chê nàng không chịu đi hỏi, tự ái của một cô gái vừa đẹp, vừa học giỏi lại con nhà giàu bị quá tổn thương, làm sao nàng không buồn tủi? Nàng lại thương mẹ, biết mẹ lo lắng cho mình, nên cuối cùng nàng đã nghe lời, chấp nhận tìm hiểu ông Cương là người vừa đỗ Cử Nhân Luật mà bà nội nàng đã có ý chọn cho. Sau ba bốn lần gặp gỡ, Tố chưa yêu ông Cương nhưng cũng thấy chẳng có gì để phản đối, mẹ ông Cương lại thúc giục, thế là gia đình nàng cho tiến hành lễ Trạm ngõ (khoảng tháng 3, 1941).

Đúng một tháng sau, bà huyện, mẹ Vũ Hoàng Chương cùng với cụ mẹ chồng cô em gái ông huyện đến thăm ông bà Tư, ướm lời hỏi Tố cho Vũ Hoàng Chương, nếu bằng lòng thì nhà trai sẽ đưa lễ vật.

Hỡi ơi, đến lúc ông bà huyện kịp nhìn thấu nỗi lòng của con, biết thương con thì đã muộn rồi, đã lỡ làng hết rồi.

Khi Vũ Hoàng Chương biết tin Tố Uyên đã nhận trầu cau của người khác thì quá thất vọng, lâu đài tình ái sụp đổ tan tành. Trước kia chỉ là sự cản trở của cha mẹ thì chàng còn có thể thuyết phục, nay nàng đã nhận lời người ta thì vô phương rồi. Quá bất mãn trước thực tại phũ phàng:

Tình đã mất

Sự nghiệp không

Cuộc đời chẳng chí hướng

Vũ Hoàng Chương cảm thấy chơi vơi, lạc hướng, chàng muốn chạy trốn, muốn xa lánh hẳn mặt đất đầy đau thương này:

Nhỏ neo rời thuyền ơi xin mặc sóng

Xô về Đông hay giạt đến non Đoài

Xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng

Lòng cô đơn cay đắng họa dẫn vơi.

Vũ Hoàng Chương mang tâm trạng lạc loài, chơ vơ, u uất của một kẻ đầu thai làm thế kỷ, bị lưu đầy giữa cuộc đời kiêu bạc; nơi đây không phải là chốn cho những người có tâm hồn mơ mộng, giản dị như chàng dung thân, và chàng mong được thoát đi, đến một phương trời xa vời, thanh thản nào đó :

*Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ
Một đời người u uất nỗi chơ vơ.
Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ.*

Tưởng đâu Vũ Hoàng Chương đã gặp Baudelaire qua bài *Élévations*:

*Envole-toi bien loin de ces miasmes morbides
Va te purifier dans l'air supérieur
Et bois, comme une pure et divine liqueur
Le feu clair qui remplit les espaces limpides.*

Nhưng không hẳn thế, Baudelaire mang tâm trạng của kẻ bị lưu đầy trong một thế giới đầy phiền muộn và chông chất những khổ đau, và nhà thơ này mong mỗi được sống trong một thế giới tràn ngập ánh sáng và thanh tịnh:

*Derrière les ennuis et les vastes chagrins
Qui chargent de leurs poids l'existence brumeuse.
Heureux celui qui peut d'une aile vigoureuse
S'élançer vers les champs lumineux et sereins*

Vũ Hoàng Chương trái lại, chỉ mong một cuộc sống giản dị, thanh thoát:

Thuyền ơi thuyền, xin ghé bến hoang sơ!

Cho đến ngày cưới Tố Uyên — ngày 12 tháng 6 năm Tân tị (1941) — phải nói là tới ngày hôm đó nỗi đau thương bi phẫn của Vũ Hoàng Chương mới thực sự bùng nổ mãnh liệt, như vết thương mưng mủ lâu ngày nay bật vỡ, máu mủ tung tóe.

Ba tháng trước đó, dù biết Tố đã nhận trầu cau của người ta, sẽ là vợ của người ta, dù gì Tố vẫn chưa hoàn toàn thuộc về người ta, nhưng hôm nay, ngày nàng bước lên xe hoa về nhà chồng, Vũ Hoàng Chương đã thực sự mất nàng:

Là thế, là thôi, là thế đó
Mười năm thôi thế mộng tan tành!
-Tình ta, ta tiếc cuồng ta khóc
Tố của Hoàng, nay Tố của ai?

Về phương diện lý trí, Vũ Hoàng Chương rất hiểu, chàng là kẻ mộng mơ, luôn luôn cảm thấy xa lạ, lạc lõng với cuộc đời, chàng không thể nào hội nhập hoàn toàn vào cuộc sống của thế nhân để trở thành ước mơ của cuộc đời, chàng đã bỏ thi Luật chẳng là một bằng cử đó sao? Như thế, chàng không thể đem lại hạnh phúc cho người yêu - người của cuộc đời - Và chàng đã chẳng từng bỏ đi xa để Tố được yên thân sống cuộc đời của nàng đó sao? Vậy nay, nàng đi lấy chồng chỉ là một lẽ tất nhiên thôi.

Nhưng về phương diện tình cảm, Vũ Hoàng Chương trăm ngàn lần không bao giờ chấp nhận điều này. Chàng đã yêu nàng bằng mối tình tuyệt đối, chàng đã yêu nàng với tất cả tâm hồn trong trắng và tấm tình si mê của mình:

Cũng như lúc mảnh hồn trong trắng
Với tình si trao hết cho em.

Và chàng đã tự hứa với mình:

Cho đến ngày tận thế
Tình ta như buổi đầu
“Anh yêu em” ba chữ

Cùng trời đất dài lâu.

Chính vì nhà thơ cứ đinh ninh nàng Tố cũng chung tình, cũng chung thủy như chàng, nàng đã là của chàng và sẽ mãi mãi là của riêng chàng, nên chuyện Tố lấy chồng đã là một biến cố khốc liệt đối với chàng. Ý tưởng mất người yêu vĩnh viễn này thấm thiết đến nỗi làm Vũ Hoàng Chương nhiều lúc tưởng điên dại. Rồi những xúc cảm từ trái tim quá đau khổ ấy đã tuôn trào ra đầu ngọn bút thành những dòng thơ trữ tình cuồng nhiệt, nói như Musset (9)

C'est le coeur qui parle et qui soupire

Lorsque la main écrit, c'est le coeur qui se fond.

Và chính những xúc cảm đau thương hiện thực này đã làm nên không khí bài thơ « Mười Hai Tháng Sáu »:

Trăng của ai trắng một phương
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường
Ờ đêm tháng sáu mười hai nhi
Tố của Hoàng ơi hỡi nhớ thương!
Là thế là thôi là thế đó
Mười năm thôi thế mộng tan thành
Mười năm trăng cũ ai nguyện ước?
Tố của Hoàng ơi, Tố của anh !
Tháng sáu mười hai từ đây nhé
Chung đôi — Từ đây nhé lia đôi
Em xa lạ quá đâu còn phải
Tố của Hoàng xưa, Tố của tôi !

Men khói đêm nay sầu dựng mộ
Bia đề tháng sáu ghi mười hai
Tình ta, ta tiếc, cuồng ta khóc
Tố của Hoàng, nay Tố của ai?
Tay gõ vào bia mười ngón rập
Mười năm theo máu hận trào rơi
Học làm Trang tử thiêu cơ nghiệp
Khúc Cổ Bồn ca gõ hát chơi

Kiều Thu hê! Tố em ơi
Ta đang lửa đốt trời bờ mái Tây
Hàm ca nhịp gõ khói bay
Hồ xừ xang xé bàn tay điên cuồng.
Kiều Thu hê! Trọn kiếp thương
Sâu cao ngàn ngút mây đường tơ khô.
Xừ xang xé xự xang hồ
Bàn tay nhịp gõ điên rồ khói lên.
Kiều Thu hê! Tố hỡi em
Nghiên chân rón bề mà xem lửa bùng.
Xé hồ xang, khói mờ rung
Nhịp vượn sầu tỏa năm cung ngút ngàn.

Những lời thơ ở đoạn đầu trong bài «Mười Hai Tháng Sáu» đã cho chúng ta tận thấy nỗi đau thương thống thiết, tiếc hận khôn nguôi, uất ức nghẹn ngào của Vũ Hoàng Chương cứ theo từng đợt, từng đợt thồn thức của cõi lòng mà nấc lên thành tiếng:

Tố của Hoàng ơi hỡi nhớ thương!

Tố của Hoàng ơi, Tố của anh!

Tổ của Hoàng xưa, Tổ của tôi!
Tổ của Hoàng, nay Tổ của ai?

Sang đến đoạn hai của bài thơ thì mỗi sầu hận kia đã đến lúc kết đọng lại, Vũ Hoàng Chương tưởng chừng có thể dựng thành mồ, và ngày mười hai tháng sáu, ngày Tổ Uyển lên xe hoa về nhà chồng đã như một vết dao chém quá sâu vào trái tim của nhà thơ, vết thương này đối với chàng không thể nào phai nhạt, dường như đã khắc thành bia. Sự giàu tưởng tượng đó đã kích thích thêm cho xúc cảm, khiến cho nỗi uất hận, thương đau tăng thêm mãi. Khi mỗi xúc cảm tăng lên đến mức độ nào đó nó sẽ làm cho nhà thơ như say, như mê, như cuồng dại đi, bất chợt chàng như kẻ nhập đồng, cao hứng gõ tay vào bia mà ca khúc "Cổ Bồn". Chàng học đòi Trang Tử (đời Chu) thuở nào, sau khi biết vợ bội phản, nàng quá xấu hổ đã thắt cổ tự tận. Trang Tử lấy tay gõ vào chậu đồng mà ca, than cho tình đời đen bạc, đoạn thiêu đốt hết cơ nghiệp rồi bỏ đi xa. Vũ Hoàng Chương cũng đang mang tâm trạng đau khổ và thái độ chán chường ấy của Trang Tử.

Những từ ngữ biểu cảm dồn dập trong bài thơ « Mười Hai Tháng Sáu » như: - tay gõ mười ngón rập - máu hận trào rơi - lửa đốt tôi bời - nhịp gõ bàn tay điên cuồng - sầu cao - nhịp gõ điên rồ - lửa bùng - nhịp vượn - sầu tỏa - năm cung ngút ngàn; với những tiếng "hề" trong:

Kiều Thu hề! Tổ em ơi

Kiều Thu hề! trọn kiếp thương

Cùng những nốt nhạc:

Hồ -xang - xé -xự -xang - hồ

và:

Xé - hồ - xang

Đệm vào đã tạo nên cái không khí hơi man dại của đoạn thơ. Nhờ đó đã cực tả được cái vẻ chuech choáng của một kẻ thần trí nửa điên, nửa dại, nửa cuồng tâm... vừa gõ nhịp vừa ca một cách mê man, đến nỗi mười đầu ngón tay rập nát mà không hay. Vẫn biết đây là một lối nói cường điệu, nhưng Vũ Hoàng Chương đã tạo được cho ta cái cảm tưởng chỉ có cái đau về thể xác như thế mới diễn tả hết được cái đau về tinh thần của tác giả lúc ấy. Đây cũng là trường hợp của Thúy Kiều khi phải hầu đàn Hồ Tôn Hiến là kẻ vừa lừa giết Từ Hải, chồng nàng:

Một cung gió thắm mùa sầu

Bốn giây nhỏ máu năm đầu ngón tay.

(Kiều, Nguyễn Du).

Tóm lại, bài thơ « Mười Hai Tháng Sáu » này cũng ở trường hợp như bài « Mời Say ». Chính cảm xúc đã làm nên nghệ thuật. Ở đây những xúc cảm đau thương của Vũ Hoàng Chương đã thoát ra thành thơ, đó là tiếng thơ hay nhất của tác giả, rõ là những lời tuyệt diệu là lời đau thương như Alfred de Musset đã nói: "le chants désespérés sont les chants les plus beaux" (Nuit de Mai).

Một thời gian sau, cơn thống khổ đã dịu bớt, Vũ Hoàng Chương vì là con người có bản tính mềm yếu, thiếu nghị lực nên thay vì xông xáo vào đời hoạt động để tìm quên, nhà thơ của chúng ta lại tự đầy ải mình trong cảnh sống cô đơn với đầy mặc cảm:

Đêm nay đây hồn xé nẻo thu tàn

Khóc chia lìa ai níu gọi thời gian

Ta chỉ biết nằm nghe tình hấp hối.

Mất người yêu, cuộc đời Vũ Hoàng Chương chỉ còn là một màu ảm đạm thể lương với những đêm dài bất tận và mưa buồn da diết.

Trăng rụng nửa vời

Đêm mờ trọn kiếp

Và

Đây mưa bay mờ chậm bước đêm dài
Đêm bất tận đêm liền đêm kế tiếp.

Vũ Hoàng Chương cố tìm những cơn say để mong quên đi nỗi sầu đơn chiếc nhưng cũng chỉ vô ích mà thôi.

Say đã gắng để quên sầu lẽ gởi
Mưa mưa hoài rượu chẳng ấm lòng đau.

Và

Lá rơi rơi nằm bệnh mây tuàn mùa
Say chẳng ngán những đêm dằng dặc nhớ.

Nhà thơ quay ra cầu mộng:

Hỡi năm tháng hãy đưa đường giấc điệp...

Nhiều đêm nằm trần trọc mãi mộng cũng chẳng đến:

- Nghiêng đĩa đĩa vơi

Không thành giấc điệp

và

- Mưa gió tàn đêm mộng chẳng thành.

Mà dẫu may mắn mộng có thành nhưng mộng muôn đời vẫn chỉ là không:

Mộng bằng quơ hò hẹn cũng là hư.

Nên chẳng thoả được tấm lòng khao khát nhớ thương ai, nhà thơ của chúng ta trở về sống với những kỷ niệm cũ mà kỷ niệm gần gũi nhất, thực hữu nhất chính là mấy lá thư này đây.

Yêu một khắc để mang sầu trọn kiếp

Tình mười năm còn lại mấy tờ thư.

Một thoáng hạnh phúc xưa lại trở về:

Lá thư tình xưa nhớ lúc trao tay

Còn e ấp thuở duyên vừa mới bén.

Thương thay lá thư vồn vện có mấy dòng chữ đơn sơ, sự thật chỉ là đôi ba tờ giấy ghi lại những câu hỏi về Anh vẫn mà Tố muốn nhờ Vũ Hoàng Chương giảng hộ, nhưng dù sao những nét chữ của người yêu vẫn là một kỷ vật thiêng liêng đối với chàng. Và chàng vẫn muốn cố tìm ra những gì thâm kín ẩn nấp sau mười hàng chữ kia:

Mười hàng chữ đơn sơ, ồ ngược ngập

E dè sao mười hàng chữ đơn sơ.

Màu mực tươi xanh ngát ý mong chờ

Tình hé nụ bừng thơm trong nếp giấy.

Khi những dòng chữ đơn sơ này không đủ sưởi ấm cõi lòng băng giá của mình, Vũ Hoàng Chương thao thức với câu hỏi:

Gấm the nào từ buổi lạnh lùng nhau

Vàng son đã thay màu đôi mắt biếc?

Hỏi như thế là nhà thơ có ý níu kéo lấy chút hy vọng rằng người xưa vẫn còn yêu mình. Lòng nhớ nhưng được thể bùng dậy mãnh liệt, chàng tha thiết mong gặp nàng, nhưng rồi lại băn khoăn:

Đường trần muôn vạn ngã ba

Nhớ nhưng muốn gặp biết là có nên?

Trăm vạn lần là không nên rồi, nàng đã là gái có chồng, mình chẳng nên quấy rầy hạnh phúc của nàng nữa, nhưng tình cảm lại có những lý lẽ riêng của nó, thế là nhà thơ tình si đáng thương của chúng ta liền mò đến tận Quế Dương, thuộc tỉnh Bắc Ninh, nơi chồng Tố đang tại chức Tri huyện (khoảng những năm 1942 — 1943), không chỉ một lần mà nhà thơ đã mò đến

đó nhiều lần, chàng thường đứng ở quán nước, gần dinh Tri huyện, hy vọng nàng Tố vô tình đi ra để chàng được nhìn lại nàng, người yêu “ngàn kiếp” của chàng. Chàng chỉ dám nhìn thôi, chứ nào có quấy rầy hạnh phúc của ai đâu. Và chắc chắn ít nhất đã có một lần Vũ Hoàng Chương được toại nguyện; hôm đó xe hơi chở Tố vừa rút ra khỏi dinh, tiến về Hà nội, vô tình quay lại qua kính chiếu hậu, Tố Uyển đã nhìn thấy nhà thơ đang đứng ở đầu quán nước, ngỡ ngẩn nhìn theo.

Nàng đã tâm sự với gia đình là không dám bảo tài xế ngừng lại vì sợ chồng nghi kỵ và thiên hạ dị nghị. Đó là lẽ tất nhiên, nhưng trong lời tâm sự ấy chẳng đã lộ ra một phần nào tình cảm của nàng đối với nhà thơ của chúng ta hay sao?

Hết đến Quế Dương, Vũ Hoàng Chương lại trở về tha thân trên những con đường cũ, mong sống lại những giờ phút yêu thương, thơ mộng xưa:

Ôi chốn này xưa vai sánh vai
Trán cao hoài vọng, tóc buông cài.

.....
Hò gươm sóng lụa bờ tơ liễu
Hàng Trống, Hàng Khay rộn bước người
Sách vở lên hương, trầm ngát nẻo
Hoa soạn, hoa phượng chói màu tươi.

.....
Tay trong tay nắm, tình trong mắt

.....
Hoa gấm cùng mờ dật cuộc đời.
Ngờ đâu lòng người đã đổi thay, tất cả mộng ước thời quá vãng đã trở thành không tưởng:
Thế mà tan tác mười năm mộng
Có kẻ ra đi chẳng một lời.

Chỉ còn đây một thực tại đau thương là hồn thơ thổn thức của thi nhân với bao nỗi luyến nhớ, ngậm ngùi:

Nửa kiếp lênh đênh đường phố cũ
Riêng mình thương nhớ tuổi hai mươi.

.....
Hàng Khay, Hàng Trống hoa nào rụng
Màu tím thờ ơ vạt áo ai !

Năm 1954 khói lửa triền miên rồi biến cố chia đôi đất nước xảy ra. Vũ Hoàng Chương theo đoàn người di cư vào Nam mà lòng không yên, chàng những thấp thỏm lo lắng cho hạnh phúc của người yêu:

Trăng nhà ai tròn khuyết?
Trong lúc mà:
Thời cơ nhỏ nhiều nhưng
Hà nội thất vòng đai tuế nguyệt
Sừng sững dựng bức thành mây lửa dật.
Xa xách hơn bao giờ hết
Non Nùng cấm địa một phương.

Thôi rồi từ đây Hoàng có muốn biết tin tức hay muốn gặp lại Tố cũng không thể được nữa. Hồi còn ở Hà nội, Tố tuy đã đi lấy chồng nhưng những lúc:

Thoắt thôi gợn sóng điên rồ nhớ thương.

Hoàng còn có thể hỏi thăm về nàng qua gia đình và bạn bè nàng, hay đến tận nơi nàng sống để may ra được nhìn lại nàng như hồi ở Quế Dương; hơn nữa chàng có thể gửi những nỗi nhớ niềm thương của mình đến ai qua những bài thơ tình đăng báo hay in trong thi tập được xuất

bản, hay qua cả những vở kịch trình diễn trên sân khấu như chàng đã từng đóng vai Hoàng Lang, vai chính trong vở “Vân Muội”, một gã thư sinh si tình lúc nào cũng chỉ mơ màng tơ tưởng tới “mối tình xưa, mộng cũ với hình ai”, diễn tại Nhà Hát Lớn Hà Nội ngày 12-12-1942. Hồi đó báo chí đã bàn tán sôi nổi về mối tình của Vũ Hoàng Chương với người con gái mang tên đệm Tố. Có ký giả còn tưởng tượng ra cảnh nàng Tố đi xem kịch cảm động quá đến ngất xỉu, người nhà phải dìu về. Như thế, tiếng lòng của chàng đã gửi được đến người yêu dù nàng không trực nhận và chàng chẳng bao giờ có hồi âm, nhưng cái tâm lý và cái nhu cầu tình cảm “phải gửi và được nhận” của chàng cũng đã được thoả mãn phần nào. Vậy là Tố Uyên dù đã lấy chồng, tuy xa mà gần, vì Vũ Hoàng Chương vẫn liên lạc được với nàng trong cách điệu riêng của chàng.

Kể từ ngày nhà thơ vào Nam thì sự cách trở không gian ghê gớm quá, không chỉ xa xôi hàng bao nhiêu ngàn dặm mà giữa hai chiến tuyến Quốc Cộng còn bị bủa vây với bom đạn, chiến lũy, bằng cách nào nhà thơ có thể vượt qua để thấy lại được người xưa?

Vuốt đầu xuyên chiến lũy

Cách đâu vượt sa trường?

Sự cách trở không gian đã vô vàn khó khăn như vậy, sự cách trở trong đời sống tâm tư mới càng thâm nã hơn. Vì giờ đây tiếng kêu nhớ thương của chàng dù bằng cách nào đi nữa cũng không thể tới được người Hà nội. Chúng ta hẳn còn nhớ sau khi bức màn sắt buông xuống, “Tám thiếp giao tình Nam Bắc” với vài hàng chữ hỏi thăm sức khoẻ được in sẵn cũng chỉ xuất hiện một thời gian ngắn, sau đó Nam Bắc hoàn toàn tuyệt đường liên lạc.

Thế là từ nay, nỗi lòng chỉ mình chàng chàng biết, mình chàng chàng hay:

Tiếng kêu ném ngược đường kinh tuyến

Chỉ thấy vòng quanh trở lại thôi.

Họa có tìm được nhau trong men khói hay trong chiêm bao thì khi tỉnh giấc lại càng thêm trần trọc khổ sở, nước mắt chứa chan, vì đó chỉ là những hình ảnh lơ mơ, hư ảo, đứt đoạn không thể làm thoả mãn được ai.

Tìm nhau trong khói men cuồng túy

Nửa giấc màng tượng, loạn sóng tương.

Quê tình hoang đảo mờ sương

Chiêm bao càng khổ chiếu giường phong ba!

Ôi quê tình xưa, nơi chàng vẫn hãnh diện là chốn đẹp nhất, nên thơ nhất:

Ôi khu rừng bách thảo

Quán trọ đời thư sinh

Hương nai hoa cỏ đẹp

Nhưng bằng đâu quê tình.

Vì đó là chốn chàng hằng lui tới, và đã được tận hưởng cái hạnh phúc ríu rít bên người chàng thương :

Chim xanh qua lại muôn ngàn chuyến

Bao nhiêu là anh ơi! em ơi!

Nhưng giờ đây chàng và nàng đã lạc nhau rồi, đã thật sự mất nhau rồi, quê tình chỉ còn là một “hoang đảo mờ sương”, xót xa biết bao nhiêu, tiếc nuối biết dường nào!

Cuối cùng, Vũ Hoàng Chương chỉ còn một cách an ủi duy nhất là để hồn mơ về những kỷ niệm xưa. Có điều đáng kể là thời gian xa cách đằng đẵng đã mấy chục năm và không gian xa cách vời vợi hàng bao nhiêu ngàn dặm, hơn nữa cuộc đời của mỗi người đều đã có quá nhiều đổi thay, biến cải, thế mà kỷ niệm hiện ra trong thơ Vũ Hoàng Chương từ những năm 1954 đến 1967 vẫn tươi rói, sống động như chuyện vừa mới xảy ra. Chàng đã nhớ từng chi tiết, nhớ ngọn ngành, nhớ một cách say sưa, đã làm sống dậy cả một thời dĩ vãng thuở nào:

Trời cổ đô cao vút
Tuổi mười lăm, hai mươi

Giữa thời thanh bình của Hà nội năm xưa ấy, có một đôi thanh niên nam nữ rất trẻ, kẻ 15, người 20 tuổi, họ bắt đầu bước vào cuộc tình. Chàng thi sĩ Vũ Hoàng Chương đang mơ yêu này đã có những hành động rất lãng mạn, quán trọ của chàng ở ven rừng Bách Thảo, nhiều khi nhớ người yêu chàng cao hứng vào rừng gọi to tên nàng cho vang dội cả không gian; chàng mong tiếng gọi của mình sẽ len lỏi qua bao phố phường sấm uất, qua bao hàng cây rậm rạp mà lọt vào tận bức rèm tơ của nàng, bắt nàng phải xao xuyến cảm động:

Anh là gã thư sinh vườn Bách thảo
Giữa cỏ hoa muông thú gọi tên người
Cho bay xuống tận phố phường đông đảo
Chen cánh hoa xoan, hoa gạo
Rèm tơ ý nguyệt đầy vơi.

Nào những buổi Vũ Hoàng Chương không có giờ học, được rảnh rỗi một chút là chàng vội phóng xe đến cổng trường Tố chờ đợi, chỉ để được nhìn thấy nàng từ xa, trên chiếc xe tay bốn buổi học đưa đón nàng đi về :

Đón đưa buổi học xa vơi bước chân.

Và phải đợi cho đến lúc thân tình lắm, Vũ Hoàng Chương mới dám đôi khi vượt xe đạp lên, đi song song với xe tay chở nàng một quãng đường, để được trao đổi với nàng một vài câu nói băng quơ, trong khi mộng hồn đôi trẻ cùng phơi phới:

Học tan chiều mỗi người
Đón nhau tận cổng trường.
Hai xe cùng giọng ruồi
Hồn mơ về một phương.

Có lần anh xe về đã mách bà Tư -“Cậu Chương cứ đi theo xe cô”. Bà Tư còn mắc buôn bán nên không để ý, có thật thế không, hay chính vì thâm tâm bà đã cảm mến nhà thơ nên bà lờ đi cho đôi trẻ được thân nhau? Và con đường ấy, con đường đón học ấy, đã trở thành thiên đường trong ký ức của chàng:

Ôi đẹp nhất con đường
Cửa Đông về Cầu Gỗ
Nắng đào cây lá vương
Men xuân ngập hè phố.

Nào những buổi đưa nàng đi thi, chàng mua hoa cài lên tóc người yêu để lấy hên và khích lệ :
Cài hoa lên tóc còn bông xõa
Chàng nhủ người yêu - Chớ sợ gì !

Khi người yêu “vui như Tết” vào trường thi rồi, còn chàng:

Chàng đợi nàng trong vườn Bách thảo
Như trong huyền thoại của đông phương.

Kỷ niệm sống dậy mãnh liệt như vậy đủ chứng tỏ rằng dù trong cuộc sống thực tế hiện hữu, Vũ Hoàng Chương có phải sống xa cách người yêu, nhưng trong tận cùng sâu thẳm của tâm hồn chàng, chàng vẫn sống với hạnh phúc chung đôi và vẫn không ngừng ấp ủ mộng ước chung đôi:

Biết chăng còn khúc gọi đôi
Con chim phương ấy dành ngôi cho Hoàng?

Câu hỏi “biết chăng” nhà thơ đã để thoát ra cái tâm trạng khắc khoải, băn khoăn, lo lắng cho chuyện tình của mình, vì đã mấy chục năm trường cách biệt, không biết nàng có còn nhớ đến chàng không? Có còn dành ngôi vị thiêng liêng cho chàng không?

Thương thay nhà thơ đã đi qua ba phần tư cuộc đời, đã xa người yêu gần cả ba mươi năm mà chàng vẫn chưa an phận được chuyện tình của mình, vẫn chưa đành lòng chấp nhận cuộc sống “xẻ đôi” với nàng:

Vàng trắng hiện khoe thu xanh
Từ bao lâu vẫn chưa đành xẻ đôi.

Quá khứ đã tuyệt đường sinh lộ, mà tương lai cũng chẳng lối đi về, niềm khát khao được sum vầy với người yêu đã khiến Vũ Hoàng Chương đành trông chờ ở một chuyện không tưởng, đó là ngày tận thế :

Trái đất rồi hôm nào vỡ toang
Thịt xương tro bụi không phân biệt
Anh sẽ dìu em mắt mở choàng .

Khi tất cả loài người đang trong cơn tan hoang, mờ mịt của ngày tận thế, chàng sẽ mở mắt thật to để tìm nàng, dìu nàng đến một thế giới tinh khôi, nơi không còn một ai có thể tới quấy rầy mộng ước chung đôi của họ nữa:

Mơ hoa mộng gấm bưng tươi
Một hành tinh mới, hai người yêu xưa.

Đó chính là một thứ hy vọng trong tuyệt vọng vậy. Bấy câu thơ trên trong bài “Gấm Hoa” được in trong tập “Cành Mai Trắng Mộng” của Vũ Hoàng Chương, xuất bản tại Saigon năm 1968, tôi đã thăm hỏi: - Phải chăng thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã khép thiên tình sử của ông ở đây?

3 – Tổ của Hoàng xưa, Tổ của tôi !

Một cơ duyên lại đến. Cuộc hạnh ngộ giữa thi sĩ Vũ Hoàng Chương và chúng tôi đã xảy ra trong một trường hợp khá hi hữu. Chỉ có hai chữ hạnh ngộ mới diễn tả được hết ý nghĩa của cuộc gặp gỡ này.

Đó là một chiều tháng năm, cuối niên khóa 1971-1972, tôi được cử đi chấm thi Khả Năng Sư Phạm tại một trường Trung học bên Gia Định. Đây là một kỳ thi chỉ có tính cách hình thức, cốt để hợp thức hoá cho một số giáo sư Đệ Nhất Cấp dạy giờ muốn chính thức vào ngạch.

Hôm ấy tôi được chỉ định chấm thi cùng nhóm với Thi Sĩ Vũ Hoàng Chương, mỗi nhóm chỉ có hai giáo sư. Sự gặp gỡ này quả là một bất ngờ lý thú đối với tôi, vì tuy đã từng gặp nhà thơ khá nhiều lần trong các kỳ chấm thi Tú Tài và thi Văn Chương Phụ Nữ nhưng tôi chưa có cơ hội nào thuận tiện để làm quen. Tiếp đó, một bất ngờ thứ hai xảy ra, lý thú không kém là chuyện anh chàng thí sinh hôm ấy lại chọn bài thơ “Mười Hai Tháng Sáu” của thi sĩ Vũ Hoàng Chương làm bài giảng thi.

Khi Vũ Hoàng Chương và tôi vào lớp, vừa ngồi yên chỗ nơi cuối phòng thì anh chàng thí sinh đến chào rồi đặt trên bàn chúng tôi bài thơ “Mười Hai Tháng Sáu”, đoạn quay lên bảng ngay để bắt đầu bài giảng thi, chúng tôi anh ta không hề biết vị nam giám khảo của anh lại chính là tác giả bài thơ diễm tình đầy nước mắt kia.

Nhìn Vũ Hoàng Chương, tôi thấy nhà thơ có vẻ trầm tư, vì tôn trọng sự im lặng đầy ý nghĩa này, tôi không dám gây một động tĩnh nào, chỉ lắng nghe tiếng giảng bài của anh chàng thí sinh đang vang lên đều đều trong gian phòng vắng chỉ có ba chúng tôi ở đó. Cho tới khi anh ta giảng đến phần hình thức thì thi sĩ Vũ Hoàng Chương quay sang phía tôi nói khẽ: -“Bà có thấy người ta nói hơi quá không?” Tôi hiểu ý nhà thơ muốn nhắc tới chuyện người thí sinh đã mặt sát nàng Tổ của ông hơi kỹ. Tôi gật đầu, mỉm cười nói: “Tại trong thơ ông có ý oán trách”, rồi tôi tiếp: “Có oan cho bà Tổ Uyên”. Tôi thấy nhà thơ nhướng mắt nhìn tôi tỏ vẻ ngạc nhiên, vì sao tôi lại rõ tên tuổi người yêu của ông và lại đưa ra một nhận xét như thế.

Cũng nhờ bài giảng thi hôm đó nhắc đến mối hận tình của Vũ Hoàng Chương nên tôi mới thừa dịp gọi lại chuyện xưa. Tôi phải giải thích ngay, vì tình bạn thân giữa cụ Tư và mẹ tôi nên tôi đã biết khá rõ về hoàn cảnh của bà Tố khi lấy chồng. -” Bà Tố không phải là người tham đó bỏ đảng”, tôi đã nói với Vũ Hoàng Chương như thế, rồi giải thích thêm: -”Bà Tố đã chờ đợi trong hai năm mà gia đình ông không tới hỏi. Hai bên thật sự cũng chưa có hẹn ước gì, bà Tố lấy quyền gì, lấy tư cách gì để chờ đợi? Nên sau phải nghe lời cha mẹ mà lấy chồng.”

Tôi không nhớ hôm đó Vũ Hoàng Chương đã nói những gì, cũng vì nhà thơ nói khe quá tôi nghe không rõ, chỉ biết rằng trước khi ra về, ông nhắc đi nhắc lại hai tiếng “cám ơn”, “cám ơn”. Từ đó về sau tôi không có dịp gặp lại thi sĩ Vũ Hoàng Chương nữa, rồi biến cố bảy mươi năm xảy ra, chúng tôi đi Pháp, câu chuyện tâm tình kia cũng rơi vào quên lãng.

Tình cờ một hôm tôi tới Thư Viện Diên Hồng, được đọc bài thơ “Tố Của Hoàng Oí” trong thi tập “Chúng Ta Mất Hết Chỉ Còn Nhau” của thi sĩ Vũ Hoàng Chương, do Rừng Trúc xuất bản tại Paris năm 1974, có lời đề tựa của thi sĩ Thi Vũ. Bài thơ có ghi ngày sáng tác: 12 tháng 06 năm Nhâm Tý (1972). Nghĩa là chỉ sau buổi hạnh ngộ giữa thi sĩ Vũ Hoàng Chương và chúng tôi (phải kể cả vị giáo sư thí sinh buổi đó nữa) có hai tháng.

Tôi vội vàng tìm hiểu ý thơ và sung sướng thấy rằng thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã tìm được sự bình an cho tâm hồn, nếu không muốn nói một cách lạc quan là nhà thơ đã tìm lại được hạnh phúc tuyệt vời của tình yêu lứa đôi trong niềm tin yêu và hy vọng. Sau đây là bài thơ “Tố của Hoàng oí”:

Năm mươi hai tháng ai không biết
Đã tháng nào không tháng sáu chưa
Tháng có ba mươi ngày để giết
Ngày mười hai vẫn sống như xưa.

Lịch treo trước ngực kêu thành tiếng
Chẳng tiếng nào nghe khác tiếng mưa
Rả rích từ hôm con én liệng
Vào lòng son, tủi áng mây đưa.

Thời gian từng giọt buông theo máu
Lại trở về, không gọi cũng thừa.
Còn đó mười hai, còn tháng sáu
Ba mươi năm lẻ vẫn chưa vừa!
Còn khóc trong tim này bất tuyệt
Dường như rối loạn cả đường tơ.
Trăng nhà ai vẫn là trăng khuyết
Đứng sững từ đêm ấy đến giờ !

Ngày mai ngày một anh nằm xuống
Ngọc động cơn sâu nửa kiếp thơ
Đập nát ra cho trời đất uống
Thì em sẽ rụng khỏi đêm mờ.

Phút giây trắng một phương tròn lại
Rời từ hoà tan rượu đắng mơ
Cùng nhịp tim trôi vào tận cõi
Không ngày, không tháng, không bơ vơ.

Mười hai tháng sáu cung hồ xé
Một mối tình si một mối thù

Giây phút cũng tan thành biển lệ

Trả cho cát bụi nhé Kiều Thu !

12 tháng 6 Nhâm Tý (1972)

“Tổ Cửa Hoàng Oai” là bài thơ nối điệu cho bài “Mười Hai Tháng Sáu” (đã trình bày ở trên). Hai bài này làm cách nhau đúng 31 năm (1972 — 1941).

Để tạo nên cái hình thức nối tiếp cho bài thơ trước, Vũ Hoàng Chương trong bài thơ sau đã dùng lại một số thuật ngữ cũ như:

Tổ của Hoàng oai - Mười hai tháng sáu - Tháng sáu mười hai - Cung hồ xế

Và hình ảnh biểu tượng là -Trăng

Trong văn chương viết Nam, trăng vẫn được dùng làm biểu tượng cho hạnh phúc lứa đôi.

Trăng tròn để chỉ sự sum họp và hạnh phúc (thí dụ: Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai— Kiều, Nguyễn Du)

Trăng khuyết để chỉ sự chia lìa, cô đơn, sầu muộn (thí dụ: Vàng trắng ai xẻ làm đôi nửa in gổi chiếc, nửa soi dặm trường.-Kiều, Nguyễn Du).

Như vậy hai bài thơ “Mười Hai Tháng Sáu” và “Tổ Cửa Hoàng Oai” đã có hình thức tương tự nhau, nhưng nội dung đã có nhiều chuyển biến quan trọng.

Bài thơ “Tổ Cửa Hoàng Oai” chia là hai phần rõ rệt.

Phần I gồm 5 đoạn đầu:

Đoạn 1 và 2 nói về nỗi đau hận triền miên và tủi buồn mệnh mang của tác giả từ khi người yêu “bị ép” đi lấy chồng:

Năm mười hai tháng ai không biết

Đã tháng nào không tháng sáu chưa

Tháng có ba mươi ngày để giết

Ngày mười hai vẫn sống như xưa.

Lịch treo trước ngực kêu thành tiếng

Chẳng tiếng nào nghe khác tiếng mưa

Rả rích từ hôm con én liệng

Vào lồng son, tủi ánh mây đưa.

Vũ Hoàng Chương không chỉ đau buồn cho riêng mình mà nhà thơ còn tưởng tượng ra thân phận của người yêu, nàng như con “chim én” bé bỏng, yếu đuối bị đôi tay tàn bạo của cuộc đời “liệng” một cách tàn nhẫn không chút cảm thương (cảm thông và xót thương) vào “lồng son”.

Lồng có đẹp đến mấy nhưng bị tù túng thì làm sao chim kia hạnh phúc được. Chim én chỉ sung sướng khi nó được tự do bay lượn ngoài khoảng trời mây cao rộng thênh thang kia. Ý Vũ Hoàng Chương muốn nói, nàng Tố chỉ có thể hạnh phúc trong tình yêu của chàng.

Đoạn 3: xác định nỗi đau khổ kéo dài của tác giả từ ngày nàng Tố đi lấy chồng đến nay.

Thời gian từng giọt buông theo máu

Lại trở về, không gọi cũng thưa.

Còn đó mười hai, còn tháng sáu

Ba mươi năm lẻ vẫn chưa vừa !

Tuy chỉ là một đoạn chuyển tiếp nhưng Vũ Hoàng Chương lại hữu tình nhắc đến cuộc hạnh ngộ giữa chúng tôi:

-Không gọi cũng thưa

Tác giả muốn nói, mối hận hình của ông, chúng tôi dù không nhắc ông vẫn nhớ mà.

Sau đó là đoạn 4, Vũ Hoàng Chương tỏ ra rất xúc động và đau buồn xót thương khôn xiết đến “rối loạn cả đường tơ” chỉ vì nghĩ rằng người yêu lấy chồng đã không có hạnh phúc:

Còn khóc trong tim này bất tuyệt

Dường như rối loạn cả đường tơ.

Trăng nhà ai vẫn là trăng khuyết
Đứng sững từ đêm ấy đến giờ !

Đứng sững là đứng dừng lại cấp thời, dờ ra, biểu lộ một phản ứng, một thái độ bất mãn, chống lại những gì vừa xảy đến cho mình.

Sự tưởng tượng của Vũ Hoàng Chương ra cảnh đau thương của người yêu khi bị ép đi lấy chồng như "con én bị liệng vào lồng son", hay cảnh không hạnh phúc trong cuộc hôn nhân của nàng như "vàng trăng khuyết", "đứng sững từ đêm ấy đến giờ" do lòng quá thương yêu lo lắng xót xa của tác giả mà ra, chứ chắc gì trong cuộc sống hiện thực nàng Tố đã đau khổ như vậy? (có khi còn trái lại, nàng Tố rất được hạnh phúc bên chồng con?)

Và như thế, Vũ Hoàng Chương không chỉ đau thương cho số phận hẩm hiu lẻ loi của riêng mình mà còn cho cả thân phận không hạnh phúc của người yêu. Chàng đã đau thương cho cả hai, vì vậy, nỗi thương đau ở đây đã tăng lên gấp đôi, trở thành thống thiết trong đoạn 5.

Vũ Hoàng Chương và người yêu cứ phải sầu khổ trong cuộc sống chia lìa như thế thì chàng uất lắm, chàng hận lắm, nhưng đây là uất là hận đời — Đời tàn nhẫn quá, người ta đã nhân danh gia đình lễ giáo, quan niệm xã hội, lý trí, ngay cả không gian và thời gian nữa, tất cả đã phụ họa nhau để chiauyên rẽ thúi, để ngăn cách tình yêu đôi lứa. Mỗi hận đời này nhà thơ tưởng chừng đến chết cũng không tan được, nó uất kết lại thành một khối ngọc như trái tim hóa đá của chàng Trương Chi trong truyện cổ tích dân gian :

Ngày mai ngày một anh nằm xuống

Ngọc đọng cơn sầu nửa kiếp thơ

Phải đập nát khối tình hận này cho tan hòa vào trời đất, chàng mới tiếp xúc được với người yêu, nhờ đó giải thoát cho nàng khỏi cảnh sống âm thầm tủi buồn của một kiếp sao cô đơn trong đêm trường mờ mịt.

Đập nát ra cho trời đất uống

Thì em sẽ rụng khỏi đêm mờ.

Phần II gồm 2 đoạn thơ chót:

Sau khi Vũ Hoàng Chương đã nhìn ra nguyên nhân vì đâu nàng Tố đi lấy chồng: nàng bị ép buộc ; và nàng đã bất mãn, nàng không hạnh phúc. Suy ra từ đây, nhà thơ tất nhiên đi đến kết luận:

- Nàng không bội tình, nàng không có tội (nàng bị ép buộc, nàng là nạn nhân của hoàn cảnh.)

- Và nàng Tố vẫn yêu chàng(nên mới bất mãn và không hạnh phúc khi lấy chồng).

Do đó ý bài thơ ở phần II mở ra vừa thanh thoát, vừa lạc quan: Sự hiểu biết thông cảm làm hóa giải mọi đau thương, hờn oán:

Giây phút trăng một phương tròn lại

Rồi tự hoà tan rượu đắng mơ

Cùng nhịp tim trôi vào tận cõi

Không ngày, không tháng, không bơ vơ.

Mười hai tháng sáu cung hồ xé

Một mối tình si một mối thù

Giây phút cũng tan thành biển lệ

Trả cho cát bụi nhé Kiều Thu!

Vũ Hoàng Chương tin tưởng tới thời điểm nào đó trong một kiếp lai sinh, hai kẻ yêu xưa tìm lại được nhau, sum vầy trong hạnh phúc lứa đôi:

Trăng một phương tròn lại

Đó là một thứ hạnh phúc tuyệt vời của hai trái tim cùng hòa hợp, cùng đập chung một nhịp:

Cùng nhịp tim trôi về tận cõi

Cõi đó là cõi gì?

Không ngày, không tháng, không bơ vơ

Đó chính là thiên đường của hạnh phúc lứa đôi, không còn bị những giới hạn bởi thời gian như ngày 12 tháng 6 đau thương trước kia chia cách nữa, ở đó không bao giờ họ còn bị bơ vơ, cô độc .

Sang đoạn thơ chót, Vũ Hoàng Chương nhớ lại ngày mười hai tháng sáu đau thương trước kia, ngày Tố lên xe hoa về nhà chồng, và thú nhận có những giây phút chàng đã thù hận nàng. Chẳng vì hồi đó nhà thơ chưa nhìn ra nguyên nhân mà chỉ thấy có kết quả ở trước mắt. Kết quả đó là gì? Là nàng Tố đã phụ bạc tấm tình si mê thiết thạch của tác giả ; nhà thơ không thể ngờ được và cứ ám ức mãi là tại sao hai người đã yêu nhau, đã có bao nhiêu kỷ niệm thấm thiết với nhau như thế mà nàng Tố lại nở đành lòng bỏ rơi chàng đi lấy người khác. Cũng vì quá yêu, quá tin tưởng nên nhà thơ mới uất, mới hận đến thành thù, và chàng đã trút cái thù đó lên đầu người yêu:

Mười hai tháng sáu cung hồ xé

Một mối tình si một mối thù.

Thù mà vẫn yêu, yêu mà vẫn thù, đó là tất cả cái rắc rối của con tim người ta.

Nhưng giờ đây họ đã hiểu nhau, đã tìm lại được nhau trong tâm hồn rồi thì bao nhiêu những khổ hận, uất ức cũ sẽ được tan ra thành biển lệ, sẽ tự giải tỏa dần (Chúng ta cũng biết, nước mắt tuy là biểu tượng của khổ đau nhưng một khi ta đã khóc được, nước mắt đã chảy ra được thì cũng chính là lúc những khổ đau được thoát ra, được vơi nhẹ đi). Vì thế những gì thuộc về cuộc tình đau thương cũ, tác giả xin trả lại hết cho đời với lòng nhẹ nhàng, không còn bợn chút muộn phiền:

Giây phút cũng tan thành biển lệ

Trả cho cát bụi nhé Kiều Thu !

Hai câu thơ cuối cùng này đã biểu lộ cái tâm thanh thản của tác giả khi nhìn lại những kỷ niệm của cuộc tình đau thương cũ, nó làm cho ta nhớ đến hai câu thơ bất hủ trong bài Le Souvenir của Musset:

Je n'aurais jamais cru que l'on put tant souffrir

D'une telle blessure, et que sa cicatrice fut si douce à sentir.

(Tôi không bao giờ ngờ được rằng người ta lại có thể đau đớn vì một vết thương đến thế, và cái sẹo của nó lại cảm thấy dịu êm như vậy).

Tóm lại bài thơ Tố của Hoàng ơi cho ta thấy, Vũ Hoàng Chương đã tìm được sự an vui trong tâm hồn, đã chấp nhận, đã ổn định được cuộc tình dang dở hiện tại của mình, và tin tưởng chờ đợi ở một kiếp lai sinh nào đó, chàng sẽ được sum họp cùng người yêu xưa trong hạnh phúc lứa đôi.

Đây không còn là một ước mộng viễn vông như xưa, chờ đợi ở một ngày tận thế không bao giờ tới, mà là một niềm tin có sở cứ, vì tác giả là một người rất am tường giáo lý nhà Phật, cũng như tất cả những ai theo Phật, hiểu rõ thuyết nhân quả nghiệp báo của đạo Phật, đều tin rằng, những kẻ yêu nhau, từng tạo ra nhiều duyên nghiệp gắn bó thì trong một kiếp luân hồi nào đó, khi cơ duyên đầy đủ, họ sẽ được gặp lại nhau, vui vầy bên nhau cho nguyện ước được viên thành.

Sau khi đã trình bày thiên tình sử của thi sĩ Vũ Hoàng Chương qua mấy chục bài thơ được sáng tác rải rác trong gần suốt cuộc đời của tác giả, chúng ta phải công nhận rằng trong văn học sử nước nhà chưa bao giờ có một nhà thơ nào lại viết về tình yêu cá biệt của mình một cách say sưa, chân thành, sâu sắc, tế nhị, kỳ thú và phong phú đến thế.

Với ngòi bút nhiều bay bướm, khi tự sự dí dỏm, khi trữ tình dào dạt cảm xúc, Vũ Hoàng Chương đã phơi bày trung thực đủ mọi thanh điệu về tình yêu của mình: từ vui đến buồn, từ mừng đến giận, từ thương đến hận, từ sướng đến khổ, từ tốt đến xấu, từ cao thượng đến nhỏ nhen. Ông đã đưa chúng ta vào thế giới sâu thẳm, phức tạp nhưng cũng vô cùng kỳ diệu của tâm hồn và của trái tim mình. Như thế, Vũ Hoàng Chương đã làm hết tính cách của một nhà

thơ tình lãng mạn rồi vậy.

Hơn nữa, Vũ Hoàng Chương không chỉ dừng lại ở những nét hiện thực mà còn dẫn ta đến những triết lý sâu sắc nhưng cũng rất nhân bản của tình yêu con người. Theo thi sĩ Vũ Hoàng Chương, tình yêu đích thực sẽ bắt diệt cùng trời đất:

Cho đến ngày tận thế
Tình ta như buổi đầu
“Anh yêu em” ba chữ
Cùng trời đất dài lâu.

Và hạnh phúc đích thực của tình yêu lứa đôi phải là sự đoàn tụ, sự hợp nhất — “trăng một phương tròn lại” — và đồng thời còn phải là sự đồng điệu, sự hòa hợp của hai tâm hồn “cùng nhịp tim”, nói như thi hào Ấn Độ Tagore:

“Toujours un et toujours deux, c’est le chant de l’amour”.

(Luôn luôn một và luôn luôn hai, đó là tiếng hát của tình yêu).

Chú thích

(1) Năm 1930, Nguyễn Thái Học và mười hai người liệt sĩ VN Quốc Dân Đảng khác phải lên đoạn đầu đài ở Yên Bái, và còn biết bao cuộc bắt bớ, tù đầy xảy ra liên tiếp trong hai năm 1929-1930.

(2) Khoảng thời gian 1925-1945, đi hát a đào, hay đi hút thuốc phiện đã trở thành một thói của thời thượng, nhất là đối với giới văn nghệ sĩ, nên thi ca văn nghệ đã có nhiều cơ hội xuất hiện ở những nơi ấy.

(3) Áo dài tân thời do họa sĩ Nguyễn Cát Tường, biệt hiệu Lemur chủ xướng, được báo Phong Hóa (1934) giới thiệu và nhiệt liệt cổ vũ.

(4) Riêng đệ nhất bán niên 1933, trong nước có đến 27 tờ báo được phép ra đời.

(5) Lamartine (1790-1869) được kể là người đã sáng tác những bài thơ lãng mạn đầu tiên trong văn học Pháp. Bài Isolement trong thi tập Méditations Poétiques I (1820).

(6) Chinh Phụ Ngâm và Tâm Thức Lãng Mạn Của Kẻ Lưu Đày của GS Lê Tuyên vừa được văn nghệ xb tại Hoa Kỳ, 1988.

(7) Hồi còn thân với gia đình Tố, nhiều khi vui chuyện, Vũ Hoàng Chương thường nói nghề dạy học là nghề thích hợp nhất cho cả chàng lẫn nàng.

(8) Baudelaire (1821-1867) tuy không ở trong trường phái lãng mạn (romantisme) nhưng là người mở đầu cho trường phái tượng trưng (symbolisme), và có ảnh hưởng lớn đến cả thi ca Pháp hiện đại. Mấy câu thơ dẫn chứng trích trong tập Les Fleurs du Mal, xb tại Paris, 1861.

(9) Musset (1810-1857) được mệnh danh là nhà thơ của trái tim, ông thuộc trường phái lãng mạn, 2 câu thơ dẫn chứng được trích từ tác phẩm Namoura, xb tại Paris, 1832.

(10) Trích thơ Vũ Hoàng Chương
Anh sẽ trăm luân ngàn kiếp nhớ
Cho dấu ngày mai em lãng quên.

Tài liệu tham khảo

Huyền Không, Câu Chuyện Về Thi Ca, Phật học Viện Quốc tế xb, Mỹ Quốc 1981

Hoài Thanh Hoài Chân, Thi Nhân Việt Nam (1932-1941), Đông Nam Á xb, Hà Nội 1943.

Lê Kim Ngân, Võ Thu Tinh, Nguyễn Tường Minh, Văn học Việt Nam Thế kỷ thứ XIX, Văn Hiệp xb, Sài Gòn 1943

Lê Tuyên, Chinh Phụ Ngâm và Tâm Thức Lãng Mạn Của Kẻ Lưu Đày, Văn Nghệ xb, California, Mỹ Quốc 1988

Max Milner, Le Romantisme (1820-1843), Arthaud xb, Paris 1973

Nguyễn Quảng Tuân và Phạm Thi Nhung cùng một số bạn tốt nghiệp ĐHSP, Quốc Văn 12ABCD, Trường Thi xb, Sài Gòn 1974

Paul Van Tieghem, Le Romantisme Dans La Littérature Européenne, Editions Albin Michel, Paris 1948

Phạm Thế Ngũ, Lịch Sử Văn Học Việt Nam Tân Biên Giản Ước, Quốc Hoã Tùng Thư xb, Sài Gòn 1969

Tạ Tị, Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đã Đi Qua Đời Tôi, Mỹ Quốc 1990

Trần Tuấn Kiệt, Thi Ca Việt Nam Hiện Đại, Sống Mới xb, Sài Gòn 1965

Uyên Thảo, Thơ Việt Nam Hiện Đại (1900-1960), Đại Nam xb, Sài Gòn 1969

Tiểu sử Vũ Hoàng Chương

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương sinh ngày 14 tháng 5 năm 1915 tại Nam Định. Chính quán tại làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, tỉnh Hưng yên.

Thân phụ là một nhà nho khoa bảng, từng nhậm chức Tri huyện.

Thuở nhỏ Vũ Hoàng Chương theo học chữ Hán, lớn lên theo Tây học và ông đã thành danh tại thủ đô Hà Nội.

1930: ông học ban trung học Albert Sarraut Hà Nội. Sau khi thi đỗ Tú tài ban toán năm 1937, ông ghi danh học Đại học Luật khoa.

1939: Vũ Hoàng Chương bỏ học ra làm phó kiểm soát viên sở Hỏa Xa Đông Dương và bắt đầu bước vào thi đàn.

1942: Vũ Hoàng Chương xuống Hải Phòng dạy học; và cùng với Chu Ngọc, Nguyễn Bính lập ra ban kịch Hà Nội;

1944: lập gia đình với Đinh thị Thục Oanh, chị ruột của thi sĩ Đinh Hùng.

1948: trong lúc toàn dân tham gia kháng chiến chống Pháp, Vũ Hoàng Chương đã đóng góp theo khả năng của mình bằng những bài thơ đề cao lòng ái quốc, viết chung với Đoàn Văn Cừ trong tập Thơ Lửa, được cơ quan kháng chiến khu ba (Thái Nguyên) xuất bản.

1954: hiệp định Genève chia đôi đất nước, phân biệt ranh giới Quốc Cộng, Vũ Hoàng Chương theo phe Quốc Gia, vào Nam tiếp tục nghề dạy học và theo đuổi nghiệp thơ.

Sau biến cố 1975, Vũ Hoàng Chương ở lại, bị bắt giam tại khám Chí Hòa năm 1976, ông chỉ được tha về khi đã quá kiệt sức, vài ngày sau đó nhà thơ tạ thế, nhằm ngày mùng 6-9-1976 tại Sài Gòn (14 tháng 8 Âm lịch).

Vũ Hoàng Chương là một nhà thơ lớn trong văn học sử hiện đại Việt Nam, ông đã có nhiều thi phẩm xuất bản nhất so với các bạn đồng thời: 16 tác phẩm, chưa kể những sách được tái bản hay được dịch ra Đức ngữ, Anh ngữ, hay Pháp ngữ.

Tác phẩm của Vũ Hoàng Chương

** Thi Tập:

- Thơ Say, Công Lực xb, Hà Nội 1940; Nguyễn Đình Vượng tái bản, saigon 1971

- Mây, Đời Nay xb, Hà Nội 1943

- Thơ Lửa (viết chung với Đoàn Văn Cừ). Cơ quan kháng chiến khu 3 xb., Thái nguyên 1948

- Rừng Phong, Phạm văn Tươi xb, Sài Gòn, 1954

- Hoa Đăng, Văn Hữu Á Châu xb, Sài Gòn, 1959

- Trời Một Phương, Sài Gòn, 1962

- Lửa Từ Bi, Thanh Tăng xb, Sài Gòn, 1963

- Ánh Trăng Đạo, Nha Tuyên Úy Phật Giáo xb, Sài Gòn, 1966

- Bút Nở Hoa Đàm, Sài Gòn, 1967

- Cảnh Mai Trắng Mộng, Văn Uyển xb, Sài Gòn, 1968

- Ta Đợi Em Từ 30 Năm, An Tiêm xb, Sài Gòn, 1970

- Ngôi Quán, Sài Gòn, 1970

- Đời Vắng Em Rồi Say Với Ai (Gồm 17 bài thơ tuổi học trò cộng nhiều bài tình yêu từ 1955 trở đi), Lửa Thiêng xb, Sài Gòn 1971

- Chúng Ta Mất Hết Chỉ Còn Nhau (có bài Tổ Của Hoàng Oai), Rừng Trúc xb, Paris 1974
- ** Thi Tập với các bản dịch Anh, Pháp, Đức ngữ:
- Communion (Cảm thông, dịch Anh văn), Nguyễn Khang phiên dịch và xb, Sài Gòn 1960
- Les 28 étoiles tức Tâm Tình Người Đẹp (dịch Pháp ngữ, do một nữ sĩ người Bỉ dịch) Nguyễn Khang xb, 1961
- Poèmes Choisis (Thi Tuyển) dịch Pháp ngữ, Nguyễn Khang xb, Sài Gòn 1963
- Die Achtundzwanzig Sterne Nhị Thập Bát Tú dịch Đức ngữ, Hoffmann Und Campe xb, Hamburg , 1966.
- Nouveaux Poèmes (Tân Thi), Sài Gòn 1974
- ** Kịch Thơ :
- Vân Muội, Trương Chi, Hồng Diệp, Anh Hoa xb, Hà Nội 1944
- Tâm Sự Kẻ Sang Tần, Tự Do xb, Sài Gòn 1961
- ** Tùy Bút
- Loạn Trung Bút, Sài Gòn 1970
- ** Hồi Ký :
- Ta Đã Làm Chi Đòi Ta, Trương Vĩnh Ký xb, Sài Gòn 1974

France